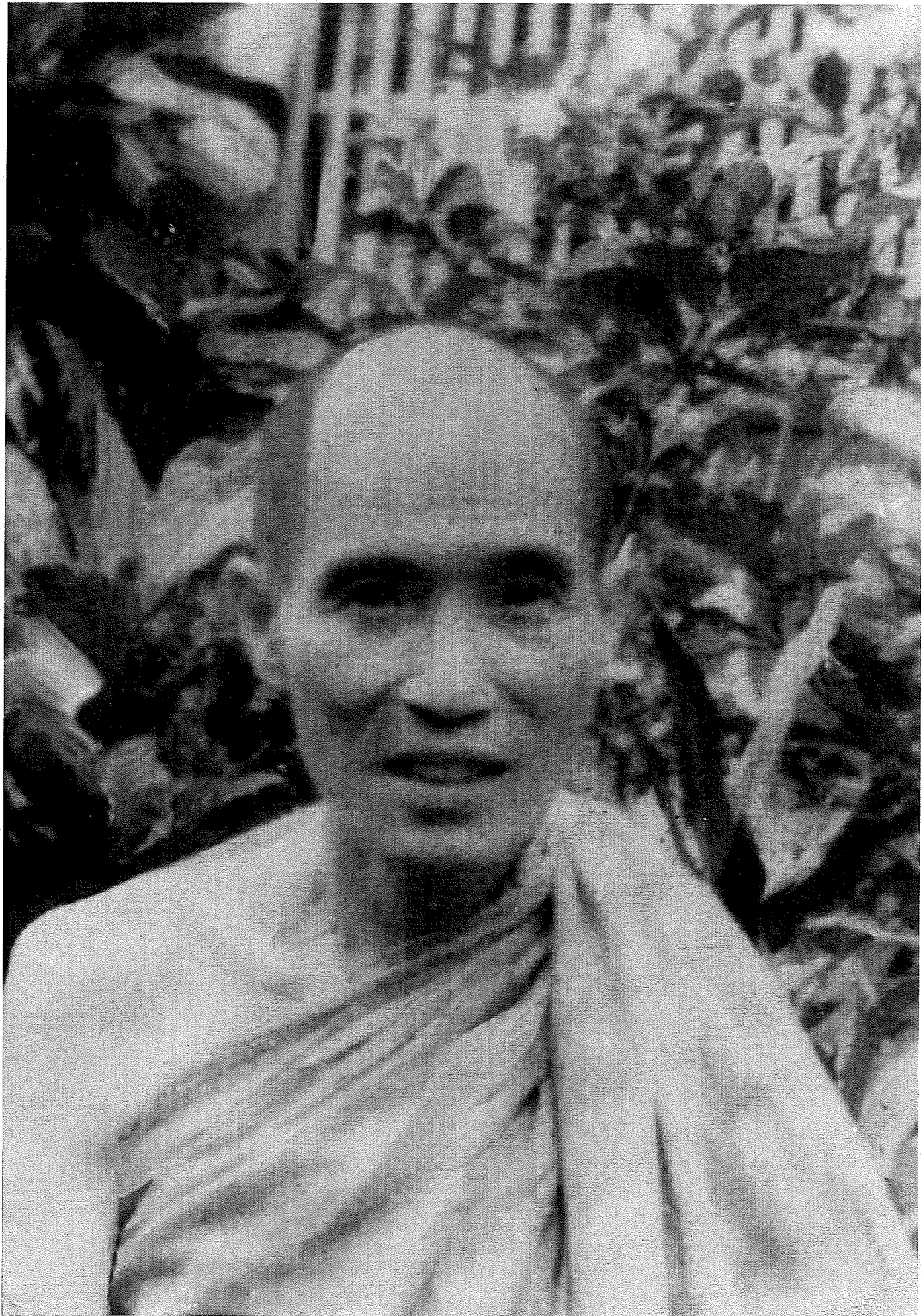




พระอาจารย์สัทธัมมโชติกะ ธรรมาจารย์

SADDHAMMA JOTIKA DHAMMĀCARIYA

(1912-1966)



SANTAKICCO MAHĀ THERA

Đại Trưởng Lão TỊNH SỰ

(1913 – 1984)

**ABHIDHAMMA PIṬAKA
VÔ TỶ PHÁP TẠNG**

Bộ Sách Chú Giải

**ABHIDHAMMAṬṬHA SAṄGAHA
TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP**

Tập III - Chương thứ V

VITHĪMUTTA SAṄGAHA - III

TỔNG HỢP THOÁT LY LỘ TRÌNH - QUYỂN III

(Kammacatukka - Maraṇuppatticatukka)

(Nghệp Lực Tứ Phần - Tử Vong Khởi Sanh Tứ Phần)



Tác Giả: SADDHAMMA JOTIKA DHAMMĀCARIYA

Dịch Giả: Bhikkhu PASĀDO

ABHIDHAMMAṬṬHA SAṄGAHA
By SADDHAMMA JOTIKA DHAMMĀCARIYA

Volume III – Chapter V: VITHĪMUTTA SAṄGAHA – III
(Kammacatukka – Maraṇuppatticatukka)

Translated into Vietnamese and first edition
By Bhikkhu PASĀDO

Copyright © 2017 by Bhikkhu PASĀDO

All rights reserved.

ISBN 978-1-4951-4119-5

February 2017.

Published by Library of CATUDDISA SANGHA VIHĀRA
5044 Old Shipp's Store Road, Bealeton, VA 22712 - USA.

Printed by Focus Digital Publishing,
Annandale, VA 22003 - USA.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU (của Ngài Đại Trưởng Lão <i>Saddhamma Jotika</i>)	3
PHI LỘ (của Ngài Đại Trưởng Lão <i>Tịnh Sự</i>)	5
NGHIỆP LỰC TỨ PHẦN (KAMMACATUKKA)	
VẤN VÀ ĐÁP VỀ NGHIỆP LỰC TỨ PHẦN (CHƯƠNG THỨ NĂM - PHẦN II)	6
MARAṆUPPATTICATUKKA - TỬ VONG KHỞI SANH TỨ PHẦN	
TRÌNH BÀY BỐN TRƯỜNG HỢP CỦA SỰ TỬ VONG	99
TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP PHẦN PĀLI NGŨ VÀ	
LỜI DỊCH ĐỂ HỌC THUỘC LÒNG	99
Trình Bày Điềm Tướng Hiện Khởi Khi Cận Tử Lâm Chung	99
Sự Hiện Hành Của Dòng Tâm Thức Khi Cận Tử Lâm Chung	100
Trình Bày Việc Hiện Khởi Của Nghiệp Tướng Theo Một Phương Thức Khác	100
Trình Bày Lộ Trình Tâm Cận Tử (Maraṇāsannavithī)	100
Trình Bày Việc Sinh Khởi Của Tâm Tái Tục Ở Trong Kiếp Sống Mới	100
Trình Bày Cảnh Của Tâm Tái Tục Dục Giới (Kāmapaṭisandhicitta)	101
Trình Bày Cảnh Của Tâm Tái Tục Hữu Sắc Giới (Rūpapāṭisandhicitta)	
Và Tâm Tái Tục Vô Sắc Giới (Arūpapāṭisandhicitta)	102
Trình Bày Tâm Tái Tục Sinh Khởi Nối Tiếp Từ Ở Nơi Tâm Tử	103
Việc Sinh Khởi Của Tâm Hữu Phần Và Tâm Tử	103
Việc Luân Chuyển Tuần Hoàn Ở Trong Vòng Luân Hồi	104
Câu Kệ Trình Bày Tóm Lược Sự Luân Chuyển Ở Trong Vòng Luân Hồi	104
Câu Kệ Trình Bày Việc Chỉ Dẫn Phương Thức Làm Cho Tiệt Diệt Vòng Luân Hồi	104
GIẢNG GIẢI TUẦN TỰ Ý NGHĨA THEO PHẦN PĀLI CỦA BỘ	
TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP TRONG PHẦN	
TỬ VONG KHỞI SANH TỨ PHẦN (MARAṆUPPATTICATUKKA)	106
Giải Thích Trong Phần Pāli Với Điều Thứ Nhất	106
Giải Thích Trong Phần Pāli Với Điều Thứ Hai	118
Giải Thích Trong Phần Pāli Với Điều Thứ Ba	136
Giải Thích Trong Phần Pāli Với Điều Thứ Tư	143
Giải Thích Trong Phần Pāli Với Điều Thứ Năm	145
Giải Thích Trong Phần Pāli Với Điều Thứ Sáu	149
Giải Thích Trong Phần Pāli Với Điều Thứ Bảy, Thứ Tám Và Thứ Chín	162
Giải Thích Trong Phần Pāli Với Điều Thứ Mười	172
Giải Thích Trong Phần Pāli Với Điều Thứ Mười Một	174
Giải Thích Trong Phần Pāli Với Điều Thứ Mười Hai	175
Giải Thích Trong Phần Pāli Với Điều Thứ Mười Ba	176
Giải Thích Trong Phần Pāli Với Điều Thứ Mười Bốn	176
Giải Thích Trong Phần Pāli Với Điều Thứ Mười Lăm	181
Giải Thích Trong Phần Pāli Với Điều Thứ Mười Sáu	184

ABHIDHAMMATṬHA SAṄGAHA

Giải Thích Trong Phần Pāli Với Điều Thứ Mười Bảy	185
Giải Thích Trong Phần Pāli Với Điều Thứ Mười Tám	185
KỆ TÓM TẮT (NIGAMAKATHĀ)	188
LỜI SỞ NGUYỆN (PARĀRATANĀ)	188
TỬ VONG KHỞI SANH TỨ PHẦN (MARAṄUPPATTICATUKKA)	
VẤN VÀ ĐÁP VỀ TỬ VONG KHỞI SANH TỨ PHẦN (CHƯƠNG THỨ NĂM - PHẦN III) ..	189
PHỤ LỤC	204
LỜI PHỤC NGUYỆN CỦA DỊCH GIẢ	211
PHƯƠNG DANH THÍ CHỦ CÚNG DƯỜNG	213
KINH SÁCH ĐÃ ĐƯỢC IN ẤN VÀ PHÁT HÀNH	214
KINH SÁCH SẴP ĐƯỢC IN ẤN VÀ SẼ PHÁT HÀNH	214

LỜI MỞ ĐẦU

(của Ngài Đại Trưởng Lão *Saddhamma Jotika*)

Lẽ thường thì khó mà bảo quản được vật báu có giá trị cao quý, nó cần phải nương vào người có sự hiểu biết trong việc bảo quản, có sự quan tâm để ý đến và phải là người có Phước Báu Ba La Mật. Khi hội đủ cả ba đặc tính này rồi, thì mới có khả năng bảo quản được vật có giá trị quý báu ấy, cho được bền vững lâu dài mà không bị hư hoại. Nếu thiếu đi người mà có phẩm hạnh như đã được đề cập đến ở đây, thì tài sản có giá trị cao quý ấy có thể hăng là bị hư hoại đi. Chẳng hạn như người mà được tiếp nhận tài sản của thừa kế từ nơi người Mẹ người Cha hoặc Quyển Thuộc, thì một vài người có khả năng quản lý tài sản của cái ấy cho được thành tựu một cách tốt đẹp xuyên suốt cho đến hàng con cháu. Tất cả sự việc này là cũng do bởi người ấy đã hội túc duyên với đủ cả ba thể loại ân đức ấy. Một vài người khi đã tiếp nhận của di sản mà đã được truyền thụ thì lại không có khả năng để quản lý trông nom tài sản của cái ấy cho được bền vững lâu dài; hoặc với tâm không có sự hiểu biết trong việc bảo quản; hoặc không có sự quan tâm để ý đến trong việc bảo quản khiến cho bị tổn thất hư hoại đi; hoặc là người vô phúc thiếu ân đức để bảo quản tài sản ấy, để cho phải bị nạn hỏa tai, hoặc bị nạn đao tặc, hoặc bị nạn thủy tai, hay là bị nạn Vua Quan tịch thu. Điều này như thế nào thì trong lãnh vực tri kiến hiểu biết ở điều trọng yếu, truyền thống đạo đức tốt đẹp thì cũng giống như vậy. Nếu thiếu đi người có sự hiểu biết trong việc bảo quản, thì tri kiến hiểu biết ở điều trọng yếu, hay là truyền thống đạo đức hăng là thường luôn bị hư hoại đi. ***Trái lại thay vào đó, tri kiến hiểu biết và truyền thống đạo đức lại có liên quan đến việc dưỡng nuôi Ái Dục (Tanhā), Ngã Mạn (Māna), và Tà Kiến (Diṭṭhi).*** Do bởi lý do này mới cần phải có người có sự hiểu biết và có sự quan tâm để ý đến trong việc bảo quản điều tốt đẹp này; đến để trông nom, gìn giữ và bảo hộ điều tốt đẹp này cho được tồn tại bền vững lâu dài.

Trong thời buổi hiện tại này, thì truyền thống đạo đức và tri kiến hiểu biết ở trong lãnh vực Phật Giáo hăng là đã bị tiêu hoại đi chẳng phải là không ít. Tất cả sự việc này là cũng do bởi người dân trong những quốc độ ấy ***không có sự thâm thấu hiểu biết, hoặc không có sự quan tâm để ý đến việc bảo quản, hoặc chính thực bản thân mình là vô phước vô phần để sẽ được trông nom gìn giữ.*** Chẳng hạn như ở trong đất nước Ấn Độ, thoát đầu thì tri kiến hiểu biết trong lãnh vực Phật Giáo quả là tốt đẹp, việc tu tập về Pháp Hành An Chỉ và Minh Sát thật là tốt đẹp, hoặc truyền thống đạo đức ở phần trau giồi tu tập một cách thường nhiên thật là tốt đẹp, và đã có sự tiến hóa cực thịnh ở trong thời kỳ ấy. Tuy nhiên trong thời buổi hiện tại này thì

những sự tiến hóa về các sự việc ấy đã bị tiêu hoại đi đến nỗi gần như đã bị hoại diệt. Khi đã được nhìn thấy sự hiện hành của tất cả người dân hiện hữu ở nơi quốc độ ấy trong thời điểm này rồi, thì chắc có lẽ hoàn toàn không thể tin được rằng đã từng là đất nước có nền Phật Giáo cực thịnh trước kia, là bởi do có được tiếp xúc từ tri kiến hiểu biết và truyền thống đạo đức thông qua việc thực hành theo Giáo Pháp của cái cũ và cái mới, mà liên quan với việc dưỡng nuôi làm thỏa mãn phần lớn về *Ái Dục*, *Ngã Mạn*, và *Tà Kiến*. Sự hiện hành như vậy, chẳng phải chỉ có riêng biệt là ở trong đất nước Ấn Độ không thôi, thậm chí ở trong đất nước khác mà đã từng có sự phát triển với tri kiến hiểu biết (*Pháp Học*) và việc tu tập về Pháp Hành An Chỉ và Minh Sát (*Pháp Hành*), truyền thống đạo đức và xuyên suốt cho đến lễ nghĩa của người dân ở trong đất nước ấy, cũng có sự việc này sự việc nọ và cũng bị tiêu hoại đi tương tự như nhau. Thêm vào đó hết tất cả lại thay thế với phần đức tin sai khác, phần tri kiến hiểu biết sai khác, phần truyền thống đạo đức sai khác, thì những thế hệ trẻ sau này không có ai có thể hiểu biết được một cách thấu đáo với sự việc xảy ra, đua nhau hiểu biết đi theo tri kiến của người có quyền lực đang hiện bày trong thời lúc hiện tại này.

Tri kiến hiểu biết (*Pháp Học*) và việc trau dồi tu tập (*Pháp Hành*) trong lãnh vực Phật Giáo có ân đức cao quý đó, chính là tri kiến hiểu biết trong Tạng Vô Tỷ Pháp và việc tu tập về Pháp Hành An Chỉ và Minh Sát. Sự việc Bàn Đạo đề cập đến như vậy, chẳng phải vì Bàn Đạo là vị Giáo Thọ giảng dạy Tạng Vô Tỷ Pháp mới có đề cập đến như vậy. Việc Bàn Đạo đề cập tại đây là thể theo sự thật, là theo nền tảng của Phật Ngôn và thành quả Chú Giải Phụ Chú Giải mà đã được gạt hái từ sự nghiên cứu Tạng Vô Tỷ Pháp và tu tập Thiền Minh Sát đã đang hiện bày ở trong hàng Phật Tử, đó là nền tảng xác chứng hiện thực, do đó không cần phải đề cập dông dài cho thêm nhiều chi tiết nữa. Còn thành quả của việc gạt hái từ sự nghiên cứu Tạng Vô Tỷ Pháp và tu tập Thiền Minh Sát sẽ bị hư hoại đi là của người không chính chắn tu tập, luôn cả không có tâm thức thanh tịnh, cũng thường hằng có là lẽ thường nhiên, tuy nhiên không phải là số lượng nhiều. Chí đến trong thời kỳ của Đức Phật, khi mà bậc Chánh Đẳng Giác vẫn đang còn hiện hữu, thì thành quả này bị hư hoại đi, cũng vẫn có ở trong cả hạng người xuất gia và tại gia.

Chính việc nhận thấy của Bàn Đạo như đã đề cập đến tại đây, làm thành nguyên nhân khiến cho Bàn Đạo gắng sức nỗ lực giảng dạy và soạn tác những kinh điển mà có liên quan với Tạng Vô Tỷ Pháp và phương hướng tu tập Thiền Minh Sát trong thời gian mười hai năm qua, với hy vọng sẽ làm cho người có tâm vui thích học hỏi Giáo Pháp của bậc Chánh Đẳng Giác được thấu hiểu đến phần Giáo Pháp thậm thâm vi tế, tức là Tạng Vô Tỷ Pháp này vậy.

Quyển kinh sách này đã được hoàn thành cũng do nhờ vào sự hợp tác của các

học viên trong lãnh vực biên soạn; *Gunavaṇṇī, Komesa* là những người giúp đỡ về phương diện tài chánh và cũng có rất nhiều học viên đã hợp cùng nhau trong việc đóng góp. Bần Đạo xin được tùy hỷ công đức (*Anumodanā*) và xin có lời chúc phúc như tiếp theo đây:

Te attha laddhā sukhitā

Viruḥhā Buddhasāsane

Arogā sukhitā hontu

Saha sabbehi nātibhi.

Cầu xin tất cả Quý Ngài cho được thành người am tường việc tiến hóa lợi ích, và cho có được Thân Tâm an lạc; cho được thành người tăng tiến phát triển sung thiện và cho có được chứng đạt Đạo Quả trong Phật Giáo; và cho được thành người không có ốm đau bệnh tật, sầu khổ ưu não bất luận trong trường hợp nào, và chỉ có Tâm an lạc cùng luôn tất cả thân bằng quyến thuộc của Quý Ngài ở cả bên Nội và bên Ngoại đồng cùng nhau hết cả thấy.

Saddhamma Jotika Dhammācariya

Ngài Giáo Thọ Chánh Pháp Quang Minh

Ngày 15 Tháng Bảy Phật Lịch 2503

-----00000-----

PHI LỘ

(của Ngài Đại Trưởng Lão *Tịnh Sự*)

Chúng tôi phiên dịch Tạng Vô Tỷ Pháp (Tạng Diệu Pháp) cũng không ngoài ra Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, Níp Bàn.

Chỉ về Hữu Vi cho chúng ta thấy rõ Vô Thường, Khổ Não và Vô Ngã để làm bàn đạp, qua rồi mới hoàn toàn rốt ráo rất thật tự nhiên, nêu danh là Níp Bàn (*Nibbāna*) không Luân Hồi Sanh Tử chi cả.

Nhưng chúng ta muốn hiểu thấu, Đắc Chứng chắc phải nhờ Học Hành đầy đủ, hầu tránh khỏi sai lầm và mê tín.

Vì thế nên chúng tôi cố gắng đem lối kinh nghiệm uyển chuyển rất nhiều lần đa cách.

Nay in ra để giúp Quý Bạn đồng tìm.

Mong lợi ích kiến thức cùng nhau tiến hóa.

Santakicco Mahā Thera

(Ngài Đại Trưởng Lão *Tịnh Sự*)

-----00000-----

NGHIỆP LỰC TỨ PHẦN (KAMMACATUKKA)

VẤN VÀ ĐÁP VỀ NGHIỆP LỰC TỨ PHẦN
(CHƯƠNG THỨ NĂM – PHẦN II)

1. Hỏi: Hãy trình bày danh xưng của 16 Nghiệp Lực theo riêng từng mỗi phần, và không cần trình bày ý nghĩa.

Đáp: Trình bày 16 Nghiệp Lực đi theo tuần tự như sau, là:

1. **Xuất Sinh Nghiệp Lực (Janakakamma)**: Nghiệp Lực thường hay tác hành cho sanh khởi Quả Dị Thục (Vipāka).
2. **Bảo Hộ Nghiệp Lực (Upathambhakakamma)**: Nghiệp Lực thường hay giúp đỡ ủng hộ các Nghiệp Lực khác.
3. **Chướng Ngại Nghiệp Lực (Upapīlakakamma)**: Nghiệp Lực thường xâm nhiễu, cản trở các Nghiệp Lực khác.
4. **Đoạn Diệt Nghiệp Lực (Upaghātakakamma)**: Nghiệp Lực thường thâm nhập vào tuyệt giao các Nghiệp Lực khác, hoặc cắt đứt Quả (Phala) của các Nghiệp Lực khác.
5. **Cực Trọng Nghiệp Lực (Garukakamma)**: Nghiệp Lực một cách nghiêm trọng mà các Nghiệp Lực khác không có khả năng sẽ cấm chỉ được.
6. **Cận Tử Nghiệp Lực (Āsannakamma)**: Nghiệp Lực tác hành vào lúc sẽ cận tử lâm chung.
7. **Tập Quán Nghiệp Lực (Āciṇṇakamma)**: Nghiệp Lực đã từng quen, thường luôn tác hành.
8. **Tích Lũy Nghiệp Lực (Kaṭattākamma)**: Nghiệp Lực tác hành tích lũy có chừng mực, vừa phải và không ngang bằng với cả ba Nghiệp ấy, hoặc Nghiệp Lực từng tác hành tích trữ ở trong kiếp vị lai.
9. **Hiện Báo Nghiệp Lực (Ditṭhadhammavedanīyakamma)**: Nghiệp Lực tác hành cho đón nhận Quả Báo ở trong kiếp sống hiện tại này.
10. **Hậu Báo Nghiệp Lực (Upapajjavedanīyakamma)**: Nghiệp Lực tác hành cho đón nhận Quả Báo ở trong kiếp sống thứ hai.
11. **Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực (Aparāpariyavedanīyakamma – Sanh Báo Nghiệp)**: Nghiệp Lực tác hành cho đón nhận Quả Báo ở trong kiếp sống thứ ba trở đi, cho đến khi sẽ viên tịch Níp Bàn.
12. **Vô Hiệu Nghiệp Lực (Ahosikakamma)**: Nghiệp Lực không trở sanh Quả Báo.
13. **Bất Thiện Nghiệp Lực (Akusalakamma)**.

14. Dục Giới Thiện Nghiệp Lực (*Kāmāvacarakusalakamma*).
15. Hữu Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực (*Rūpāvacarakusalakamma*).
16. Vô Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực (*Arūpāvacarakusalakamma*).

2. Hỏi: Hãy trình bày xuất sinh xứ (*Samutthāna*) làm thành tác nhân của Thập Bất Thiện Nghiệp Đạo đi theo thứ tự, và luôn cả phần Pāli và lời dịch.

Đáp: “*Tesu pānātipāto pharusavācā byāpādo ca dosamūlena jāyanti* - Trong Thập Bất Thiện Nghiệp Lực ấy, thì việc sát mạng, việc nói lời thô ác ngữ, việc cừu hận oán kết (*Ý Cừu Hận*); cả ba thể loại này thường khởi sanh là do bởi Tâm căn Sân.

“*Kāmesumicchācāro abhijjhā micchādīṭṭhi ca lobhamūlena*” - Tính dục tà hạnh, ý tham ác, ý tà kiến; cả ba thể loại này thường khởi sanh là do bởi Tâm căn Tham.

“*Sesāni cattāripi dvīhi mūlehi sambhavanti*” – Bốn Bất Thiện Nghiệp Lực còn lại, đó là việc thù đạo, nói lời vọng ngôn, nói lời xúi xiểm ly gián, nói lời không có lợi ích, thì thường sanh khởi là do bởi Tâm căn Tham hoặc Tâm căn Sân.

3. Hỏi: a/. Hãy dịch các câu kệ ở các điều thứ 20 – 21 đã phân tích 20 Dục Giới Nghiệp Lực tác hành trở sanh quả báo ở trong 11 Cõi Dục Địa Giới, ở cả hai Thời là Thời Tái Tục và Thời Chuyển Khởi.

b/. Hãy dịch các câu kệ ở các điều thứ 22, 23, 24 đã trình bày việc phân tích quả báo của Đại Thiện Nghiệp Lực có Tam Nhân Thượng Phẩm v.v., ở cả hai Thời, Thời Tái Tục và Thời Chuyển Khởi.

Đáp: a/. “*Etthākusalammamuddhaccarahitaṃ apāyabhūmiyaṃ paṭisandhiṃ janeti, pavattiyaṃ pana sabbampi dvādasavidhaṃ sattākusalapākāni sabbatthāpi kāmeloke rūpaloke ca yathārahaṃ vipaccati*” - Trong bốn thể loại Nghiệp Lực ấy, 11 Bất Thiện Nghiệp Lực, loại trừ Bất Thiện Nghiệp Lực câu hành Trạo Cừ (*Uddhaccasahagataakusalakamma*) ra, thì tác hành cho sanh khởi Tâm Tái Tục và Tâm Sở cùng với Sắc Nghiệp ở trong Tứ Thống Khổ Địa Giới. Tuy nhiên, ở trong Thời Chuyển Khởi (*Thời Bình Nhật*) thì hết tất cả 12 Bất Thiện Nghiệp Lực ấy tác hành cho trở sanh 7 Quả Dị Thục Bất Thiện (*Akusalavipāka*) làm thành quả báo ở trong hết tất cả 11 Cõi Dục Địa Giới và ở trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới (*trừ Cõi Vô Tướng Hữu Tình Phạm Thiên Giới*), vừa theo thích hợp.

“*Kāmāvacarakusalampi kāmasugatiyameva paṭisandhiṃ janeti, tathā pavattiyañca mahavipākāni ahetukavipākāni pana aṭṭhapi sabbatthāpi kāmeloke rūpaloke ca yathārahaṃ vipaccati*” - Đối với 8 Dục Giới Thiện Nghiệp Lực thì tác hành cho Tâm Tái Tục, Tâm Sở và Sắc Nghiệp sanh khởi ở trong Thời Tái Tục và chỉ ở trong Thất Dục Giới Thiện Thú (*Kāmasugatibhūmi*) mà thôi. Còn ở trong Thời

Chuyển Khởi thì 8 Dục Giới Thiện Nghiệp Lục tác hành cho sanh khởi 8 Tâm Đại Quả làm thành quả báo duy nhất chỉ ở trong *Thất Dục Giới Thiện Thú* mà thôi. Nhưng lại tác hành cho sanh khởi 8 Tâm Quả Dị Thục Vô Nhân làm thành quả báo ở trong hết tất cả 11 Cõi Dục Địa Giới và ở trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới (*trừ Cõi Vô Tướng Hữu Tình Phạm Thiên Giới*), vừa theo thích hợp.

b/. “*Tatthāpi tihetukamukkaṭṭham kusalam tihetukam paṭisandhim datvā pavatte soḷasa vipākāni vipaccati*” - Trong cả 8 Dục Giới Thiện Nghiệp Lục ấy, chủng loại Thiện Nghiệp Lục mà là *Tam Nhân Thượng Phẩm (Ukkatṭha)* ấy, thì thường tác hành trở sanh *Quả Báo Tái Tục (Phalapāṭisandhi)* làm thành Tam Nhân, rồi tác hành cho sanh khởi 16 Tâm Quả Dị Thục làm thành quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi.

“*Tihetukamomakam dvihetukamukkaṭṭhañca kusalam dvihetukam paṭisandhim datvā pavatte tihetukarahitāni dvādasa vipākāni vipaccati*” – Thiện Nghiệp Lục mà là *Tam Nhân Hạ Phẩm (Omaka)* và là *Nhị Nhân Hạ Phẩm*, với cả hai thể loại này, thì thường tác hành trở sanh *Quả Báo Tái Tục* làm thành chủng loại *Nhị Nhân*, rồi tác hành cho sanh khởi 12 Tâm Quả Dị Thục, trừ 4 Tâm Đại Quả Tương Ứng Trí, làm thành quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi.

“*Dvihetukamomakam pana kusalam ahetukameva paṭisandhim deti pavatte ca ahetukavipākāneva vipaccati*”- Còn Thiện Nghiệp Lục mà là *Nhị Nhân Hạ Phẩm*, thì thường trở sanh *Quả Báo Tái Tục* làm thành chủng loại đích thị chính là *Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân*, rồi tác hành cho sanh khởi chỉ có 8 Tâm Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân ngàn chùng ấy, làm thành quả báo ở trong Thời Chuyển Khởi.

4. *Hỏi:* *Hãy dịch tuần tự các câu kệ kể từ điều thứ 27 cho đến điều thứ 38 đã trình bày việc phân tích Ngũ Hữu Sắc Giới Thiện Nghiệp Lục tác hành trở sanh quả báo ở trong 16 Cõi Hữu Sắc Giới.*

Đáp: “*Rūpāvacarakusalam pana paṭhamajjhānam parittaṃ bhāvetvā brahmapārisajjesu uppajjati*”- Còn Hữu Sắc Giới Thiện Nghiệp Lục, một khi đã được tiến hóa Sơ Thiên ở mức độ bậc thấp (*Hạ Phẩm*), thì thường trở sanh quả báo cho đi tục sinh ở trong Cõi Phạm Chúng Thiên Giới.

“*Tadeva majjhimaṃ bhāvetvā brahmapurohitesu*” - Chính là một khi đã được tiến hóa Sơ Thiên ở mức độ trung bình (*Trung Phẩm*), thì thường trở sanh quả báo cho đi tục sinh ở trong Cõi Phạm Phụ Thiên Giới.

“*Pañītaṃ bhāvetvā mahābrahmesu*” – Khi đã được tiến hóa Sơ Thiên ấy ở mức độ thanh lương (*Thượng Phẩm*), thì thường trở sanh quả báo cho đi tục sinh ở trong Cõi Đại Phạm Thiên Giới.

“Tathā dutiyajjhānaṃ tatiyajjhānañca parittaṃ bhavavetvā parittābhesu” - Khi đã được tiến hóa Nhị Thiên hoặc Tam Thiên ở mức độ bậc thấp (*Hạ Phẩm*), thì thường trở sanh quả báo cho đi tục sinh ở trong Cõi Thiểu Quang Phạm Thiên Giới.

“Majjhimaṃ bhāvetvā appamāṇābhesu” - Khi đã được tiến hóa Nhị Thiên hoặc Tam Thiên ở mức độ trung bình (*Trung Phẩm*), thì thường trở sanh quả báo cho đi tục sinh ở trong Cõi Vô Lượng Quang Phạm Thiên Giới.

“Pañitaṃ bhāvetvā ābhassaresu” - Khi đã được tiến hóa Nhị Thiên hoặc Tam Thiên ở mức độ bậc thanh lương (*Thượng Phẩm*), thì thường trở sanh quả báo cho đi tục sinh ở trong Cõi Biến Quang Phạm Thiên Giới.

“Catutthajjhānaṃ parittaṃ bhāvetvā parittasubhesu” - Khi đã được tiến hóa Tứ Thiên ở mức độ bậc thấp, thì thường trở sanh quả báo cho đi tục sinh ở trong Cõi Thiểu Tịnh Phạm Thiên Giới.

“Majjhimaṃ bhāvetvā appamāṇasubhesu” - Khi đã được tiến hóa Tứ Thiên ở mức độ bậc trung, thì thường trở sanh quả báo cho đi tục sinh ở trong Cõi Vô Lượng Tịnh Phạm Thiên Giới.

“Pañitaṃ bhāvetvā subhakiñhesu” - Khi đã được tiến hóa Tứ Thiên ở mức độ bậc thanh lương, khi trở sanh quả báo thì thường đi tục sinh ở trong Cõi Biến Tịnh Phạm Thiên Giới.

“Pañcamajjhānaṃ bhāvetvā vehapphalesu” - Khi đã được tiến hóa Ngũ Thiên, thì thường trở sanh quả báo cho đi tục sinh ở trong Cõi Quảng Quả Phạm Thiên Giới.

“Tadeva saññāvirāgaṃ bhāvetvā asaññasattesu” - Chính là khi đã được tiến hóa Ngũ Thiên ấy, bằng cách xa lìa sự duyệt ý ở trong Tướng (*Tướng Ly Ái Tu Tập*) tức là Danh Pháp rồi, một khi trở sanh quả báo thì thường đi tục sinh ở trong Cõi Vô Tướng Hữu Tình Phạm Thiên Giới.

“Anāgāmino pana suddhāvāsesu uppajjanti” - Chỉ có bậc Bất Lai, một khi đã chứng đắc được Ngũ Thiên rồi, thì thường đi tục sinh ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới.

5. Hỏi: a/. Từ ngữ nói rằng **“Kamma – Nghiệp Lực”** ở trong *Nghiệp Lực Tứ Phần* đây, là có ý nghĩa chi? Câu Chú Giải trình bày như thế nào? Chi Pháp gồm những chi?

b/. *Nghiệp Lực Tứ Phần* đây, Ngài Giáo Thọ Sư **Anuruddha** đã có trình bày phân tích *Nghiệp Lực* ra làm mấy nhóm? Là những chi? Và nhóm nào thì trình bày theo phần *Kinh Tạng*, và nhóm nào thì trình bày theo phần *Vô Tỷ Pháp Tạng*. Hãy trình bày đi theo thứ tự.

Đáp: a/. Từ ngữ nói rằng “**Kamma**” có ý nghĩa rằng việc tác hành liên quan với Thân, Ngữ, Ý, ở cả lộ trình Thiện và lộ trình Bất Thiện, gọi là *Nghiệp Lực*. Hoặc Pháp Chủng làm cho thành tựu của các việc tác hành ấy, gọi là *Nghiệp Lực*.

Như có câu Chú Giải nói rằng: “**Karaṇam = Kamman**” hoặc “**Karonti etenāti = Kamman**”- “*Việc tác hành, gọi là Nghiệp Lực; hoặc, tất cả Chủng Hữu Tình thường tác hành do bởi nương vào Pháp Chủng ấy, vì thế Pháp Chủng ấy thành tác nhân làm cho thành tựu các việc tác hành ấy, gọi là Nghiệp Lực.*”

Tức là *Tư Tác Ý (Cetanā)* hiện hữu ở trong Tâm Bất Thiện (*Akusalacitta*) và Tâm Thiện Hiệp Thế (*Lokīyakusalacitta*).

b/. Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* đã có trình bày *Nghiệp Lực Tứ Phần* này, và đã phân tích ra làm thành bộ *Tứ Phần (Catukka)*, đó là:

1. *Sự Vụ Tứ Phần (Kiccacatukka)*: rằng theo *Sự Vụ* thì có bốn thể loại.
2. *Tuần Tự Khai Quả Tứ Phần (Pākadānapariyāyacatukka)*: rằng theo tuần tự của việc trở sanh quả báo thì có bốn thể loại.
3. *Thời Gian Khai Quả Tứ Phần (Pākakālacatukka)*: rằng theo thời gian trở sanh quả báo thì có bốn thể loại.
4. *Trú Xứ Khai Quả Tứ Phần (Pākaṭṭhānacatukka)*: rằng theo trú xứ trở sanh quả báo thì có bốn thể loại.

Trong cả bộ *Tứ Phần* này, thì chỉ có duy nhất *Trú Xứ Khai Quả Tứ Phần* là được trình bày theo phần *Vô Tỷ Pháp Tạng*, đó là phần được đề cập đến một cách xác định. Còn cả ba phần còn lại của bộ *Tứ Phần* thì được trình bày theo phần *Kinh Tạng*, đó là phần được đề cập đến một cách bất định, chỉ là hiện hành theo phần đại đa số mà thôi.

6. Hỏi: *Hãy trình bày ý nghĩa và luôn cả trình bày Chi Pháp của hết cả 16 điều Nghiệp Lực đi theo thứ tự.*

Đáp: *Xuất Sinh Nghiệp Lực (Janakakamma)* là loại *Nghiệp Lực* tác hành cho *Quả Dị Thục* và *Sắc Nghiệp*, luôn cả bọn *Sắc Quý Tiết Duyên Nghiệp* được sanh khởi ở trong cả Thời Tái Tục và Thời Chuyển Khởi. Chi Pháp ấy là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, và 17 Hiệp Thế Thiện Nghiệp Lực.

+ *Bảo Hộ Nghiệp Lực (Upatthambhakakamma)* là loại *Nghiệp Lực* thường giúp đỡ bảo hộ các *Nghiệp Lực* khác, và việc nối tiếp sanh khởi của các Uẩn từ ở nơi các *Nghiệp Lực* khác. Chi Pháp ấy là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, và 8 Đại Thiện Nghiệp Lực.

+ *Chướng Ngại Nghiệp Lực (Upapīlakakamma)* là loại *Nghiệp Lực* thường

xâm nhiễu, và cản trở bức hại các Nghiệp Lực khác. Chi Pháp ấy là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, và 8 Đại Thiện Nghiệp Lực.

+ *Đoạn Diệt Nghiệp Lực (Upaghātakakamma)* là loại Nghiệp Lực thường thâm nhập vào tuyệt giao các Nghiệp Lực khác, hoặc cắt đứt Quả báo (*Phala*) của các Nghiệp Lực khác. Chi Pháp ấy là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, và 21 Thiện Nghiệp Lực.

+ *Cực Trọng Nghiệp Lực (Garukakamma)* là loại Nghiệp Lực một cách nghiêm trọng mà các Nghiệp Lực khác không có khả năng sẽ cấm chỉ được. Chi Pháp ấy là bốn Tâm Tương Ứng Kiến (*Diṭṭhisampayutta*) mà có liên quan với *Chuẩn Xác Tà Kiến Nghiệp Lực (Niyatamicchādiṭṭhikamma)* và hai Tâm căn Sân (*Dosamūla*) mà có liên quan với *Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực (Pañcānantariyakamma)*, và 9 *Tâm Đáo Đại Thiện Nghiệp Lực (Mahaggata kusalakamma)*, kết hợp lại thì có 15.

+ *Cận Tử Nghiệp Lực (Āsannakamma)* là loại Nghiệp Lực tác hành vào lúc sẽ cận tử lâm chung. Chi Pháp ấy là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực (trừ Chuẩn Xác Tà Kiến và Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực), 8 Đại Thiện Nghiệp Lực (đối với Đáo Đại Thiện Nghiệp Lực ấy thì không sắp vào trong chỗ này, vì lẽ chỉ ở mỗi một phía Cực Trọng Nghiệp Lực ngần ấy.)

+ *Tập Quán Nghiệp Lực (Āciṇṇakamma)* là loại Nghiệp Lực đã từng quen, thường luôn tác hành. Chi Pháp ấy là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, và 8 Đại Thiện Nghiệp Lực.

+ *Tích Lũy Nghiệp Lực (Kaṭattākamma)* là loại Nghiệp Lực tác hành tích lũy có chừng mực, vừa phải và không ngang bằng với cả ba thể loại Nghiệp Lực ấy, hoặc Nghiệp Lực đã từng tác hành và tích trữ để ở trong kiếp vị lai. Chi Pháp ấy là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, và 8 Đại Thiện Nghiệp Lực.

+ *Hiện Báo Nghiệp Lực (Diṭṭhakammavedanīyakamma)* là loại Nghiệp Lực tác hành cho phải được thụ lãnh quả báo ở trong bản ngã hiện bày ngay ở trong kiếp sống này. Chi Pháp ấy là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, 8 Đại Thiện Nghiệp Lực, và Tư Tác Ý ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ nhất.

+ *Hậu Báo Nghiệp Lực (Upapajjavedanīyakamma)* là loại Nghiệp Lực tác hành cho phải được thụ lãnh quả báo ngay khi vào đến kiếp sống thứ hai kế liền với kiếp sống hiện tại. Chi Pháp ấy là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, 8 Đại Thiện Nghiệp Lực, và Tư Tác Ý ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ bảy.

+ *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực (Aparāpariyavedanīyakamma)* là loại Nghiệp Lực tác hành cho trở sanh quả báo ở trong các kiếp sống khác khác, tính kể từ kiếp sống thứ ba trở đi cho đến Viên Tịch Níp Bàn. Chi Pháp ấy là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, 8 Đại Thiện Nghiệp Lực, và Tư Tác Ý ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ hai cho đến cái thứ sáu.

+ *Vô Hiệu Nghiệp Lực (Ahosikamma)* là loại Nghiệp Lực đã hoàn mãn rồi, tuy nhiên quả báo của Nghiệp Lực ấy đâu có phải đã sanh khởi rồi đâu (*Vô Hiệu Nghiệp Quả*). Nghiệp Lực ấy đã hoàn mãn rồi, tuy nhiên quả báo của Nghiệp Lực ấy thì chẳng phải là đang sanh khởi (*Vô Tựu Nghiệp Quả*). Nghiệp Lực ấy đã hoàn mãn rồi, tuy nhiên quả báo của Nghiệp Lực ấy sẽ không sanh khởi (*Vô Hữu Nghiệp Quả*). Chi Pháp ấy là 29 Tư Tác Ý Nghiệp Lực đã vượt qua việc trở sanh quả báo.

+ *Bất Thiện Nghiệp Lực (Akusalakamma)* Chi Pháp ấy là *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong 12 Tâm Bất Thiện, có liên quan với Thập Ác Hạnh, và Thập Bất Thiện Nghiệp Đạo.

+ *Dục Giới Thiện Nghiệp Lực (Kāmāvacarakusalakamma)* Chi Pháp ấy là *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong 8 Tâm Đại Thiện, có liên quan với Thập Thiện Nghiệp Đạo, và Thập Phúc Hành Tông (*Thập Phúc Nghiệp Sự*).

+ *Hữu Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực (Rūpāvacarakusalakamma)* Chi Pháp ấy là *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong 5 Tâm Thiện Sắc Giới, có liên quan với Ngũ Hữu Sắc Giới Thiên Định.

+ *Vô Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực (Arūpāvacarakusalakamma)* Chi Pháp ấy là *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới, có liên quan với Tứ Vô Sắc Giới Thiên Định.

7. Hỏi: Hãy trình bày Câu Chú Giải và ý nghĩa ở trong các câu cú như tiếp theo đây: *Xuất Sinh Nghiệp Lực (Janakakamma)*, *Bảo Hộ Nghiệp Lực (Upatthambhakakamma)*, *Chướng Ngại Nghiệp Lực (Upapīlakakamma)*, *Đoạn Diệt Nghiệp Lực (Upaghātakakamma)*, *Cực Trọng Nghiệp Lực (Garukakamma)*, *Cận Tử Nghiệp Lực (Āsannakamma)*, *Tập Quán Nghiệp Lực (Āciṇṇakamma)*, *Tích Lũy Nghiệp Lực (Katattākamma)*.

Đáp: *Xuất Sinh Nghiệp Lực (Janakakamma)*: có câu Chú Giải đã trình bày nói rằng: “*Vipākakkhandha kammajarūpāni jānāṭīti = Janakam*”- “*Bất luận Nghiệp Lực nào đã tác hành cho Danh Uẩn Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp sanh khởi, như thế Nghiệp Lực ấy gọi là Xuất Sinh Nghiệp Lực.*”

+ *Bảo Hộ Nghiệp Lực (Upatthambhakakamma)*: có câu Chú Giải đã trình bày nói rằng: “*Kammantaram vā kammanibbattakhandhasantānam vā upattham – bhettīti = Upatthambhakam*”- “*Bất luận Nghiệp Lực nào thường giúp đỡ bảo hộ các Nghiệp Lực khác, và việc nối tiếp sanh khởi của các Uẩn từ ở nơi các Nghiệp Lực khác, như thế Nghiệp Lực ấy gọi là Bảo Hộ Nghiệp Lực.*”

+ *Chướng Ngại Nghiệp Lực (Upapīlakakamma)*: Nghiệp Lực thường xâm nhiễu, và cản trở bức hại các Nghiệp Lực khác. Có câu Chú Giải trình bày nói rằng: “*Kammantaram vā kammanibbatta khandhasantānam vā upapīletīti =*

Upapīlakam”- “Bất luận Nghiệp nào thường bức hại các Nghiệp Lực khác, và việc nối tiếp sanh khởi của Ngũ Uẩn từ nơi các Nghiệp Lực khác, như thế Nghiệp Lực ấy gọi là Chướng Ngại Nghiệp Lực.”

+ **Đoạn Diệt Nghiệp Lực (Upaghātakakamma)**: Nghiệp Lực thường thâm nhập vào tuyệt giao các Nghiệp Lực khác, hoặc cắt đứt Quả báo (**Phala**) của các Nghiệp Lực khác. Có câu Chú Giải trình bày nói rằng: “**Kammantaram vā kamma nibbattakhandhasantānam vā upaghātetīti = Upaghātakam**”- “Bất luận Nghiệp Lực nào thường thâm nhập vào tuyệt giao các Nghiệp Lực khác, và việc nối tiếp sanh khởi của Ngũ Uẩn từ ở nơi các Nghiệp Lực khác, như thế Nghiệp Lực ấy gọi là Đoạn Diệt Nghiệp Lực.”

+ **Cực Trọng Nghiệp Lực (Garukakamma)**: Nghiệp Lực một cách nghiêm trọng mà các Nghiệp Lực khác không có khả năng sẽ cấm chỉ được. Có câu Chú Giải đã có trình bày nói rằng: “**Garu ! Karoṭīti = Karukam**”- “Nghiệp Lực nào thường trở sanh quả báo một cách cực kỳ nghiêm trọng, chính vì thế Nghiệp Lực ấy gọi tên là Cực Trọng Nghiệp Lực.” Hoặc một trường hợp khác nữa “**Kammantarehi paṭibāhitum asakkuneyyuttā garukam kammanti = Garukakammam**”- “Nghiệp Lực mà cực kỳ nghiêm trọng là cũng do các Nghiệp Lực khác không có khả năng cấm chỉ việc trở sanh quả báo, chính vì thế mới gọi tên là Cực Trọng Nghiệp Lực.”

+ **Cận Tử Nghiệp Lực (Āsannakamma)**: Nghiệp Lực tác hành vào lúc sẽ cận tử lâm chung. Có câu Chú Giải đã trình bày nói rằng: “**Āsanne anussaritam = Āsannam**” (vā) “**Āsanne kataṃ = Āsannam**”- “Nghiệp Lực truy niệm đến các sự vật tốt đẹp hoặc không tốt đẹp ở trong thời cận tử lâm chung, gọi là Cận Tử Nghiệp Lực (hoặc) Việc tạo tác Thiện hoặc Bất Thiện ở trong thời cận tử lâm chung, gọi là Cận Tử Nghiệp Lực.”

+ **Tập Quán Nghiệp Lực (Āciṇṇakamma)**: Nghiệp Lực đã từng quen, thường luôn tác hành. Có câu Chú Giải đã trình bày nói rằng: “**Ācīyati punappunam karīyatīti = Ācinnam**”- “Nghiệp Lực nào mà người cần phải tích lũy chất chứa hằng thường luôn, chính vì thế Nghiệp Lực ấy gọi là Tập Quán Nghiệp Lực.”

+ **Tích Lũy Nghiệp Lực (Kaṭattākamma)**: Nghiệp Lực tác hành tích lũy có chừng mực, vừa phải và không ngang bằng với cả ba thể loại Nghiệp Lực ấy, hoặc Nghiệp Lực đã từng tác hành và tích trữ để ở trong kiếp vị lai. Có câu Chú Giải đã trình bày nói rằng: “**Kaṭattā eva kammanti = Kaṭattākammam**”- “Việc tạo tác mà đã được gọi là Nghiệp Lực, là chỉ vì việc tác hành đã vừa chấm dứt xong, và chính vì thế mới được gọi là Tích Lũy Nghiệp Lực.”

8. Hỏi: Bảo Hộ Nghiệp Lực, một khi phân theo các thể loại lớn thì có được bao nhiêu? Là những chi?

Đáp: *Bảo Hộ Nghiệp Lực* này, khi phân tích ra thì có được ba thể loại lớn, ấy là:

+ giúp đỡ ủng hộ *Xuất Sinh Nghiệp Lực* khi vẫn chưa có được cơ hội để trở sanh quả báo thì cho có được cơ hội để trở sanh quả báo,

+ giúp đỡ ủng hộ *Xuất Sinh Nghiệp Lực* đang có được cơ hội để trở sanh quả báo thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trở sanh quả báo ấy được thành tựu viên mãn, và

+ giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc nơi là Quả Dị Thục của *Xuất Sinh Nghiệp Lực* cho được phát triển và tồn tại lâu dài.

9. Hỏi: a/. *Bảo Hộ Nghiệp Lực* giúp đỡ ủng hộ *Xuất Sinh Nghiệp Lực* khi vẫn chưa có được cơ hội để trở sanh quả báo thì cho có được cơ hội để trở sanh quả báo đấy, có được mấy điều? Là những chi?

b/. *Bảo Hộ Nghiệp Lực* giúp đỡ ủng hộ *Xuất Sinh Nghiệp Lực* đang có được cơ hội để trở sanh quả báo thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trở sanh quả báo ấy được thành tựu viên mãn đấy, có được mấy điều? Là những chi?

c/. *Bảo Hộ Nghiệp Lực* giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc nơi là Quả Dị Thục của *Xuất Sinh Nghiệp Lực* cho được phát triển và tồn tại lâu dài đấy, có được mấy điều? Là những chi?

Đáp: a/. *Bảo Hộ Nghiệp Lực* giúp đỡ ủng hộ đối với *Xuất Sinh Nghiệp Lực* khi vẫn chưa có được cơ hội để trở sanh quả báo thì cho có được cơ hội trở sanh quả báo ấy, đem phân tích ra thì có được tám thể loại, đó là:

1. Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống quá khứ.
2. Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống hiện tại.
3. Bất Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống quá khứ.
4. Bất Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống hiện tại.
5. Thiện mà thường luôn sanh khởi ở trong Thời Bình Nhật ngay trong kiếp sống hiện tại giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống quá khứ.
6. Thiện mà thường luôn sanh khởi ở trong Thời Bình Nhật ngay trong kiếp sống hiện tại giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống hiện tại.

7. Bất Thiện mà thường luôn sanh khởi ở trong Thời Bình Nhật ngay trong kiếp sống hiện tại giúp đỡ ủng hộ đối với *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống quá khứ.
8. Bất Thiện mà thường luôn sanh khởi ở trong Thời Bình Nhật ngay trong kiếp sống hiện tại giúp đỡ ủng hộ đối với *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống hiện tại.

b/. *Bảo Hộ Nghiệp Lực* giúp đỡ ủng hộ *Xuất Sinh Nghiệp Lực* đang có được cơ hội để trở sanh quả báo thì cho có được năng lực mạnh mẽ trong việc trở sanh quả báo ấy được thành tựu viên mãn ấy, thì có được mười thể loại, đó là:

1. Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống quá khứ mà đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo.
2. Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống hiện tại mà đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo.
3. Bất Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống quá khứ mà đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo.
4. Bất Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Cận Tử giúp đỡ ủng hộ đối với *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống hiện tại mà đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo.
5. Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Chuyển Khởi giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống quá khứ mà đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo.
6. Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Chuyển Khởi giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống hiện tại mà đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo.
7. Bất Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Chuyển Khởi giúp đỡ ủng hộ đối với *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống quá khứ mà đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo.
8. Bất Thiện mà sanh khởi ở trong Thời Chuyển Khởi giúp đỡ ủng hộ đối với *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống hiện tại mà đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo.
9. Thiện mà sanh khởi ở trong kiếp sống quá khứ giúp đỡ ủng hộ đối với *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống hiện tại mà đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo.

10. Bất Thiện mà sanh khởi ở trong kiếp sống quá khứ giúp đỡ ủng hộ đối với *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* ở trong kiếp sống hiện tại mà đang có được cơ hội để cho trở sanh quả báo.

c/. Bảo Hộ Nghiệp Lực giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc nơi là Quả Dị Thục của *Xuất Sinh Nghiệp Lực* cho được phát triển và tồn tại lâu dài, thì có được bảy thể loại, đó là:

1. Thiện mà đã từng tạo tác ở trong các kiếp sống trước, giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc mà sanh từ ở nơi *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực*.
2. Thiện mà đã từng tạo tác ở trong kiếp sống này giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc mà sanh từ ở nơi *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực*.
3. Bất Thiện mà đã từng tạo tác ở trong các kiếp sống trước, giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc mà sanh từ ở nơi *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực*.
4. Bất Thiện mà đã từng tạo tác ở trong kiếp sống này giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc mà sanh từ ở nơi *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực*.
5. Thiện mà đã từng tạo tác ở trong các kiếp sống trước, giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc mà sanh từ ở nơi *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực*.
6. Thiện mà đã từng tạo tác ở trong kiếp sống này giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc mà sanh từ ở nơi *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực*.
7. Bất Thiện mà đã từng tạo tác ở trong kiếp sống này giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc mà sanh từ ở nơi *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực*.

10. Hỏi: Việc bức hại của *Chướng Ngại Nghiệp Lực*, một khi phân theo các thể loại lớn một cách tóm lược, thì có được mấy điều? Là những chi?

Đáp: Việc bức hại của *Chướng Ngại Nghiệp Lực*, khi tóm lược lại thì có được ba thể loại, ấy là:

- (1) *Chướng Ngại Nghiệp Lực* mà bức hại các *Xuất Sinh Nghiệp Lực* khác không cho có được cơ hội để trở sanh quả báo,
- (2) *Chướng Ngại Nghiệp Lực* mà bức hại các *Xuất Sinh Nghiệp Lực* khác mà đã có được cơ hội để trở sanh quả báo thì cho có năng lực làm suy giảm xuống,
- (3) *Chướng Ngại Nghiệp Lực* bức hại Danh Sắc mà sanh từ ở nơi các *Xuất Sinh Nghiệp Lực*.

11. Hỏi: Cả ba thể loại *Chướng Ngại Nghiệp Lực* đây, khi phân tích ra ở trong từng mỗi thể loại thì có được bao nhiêu phân loại? Là những chi? Và cho dẫn chứng thí dụ bất luận một điều nào cũng được.

Đáp: (1) *Chướng Ngại Nghiệp Lực* mà bức hại các *Xuất Sinh Nghiệp Lực* khác không cho có được cơ hội để trở sanh quả báo, có được hai phân loại, ấy là:

- a/. Thiện tạo tác ở trong kiếp sống này, đã bức hại *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* không có được cơ hội để trở sanh quả báo,
- b/. Bất Thiện tạo tác ở trong kiếp sống này, đã bức hại *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* không cho có được cơ hội để trở sanh quả báo.

(2) *Chướng Ngại Nghiệp Lực* mà bức hại các *Xuất Sinh Nghiệp Lực* khác mà đã có được cơ hội để cho trở sanh quả báo thì cho có năng lực làm suy giảm xuống, thì có được hai phân loại, đó là:

- a/. Thiện tạo tác ở trong kiếp sống này, đã bức hại *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* mà đã có được cơ hội để trở sanh quả báo thì cho có năng lực làm suy giảm xuống.
- b/. Bất Thiện tạo tác ở trong kiếp sống này, đã bức hại *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* mà đã có được cơ hội để trở sanh quả báo thì cho có năng lực làm suy giảm xuống.

(3) *Chướng Ngại Nghiệp Lực* bức hại Danh Sắc mà sanh từ ở nơi các *Xuất Sinh Nghiệp Lực*, thì có được hai phân loại, đó là:

- a/. *Bất Thiện Chướng Ngại Nghiệp Lực* bức hại Danh Sắc mà sanh từ ở nơi *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực*.
- b/. *Thiện Chướng Ngại Nghiệp Lực* bức hại Danh Sắc mà sanh từ ở nơi *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực*.

Nêu lên thí dụ dẫn chứng với điều thứ hai, thì chẳng hạn như người mà sanh ra thành người nghèo khổ, hoặc người ốm đau bệnh hoạn, có sự khổ sở vất vả, đã là thành quả trở sanh từ ở nơi *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực*. Tuy nhiên người ấy lại thường luôn nỗ lực tinh cần tác hành Thiện Sự, thọ trì Giới Luật, vừa theo thích hợp đối với khả năng của mình. Tiếp đến về sau các sự khổ sở vất vả, với những thể loại như thế cũng tan biến đi, việc tìm kiếm miếng ăn nước uống cũng khởi sinh lên dễ dàng. Việc ốm đau bệnh hoạn đã từng có thì cũng gặp được thuốc tốt để chữa trị, và đã dẫn đến sự an vui thoải mái. Sự việc này cũng do bởi mãnh lực từ ở nơi *Thiện Chướng Ngại Nghiệp Lực* mà đã từng có được kiến tạo khởi sinh lên, xâm nhiễu bức hại Danh Sắc mà sanh từ ở nơi *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực*, đề cập đến sự vất vả về Thân, vất vả về Tâm cho được diệt mất đi.

12. Hỏi: Ngài trình bày việc tiêu diệt của *Đoạn Diệt Nghiệp Lực* có được mấy điều? Là những chi? Và khi phân tích ra ở trong từng mỗi thể loại thì có được bao nhiêu phân loại? Luôn cả cho dẫn chứng thí dụ bất luận một điều nào cũng được.

Đáp: Việc tiêu diệt của *Đoạn Diệt Nghiệp Lực* có được hai thể loại, ấy là:

1. Tiêu diệt các *Xuất Sinh Nghiệp Lực* khác, để hoàn toàn không cho có được cơ hội để mà trở sanh quả báo (***Kammantara upaghātaka***).
 2. Tiêu diệt Danh Sắc mà sanh từ ở nơi các *Xuất Sinh Nghiệp Lực* khác để cho hoại diệt đi (***Kammanibbattakhandhasantāna upaghātaka***).
1. *Đoạn Diệt Nghiệp Lực* tiêu diệt các *Xuất Sinh Nghiệp Lực* khác, để hoàn toàn không cho có được cơ hội để mà trở sanh quả báo, thì có được ba phân loại, đó là:
 - a/. *Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* tiêu diệt *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực*.
 - b/. *Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* tiêu diệt *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực*.
 - c/. *Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* tiêu diệt *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực*.
 2. *Đoạn Diệt Nghiệp Lực* tiêu diệt Danh Sắc mà sanh từ ở nơi các *Xuất Sinh Nghiệp Lực* khác để cho hoại diệt đi, thì có được bốn phân loại, đó là:
 - a/. *Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục Bất Thiện.
 - b/. *Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục Thiện.
 - c/. *Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục Thiện.
 - d/. *Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục Bất Thiện.

(Nêu lên thí dụ dẫn chứng với điều thứ tư này) là *Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục Bất Thiện*, thì chẳng hạn như lẽ thường thì loài Hữu Tình Bàng Sanh có loài chó v.v. với xác thân và đời sống sự hiện hành của loài chó v.v. này thì được sắp là Quả Dị Thục Bất Thiện, chỉ trừ ra sự xinh đẹp của thân thể, và Tâm Nhân Thức Quả Dị Thục Thiện v.v. mà sanh khởi ở trong sát na được nhìn thấy, được nghe, được ngửi, được nếm, được tiếp xúc đụng chạm ở trong các vật tốt đẹp. Tiếp đến, con chó này khởi sanh việc phải đón nhận *tác nhân bất hạnh* như bị xe đụng chết, hoặc bị giết chết, bị rớt xuống nước chết, v.v. Việc tử vong của con chó như vậy là cũng do mãnh lực của *Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* đã từng khởi sanh ở trong kiếp sống trước, hoặc trong kiếp sống này làm thành người tiêu diệt sự sống và xác thân ở phần Quả Dị Thục Bất Thiện.

13. Hỏi: *Đoạn Diệt Nghiệp Lực tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Dị Thục của các Nghiệp Lực khác, có được mấy thể loại? Là những chi? Luôn cả cho dẫn chứng thí dụ bất luận một điều nào cũng được.*

Đáp: Lại nữa, *Đoạn Diệt Nghiệp Lực* mà tiêu diệt Danh Sắc ở phần Quả Di Thực của các Nghiệp Lực khác, thì có được ba thể loại, ấy là:

1. Tiêu diệt Quả Di Thực của các Nghiệp Lực khác xong rồi, tự bản thân cũng không trở sanh quả báo và cũng không cho có được cơ hội đối với các *Xuất Sinh Nghiệp Lực* khác cho trở sanh quả báo.
2. Tiêu diệt Quả Di Thực của các Nghiệp Lực khác xong rồi, tự bản thân cho trở sanh quả báo.
3. Tiêu diệt Quả Di Thực của các Nghiệp Lực khác xong rồi, cho có được cơ hội đối với các *Xuất Sinh Nghiệp Lực* khác để cho trở sanh quả báo.

Nêu lên thí dụ dẫn chứng với điều thứ ba, thì chẳng hạn như Đức Vua *Bimbisāra*. Ở trong kiếp quá khứ đã từng đi giày vào trong khu vực của bảo tháp Đức Phật, mới phải bị thụ lãnh quả báo là bị rạch lòng bàn chân cho đến mạng vong. Tuy nhiên khi đã mạng vong rồi, các *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* khác, có được cơ hội để cho trở sanh quả báo, và đã làm cho Đức Vua *Bimbisāra* được đi tục sinh làm thành Thiên Tử ở trong tầng Trời Tứ Đại Thiên Vương. Sự việc này là cũng do *Bất Thiện Đoạn Diệt Nghiệp Lực* tiêu diệt Quả Di Thực của các Nghiệp Lực khác, và rồi lại cho có được cơ hội đối với các *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* khác để cho trở sanh quả báo.

14. Hỏi: *Hãy trình bày Tâm Thiện Siêu Thế có được sắp vào loại Cực Trọng Nghiệp Lực hay không? Và Cực Trọng Nghiệp Lực ở trong Nghiệp Lực Tứ Phần này, thì Ngài lập ý lấy loại Nghiệp Lực nào?*

Đáp: Đối với *Thiện Siêu Thế Nghiệp Lực (Lokuttarakusalakamma)* ấy, thì quả thật cũng chính là *Cực Trọng Nghiệp Lực*, tuy nhiên tại nơi đây là chỉ muốn hướng dẫn Nghiệp Lực mà sẽ trở sanh quả báo ở trong kiếp sống thứ hai. Còn *Thiện Siêu Thế Nghiệp Lực* ấy lại không có nhiệm vụ để trở sanh quả báo, mà chỉ có nhiệm vụ duy nhất là sẽ phá hủy việc tục sinh vừa theo thích hợp tương xứng với năng lực của mình mà thôi.

Lại nữa, *Cực Trọng Nghiệp Lực* là loại Nghiệp Lực nặng nề, cực kỳ nghiêm trọng, và có thể là *Thiện Nghiệp Lực* hoặc là *Bất Thiện Nghiệp Lực*. Nghiệp Lực này chắc chắn trở sanh quả báo ngay trong kiếp sống hiện tiền, hoặc ở trong kiếp sống kế liền kiếp sống hiện tại. Ở tại đây, Nghiệp Lực mà đã được gọi tên là *Cực Trọng Nghiệp Lực*, lập ý đến Nghiệp Lực cực kỳ nghiêm trọng mà nhất định có khả năng để trở sanh quả báo ngay ở trong kiếp sống thứ hai nối tiếp kế liền với nhau. Các Nghiệp Lực khác không có khả năng để mà cảm hãm được.

15. Hỏi: *Hãy trình bày việc trở sanh quả báo có sự khác biệt với nhau của Ngũ Nghịch Vô Gián Nghiệp Lực gồm những chi? Hãy trình bày theo thứ tự.*

Đáp: Trong năm thể loại Ngũ Nghịch Vô Gian Nghiệp Lực đây, thì Chia Rẽ Tăng Đoàn Nghiệp Lực là nghiêm trọng cùng tột. Nếu giả thiết như người nào đã tạo tác đủ cả năm thể loại Ngũ Nghịch Vô Gian Nghiệp Lực rồi, thì Chia Rẽ Tăng Đoàn Nghiệp Lực sẽ là người cho trở sanh quả báo đến với người ấy. Còn các Cực Trọng Nghiệp Lực còn lại ấy, thì chỉ làm thành loại Nghiệp Lực giúp đỡ hỗ trợ ở trong việc làm cho trở sanh quả báo của Chia Rẽ Tăng Đoàn Nghiệp Lực ngàn ấy.

Nghiệp Lực nghiêm trọng tiếp sau từ ở nơi Chia Rẽ Tăng Đoàn Nghiệp Lực đó chính là Chích Huyết Thân Phậ Nghiệp Lực. Tiếp nối từ ở nơi Chích Huyết Thân Phậ thì đó là Sát Mạng Vô Sinh Nghiệp Lực. Với hai Cực Trọng Nghiệp Lực này thường nghiêm trọng hơn cả các Nghiệp Lực còn lại. Còn Sát Mẫu Nghiệp Lực với Sát Phụ Nghiệp Lực, cả hai Nghiệp Lực này phải tùy hợp theo Ân Đức Phẩm Vị (Gūṇasampatti). Tức là, nếu như người Cha là người có đức hạnh, sống trong Giới Pháp, và người Mẹ thì không có đức hạnh, thế là Sát Phụ Nghiệp Lực thường nghiêm trọng hơn. Nếu như người Mẹ có đức hạnh, sống trong Giới Pháp, còn người Cha thì không có đức hạnh, thế là Sát Mẫu Nghiệp Lực thường nghiêm trọng hơn. Nếu như cả hai, người Mẹ và người Cha, đều có đức hạnh với nhau, hoặc cùng với nhau không có đức hạnh, thì Sát Mẫu Nghiệp Lực thường là nghiêm trọng hơn.

16. *Hỏi:* Hãy trình bày sự khác biệt giữa người có sự chú tâm sẽ sát mạng người khác, nhưng lại sơ suất bị trúng vào người Mẹ người Cha mà phải mạng vong; thì trường hợp này sẽ phải liệt vào thành thể loại Sát Mẫu Nghiệp Lực hoặc Sát Phụ Nghiệp Lực, có được hay không?

Đáp: Ở trong phần Chú Giải điều Bất Cộng Trụ thứ ba (Tatīyapārājika atthakathā) đã có trình bày nói rằng: “Người nào có sự chú tâm sẽ sát mạng người khác, hoặc là sát mạng loài Hữu Tình Bằng Sanh qua việc dùng súng hoặc là dao đi nữa; tuy nhiên ở trong việc sát mạng ấy bất ngờ sơ suất lại trúng vào người Cha hoặc người Mẹ mà phải mạng vong, và người mà mình muốn sát mạng thì lại không bị tử vong. Là như vậy, thì cũng vẫn phải tính là người ấy đã “Thâm Nhập Sát Mẫu Nghiệp Lực, Sát Phụ Nghiệp Lực” tương tự như nhau (là đã có Tư Tác Ý).” Người chiến sĩ ra ở ngoài bãi chiến trường trông thấy người Cha của mình đi đến cùng với người lính phía bên thù địch, thì cũng chú tâm sẽ bắn các binh lính ấy cùng với nghĩ suy rằng “nếu như các binh lính ấy đã bị bắn rồi, thì người Cha cũng sẽ được trốn thoát”. Thế rồi đã thực hiện việc xạ thủ, nhưng bất chợt viên đạn lại trúng vào người Cha của mình và đã dẫn đến sự tử vong. Như vậy, hành động tạo tác của người chiến sĩ ấy có được sắp thành Vô Gian Nghiệp Lực hay không? Ngài Chú Giải Sư nói rằng “không sắp thành Vô Gian Nghiệp Lực, nhưng vẫn được gọi là kẻ sát phụ.”

17. Hỏi: Hãy trình bày sự khác biệt giữa việc trở sanh quả báo của Bất Thiện Cực Trọng Nghiệp Lực và Thiện Cực Trọng Nghiệp Lực, và hãy chiết tự từ ngữ Ngũ Nghịch Vô Gian Nghiệp Lực và Chuẩn Xác Tà kiến, luôn cả ý nghĩa.

Đáp: Sự khác biệt giữa việc trở sanh quả báo của Bất Thiện Cực Trọng Nghiệp Lực và Thiện Cực Trọng Nghiệp Lực, ấy là:

Bất Thiện Cực Trọng Nghiệp Lực đây, cho dù tự bản thân không có cơ hội làm thành người cho trở sanh quả báo, tuy nhiên cũng có khả năng làm thành *Bảo Hộ Nghiệp Lực* được. Còn *Thiện Cực Trọng Nghiệp Lực* đây, một khi tự bản thân không có được cơ hội để cho trở sanh quả báo, thì trở thành *Vô Hiệu Nghiệp Lực*, và không có khả năng để sẽ làm thành *Bảo Hộ Nghiệp Lực* được. Chính với lý do như đã vừa đề cập đến tại đây, *Bất Thiện Cực Trọng Nghiệp Lực* mới có tên gọi một cách đặc biệt là *Ngũ Nghịch Vô Gian Nghiệp Lực (Pañcānantariyakamma)* và *Chuẩn Xác Tà Kiến Nghiệp Lực (Niyatamicchādīṭṭhikamma)*. Đối với *Thiện Cực Trọng Nghiệp Lực* ấy, thì không có tên gọi một cách đặc biệt.

Khi phân tích theo phân chiết tự của *Ngũ Nghịch Vô Gian Nghiệp Lực* thì có được như vậy: “*Pañca + Anantara + Iya + Kamma*” - Với *Pañca* = 5, *Anantara* = kiếp sống không có khoảng cách xen kẽ ở trong tuần tự từ ở nơi Tử (*Vô Gian, kế liền*), *Iya* = cho trở sanh quả báo, *Kamma* = tác hành, hành động.

Khi kết hợp từ ngữ lại, thì thành *Ngũ Nghịch Vô Gian Nghiệp Lực*, và được dịch nghĩa là “*Năm thể loại tác hành mà trở sanh quả báo một cách không có khoảng cách xen kẽ trong tuần tự từ ở nơi việc tử vong*”. Vì thế, Ngài Phụ Chú Giải Sư đã có trình bày câu Chú Giải nói rằng: “*Anantara niyuttaṃ kammaṃ = Anantarariya kammaṃ*”- “*Nghiệp Lực có liên quan đến việc cho trở sanh quả báo trong kiếp sống mà không có khoảng cách xen kẽ ở trong tuần tự kể từ ở nơi việc tử vong, gọi là Vô Gian Nghiệp Lực, Chuẩn Xác Tà Kiến Nghiệp Lực.*”

Khi chiết tự ra thì có được như vậy: “*Niyata + Micchā + Dīṭṭhi + Kamma*”- Với *Niyata* = nhất định, chuẩn xác, *Micchā* = sai trật với chân lý, *Dīṭṭhi* = việc nhìn thấy, *Kamma* = tác hành, hành động. Khi kết hợp từ ngữ lại, thì thành *Chuẩn Xác Tà Kiến Nghiệp Lực*, và được dịch nghĩa là “*Sự nhìn thấy sai trật với chân lý mà nhất định trở sanh quả báo ở trong tuần tự kể từ ở nơi việc tử vong*”.

Vì thế, Ngài Phụ Chú Giải Sư đã có trình bày câu Chú Giải nói rằng:

“*Micchā dassanaṃ = Micchādīṭṭhi*”- “*Việc nhìn thấy sai trật với Chân Lý, gọi là Tà Kiến.*” “*Anantara bhava vipākādānato niyatā ca te micchādīṭṭhi cāti = Niyatamicchādīṭṭhi*”- “*Pháp chủng nào nhất định ở trong việc làm cho trở sanh quả báo đi theo tuần tự kể từ ở nơi việc tử vong trong kiếp sống tiếp nối kế liền nhau mà*

không có khoảng cách xen kẽ, và có việc nhìn thấy sai trật với Chân Lý, như thế Pháp Chúng ấy gọi là Chuẩn Xác Tà Kiến.”

18. Hỏi: Có người chú tâm sẽ sát mạng bậc Chánh Đẳng Giác cho đến phải mạng vong hay không? Nếu có, thì xin hãy giải thích cùng với chứng giải cho được liễu tri với.

Đáp: Có người chú tâm sẽ sát mạng bậc Chánh Đẳng Giác với sự nỗ lực bất luận ở thể loại nào đi nữa, tuy nhiên bậc Chánh Đẳng Giác vẫn không có thể đi đến mạng vong, mà chỉ làm chảy máu thân của Ngài ngần ấy mà thôi. Tất cả sự việc này là cũng do bởi lẽ thường thì tất cả các bậc Chánh Đẳng Giác ấy, sẽ không có điều nguy hại dẫn đến mạng vong do bởi nương vào việc tác hành của người khác. Tương xứng như Đức Phật Ngài lập ý khái thuyết rằng: “*Buddhānaṃ jīvitassa nasakkā kenaci antarāyo kātuṃ*”- Bất luận một người nào, cho dù sẽ là Nhân Loại hoặc là Chư Thiên đi nữa, sẽ tạo tác điều nguy hại đến mạng sống của tất cả các bậc Chánh Đẳng Giác ấy, thì thường không thể nào sẽ thành tựu được, tuy nhiên ở trong sự việc ấy thì bậc Chánh Đẳng Giác phải chịu thụ lãnh điều nguy hại ấy chỉ là việc chảy máu thân của Ngài, chẳng hạn như Tỳ Khuru *Devadatta* đã tạo tác đến Đức Phật Ngài, thì kẻ ấy cũng đã được gọi là “*Thâm Nhập Chích Huyết Thân Phật*”. Và *Chích Huyết Thân Phật Nghiệp Lực* này, cho dù sẽ không có thành tựu lộ trình *Sát Mạng Nghiệp Đạo (Pāṇātipātakammāpatha)* đi nữa, tuy nhiên cũng vẫn được thành tựu ở trong điều học *Cừu Hận Nghiệp Đạo (Byāpāda kammāpatha)* ở phần *Ý Ác Hạnh (Manoduccarita)*, là vì người ấy có *Tư Tác Ý (Cetanā)* chủ tâm sẽ sát mạng cho phải tử vong.

19. Hỏi: Hiện Báo Nghiệp Lực có được mấy thể loại? Là những chi? Hãy cho dẫn chứng thí dụ bất luận một điều nào cũng được.

Đáp: Hiện Báo Nghiệp Lực này có được hai thể loại, ấy là:

1. *Nùng Hậu Hiện Báo Nghiệp Lực (Paripakkaditṭhadhammavedanīya kamma)*: Nghiệp Lực sẽ cho được đón nhận quả báo ngay ở trong kiếp sống hiện tại này khi đã vào đến sự già dặn chín muồi, tức là cho trở sanh quả báo nội ở trong bảy ngày. Chẳng hạn như có tích truyện về một chàng thanh niên nghèo khổ có tên gọi là *Mahaduggata (Đại Thống Khổ)* đã cúng dường phân thực phẩm đến Ngài Chánh Đẳng Giác *Kassapa*. Khi việc cúng dường đã được thành tựu viên mãn thì chính ngay ở trong bảy ngày ấy đã phát sanh lên giàu có và trở thành một vị bá hộ. Đức Vua *Thiện Giác (Suppabuddha)* là Phụ Vương của Tỳ Khuru *Devadatta* và của Nàng *Bimbā (Yasodhāra)* đã bị đất rút bởi do biểu lộ việc vô lễ bất kính (*Agāraṇa*) xua đuổi Bậc Chánh Đẳng Giác.

*Kẻ ngu hãm hại Hiền Lương,
Tội ác trở lại hại người Ác Tâm.
Ví như gió ngược bụi trần,
Khổ đau dội lại muôn phần đắng cay*

2. *Phi Nùng Hậu Hiện Báo Nghiệp Lực (Aparipakkadittḥadhammavedanīya kamma)*: Nghiệp Lực sẽ cho được đón nhận quả báo ngay ở trong kiếp sống hiện tại này khi vẫn chưa đến sự già dặn chín muồi, tức là sẽ trở sanh quả báo cho được hiện bày là sau khỏi bấy ngày.

20. Hỏi: Từ ngữ “**Sampatti**” (*An Hạnh*) và “**Vipatti**” (*Bất Hạnh*), với từng mỗi từ ngữ ấy có được mấy thể loại? Là những chi?

Đáp: Từ ngữ *An Hạnh* có được bốn thể loại, ấy là:

1. *Trú Xứ An Hạnh (Gatisampatti)* lập ý nói đến người đã được sinh ra hiện hữu ở trong *Cõi Thiện Thú (Sugatibhūmi)* có Nhân Loại, Chư Thiên và Phạm Thiên.
2. *Thời Gian An Hạnh (Kālasampatti)* lập ý nói đến thời kỳ nào mà con người đã sinh sống ở trong quốc độ có bậc Đại Vương là người có Chánh Kiến đang cai trị đất nước, và Phật Giáo vẫn còn đang duy trì hiện hữu, vẫn chưa có hoại diệt đi.
3. *Kết Liên An Hạnh (Upadhisampatti)* lập ý nói đến người mà đã được sinh ra có đã các bộ phận (*các Cẩn*) lớn nhỏ, tức là mắt, tai, v.v. ấy được tròn đủ hoàn hảo, không bị khiếm khuyết thiếu sót.
4. *Cần Ích An Hạnh (Payogasampatti)* lập ý nói đến người mà do nương vào sự tinh cần đúng đắn (*Chánh Tinh Tấn*), và sự nghĩ suy đúng đắn (*Chánh Tư Duy*), rồi thực hiện Thân Hành Nghiệp Lực, Ngữ Hành Nghiệp Lực, Ý Hành Nghiệp Lực ở phần *Thiện Hạnh (Sucarita)*, không vi phạm Pháp Luật của nhà nước, và cũng không vi phạm nền tảng Chánh Pháp ở trong Phật Giáo.

Và từ ngữ *Bất Hạnh* có được bốn thể loại, ấy là:

1. *Trú Xứ Bất Hạnh (Gativipatti)* lập ý nói đến người mà đi thọ sanh ở trong *Cõi Khố Thú (Duggatibhūmi)* có Hữu Tình Bàng Sanh, v.v.
2. *Thời Gian Bất Hạnh (Kālavipatti)* lập ý nói đến thời kỳ nào mà con người đã sinh sống ở trong quốc độ có vị Vua là người có Tà Kiên đang cai trị đất nước, và Phật Giáo đã suy giảm mất đi rồi.
3. *Kết Liên Bất Hạnh (Upadhivipatti)* lập ý nói đến con người đã được sinh ra nhưng lại khiếm khuyết thiếu sót các bộ phận (*các Cẩn*) lớn nhỏ.
4. *Cần Ích Bất Hạnh (Payogavipatti)* lập ý nói đến người mà do nương vào sự tinh cần tà vạy (*Tà Tinh Tấn*) và sự nghĩ suy tà vạy (*Tà Tư Duy*), rồi thực hiện Thân

Hành Nghiệp Lục, Ngũ Hành Nghiệp Lục, Ý Hành Nghiệp Lục ở phần *Ác Hạnh (Duccarita)*, vi phạm Pháp Luật của nhà nước, và vi phạm nền tảng Chánh Pháp ở trong Phật Giáo.

21. *Hỏi*: *Hãy trình bày tác nhân làm cho quả báo của Xả Thí Thiện hiện bày ngay ở trong kiếp sống này thì sẽ phải được kết hợp với bao nhiêu Chi Pháp ? là những chi ?*

Đáp: Trình bày tác nhân làm cho trở sanh quả báo của Xả Thí Thiện hiện bày ngay ở trong kiếp sống này, thì đối với việc Xả Thí Thiện sẽ trở sanh quả báo cho được làm thành *Hiện Báo Nghiệp Lục* ấy, là sẽ phải được kết hợp với bốn phần Chi Pháp, đó là:

1. *Sự Vật Thành Tựu (Vatthusampadā)*: bậc *Thụ Thí Xả Nhân (Paṭiggāhaka)* là bậc đón nhận xả thí ấy, phải là bậc Bất Lai hoặc là bậc Alahán Vô Sinh.
2. *Duyên Sự Thành Tựu (Paccayasampadā)*: vật phẩm mà đem đi cúng dường ấy, phải là vật phẩm có được với *sự thanh khiết (Parisuddhi)*.
3. *Tư Tác Ý Thành Tựu (Cetanāsampadā)*: người xả thí cúng dường phải được kết hợp với Tư Tác Ý dũng mãnh kiên cường.
4. *Ân Đức Thặng Thừa Thành Tựu (Gūṇātikasampadā)*: bậc Bất Lai hoặc bậc Alahán Vô Sinh là bậc Thụ Thí Xả Nhân phải được kết hợp với Ân Đức một cách đặc biệt, ý nói đến là vừa mới xuất khỏi *Thiền Diệt (Nirodhasamāpatti)*.

Khi hội đủ cả bốn trường hợp Chi Pháp như đã vừa đề cập đến, thì việc xả thí của người ấy được thành tựu viên mãn, làm thành *Hiện Báo Nghiệp Lục*, và cho được đón nhận quả báo trở sanh liền tức thì ngay trong hiện tại.

22. *Hỏi*: *Hãy trình bày quả báo đã được đón nhận từ ở nơi Hiện Báo Nghiệp Lục ngay ở trong kiếp sống hiện tại này có hiện bày rõ ràng hay không ?*

Đáp: Trả lời rằng “*Có*”, tức là người đã có tạo tác *Thiện Nghiệp Lục* rồi, thì được đón nhận danh thơm tiếng tốt, được đón nhận lời ca ngợi tán thán, được đón nhận danh vị tước hiệu, buôn may bán đắt, có người thương yêu mến mộ, v.v. Và người đã có tạo tác *Bất Thiện Nghiệp Lục* rồi, thì phải đón nhận điều tác hại tội lỗi, bị đánh đập, bán buôn lỗ vốn, có người thù ghét, v.v. Tuy nhiên dù sao đi nữa, quả báo mà đón nhận từ ở nơi *Hiện Báo Nghiệp Lục* đây, thường được đón nhận đặc biệt chỉ ngặt ở trong khoảng thời gian vẫn còn hiện hữu mạng sống mà thôi, và không có khả năng sẽ cho quả báo ở trong kiếp sống tiếp nối được.

*“Ai trước phóng dật, sau không phóng dật,
Sáng chói đời này, như trăng thoát mây.”*

*Ai làm Ác Nghiệp, nhờ Thiện chận lại,
Sáng chói đời này, như trăng thoát mây.”*

23. Hỏi: Có bao nhiêu thể loại về danh xưng của Vô Hiệu Nghiệp Lực ? Là những chi ? Và Tư Tác Ý hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ tư ở ngay chính giữa có danh xưng là chi ? Được dịch ra như thế nào ?

Đáp: Có ba thể loại về danh xưng của Vô Hiệu Nghiệp Lực, ấy là:

1. *Vô Hiệu Nghiệp Quả (Nahosi kammavipāko)*: gọi là Nghiệp Lực vẫn chưa cho quả báo.
2. *Vô Tụ Nghiệp Quả (Nabhavissati kammavipāko)*: gọi là Nghiệp Lực sẽ không cho quả báo.
3. *Vô Hữu Nghiệp Quả (Natthi kammavipāko)*: gọi là Nghiệp Lực không có quả báo.

Và Tư Tác Ý hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ tư ở ngay chính giữa, có danh xưng là *Đồng Lực Tối Hạng (Sikhāpatta)*, được dịch là “*Cái Tâm Đồng Lực cao nhất*”. Và trong số lượng cả bảy cái Tâm Đồng Lực ấy, thì cái Tâm Đồng Lực thứ nhất đến cái Tâm thứ ba, gọi là *Đồng Lực Khởi Lập (Khởi sinh lên)* Tâm Đồng Lực thứ năm đến cái Tâm thứ bảy, thì gọi là *Đồng Lực Hạ Lạc (Hạ giảm xuống)*.

24. Hỏi: Đáo Đại Thiện Nghiệp Lực được sắp vào trong thể loại Nghiệp Lực nào và khác biệt với loại Dục Giới Nghiệp Lực nào ? Và Siêu Thế Thiện Nghiệp Lực đã được sắp vào trong thể loại Nghiệp Lực nào ?

Đáp: Bậc đã chứng đạt được Thiên Định, và nếu như tầng Thiên Định ấy không bị hư hoại, khi mạng vong lìa khỏi kiếp sống này thì ắt hẳn là sẽ đi tục sinh một cách nhất định ở trong Cõi Phạm Thiên Giới tùy theo tầng Thiên Định mà mình đã chứng đạt được vào ngay trong kiếp sống thứ hai, và chẳng có việc chờ đợi để trở sanh quả báo ở trong kiếp sống thứ ba trở đi, tương tự với Tư Tác Ý hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực Dục Giới thứ bảy vậy. Do đó, Đáo Đại Thiện Nghiệp Lực (*Mahaggatakusalakamma*) này mới được sắp vào ở trong Hậu Báo Nghiệp Lực.

Đáo Đại Thiện Nghiệp Lực khác biệt với Dục Giới Nghiệp Lực, đó là: Đáo Đại Thiện Nghiệp Lực thì thường luôn trở sanh quả báo một cách đặc biệt là chỉ ở trong kiếp sống thứ hai mà thôi. Nếu không có cơ hội trở sanh quả báo ở trong kiếp sống thứ hai thì tất phải trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực, cũng ví như cơm chín không được cất giữ lâu ngày, và nếu không có được ăn thì cơm chín ấy ắt sẽ bị thiu đi. Còn Dục Giới Nghiệp Lực (*Kāmāvacarakamma*) ấy, loại trừ Tư Tác Ý hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ nhất và cái Tâm thứ bảy ra ngoài, thì nếu như có được cơ hội ắt

hắn sẽ trở sanh quả báo rất lâu dài, và không có việc trở thành *Vô Hiệu Nghiệp Lực*, cho đến khi người ấy sẽ đạt đến Viên Tịch Níp Bàn, cũng ví như lúa thóc thì được cất giữ lâu dài, và không có bị hư thúi.

Còn *Siêu Thế Thiện Nghiệp Lực (Lokuttarakusalakamma)* ấy, thì thường luôn có thực tính là *Hiện Báo Nghiệp Lực*, là bởi vì một khi Tâm Đạo đã sanh khởi lên và diệt đi, thì Tâm Quả ngay lập tức sanh khởi nối tiếp kế liền với nhau.

25. Hỏi: Từ ngữ nói rằng “*Aparapariyavedanīya*” khi chiết tự ra thì có được bao nhiêu từ ngữ? Là những chi? Hãy trình Câu Chú Giải rằng như thế nào? (Lựa chọn bất luận điều nào cũng được) và khi phân tích kiếp sống theo sự việc được đón nhận quả báo của các Nghiệp Lực ấy thì gồm có được bao nhiêu thể loại? Là những chi?

Đáp: Từ ngữ nói rằng “*Aparapariyavedanīya*” ở tại đây, khi chiết tự ra rồi thì có được ba từ ngữ, đó là: *Apara + Apara + Vedanīya*, *Apara* lập ý đến kiếp sống khác, *Apara* lập ý đến kiếp sống khác, *Vedanīya* lập ý đến quả báo mà phải được đón nhận. Tuy nhiên ở tại nơi đây, lập ý lấy Nghiệp Lực mà trở sanh quả báo là việc trình bày theo phần *Phạm Vi Quả Báo (Phalūpacāranaya)*.

Khi kết hợp lại vào nhau thì thành *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực*. Lập ý đến Nghiệp Lực mà trở sanh quả báo ở trong các kiếp sống khác khác.

Như đã có được trình bày câu Chú Giải nói rằng: “*Aparapariyāya vedanīyaṃ phalaṃ etassāti = Aparapariyāyavedanīyaṃ*”- “*Với Nghiệp Lực nào mà có quả báo mà phải được đón nhận ở trong các kiếp sống tính kể từ kiếp sống thứ ba trở đi, như thế Nghiệp Lực ấy mới gọi là Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực.*”

Việc trình bày câu Chú Giải như đã vừa đề cập đến tại đây, là việc trình bày cho hiểu biết được rằng khi phân tích kiếp sống theo sự việc được đón nhận quả báo của các Nghiệp Lực ấy, thì có được ba thể loại, ấy là:

- 1/ *Hiện Báo* kiếp sống tức là kiếp sống này,
- 2/ *Hậu Báo* kiếp sống tức là kiếp sống tới,
- 3/ *Hậu Hậu Báo* kiếp sống tức là kiếp sống thứ ba trở đi suốt trọn mãi cho đến kiếp sống cuối cùng là đạt đến việc *Viên Tịch Níp Bàn*.

26. Hỏi: *Vô Hiệu Nghiệp Lực* đã được dịch nghĩa như thế nào? Có Chi Pháp là chi? Hãy trình bày cho được liễu tri với. Và có bao nhiêu Chi Pháp để mà *Bất Thiện Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực* sẽ trở thành *Vô Hiệu Nghiệp Lực*?

Đáp: Gọi là Vô Hiệu Nghiệp Lực đây, là cách nói đã được dựa theo phần Chánh Tạng Pàli của bộ Kinh Vô Ngại Giải Đạo (*Paṭisambhidāmagga*) đã có trình bày để rằng: “*Ahosi kammaṃ nāhosi kammavipāko, ahosi kammaṃ natthi kammavipāko, ahosi kammaṃ nabhavissati kammavipāko*”- Dịch nghĩa là: “Đối với Nghiệp Lực ấy đã hoàn mãn rồi, tuy nhiên quả báo của Nghiệp Lực ấy đâu có phải đã sanh khởi rồi đâu (Vô Hiệu Nghiệp Quả). Nghiệp Lực ấy đã hoàn mãn rồi, tuy nhiên quả báo của Nghiệp Lực ấy thì chẳng phải là đang sanh khởi (Vô Tựu Nghiệp Quả). Nghiệp Lực ấy đã hoàn mãn rồi, tuy nhiên quả báo của Nghiệp Lực ấy sẽ không sanh khởi (Vô Hữu Nghiệp Quả).

Như đã có trình bày câu Chú Giải nói rằng: “*Ahosi ca tam kammañcāti = Ahosikammaṃ*”- Dịch nghĩa là: “Nghiệp Lực mà gọi là Vô Hiệu cũng phải, làm thành Nghiệp Lực cũng phải, như thế Nghiệp Lực ấy mới gọi là Vô Hiệu Nghiệp Lực.” Dịch nghĩa theo một cách khác nữa là: “Nghiệp Lực nào đã tác hành hoàn mãn rồi cũng phải, làm thành Nghiệp Lực cũng phải, như thế Nghiệp Lực ấy mới gọi là Vô Hiệu Nghiệp Lực.”

Giải thích rằng Vô Hiệu Nghiệp Lực này không có Chi Pháp một cách riêng biệt. Tức là Tư Tác Ý hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ nhất thì gọi là Hiện Báo Nghiệp Lực, Tư Tác Ý hiện hữu ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ bảy thì gọi là Hậu Báo Nghiệp Lực và Tư Tác Ý hiện hữu ở trong năm Tâm Đồng Lực ngay chính giữa thì gọi là Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực; đích thị chính những thể loại này khi đến thời gian của mình đã hạn định mà vẫn chưa có được trở sanh quả báo thì được gọi là Vô Hiệu Nghiệp Lực.

Bất Thiện Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực mà sẽ trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực được đó, thì cần phải liên hệ với người là chủ nhân của hành động tạo tác ấy, phải được kết hợp với Ngũ Ấn Đức Phạm Vi (*Guṇasamāpatti*) trong từng mỗi kiếp sống, tính kể từ kiếp sống thứ nhất trở đi. Đề cập đến rằng:

1. *Tiền Phúc Thiện Hạnh (Pubbe ca katapuññatā)*: việc làm thành người đã từng có kiến tạo việc Thiện tích lũy để ở trong đời quá khứ.
2. *Trú Xứ Thích Hợp (Paṭirūpadesavāsa)*: việc có được chỗ ở trong trú xứ kết hợp với điều Giới Pháp (*Sīladhamma*).
3. *Thân Cận Hiền Triết (Sappurisūpanissaya)*: việc có được hội ngộ kết giao với các bậc hiền triết.
4. *Thính Linh Chánh Pháp (Saddhammasavana)*: việc có được lắng nghe về Chánh Pháp.
5. *Tự Lập Trường Chân Chánh (Attasammāpanidhi)*: việc tự đặt để mình ở trong đường lối chân chánh (*Bát Chánh Đạo*).

Nếu được hiện hành như đã vừa đề cập đến ở tại đây, thì cũng có khả năng sẽ làm cho *Bất Thiện Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực* trở thành *Vô Hiệu Nghiệp Lực*.

27. Hỏi: *Nghiệp Lực*, khi phân tích theo *Cõi Địa Giới* mà làm thành trú xứ chỗ ở trở sanh quả báo, thì có được bao nhiêu thể loại? Là những chi?

Đáp: *Nghiệp Lực*, khi tính theo *Cõi Địa Giới (Bhūmi)* mà làm thành trú xứ chỗ ở cho trở sanh quả báo, thì có được bốn thể loại, ấy là:

1. *Bất Thiện Nghiệp Lực (Akusalakamma)*: tức là *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong 12 Tâm Bất Thiện.
2. *Dục Giới Thiện Nghiệp Lực (Kāmāvacarakusalakamma)*: tức là *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong 8 Tâm Đại Thiện.
3. *Hữu Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực (Rūpāvacarakusalakamma)*: tức là *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong 5 Tâm Thiện Sắc Giới.
4. *Vô Sắc Giới Thiện Nghiệp Lực (Arūpāvacarakusalakamma)*: tức là *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới.

28. Hỏi: Từ ngữ nói rằng “*Nghiệp Môn*”, khi đã chiết tự ra thì có được bao nhiêu từ ngữ? Là những chi? *Nghiệp Môn* có được bao nhiêu thể loại? Là những chi?

Đáp: Từ ngữ nói rằng “*Nghiệp Môn*” khi được chiết tự ra thì có được hai từ ngữ, đó là: “*Kamma + Dvāra*”. *Kamma* lập ý đến “*hành động tạo tác*”, *Dvāra* lập ý đến “*làm thành tác nhân cho khởi sinh*.” Kết hợp hai từ ngữ vào với nhau thì thành *Kammadvāra* (*Nghiệp Môn*) lập ý đến “*làm thành tác nhân cho khởi sinh việc tác hành*.”

Nghiệp Môn (Kammadvāra) có ba thể loại, đó là:

1. *Thân Môn (Kāyadvāra)*: Thân Hành làm thành tác nhân cho khởi sinh việc tác hành, tức là *Sắc Thân Biểu Tri (Kāyaviññattirūpa)*.
2. *Ngữ Môn (Vacīdvāra)*: Ngữ Hành làm thành tác nhân cho khởi sinh việc tác hành, tức là *Sắc Ngữ Biểu Tri (Vacīviññattirūpa)*.
3. *Ý Môn (Manodvāra)*: Ý Hành làm thành tác nhân cho khởi sinh việc tác hành, tức là tất cả Tâm.

29. Hỏi: Hãy trình bày sự khác biệt giữa *Tư Tác Ý* với *Nghiệp Lực*.

Đáp: Theo lẽ thường nhiên, tất cả chúng ta một khi sẽ tạo tác bất luận một sự việc nào đi nữa, thì cần phải tiên khởi sinh sự chủ tâm tác ý; tức là chủ tâm tác ý rằng Ta sẽ làm bất luận điều này điều nọ xong rồi mới sẽ làm, hoặc chủ tâm tác ý rằng Ta

sẽ nói câu chuyện này câu chuyện nọ xong rồi mới sẽ nói, hoặc chủ tâm tác ý sẽ nghĩ tưởng đến câu chuyện này câu chuyện nọ rồi mới sẽ nghĩ tưởng đến. Khi là như vậy, những việc tạo tác của tất cả con người ta mới có sự chủ tâm tác ý, mà điều đó chính là *Tư Tác Ý* thường luôn làm thành người dắt dẫn. Với lý do này, Đức Thế Tôn mới lập ý tuyên bố rằng: “*Chính Tư Tác Ý này gọi là Nghiệp Lực.*” Tuy nhiên cả hai, *Tư Tác Ý* và *Nghiệp Lực* đây, ắt hẳn là có sự khác biệt với nhau, đó là *Tư Tác Ý* thuộc loại *Tiền Đề Pháp (Pubbabhāgadhamma)*, tức là Pháp sanh trước Nghiệp Lực. Còn Nghiệp Lực là loại *Hậu Đề Pháp (Pacchābhāga dhamma)*, tức là Pháp sanh đằng sau *Tư Tác Ý*.

30. Hỏi: *Hãy trình bày theo thứ tự về 276 thể loại Tư Tác Ý hình thành việc trở sanh quả báo trong kiếp sống thứ hai trở đi.*

Đáp: Trình bày 276 thể loại Tư Tác Ý trở sanh quả báo kể từ trong kiếp sống thứ hai trở đi, ấy là 12 *Tư Tác Ý Bất Thiện*, 8 *Tư Tác Ý Đại Thiện*, kết hợp lại thành 20 *Tư Tác Ý* đây, sanh khởi do bởi nương vào Lộ Thân Môn, có được 80, là:

- a. *Thân Hành Cơ Bản Tư Tác Ý (Sayamkatamūlikacetanā)*: *Tư Tác Ý* sanh khởi từ ở nơi tự bản thân mình thực hiện, có được 20.
- b. *Mệnh Lệnh Cơ Bản Tư Tác Ý (Āṇattikmūlalikacetanā)*: *Tư Tác Ý* sanh khởi từ ở nơi việc sai bảo người khác thực hiện, có được 20.
- c. *Lương Tri Cơ Bản Tư Tác Ý (Sampajānamūlalikacetanā)*: *Tư Tác Ý* sanh khởi từ ở nơi việc tác hành do bởi liễu tri điều lợi ích và tác hại (Phước – Tội) của hành động ấy, có được 20.
- d. *Bất Lương Tri Cơ Bản Tư Tác Ý (Asampajānamūlikacetanā)*: *Tư Tác Ý* sanh khởi từ ở nơi việc tác hành do bởi bất liễu tri điều lợi ích và tác hại (Phước – Tội) của hành động tạo tác ấy, có được 20.

Kết hợp ở phần *Bất Thiện* và *Thiện Tư Tác Ý* mà sanh khởi theo Lộ Thân Môn thì có được 80 *Bất Thiện* và 80 *Thiện*, đồng tương tự như nhau. Còn *Bất Thiện* và *Thiện Tư Tác Ý* mà sanh khởi theo Lộ Ý Môn thì có được 116, tức là: 12 *Bất Thiện Tư Tác Ý*, 8 *Đại Thiện Tư Tác Ý*, 9 *Thiện Đáo Đại Tư Tác Ý* kết hợp lại thành 29. Và làm thành *Thân Hành Căn Bản Tư Tác Ý* có 29, làm thành *Mệnh Lệnh Căn Bản Tư Tác Ý* có 29, làm thành *Lương Tri Căn Bản Tư Tác Ý* có 29, làm thành *Bất Lương Tri Căn Bản Tư Tác Ý* có 29. Kết hợp lại thành 116.

- *Bất Thiện* và *Thiện Tư Tác Ý* sanh khởi theo Lộ Thân Môn có 80
- *Bất Thiện* và *Thiện Tư Tác Ý* sanh khởi theo Lộ Ngũ Môn có 80
- *Bất Thiện* và *Thiện Tư Tác Ý* sanh khởi theo Lộ Ý Môn có 80

Kết hợp lại thành 276 thể loại *Tư Tác Ý* (đó là 116 + 80 + 80 + 80 = 276). Như Ngài Chú Giải Sư đã có trình bày ở trong bộ *Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh* nói rằng: “*Iti sabbāpi tīsu dvāresu dvesatāni chasattati ca cetanā*”- “Như vậy, *Tư Tác Ý* trở sanh quả báo ở trong kiếp sống thứ hai, tính cho hết tất cả trong cả Tam Môn thì có số lượng là 276.”

31. Hỏi: Từ ngữ nói rằng *Sát Mạng (Pāṇātipāta)* và *Nghiệp Đạo (Kammapatha)* đây, khi chiết tự thì có được bao nhiêu từ ngữ? Là những chi? Và người đã có chủ tâm để sát mạng loài Hữu Tình cho phải tử vong, đã thành tựu *Sát Mạng Nghiệp Đạo* ấy, thì sẽ cần phải phối hợp với bao nhiêu *Chi Pháp* (yếu tố)? Là những chi?

Đáp: Từ ngữ nói rằng *Sát Mạng (Pāṇātipāta)*, khi chiết tự thì có được hai từ ngữ, đó là *Pāṇa + Atipāta*. *Pāṇa* khi được nói theo *Thành Ngữ dân gian (Vohāranaya)* thì đó là “tất cả loài Hữu Tình”. Khi nói theo *Thực Tính Siêu Lý (Paramattha sabhāvanaya)* thì đó là “*Sắc Mạng Quyền (Jīvitarūpa)*” và “*Tâm Sở Mạng Quyền (Jīvitindriya cetasika)*”. Từ ngữ nói rằng *Ati* ở trong câu *Atipāta* đó, khi dịch nghĩa thì có được hai thể loại ý chính, đó là *Sīghatatta* được dịch nghĩa là “*một cách mau lẹ*”, *Atikkammatta* dịch nghĩa là “*việc xâm phạm bức hại*”. Từ ngữ nói rằng *Pāta* dịch nghĩa “*cho đổ ngã, đọa lạc đi, mất đi*”. Khi kết hợp vào nhau thành *Pāṇātipāta* thì được dịch là “*cho loài Hữu Tình hoặc mạng sống ấy phải bị mất đi một cách mau lẹ*”. Hoặc một phần khác được dịch là “*việc xâm phạm bức hại loài Hữu Tình cho phải bị mất đi*”.

Từ ngữ nói rằng *Nghiệp Đạo* đây, đã được trích dẫn từ ở nơi từ ngữ Pāli là “*Kammapatha*”. Khi chiết tự thì có được hai từ ngữ, đó là “*Kamma + Patha*”- *Kamma* = hành động tạo tác, *Patha* = lộ đạo, con đường. Khi kết hợp vào nhau thành *Kammapatha* (*Nghiệp Đạo*) thì được dịch là “*hành động tạo tác làm thành con đường cho đi đến Cõi Thống Khổ*”.

Hành động tạo tác Bất Thiện mà sẽ thành *Xâm Phạm* hoặc *Bất Xâm Phạm Nghiệp Đạo*, thì cần phải tùy thuộc vào *Chi Pháp Hình Thành*, tức là *Chi Pháp* phối hợp ở trong hành động tạo tác ấy. Vì thế với hành động tạo tác Bất Thiện ở thể loại *Sát Mạng*, đó đã là việc *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* thì cần phải phối hợp với năm *Chi Pháp* (yếu tố), ấy là:

1. *Pāṇo*: Loài Hữu Tình có sinh mạng,
2. *Pāṇasaññitā*: Biết rằng loài Hữu Tình ấy có sinh mạng,
3. *Sát Nhân Giả Tâm (Vadhakacittam)*: Có Tâm nghĩ tưởng sẽ sát hại mạng sống ấy,

4. **Nỗ Lực (Payogo)**: Thực hiện sự cố quyết để cho mạng vong,

5. **Tenamaranam**: Loài Hữu Tình ấy phải mạng vong do bởi sự cố quyết ấy.

Khi hành động tạo tác hội đủ cả năm Chi Pháp (yếu tố) như đã vừa đề cập đến ở tại đây, coi như thế là người ấy đã tác hành *Xâm Phạm Nghiệp Đạo*. Thế nhưng, nếu như hành động tạo tác ấy đã không hội đủ cả năm yếu tố, thì cũng bất thành tựu một Nghiệp Đạo.

32. Hỏi: Có bao nhiêu thể loại Nỗ Lực (**Payoga**), tức là sự cố gắng liên quan với Sát Mạng? Là những chi?

Đáp: Sự Nỗ Lực (**Payoga – Phán Đấu**) tức là sự cố gắng, và có được sáu thể loại, ấy là:

1. **Tự Chế Thủ Công (Sāhatthika)**: Sự nỗ lực do tự nơi bản thân mình thực hiện.
2. **Mệnh Lệnh (Āṇattika)**: Sự nỗ lực bằng cách sai bảo để cho người khác thực hiện.
3. **Phóng Khí (Nissaggiya)**: Sự nỗ lực với việc quăng ném vũ khí, liệng vũ khí, v.v.
4. **Kiên Cố (Thāvara)**: Sự nỗ lực với việc tạo dựng các vật dụng sát hại một cách kiên cố, có việc đào hầm hố nguy trang, làm ra con dao, làm sợi dây treo, v.v.
5. **Ma Thuật (Vijjāmaya)**: Sự nỗ lực với việc sử dụng các loại thần chú và ma thuật.
6. **Thần Lực (Iddhimaya)**: Sự nỗ lực với việc sử dụng thần thông ở phần *Quyền Thuật Nghiệp Lực (Kammajiddhi)* của mình, chẳng hạn như trừng mắt nhìn chăm bắm, và gõ vào răng nanh của mình, v.v.

33. Hỏi: Việc tạo tác Sát Mạng Nghiệp Đạo thuộc loại *Chuyên Nhất (Uddissa)* và *Bất Chuyên Nhất (Anuddissa)* ấy, có trạng thái tạo tác khác biệt như thế nào?

Đáp: Trong cả hai thể loại Nỗ Lực (**Payoga**), đó là: *Tự Chế Thủ Công Nỗ Lực (Sāhatthikapayoga)* và *Phóng Khí Nỗ Lực (Nissaggiyapayoga)* đây, từng mỗi điều đã được chia ra làm hai thể loại, là:

1. **Chuyên Nhất (Uddissa)**: Việc sát mạng với sự chủ tâm.
2. **Bất Chuyên Nhất (Anuddissa)**: Việc sát mạng không có sự chủ tâm.

1. **Việc sát mạng với sự chủ tâm**: chẳng hạn như có một con cò trắng đang đậu ở trên lưng trâu. Kẻ sát nhân có sự chủ tâm sẽ bắn con cò trắng ấy, thế rồi đã nã đạn và trúng cò trắng ấy dẫn đến tử vong. Như vậy, kẻ sát nhân coi như đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo (Kammapatha)*, và đã hoàn thành việc sát mạng một

cách trọn vẹn. Tuy nhiên, nếu như không bắn trúng cò trắng mà trái lại trúng phải trâu chết, như vậy kẻ sát nhân đã không thành tựu việc sát mạng, bởi vì đã không hội đủ *yếu tố Nỗ Lực (Payoga)*, đã thiếu mất ở trong điều *Vadhakacitta* (là có Tâm nghĩ tưởng sẽ sát hại mạng sống ấy, Sát Nhân Giả Tâm). Và sự Nỗ Lực tức là Tâm của người ấy đã không có chủ tâm sẽ sát mạng trâu kia, và sự nỗ lực ở trong việc sát mạng ấy cũng chẳng phải là sự nỗ lực để sẽ giết chết trâu. Ứng hợp như Ngài Giáo Sư *Buddhaghosa* đã có trình bày để ở trong bộ *Chú Giải Chương Bất Cộng Trụ (Pārājikakaṇḍa Atthakathā)* và bộ *Chú Giải Tiểu Bộ Kinh (Khuddakapāṭha Atthakathā)* nói rằng: *“Uddissake yaṃ uddissa paharati tasseva maraṇena kammabaddho”*- Dịch nghĩa là: *“Trong việc sát mạng loài Hữu Tình một cách có sự chủ tâm ấy, đó là kẻ sát nhân có sự chủ tâm để sát hại đối với bất luận một loài Hữu Tình nào, và nếu như chính ngay loài Hữu Tình ấy đã phải tử vong, thì mới sẽ phán quyết được rằng “đã thành tựu việc sát mạng”*”.

2. *Việc sát mạng không có sự chủ tâm*: chẳng hạn như kẻ sát nhân đã có được trông thấy có rất nhiều loài Hữu Tình với số lượng nhiều hơn một, và như thế đã có việc định bụng để sát hại không có sự chủ tâm bất kể là một con nào, trúng vào bất luận con nào cũng được. Thế rồi đã bắn hoặc đánh, hoặc chém vào loài Hữu Tình ấy sẽ phải tử vong với bao nhiêu con cũng được. Như vậy, kẻ sát nhân coi như đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo (Kammapatha)*, và đã hoàn thành việc sát mạng một cách trọn vẹn. Nam nhân *K* đã có sự tức giận vào một con chó, và đã có sự chủ tâm sẽ sát hại cho chết đi. Thế rồi đã đánh mạnh vào con chó ấy một cách dữ dội, ngẫu nhiên con chó ấy lại không phải chết mà chỉ có bị thương tích, và đã phải đón nhận sự đau đớn vô cùng. Tiếp đến, nam nhân *K* lại khởi sinh lên sự tức giận vào con chó ấy một lần nữa, tuy nhiên lần này không có sự chủ tâm để sẽ sát hại, mà chỉ có việc đánh đập mà thôi. Thế rồi đã đánh mạnh vào, và con chó ấy đã phải đón nhận thêm nhiều thương tích. Vết thương mới đã bồi thêm vết thương cũ, đã làm thành tác nhân cho vết thương cũ trở nên trầm trọng thêm lên, và đã khiến cho con chó ấy phải tử vong. Như vậy tính được rằng nam nhân *K* đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo (Kammapatha)*, đó là *Sát Mạng Nghiệp Lực (Pāṇātipāta kamma)*. Nếu như con chó ấy đã chết do bởi việc bị đánh đập ở lần thứ hai, chỉ với việc bị đánh đập là chủ yếu, như vậy không tính được rằng nam nhân *K* đã *Xâm Phạm Nghiệp Đạo*, bởi vì không có *Tư Tác Ý* sẽ sát hại cho phải chết đi.

34. *Hỏi*: Con trẻ là hàng Nhân Loại sát mạng người Cha cùng là hàng Nhân Loại với nhau, tuy nhiên người Cha ấy đã chuyển đổi giới tính thành hàng Nữ Nhân ?

Con trẻ là Nhân Loại sát mạng người Cha là loài Hữu Tình Bàng Sanh ? Con trẻ là loài Hữu Tình Bàng Sanh sát mạng người Cha là hàng Nhân Loại ? Con trẻ là loài Hữu Tình Bàng Sanh sát mạng người Cha cùng là loài Hữu Tình Bàng Sanh với nhau ? Việc tạo tác của con trẻ qua bốn trường hợp này, thì việc tác của trường hợp nào là Sát Phụ Nghiệp Lực ?

Đáp: Trường hợp con trẻ thứ nhất mà sát mạng người Cha cùng là hàng Nhân Loại với nhau, cho dù người Cha ấy đã chuyển đổi giới tính trở thành nữ nhân đi nữa, thì hành động tạo tác ấy cũng vẫn sắp thành Sát Phụ Nghiệp Lực.

+ Còn hành động tạo tác của trường hợp con trẻ thứ 2 – 3 – 4 với người Cha, qua việc không cùng là hàng Nhân Loại với nhau ấy, thì sắp là bất thành Sát Phụ Nghiệp Lực, tuy nhiên cái Nghiệp Lực này cũng được tính là loại Nghiệp Lực nghiêm trọng xấp xỉ với Sát Phụ Nghiệp Lực.

35. *Hỏi:* Con trẻ sát mạng Mẹ Cha mà không nhận thức được rằng ấy là Mẹ Cha của mình, và Mẹ Cha đã bị sát mạng ấy cũng không nhận thức được rằng ấy là con trẻ của mình, như vậy sẽ sắp thành Vô Gián Nghiệp Lực hay không ? Luôn cả nêu lên cơ sở để dẫn chứng với.

Đáp: Điều này giải đáp rằng: “Cho dù sẽ không nhận thức được rằng ấy là người Mẹ, là người Cha và là con trẻ với nhau, tuy nhiên dựa theo thực tính thì quả thực là kẻ sát nhân và người bị sát hại cùng là Mẹ Cha và con trẻ với nhau, do vậy mới vẫn phải sắp thành Vô Gián Nghiệp Lực.”

Vì thế cho nên Bậc Đại Giáo Thọ Sư mới trình bày đề ở trong bộ *Chú Giải Luật Đại Phẩm (Vinayamahāvagga Atthakathā)* nói rằng: “*Sace pi hi vesiyā putto hoti, ayam ye pitāti najānāti, yassa sambhavana nibbatta pita so ce anena ghātito pitughātakotevva saṅkhayaṃ gacchati anantariyañca phusati*”- Dịch nghĩa rằng: “Cho dù sẽ là con trai của một nàng kỹ nữ mà không nhận thức được rằng nam nhân ấy là người Cha của mình đi nữa, tuy nhiên do căn cứ vào chất tinh dịch của người nam nào đã cho mình sự sản sinh thì chính vị nam nhân ấy đã là người Cha của mình. Nếu như người con trai ấy sát hại nam nhân mà đã cho mình sự sản sinh thì cũng bị liệt vào kẻ sát hại người Cha, và ắt hẳn dẫn đến thành Vô Gián Nghiệp Lực.”

Con trẻ sát hại người Cha, người Mẹ bởi do đã có sự hiểu biết sai lầm, do đã nghĩ rằng đó chỉ là loài Hữu Tình hoặc là kẻ đạo tặc, như vậy vẫn sắp thành Vô Gián Nghiệp Lực.

+ Chẳng hạn như tích truyện một nam nhân chủ tâm sẽ sát hại một con dê thường ưa thích lên đến ăn cây trồng của ông ta vào lúc giữa đêm khuya. Như thế trong một ngày, vào lúc nửa đêm đúng thời gian dê lại đến ăn, thì nam nhân ấy

đã cầm súng ra để bắn dê, ấy mà bất chợt trong thời điểm ấy, người Mẹ hoặc người Cha của anh ta đang ngồi đúng ngay chỗ dê đã từng đi đến. Nam nhân ấy đã hiểu biết sai lầm để nghĩ rằng đó chỉ là dê đã đến, và vì lẽ lúc ấy đã là thời gian giữa đêm khuya việc nhìn thấy lại không được rõ ràng, nên đã bắn trúng vào người Cha hoặc người Mẹ phải tử vong.

- + Hoặc có một nam nhân chủ tâm sẽ sát hại kẻ đạo tặc lên vào trong khu vực nhà ở của mình giữa đêm khuya. Ngay khi vừa trông thấy cái bóng của người bước vào trong khu vực nhà ở, thì liền hiểu biết đó là kẻ đạo tặc, nên đã vội cầm lấy súng bắn đi, nhưng ngẫu nhiên người đã bị bắn ấy chẳng phải là kẻ đạo tặc, mà trái lại là người Cha hoặc người Mẹ của mình đã bị trúng đạn và phải tử vong, bởi do sự hiểu biết sai lầm của con trẻ.

Vì thế, hành động tạo tác của cả hai nam nhân đã vừa đề cập ở tại đây, mới phải tính là đã dẫn đến thành *Vô Gian Nghiệp Lực*.

- + Người chiến sĩ ra ở ngoài bãi chiến trường trông thấy người Cha của mình đi đến cùng với người lính phía bên thù địch, thì cũng chủ tâm sẽ bắn các binh lính ấy cùng với nghĩ suy rằng “*nếu như các binh lính ấy đã bị bắn rồi, thì người Cha cũng sẽ được trốn thoát*”. Thế rồi đã thực hiện việc xạ thủ, nhưng bất chợt viên đạn lại trúng vào người Cha của mình và đã dẫn đến sự tử vong. Như vậy, hành động tạo tác của người chiến sĩ ấy có được sắp thành *Vô Gian Nghiệp Lực* hay không? Ngài Chú Giải Sư nói rằng “*không sắp thành Vô Gian Nghiệp Lực, nhưng vẫn được gọi là kẻ sát phụ.*”

Cả ba tích truyện đã được nêu lên để trình bày ở tại đây, là đã được trích ở trong bộ *Chú Giải Hoàn Bảo Tề Toàn (Samantapāsādikā Atthakathā)*.

36. Hỏi: *Tội nhân phải thụ lãnh đến án tội tử hình. Trong sát na nhà chức trách dẫn tội nhân đến để thi hành án tử, thì đã có một người có tấm lòng bi mẫn đến khẩn cầu xin với nhà chức trách ấy, xin cho được giảm bớt tội tử việc tử hình cho xuống đến tội chỉ là việc tòng xẻo cắt tay chặt chân. Nhà chức trách đã thực hiện theo lời khẩn cầu ấy, và như vậy, kẻ khẩn cầu cho cắt tay chặt chân của tội nhân ấy sẽ phải là Bất Thiện hay không ?*

Đáp: Giải đáp rằng “*chẳng phải là Bất Thiện, mà trái lại là Thiện Thí Sinh Mạng (Jīvitadānakusala).*” Vì thế cho nên Ngài Trưởng Lão *Nāgasena* mới đề cập đề ở trong bộ *Vua Milinda Sở Vấn Kinh (Milindapañhā)* nói rằng: “*Na kiñci apuññaṃ āpajjeyya*”- Dịch nghĩa là: “*Người ấy chẳng phải bị dẫn đến Bất Thiện Nghiệp chút nào cả.*”

37. Hỏi: Hãy trình bày câu kệ đã trình bày tác nhân đã làm cho người Mẹ hoài thai, và luôn cả lời dịch.

Đáp: Có tám tác nhân đã làm cho người Mẹ hoài thai, đó là:

Methunaṃ colagahaṇaṃ Saṃsaggo nābhyāmasanaṃ
Pānaṃ dassanaṃ savanaṃ Ghāyanaṃ gabbhahetavo

Dịch nghĩa là: “Có tám tác nhân đã làm cho người Mẹ hoài thai, đó là:

- Qua việc tính giao.
- Bằng cách lấy vải thấm tinh dịch của người nam bỏ vào trong cửa sản môn.
- Bằng cách người nam xúc chạm cơ thể.
- Bằng cách người nam xoa vuốt cái rốn.
- Bằng cách uống tinh dịch của người nam.
- Bằng cách ngắm nhìn vào cơ thể của người nam.
- Bằng cách lắng nghe âm thanh của người nam.
- Bằng cách được ngửi mùi hơi của người nam.

(Trích ở trong bộ Chú Giải Hoàn Bảo Tể Toàn (*Samantapāsādikā Atthakathā*))

Việc đề cập ở tại đây, là trình bày cho được biết rằng: “Việc sản sinh của loài Hữu Tình ở trong thai phụ mãi cho đến thai bào đã được hiện bày, thì ngoài việc tương phối mầm giống của người nam ra, thì vẫn còn có thêm nhiều tác nhân khác nữa, để mà có khả năng làm cho loài Hữu Tình được sản sinh.” Với lý do này mà trứng gà hoặc trứng vịt, cho dù đã không có được tương phối với con trống đi nữa, thì ắt hẳn cũng đã có loài Hữu Tình sản sinh rồi.

38. Hỏi: Từ ngữ nói rằng “*Adinnadāna*”, khi chiết tự thì có được bao nhiêu từ ngữ? Là những chi? Luôn cả ý nghĩa và trình bày Câu Chú Giải ở từng mỗi điều một.

Đáp: Từ ngữ nói rằng “*Adinnadāna*” đây, khi chiết tự thì có được ba từ ngữ, đó là: “*A + Dinna + Ādāna*”. *A* là từ ngữ phủ định, *Dinna* = vật chất của cái mà chủ nhân cho phép, *Ādāna* = nắm giữ lấy. Khi kết hợp vào nhau thành *Adinnadāna* thì được dịch là “*cướp đoạt lấy vật chất của cái mà không có được chủ nhân cho phép, hoặc là chủ nhân thương yêu quý trọng.*” Từ ngữ “*Adinna*” là vật chất của cái mà không có được chủ nhân cho phép, hoặc chủ nhân thương yêu quý trọng, có ý nghĩa là “*không có được cho phép qua việc viết ra bằng giấy tờ cho phép, hoặc được trao cho bằng tay, hoặc dùng hành động để biểu lộ cử chỉ cho được biết là đã cho phép, chẳng hạn như là ún đẩy đến cho, dùng chân đẩy đến cho, gật gù cho phép, v.v. hoặc nói ra lời cho phép.*” Từ ngữ “*Ādāna*” là việc nắm giữ lấy, tức là ăn cắp, trộm lộn,

cướp, chup giựt, hăm dọa, lừa đảo, tráo đổi, v.v. Trình bày câu Chú Giải ở trong từ ngữ nói rằng *Adinnadāna* “*Na dinnam = Adinnam*”- “*Vật chất của cái mà không có được chủ nhân cho phép, hoặc là chủ nhân thương yêu quý trọng, gọi là Bất Khả Thí (Adinna).*”

“*Adinnassa ādānam = Adinnādānam*”- Việc cướp đoạt lấy vật chất của cái mà không có được chủ nhân cho phép, gọi là *Thâu Đạo (Adinnādāna – Trộm Cắp)*. Hoặc một phần khác nữa:

“*Adinnam ādīyanti etenāti = Adinnādānam*”- Tất cả Nhân Loại thường cướp đoạt lấy vật chất của cái mà chủ nhân thương yêu quý trọng với *Pháp Chủng* ấy, do đó *Pháp Chủng* làm thành tác nhân ở trong việc cướp đoạt lấy vật chất của cái mà chủ nhân thương yêu quý trọng ấy, gọi là *Thâu Đạo (Adinnādāna – Trộm Cắp)*. Tức là *Đạo Tặc Tư Tác Ý (Theyyacetanā – Cố Tặc Đạo Giả)*, nghĩa là *Tư Tác Ý* làm thành tác nhân ở trong việc trộm cắp tài sản. *Đạo Tặc Tư Tác Ý* này có được hai thể loại *Nỗ Lực (Payoga – Phấn Đấu)*, có được cả *Thân Nỗ Lực (Kāyapayoga)* là việc trộm cắp với tự thân tác hành và *Ngữ Nỗ Lực (Vācīpayoga)* là dùng lời nói để lừa đảo.

39. *Hỏi: Việc tạo tác thể loại Bất Thiện Thâu Đạo hình thành việc Xâm Phạm Nghiệp Đạo ấy, cần phải với bao nhiêu Chi Pháp? Là những chi? Luôn cả hãy trình bày Chi Pháp Nỗ Lực với.*

Đáp: Việc tạo tác thể loại Bất Thiện Thâu Đạo hình thành việc Xâm Phạm Nghiệp Đạo ấy, thì cần phải phối hợp với năm Chi Pháp, đó là:

1. *Thủ Hộ Tha Nhân (Parapariggahitam):* Vật chất của cái mà có chủ nhân thủ hộ gìn giữ.
2. *Tướng Tri Thủ Hộ Tha Nhân (Parapariggahita saññitā):* Biết rằng vật chất của cái ấy có chủ nhân thủ hộ gìn giữ.
3. *Đạo Tặc Tâm (Theyyacittam):* Có Tâm nghĩ tưởng sẽ trộm cắp,
4. *Nỗ Lực (Payogo):* Thực hiện sự cố quyết để trộm cắp,
5. *Đạo Chích (Avahāro):* Có được của cái ấy do bởi sự cố quyết.

Khi hành động tạo tác hội đủ cả năm Chi Pháp như đã vừa đề cập đến ở tại đây, coi như thể là người ấy đã tác hành *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* rồi. Thế nhưng, nếu như hành động tạo tác ấy đã không hội đủ cả năm Chi Pháp, thì cũng bất thành tựu một *Nghiệp Đạo*.

Sự Nỗ Lực (Payoga – Phấn Đấu) tức là sự cố gắng, và có được sáu thể loại (tương tự *Sự Nỗ Lực* ở trong *Sát Mạng Nghiệp Lực*), đó là:

1. *Tự Chế Thủ Công (Sāhatthika):* Trộm cắp do tự bản thân mình thực hiện.

2. **Mệnh Lệnh (*Ānattika*):** Sai bảo để cho người khác trộm cắp, qua việc dùng lời nói hay là viết ra bằng giấy tờ.
3. **Phóng Khí (*Nissaggiya*):** Lén liếng bỏ vật chất của cải, chẳng hạn như lén lấy vật chất của cải mà phải bị nộp thuế đem liếng ra khỏi khu vực của mình.
4. **Kiên Cố (*Thāvara*):** Chỉ thị với đồng bọn nói rằng “*nếu như bất luận thời gian nào mà có được cơ hội thì hãy nên cố gắng trộm lấy những của cải vật chất ấy cho sớm mau được thành công.*” Việc chỉ thị như vậy cũng được kể là đã thành tựu một thể loại *Thâu Đạo Nghiệp Lực*, cho dù sẽ mất thời gian dài bao nhiêu lâu đi nữa. Và được gọi là *Cử Liệt Thành Quả (*Attha sādḥaka*)*, tức là thường làm cho hoàn tất trong việc trộm lấy tài sản. Hoặc có *Tư Tác Ý* sẽ làm hư hại tài sản của cải của người khác cho phải bị tổn thất đi, chẳng hạn như lấy vải bỏ vào trong thùng sắt có chứa dầu thô để cho vải ấy hút lấy dầu thô mà phải bị khô cứng đi.
5. **Ma Thuật (*Vijjāmaya*):** Sử dụng các loại thần chú và ma thuật làm cho chủ nhân tài sản ấy phải bị say đắm, mê mẩn, và chết lịm đi, để rồi cầm lấy những của cải tài sản ấy đem đến trao cho mình. Hoặc sử dụng câu thần chú thôi miên làm cho chủ nhân tài sản ấy phải bị ngủ thiếp đi và đi vào trộm lấy những tài sản ấy đi, v.v.
6. **Thần Lực (*Iddhimaya*):** Sử dụng các loại thần thông ở phần không có liên quan với *Ma Thuật*. Tuy nhiên người đã có thần thông đây, hẳn nhiên là không có thực hiện việc *Thâu Đạo*, là phần thuộc về *Thị Phi Thế Gian (*Lokavajja*)*, nghĩa là tạo tác các điều xấu xa tội lỗi trong con đường thế tục. Chỉ thực hiện ở trong điều mà sử dụng hằng đem lại giá trị hữu ích, và vị chủ nhân ấy ắt hẳn cũng không có bất luận một sự thiệt hại nào.

40. **Hỏi:** *Hãy phân tích vật chất có chủ đi theo một cách thứ tự, thì có được bao nhiêu thể loại? Là những chi? Và hãy trình bày việc trộm lấy ở thể loại nào thì có tội nhiều nhất và ít nhiều tội lỗi.*

Đáp: Khi phân tích vật chất có chủ thì thường hiện hữu ở bốn thể loại, ấy là:

1. **Cư Sĩ Hữu Sản (*Gihisantaka*):** Tài sản ấy là của người cư sĩ tại gia.
2. **Nhân Sĩ Hữu Sản (*Puggalasantaka*):** Tài sản ấy là của bất luận một vị Tỷ Khuru hoặc của một vị Sa Di nào đó.
3. **Quần Tập Hữu Sản (*Gaṇasantaka*):** Tài sản ấy là của 2 – 3 vị Tỷ Khuru hoặc là của 2 – 3 vị Sa Di.
4. **Tăng Đoàn Hữu Sản (*Saṅghasantaka*):** Tài sản ấy là của Chư Tỷ Khuru kể từ 4 vị trở lên hoặc là của Chư Sa Di kể từ 4 vị trở lên.

Trong tất cả những bốn thể loại của cái này, theo một cách trình tự có với nhau như sau:

- + Người nào trộm lấy tài sản ở thể loại *Nhân Sĩ Hữu Sản* thì thường là có tội nặng hơn thể loại *Cư Sĩ Hữu Sản*.
- + Người nào trộm lấy tài sản ở thể loại *Quần Tập Hữu Sản* thì thường là có tội nặng hơn thể loại *Nhân Sĩ Hữu Sản*.
- + Người nào trộm lấy tài sản ở thể loại *Tăng Đoàn Hữu Sản* thì thường là có tội nặng hơn thể loại *Quần Tập Hữu Sản*.

Một phần khác nữa, vật chất mà đã có chủ thì thường hiện hữu ở năm thể loại, đó là:

1. *Phàm Phu Hữu Sản (Puthujjanasantaka)*: Tài sản ấy là của hạng Phàm Phu.
2. *Thất Lai Hữu Sản (Sotāpannasantaka)*: Tài sản ấy là của bậc Thất Lai.
3. *Nhất Lai Hữu Sản (Sakadāgāmīsantaka)*: Tài sản ấy là của bậc Nhất Lai.
4. *Bất Lai Hữu Sản (Anāgāmīsantaka)*: Tài sản ấy là của bậc Bất Lai.
5. *Vô Sinh Hữu Sản (Arahantasantaka)*: Tài sản ấy là của bậc Vô Sinh.

Phải bị thụ lãnh tội lỗi từ ở nơi việc trộm lấy tài sản, thì thường có nhiều ít là tùy theo trình tự ở thứ bậc. Đối với việc trộm lấy tài sản của bậc Vô Sinh ấy, thì ắt hẳn có nhiều tội lỗi hơn hết.

41. Hỏi: *Hãy trình bày một cách trình tự về 25 thể loại của việc trộm cắp, đặc biệt chỉ riêng phần chánh yếu quan trọng.*

Đáp: Có 25 Thể Loại Trộm Cắp Hình Thành Thâu Đạo Nghiệp Lục, đó là:

1. *Các Cá Vật Phẩm* có 5 phần (*Nānābhaṇḍa Pañcaka*): Có năm thể loại trong việc trộm lấy đủ các loại của cải tài sản, có cả sinh mạng và không có sinh mạng.
2. *Nhất Cá Vật Phẩm* có 5 phần (*Ekabhaṇḍa Pañcaka*): Có năm thể loại trong việc trộm lấy chỉ đặc biệt với vật thể hữu sinh mạng.
3. *Tự Chế Thủ Công* có 5 phần (*Sāhatthika Pañcaka*): Có năm thể loại trong việc trộm lấy với tự bản thân mình.
4. *Tiền Lự Nỗ Lự* có 5 phần (*Pubbepayoga Pañcaka*): Có năm thể loại hành động tạo tác hoàn thành *Thâu Đạo Nghiệp Lục* trước khi sẽ hạ thủ trộm lấy.
5. *Đạo Tặc Cố Lự* có 5 phần (*Theyyāvahāra Pañcaka*): Việc lừa đảo, tráo trác của cải tài sản, tạo ra hàng giả mạo lừa gạt, âm thầm đục tường khoét vách trộm cắp mà không cho chủ nhân hay biết; với những sự việc này có được năm thể loại. Kết hợp lại, thì có được 25 thể loại của việc trộm cắp.

42. Hỏi: Trong nhóm Đạo Tặc Cố Lực Ngũ Phần (*Theyyāvahāra Pañcaka*) đây, thì Đạo Tặc Cố Lực có liên quan dính líu với việc gian lận, và Ngài đã được chia ra làm bao nhiêu thể loại? Là những chi?

Đáp: Trong nhóm Đạo Tặc Cố Lực Ngũ Phần (*Theyyāvahāra Pañcaka*) đây, có liên quan dính líu với việc gian lận, và đã được chia ra bốn thể loại, đó là:

1. **Đấu Xứng Gian Lận (*Mānakūṭa*)**: sự gian lận liên quan với việc đong đếm vật phẩm hàng hóa qua việc sử dụng dụng cụ cân đo, như có bồ thúng, rá rổ, thùng sắt, v.v.
2. **Thiên Bình Gian Lận (*Tulakūṭa*)**: sự gian lận liên quan qua việc sử dụng cái cân.
3. **Vật Phẩm Gian Lận (*Kamsakūṭa*)**: sự gian lận liên quan với việc trao đổi vật phẩm hàng hóa, như có thau, chậu, chén, bát, đĩa, v.v.
4. **Kim Tiền Gian Lận (*Kahāpanakūṭa*)**: sự gian lận liên quan với việc làm tiền bạc giả, làm giấy bạc giả.

43. Hỏi: Việc đấu xứng gian lận và thiên bình gian lận, ở từng mỗi điều ấy có được bao nhiêu thể loại? Là những chi?

Đáp: **Đấu Xứng Gian Lận** đã được phân chia ra làm ba thể loại, đó là:

- **Hadayabheda** – Đố Hạ Thể Cách
- **Sīkhābheda** - Thông Man Thể Cách
- **Rajjubheda** – Trắc Lượng Thể Cách

Và **Thiên Bình Gian Lận** lại được phân chia ra làm bốn thể loại, đó là:

- **Rūpakūṭa** – Tỷ Trọng Gian Lận
- **Aṅgakūṭa** – Cân Lượng Gian Lận
- **Gahaṇakūṭa** – Chiếm Lạm Gian Lận
- **Paṭicchannakūṭa** - Ẩn Lậu Gian Lận

44. Hỏi: Từ ngữ nói rằng “**Kāmesumicchārū**”, khi chiết tự ra thì có được bao nhiêu từ ngữ? Là những chi? Và người tạo tác thể loại Bất Thiện Tính Dục Tà Hạnh hình thành Xâm Phạm Nghiệp Đạo ấy, thì cần phải phối hợp với bao nhiêu Chi Pháp?

Đáp: Từ ngữ nói rằng “**Kāmesumicchārū**” đây, khi chiết tự thì có được ba từ ngữ, đó là: “**Kāmesu + Micchā + Cara**”. **Kāmesu** = Trong việc tính giao (**Kāmesūti methunasamācāresu** – Tính Giao Phạm Dâm Hạnh), **Micchā** = Hối Dâm, có nghĩa “chắc hẳn là bị tất cả các bậc Hiền Triết quở trách”, **Cara** = Tác Hành (**Ekanta nindito lāmakācāro** – Nhất Định Quở Trách Hối Dâm Hạnh).

Khi kết hợp lại với nhau thành “*Kāmesumicchāra*” dịch nghĩa là “*Sự tác hành hối dâm trong việc tính giao.*” Trình bày câu Chú Giải trong từ ngữ nói rằng “*Kāmesumicchāra*”: “*Micchā caraṇaṃ = Micchācāro*”- Sự tà hạnh, tức là sự tác hành hối dâm mà chắc hẳn bị tất cả các bậc Hiền Triết quả trách, gọi là *Tà Hạnh*.

“*Kāmesu micchācāro = Kāmesumicchācāro*” (*Aluttasamāsa*) – “*Sự tà hạnh tức là tác hành hối dâm trong việc tính giao mà chắc hẳn là bị tất cả các bậc Hiền Triết quả trách, được gọi là “Tính Dục Tà Hạnh”.*”

Hoặc một trường hợp khác nữa:

“*Kāmesu micchā caranti etenāti = Kāmesumicchācāro*”- Những người thường luôn tà hạnh trong việc tính giao với Pháp ấy, như thế Pháp mà thành tác nhân của sự tà hạnh trong việc tính giao ấy, được gọi là *Tính Dục Tà Hạnh*, tức là *Tư Tác Ý Hối Dâm (Methunasavanacetanā)* phối hợp với *Tâm Đồng Lược Tham (Lobhajavana)*.

Việc tạo tác thể loại *Bất Thiện Tính Dục Tà Hạnh* hình thành *Xâm Phạm Nghiệp Đạo* ấy, thì cần phải phối hợp với bốn Chi Pháp, ấy là:

1. *Vật Thể Bất Khả Xâm Phạm (Agamaniyavatthu)*: Vật thể không nên dính lú vào hoặc liên quan đến.
2. *Tâm Tư Kết Liên (Tasmim sevanacittam)*: Có tâm tư nghĩ tưởng sẽ tính giao ở trong vật thể ấy.
3. *Nỗ Lược (Payogo)*: Có sự cố quyết để tính giao.
4. *Đạo Hành Tạo Lập (Maggenamaggapaṭipatanti addivāsam)*: Có sự duyệt ý ở trong việc kết hợp đạo hành lẫn nhau.

Khi hành động tạo tác hội đủ cả bốn yếu tố như đã vừa đề cập đến ở tại đây, coi như thế là người ấy đã tác hành *Xâm Phạm Nghiệp Đạo Tính Dục Tà Hạnh* rồi. Thế nhưng, nếu như hành động tạo tác ấy đã không hội đủ cả bốn yếu tố, thì cũng bất thành tựu một *Nghiệp Đạo*.

45. *Hỏi*: *Hãy trình bày hàng nữ giới mà nam nhân không nên dính lú vào có được bao nhiêu nhóm; và hàng nữ nhân nào khi đã xúc phạm rồi, nhưng vẫn không thành Xâm Phạm Tính Dục Tà Hạnh ? Và hàng nữ nhân nào đã xúc phạm và thành Xâm Phạm Tính Dục Tà Hạnh ?*

Đáp: Có 20 nhóm người Nữ hoặc Nam không nên dính lú vào, đó là:

**Mā – Pi – Māpi – Bha – Bhā – Nā – Go – Dhamma – Sa – Sā
Dha – Chan – Bho – Pa – O – O – Dha – Kamma – Dā – Muhā**

1. *Mẫu Thân Quán Hạt (Māturakkhitā)*: Người Nữ có người Mẹ trông nom, vì lẽ người Cha đã mất hoặc không được sống với người Mẹ.
2. *Phụ Thân Quán Hạt (Piturakkhitā)*: Người Nữ có người Cha trông nom.
3. *Phụ Mẫu Quán Hạt (Mātāpiturakkhitā)*: Người Nữ có Mẹ Cha trông nom. (Nếu như người Nữ chỉ có người Mẹ trông nom, thì người Nữ ấy không được gọi là *Phụ Thân Quán Hạt*. Nếu như người Nữ chỉ có người Cha trông nom, thì người Nữ ấy không được gọi là *Mẫu Thân Quán Hạt*. Nếu như người Nữ ấy có cả Mẹ và Cha trông nom, thì người Nữ ấy cũng không được gọi là *Mẫu Thân Quán Hạt*, và *Phụ Thân Quán Hạt*, vì lẽ ở trong thuộc diện *Phụ Mẫu Quán Hạt*, tức là có được cả hai người Mẹ và Cha trông nom).
4. *Tỷ Muội Quán Hạt (Bhaginīrakkhitā)*: Người Nữ có người Chị gái trông nom, hoặc người Em gái thành người trông coi gìn giữ.
5. *Huynh Đệ Quán Hạt (Bhāturakkhitā)*: Người Nữ có người Anh trai trông nom, hoặc người Em trai thành người trông coi gìn giữ.
6. *Gia Quyến Quán Hạt (Nātirakkhitā)*: Người Nữ có quyến thuộc thành người trông nom.
7. *Tông Môn Quán Hạt (Gottarakkhitā)*: Người Nữ có cùng một gia tộc với nhau, hoặc cùng một dòng giống với nhau, thành người trông nom. (Chỗ nói rằng “*cùng một dòng giống với nhau làm thành người trông nom*” lập ý đến người Nữ đang sinh sống ở ngoại quốc và ở trong sự trông nom của người đồng hương với mình, như có tòa đại sứ, v.v.)
8. *Giới Pháp Quán Hạt (Dhammarakkhitā)*: Người Nữ có người đồng Phạm Hạnh tiên tu Giới Pháp với nhau, làm thành người trông nom. Chẳng hạn như người Nữ xuất gia làm Nữ Tu thì có vị Trưởng Chúng (*Ni Trưởng*) làm thành người trông nom, v.v. Vì thế cho nên ở trong bộ *Phụ Chú Giải Cốt Yếu Giải Minh (Sāratthadīpanīṭikā)* đã có nói rằng: “*Ekam satthāraṃ uddissa pabbajītehīti iminā paṇḍaraṅga paribbājikā dayo dasseti*”- Dịch nghĩa là: “*Ngài Chú Giải Sư đã có trình bày để được biết đến hạng Nữ Tu Sĩ Lang Thang (Paribbājikā) v.v. đã vắn mặc bạch y qua việc dùng từ ngữ nói rằng “Bậc đã xuất gia công hiến bản thân mình đến Giáo Pháp của Đức Phật Chánh Đẳng Giác.”*”
9. *Quản Thúc (Saparidaṇḍā)*: Người Nữ đang bị nhà Vua hoặc người có quyền lực giam giữ. (Chẳng hạn như nhà chánh quyền đang giam giữ, không cho hành động theo ý muốn của mình).
10. *Giám Hộ (Sārakkhā)*: Người Nữ đã có người cả quyết từ khi còn ở trong hoài thai (*lệ tục tảo hôn*) hoặc người Nữ là đôi lứa đã đính hôn. Cả hai nhóm người Nữ - *Quản Thúc (Saparidaṇḍā)* và *Giám Hộ (Sārakkhā)* đây, là hạng người Nữ

đã không có được tự do, tức là đã có vị chủ nhân rồi. Nếu như tự bản thân lại ưa thích đem trao tặng xác thân cho đến nam nhân khác, thì chẳng khác gì tự bản thân đã trộm lấy của mình mà đã có chủ nhân tâng tiu quý trọng để đem cho đến người khác vậy. Như thế, người Nữ ấy coi như đã *Xâm Phạm Tính Dục Tà Hạnh*. Vì thế, Ngài Phụ Chú Giải Sư mới trình bày để ở trong bộ *Phụ Chú Giải Thập Tam Chương (Terasakaṇḍaṭṭkā)* nói rằng: **“Pacchimānaṃ dvinnaṃ ti sārakkhā saparidaṇḍānaṃ micchācāro hoti tāsam sassāmikabhāvato”**- Dịch nghĩa là: *“Hai hạng người Nữ ở đằng cuối, tức là Quản Thúc và Giám Hộ đây, nếu như đã đồng ý trao thân mình cho đến nam nhân khác thì coi như đã phạm Tà Hạnh, vì lẽ những hạng người Nữ này là người đã có chủ nhân rồi.”* Đối với người Nữ đã bị nhà nước trừng phạt giam giữ, và không được gọi là nhóm người Nữ thuộc diện *Quản Thúc* hoặc *Giám Hộ*, thì cho dù sẽ có nhà chức trách trông coi quản thúc và sự hiện hành cũng y như thể với nhóm người Nữ thuộc diện *Mẫu Thân Quản Hạt, Phụ Thân Quản Hạt* đi nữa, nếu là như thế mà nhóm người Nữ này sẽ đem trao thân mình đến nam nhân nào, thì cũng không coi đó là *Xâm Phạm Tính Dục Tà Hạnh*.

11. **Kim Tiền Mại Hôn (Dhanakkūtā):** Người Nữ mà có người Nam đến mua, chẳng hạn như người Nữ đã đến từ ở nước ngoài lại không có thủy cước phí. Khi đã đi đến quyết định rồi, thì chủ tàu đã sắp bày việc bán đấu giá người Nữ ấy, và đã có người Nam đến xuất tiền ra giải cứu người Nữ ấy đi. Hoặc người Nữ đã có nô lệ phí do bởi Mẹ Cha đem gả bán và có người Nam chủ nhân xuất tiền ra thanh toán để giải cứu người Nữ ấy đi, chẳng hạn như vậy; thế là nhóm người Nữ này đã được gọi là *Kim Tiền Mại Hôn*.
12. **Đồng Thuận Trụ Hộ (Chandavāsini):** Người Nữ một cách tự nguyện đến ở với người Nam, chẳng hạn như người Nữ lân ái bất luận một người Nam nào đó mà Mẹ Cha đã bất duyệt ý gả cho. Người Nữ ấy đã bỏ trốn đi và ở với người Nam ấy; thế là nhóm người Nữ này đã được gọi là *Đồng Thuận Trụ Hộ*. Đối với người Nam lân ái nhóm người Nữ này để cho làm thành người vợ, thì không được gọi là *Tính Dục Tà Hạnh*.
13. **Tài Sản Trụ Hộ (Bhogavāsini):** Người Nữ đồng ý làm vợ của người Nam do bởi lòng mong muốn ở trong tài sản của cải.
14. **Y Phục Trụ Hộ (Paṭavāsini):** Người Nữ đồng ý làm vợ của người Nam do bởi lòng mong muốn ở trong vấn đề vấn mặc y phục.
15. **Phong Tục Kết Hôn (Odapattagini):** Người Nữ làm vợ của người Nam với nghi thức của việc kết hôn bằng cách nắm lấy tay cô dâu và chú rể cho nhúng vào trong thau nước. Việc kết hôn theo nghi thức này, bậc Tôn Thượng phía cô dâu và chú rể đã cầm lấy tay của cô dâu và chú rể nhúng vào trong thau nước, và rồi

ban lời chúc phúc đến cô dâu chú rể “xin được sống với sự tương thân tương ái thương yêu hòa hợp với nhau, xin đừng cho có sự chia rẽ cùng nhau giống như một với nước ở trong thau, xin sống tương hòa không có sự bất hòa sứt mẻ lẫn nhau.” Đối với phụ nữ Thái Lan, ở trong việc kết hôn thì vị Trưởng Tộc đã thực hiện “*Lễ Tăng Hội (Saṅgha)* rót nước thành hôn lên trên tay của đôi tân hôn (sẽ bắt đầu vào lúc 4:00 PM)” ở trong nhóm người Nữ thuộc Phong Tục Kết Hôn.

16. *Thoát Ly Giang Đài (Obhataṣumbattā)*: Người Nữ làm vợ của người Nam bởi do người Nam ấy là vị cứu nhân cho thoát khỏi việc khuân vác hàng hóa đội ở trên đầu. Có ý nghĩa là nhóm người Nữ này là hạng người nghèo khổ đã vác đội hàng hóa đi bán buôn mỗi ngày. Một khi có người Nam phát sanh duyệt ý ở trong lòng với người Nữ ấy, đã tiếp đón và cấp dưỡng cho làm thành người vợ. Thế là người Nữ ấy coi như không còn phải vác đội hàng hóa đi bán nữa, và rồi, đã vứt bỏ đi hàng hóa đã chứa đựng ở trong các thùng chứa đựng.
17. *Tù Binh (Dhajāhatā)*: Người Nữ đã là tù binh, rồi bắt làm vợ của người Nam ấy.
18. *Nô Bộc Thê (Kammakārībhariyā)*: Người Nữ đã là kẻ làm thuê mướn công việc ở trong nhà, hoặc ở trong cửa hàng, hãng xưởng của người Nam ấy, và rồi người Nam ấy lấy làm vợ.
19. *Nô Lệ Thê (Dāsībhariyā)*: Người Nữ đã là kẻ tôi tớ ở bên trong nhà của người Nam ấy, rồi người Nam ấy đã lấy làm vợ.
20. *Tạm Bất Khả Cứu (Muhuttikā)*: Người Nữ làm vợ của người Nam chỉ trong chốc lát chứ không có lâu dài.

Người Nữ làm vợ của chín nhóm người Nam, gồm có *Kim Tiền Mại Hôn (Dhanakkīṭā)* v.v. cho đến *Nô Lệ Thê (Dāsībhariyā)* ấy, một khi vẫn còn ở với người Nam ấy thì vẫn được gọi là người vợ chính thức; tuy nhiên đối với *Tạm Bất Khả Cứu Thê (Muhuttikā)* ấy, là hạng người vợ thuê mướn chỉ với thời gian là ba ngày, bảy ngày hoặc là một tháng mà thôi.

Trong tất cả những 20 nhóm người Nữ ấy, thì 8 nhóm người Nữ kể từ *Mẫu Thân Quán Hạt (Māturakkhitā)* v.v. cho đến *Giới Pháp Quán Hạt (Dhamma rakkhitā)*, những nhóm này vẫn chưa có được người chồng làm chủ nhân ở trong xác thân của mình, và chính tự bản thân làm chủ quyền ở trong xác thân của mình. Một khi duyệt ý ở trong người Nam nào rồi, thì sẽ trao tặng xác thân cho đến người Nam ấy, và việc thực hiện như vậy không có sai phạm ở trong điều *Tính Dục Tà Hạnh*. Cho dù sẽ có Mẹ Cha, anh chị em quyến thuộc, v.v. là người trông nom gìn giữ đi nữa, thì cũng chẳng phải là chủ nhân xác thân, mà đó chỉ là người bảo hộ trông nom, và

không cho người Nam được đến hành hạ bắt nạt ngần ấy mà thôi. Tuy nhiên cho dù như thế nào, cho dù sẽ không có tội ở trong con đường Đạo Pháp đi nữa, nhưng ắt hẳn sẽ có tội ở trong con đường Thế Gian. Tức là ắt hẳn phải bị khinh miệt, và bị quả trách đối với tha nhân, sẽ dẫn đến sự xấu hổ, sự khổ tâm buồn lòng ở trong bản thân, và sẽ làm phát sanh điều Bất Thiện cho thành tác nhân dẫn đến sa đọa vào trong *Thống Khổ Địa Giới (Apāyabhūmi)*.

Đối với phía người Nam mà đã có dính líu cùng với chín nhóm người Nữ đã vừa đề cập đến ở tại đây, thì coi như đã là việc *Xâm Phạm Giới Điều Tính Dục Tà Hạnh*. Còn những 12 nhóm người Nữ còn lại, gồm có *Quản Thúc (Saparidaṇḍā)* v.v. cho đến *Tạm Bất Khả Cứu (Muhuttikā)*, những hạng người Nữ này thì đã có chồng rồi, cho dù người Nữ thuộc nhóm *Tạm Bất Khả Cứu (Muhuttikā)* làm vợ của người Nam chỉ trong chốc lát chứ không có được lâu dài đi nữa, thì cũng coi giống như là đã có chồng vậy; và như thế, nếu như những nhóm người Nữ này ngoại tình người Chồng, tự trao thân cho người Nam khác; thế là đã xúc phạm rồi, và coi như đã *Xâm Phạm Giới Điều Tính Dục Tà Hạnh* rồi vậy.

Đối với người Nữ đã là thuộc nhóm kỹ nữ, nếu như có bắt luan một người Nam nào đó đồng ý đi đến để đặt mua bằng cách đã trả tiền trước rồi, nhưng vẫn chưa được kết hợp cho hoàn thành chức nghiệp (*chưa ngã ngũ việc ký kết hợp đồng*), thì trong khoảng thời gian đó, nếu như người Nữ đó lại đồng ý đón nhận tiền thuê bao của với người Nam khác, thì coi như đã là việc *Xâm Phạm Tính Dục Tà Hạnh* rồi vậy.

Trong những 12 nhóm người Nữ này, chẳng phải chỉ sẽ nói rằng *Xâm Phạm Tính Dục Tà Hạnh* với người Nam khác, mà ngay cả sẽ *Xâm Phạm* với Hữu Tình Bàng Sanh là cũng không thể có được tương tự như nhau. Chẳng hạn như tích truyện về Hoàng Hậu *Mallikādevī* của Đức Vua *Pasenadikosala* đã *xâm phạm tính dục* với con chó ở trong buồng tắm, và khi mạng vong thì đã phải tục sinh ở trong *Vô Gián Đại Địa Ngục (Avīcimahānaraka)*.

Đối với phía người Nam, nếu như đã có người vợ thuộc bất luan một trong những 10 nhóm vợ, gồm có *Kim Tiền Mại Hôn (Dhanakkīṭā)* v.v. cho đến *Tạm Bất Khả Cứu Thê (Muhuttikā)* ấy, hoặc đôi lứa đã đính hôn thuộc nhóm *Giám Hộ (Sārakkhā)*, thế rồi sẽ ngoại tình người vợ hoặc với người đã đính hôn của mình, lại đi *xâm phạm tính dục* với người Nữ đã là vợ của một tha nhân, hoặc là người đã đính hôn của người khác; thế là không thể được, nếu đã hành động thì cũng coi như đã *Xâm Phạm Tính Dục Tà Hạnh*.

Tóm lại, người Nam không thể hành xử *Xâm Phạm Tính Dục* ở trong hết cả 20 nhóm người Nữ ấy. Và 12 nhóm người Nữ, gồm có *Quản Thúc (Saparidaṇḍā)* v.v.

cho đến *Tạm Bất Khả Cứu (Muhuttikā)*, thì với những hạng người Nữ này sẽ không thể tự trao thân cho đến người Nam khác được. Và 8 nhóm người Nữ, gồm có *Mẫu Thân Quán Hạt (Māturakkhitā)* v.v. cho đến *Giới Pháp Quán Hạt (Dhammarakkhitā)*, với những hạng người Nữ này, nếu như một cách tự nguyện trao thân cho đến người Nam thì cũng không có sai phạm điều *Tính Dục Tà Hạnh*.

46. Hỏi: Có bao nhiêu thể loại về *Sự Vụ* đã làm thành tựu qua việc uống rượu? Và có bao nhiêu hạng loại *Nhân Loại* hiện hữu ở trong việc uống rượu? Là những chi?

Đáp: Việc uống rượu đây, đã làm cho thành tựu hai thể loại *Sự Vụ (Kicca)*, ấy là:

1. *Tái Tục Xuất Sinh Sự Vụ (Paṭisandhijananakicca)*: *Sự Vụ* làm cho tục sinh ở trong Địa Ngục Địa Giới.
2. *Nghiệp Lực Xuất Sinh Sự Vụ (Kammajananakicca)*: *Sự Vụ* làm cho thành tựu hành động tạo tác Ác Hạnh.

Trong cả hai thể loại *Sự Vụ* này, *Nghiệp Lực Xuất Sinh Sự Vụ* có năng lực dững mãnh hơn *Tái Tục Xuất Sinh Sự Vụ*, và có việc thúc đẩy lôi kéo cho tạo tác các *Tà Mạng Ác Hạnh (Duccaritadūrajīva)*. Như thế, ở trong Chánh Tạng Pāli đã có trình bày đề ở trong *Túc Sanh Truyện Bình Nước (Kumbhajataka, số 512)*, đã có đề cập đến tác nhân làm cho phải sa đọa vào Địa Ngục Địa Giới bởi do hành động tạo tác ở phần *Nghiệp Lực Xuất Sinh Sự Vụ* rằng:

*Yaṃ ve pivitvā duccaritaṃ caranti Kāyena vācāya ca cetasā ca
Nirayaṃ vajanti duccaritaṃ caritvā Tasmā punṇaṃ kumbhamimaṃ kiṇātha*

Dịch nghĩa là: “*Này tất cả các Ngài, tất cả người dân đã uống rượu này vào rồi, thì đoán chắc hẳn là tạo tác Ác Hạnh với Thân, Lời và Ý. Một khi đã tạo tác Ác Hạnh rồi, thì những hạng người dân này, chẳng có nghi ngờ chi cả, ắt hẳn phải tục sinh ở trong Địa Ngục Địa Giới. Xin tất cả Quý Ngài hãy mua bình chứa đầy chất rượu cay có rất nhiều công dụng như đã vừa nói đến đây.*”

(Câu kệ này là kệ ngâm của Ngài *Thiên Chủ Indra (Đế Thích)* đã tự biến hóa ra thành một vị lái buôn bán rượu, đã xuống đến Cõi Nhân Loại và đã miêu tả công năng của loại rượu mạnh.)

*“Bình không đựng lạc, chẳng dầu hương,
Chẳng phải mật ong, chẳng mía đường !
Song chuyện xấu ác không kể xiết,
Chứa đầy trong bụng quả bầu lừng.*

Ai uống, tội thay kẻ đại khờ,
Sẽ chìm trong hố thẳm đen do,
Đâm đầu trong vũng bùn ghê tởm,
Ăn phải vật xua đã nguyện chừa.
Đại Đế, xin mua bình rượu nặng,
Đầy lên tận miệng, của nhà Ta.

Rượu vào, trí đảo lộn quay cuồng,
Như chú bò ăn cỏ lạc đường !
Tâm trí phiêu diêu, người lão đảo,
Múa men ca hát suốt ngày trường.
Bình Ta đầy rượu tràn lên miệng,
Cực mạnh mua ngay, hỡi Đại Vương !

Người uống rượu trơ trên chạy rong,
Khấp thành, như Ấn Sĩ trần truồng,
Đến khuya nằm nghỉ, liền đâm hoảng,
Quên cả thì giờ phải ngã lưng.
Bình rượu Ta đầy lên tận miệng,
Cực nồng, mua lấy, hỡi Quân Vương !

Bọt rượu, như người hoảng múa men,
Ngã nghiêng, dường chẳng đứng ngồi yên.
Tay chân run rẩy, đầu co giật,
Như nộm gỗ nhờ tay kéo lên,
Đại Đế, mua đi bình rượu đó,
Đầy lên tận miệng, rượu cay men.

Bọt rượu bị thiêu đốt ruột gan,
Hoặc làm môi lỗ chó rùng hoang,
Dấn thân tù ngục hay Thân Chết,
Còn phải chịu hao tổn bạc vàng !
Bình rượu Ta đầy lên tận miệng,
Cực nồng, mua lấy, hỡi Vương Quân !

Túy Ông mất hết vẻ thanh tao,
Trò chuyện những điều bản thú sao !
Ngồi đứng trần truồng cùng đám bạn,
Mọi đàng ô trọc, bệnh lao đao,

Bình Ta đầy rượu tràn lên miệng,
Cực mạnh, Quân Vương hãy lấy vào !

Kẻ uống thường hay thói tự cao,
Nhãn quang chẳng sáng suốt đâu nào.
“Thế gian của Ta”, lòng thâm nghĩ,
Chẳng có Vua nào sánh kịp đâu !

Rượu nồng là thứ đại kiêu căng,
Ác Quỷ nhất gan tựa nhộng trần,
Kết hợp đánh nhau và phỉ báng,
Ấy nhà cho trộm, điểm dung thân !

Dù gia đình có thật giàu sang,
Hưởng thọ kho vô số bạc vàng,
Giữ của trời cho phong phú nhất,
Rượu này cũng sẽ phá tan hoang !

Bạc vàng, đồ đạc ở trong nhà,
Đồng ruộng, trâu bò, thóc vừa kho,
Ta sợ tiêu vong vì rượu mạnh,
Là mầm suy sụp của toàn gia.

Túy Ông đầy nặng tính kiêu căng,
Phỉ báng cả hai bậc Lão Thân,
Thách đố bà con cùng máu huyết,
Dám làm ô uế mối hôn nhân !

Nữ nhân uống rượu cũng kiêu căng,
Phỉ báng Chông mình lân Phụ Thân.
Bất chấp thanh danh nhà quý tộc,
Biến thành nô lệ tính điên khùng.

Bơm rượu, gan liều dám sát nhân,
Sa Môn chân chính, Bà La Môn,
Rồi trong mọi Cõi Đời đau khổ,
Hối tiếc hành vi quá bạo tàn !

Rượu vào, phạm Ác Nghiệp ba phần:
Lời nói, việc làm, với ý tâm.
Địa Ngục chìm sâu đầy khổ não,

Vì hành động ác tạo sai lầm.

*Có kẻ, người năn nỉ uống công,
Dù đem dâng mấy đồng vàng ròng,
Khi say, chúng dụ theo đường chúng,
Lời dối tuôn ra cũng sẵn lòng.*

*Vì người say giữ việc thông tin,
Gặp cảnh gian nguy đến đột nhiên,
Hãy ngắm ! Kẻ này thê thốt nặng:
“Việc này tâm trí chợt quên liền !”*

*Ngay người thanh lịch nhất, khi say
Cũng hóa ra phường tục tũ ngay.
Đệ nhất túy nhân mà túy lúy,
Cũng huyền thuyên nói xuẩn ngu đầy !*

*Uống nhiều, nhện đói, ngã chơi voi,
Đất cứng trần là chỗ nghỉ ngơi,
Lúc nhúc trên trơ như lũ lợn,
Chịu bao nhục nhã nhất trên đời.*

*Như bò, bị đánh ngã trên sàn,
La liệt nằm từng đồng hỗn mang,
Ngọn lửa chứa trong men rượu nặng,
Sức người không thể sánh ngang bằng !*

*Mọi người kinh hoảng vội lùi ra,
Tránh độc dục kia tựa độc xà !
Dững sĩ to gan nào giải khát,
Cho mình bằng rượu giết người ta ?*

*Ta chắc sau khi uống rượu nồng,
Anh Nha Tộc, với Vrish Ni cùng,
Lang thang bờ biển, rồi nhào xuống,
Vì chiếc chùy kia của họ hàng.*

*Tiên say bị đọa khỏi cung Trời,
Thần lực mất liền, Đại Đế ơi !
Ai muốn ném mùi ghê tởm ấy,
Mua đi bình rượu của nhà tôi !*

Chẳng phải sữa chua, mật ngọt đây,
 Song Ngài luôn nhớ mãi từ nay.
 Cái gì, chứa đựng trong bầu ấy,
 Đại Đế, xin mua lấy rượu này !”

(Tích truyện này, Đức Phật lập ý khái thuyết nói đến việc uống rượu mạnh đã xâm phạm đến thanh danh và lương tâm của con người !)

“Ở đây không phải chốn vui cười,
 Lửa dục đốt tan mọi cảnh đời,
 Sao mãi chìm thân trong bóng tối,
 Không tìm ngọn đuốc nẻo đường soi ?”

Đối với *Tái Tục Xuất Sinh Sự Vụ* của việc uống rượu ấy, lập ý lấy *Tư Tiền* (*Pubbacetanā*), tức là *Tư Tác Ý* khởi sinh lên trước tác hành *Tà Mạng Ác Hạnh* (*Duccaritadūrajīva*), với ý nghĩa chính là việc thúc đẩy lôi kéo cho tạo tác Ác Hạnh hữu quan đến việc uống rượu. Tuy nhiên điều này quả là bất định, là vì nếu như người đã có việc thúc đẩy lôi kéo khiến cho khởi sinh tạo tác Ác Hạnh, thế nhưng người ấy lại chẳng có tạo tác điều Ác Hạnh nào cả, thì coi như *Tư Tiền* ấy chẳng có khả năng dắt dẫn cho phải sa đọa vào Địa Ngục Địa Giới được. Nếu như người đã uống rượu vào, và rồi đi theo mãnh lực của *Tư Tiền* qua việc thúc đẩy lôi kéo để tạo tác Ác Hạnh, thế là chính *Tư Tiền* ấy có khả năng dắt dẫn cho phải sa đọa vào Địa Ngục Địa Giới, được tính kể từ kiếp sống thứ ba trở đi. Có nghĩa là việc uống rượu này, nếu như *Tái Tục Xuất Sinh Sự Vụ* đã hoàn thành xong, thì coi như đã thành tựu *Bất Thiện Nghiệp Đạo*. Nếu như *Tái Tục Xuất Sinh Sự Vụ* vẫn chưa hoàn thành xong, thì coi như vẫn chưa thành tựu *Bất Thiện Nghiệp Đạo*, và chính điều bất định là ở tại đây. Với lý do này, Đức Phật Ngài mới không có lập ý lấy việc uống rượu sắp vào ở trong Thập Bất Thiện Nghiệp Đạo.

Cũng như ở trong bộ *Chú Giải* và bộ *Phụ Chú Giải Vô Ngại Giải Đạo* (*Paṭisambhidāmagga Atthakathā ca Tīkā*) đã có trình bày nói rằng:

“*Kusalākusalā pi ca paṭisandhikanakāyeva kammaṭhāti vuttā, vuttā vasesā paṭisandhijanane anekantikattā kammaṭhāti na vuttā*”(Atthakathā).

“*Vuttāvasesāti surāpānādayo tabbirammaṇādayo ca*” (Tīkā).

Dịch nghĩa là: “Chỉ có Thiện tức là Thân Thiện Hạnh v.v. và Bất Thiện có Thân Ác Hạnh v.v. mới làm cho khởi sinh *Tái Tục* ngần ấy thôi. Nên khi nói rằng “làm thành Thiện và Bất Thiện Nghiệp Đạo” với Thiện tức là việc thoát khỏi việc uống rượu, v.v. và Bất Thiện tức là việc uống rượu, v.v. Còn những phần còn lại đã không

có đề cập đến là Thiện và Bất Thiện Nghiệp Đạo, vì những thể loại Nghiệp Lực này là bất định ở trong việc trở sanh quả báo Tái Tục.”

Từ ngữ “*Vuttāvasesā*” ấy, tức là việc uống rượu, hút thuốc phiện, đánh cờ bạc, xem hát tuồng biểu diễn, diễn tuồng hát, v.v. và việc thoát khỏi sự uống rượu, thoát khỏi hút thuốc phiện, thoát khỏi việc đánh cờ bạc, thoát khỏi việc diễn tuồng hát, thoát khỏi việc xem hát tuồng biểu diễn, v.v. Lại nữa, ở trong phần *Chánh Tạng Luật Pāli* và *Chú Giải Ứng Đối Trị (Pācittiya)* đã có trình bày nói rằng: “*Surāmerayapāne pācittiyam*” – “Việc uống rượu và chất say là phạm vào Tội Ứng Đối Trị (điều 51/92)”.

“*Acittakam lokavajjam akusalacittam, majjapānam sāmaṇerānam pārajikavatthu*”- “Việc uống rượu của vị Tỳ Khuru, cho dù rõ biết hay không rõ biết đi nữa, hẳn nhiên đã là phạm vào Tội Ứng Đối Trị, và tội lỗi ở trong con đường Thế Tục thì liên quan với Tâm Bất Thiện. Việc uống rượu của vị Sa Di, nếu như rõ biết đó là rượu thì có tội lên đến mức Bất Cộng Trụ (*Pārājika*), tức là bị tẩn xuất khỏi Đạo Hạnh Sa Di.”

Việc uống rượu của tất cả Nhân Loại hiện hữu ở trong bốn thể loại, ấy là:

1. Uống rượu: hòa trộn ở trong thuốc hoặc ở trong vật thực.
2. Uống rượu: luôn luôn nghĩ rằng là thuốc.
3. Uống rượu: vì ưa thích.
4. Uống rượu: để cho Tâm táo tợn ở trong hành động tạo tác Ác Hạnh.

+ Việc uống rượu ở thể loại một và hai, thì thuộc *Khinh Tội*, vì có *Tư Tác Ý* để sẽ chữa bệnh, là ở thể loại thứ nhất. Tuy nhiên ở thể loại thứ hai, nếu là vị Tỳ Khuru thì sẽ phạm vào *Tội Ứng Đối Trị*. Nếu là người cư sĩ thì sẽ đứt mất ngũ giới thuộc Giới Bồn cá nhân của hàng cư sĩ tại gia. Nếu là Bát Giới thì sẽ mất đi Bát Giới. Nếu là Sa Di thì sẽ mất đi Thập Giới. Như thế, người đã có chủ tâm tạt trau giới ở trong Giới Luật thì không nên uống rượu.

+ Việc uống rượu ở thể loại thứ ba thì thuộc *Trọng Tội*, vì sẽ thành kẻ *Tà Hạnh (Micchācāra)* ở trong *Cảnh Vị (Rasārammaṇa)* thuộc phần *Tính Dục*, với *Trọng Tội* là như thế, và người khác không thể nào biết được, chỉ có duy nhất là Bậc Chánh Đăng Giác ngằn ấy mà thôi. Và người đã có sự ưa thích uống rượu rồi, một khi đã uống được một lần hoặc hai lần, thì quả là khó để mà ngưng không thể uống nữa được, và lòng chỉ khao khát muốn được uống mãi mãi, thật khó mà dứt bỏ được.

47. *Hỏi: Hãy trình bày các Câu Chú Giải của uống rượu (Ấm Tỉu) và chất say (Trầm Túy); và hãy trình bày các phân loại của uống rượu và chất say có được bao nhiêu thể loại? Là những chi?*

Đáp: Trình bày các Câu Chú Giải và ý nghĩa cùng với việc phân loại đi theo tuần tự của rượu và chất say.

“*Suram janetīti = Surā*”- Vật thể nào thường làm cho kẻ ấy táo bạo đến mức liều lĩnh, như thế vật thể ấy gọi là *Tửu Tinh (Surā – Rượu Cốt)*.

Rượu Cốt Hiện Hữu Năm Thể Loại, ấy là:

1. *Phấn Tửu Tinh (Pitthasurā)*: Rượu được làm với bột gạo tẻ.
2. *Điềm Phẩm Tửu Tinh (Pūpasurā)*: Rượu được làm với bánh, như bánh rượu nếp.
3. *Phạn Tửu Tinh (Odanasurā)*: Rượu được làm với cơm tẻ.
4. *Phát Diếu Tửu Tinh (Kiṇṇapakkhittasurā)*: Rượu được làm với bột men rượu, chất men rượu cũ.
5. *Quả Phẩm Tửu Tinh (Sambhārasaṃyuttasurā)*: Rượu được làm với trái quả, như trái nho. Được làm nhiều thứ trái quả kết hợp lại, như ngâm một trái cây lâu ngày để làm thành rượu nồng cay.

“*Medam janetīti = Merayaṃ*”- Vật thể nào thường làm chệnh choáng ngà ngà say, như thế vật thể ấy gọi là *Trầm Túy (Meraya – Chất Say)*.

Trầm Túy Hiện Hữu Năm Thể Loại, ấy là:

1. *Hoa Mật Túy (Pupphāsava)*: Chất say được lấy từ những bông hoa để cho lên men.
2. *Quả Phẩm Túy (Phalāsava)*: Chất say được lấy từ những trái cây để cho lên men.
3. *Bồ Đào Túy (Madhavāsava)*: Chất say được lấy từ trái nho để cho lên men.
4. *Giá Tương Túy (Gulāsava)*: Chất say được lấy từ nước mía, nước đường để cho lên men.
5. *Toan Dịch Túy (Sambhārasaṃyuttāsava)*: Chất say được lấy từ quả và bông me để cho lên men.

Cả hai thể loại rượu cốt và chất say này, cũng còn được gọi là **“*Majja – Ma Túy Vật*”** vì thành tác nhân làm cho người uống phải bị chệnh choáng ngà ngà say. Hoặc một phần khác nữa, thuộc phiện, cần sa v.v., ngoài ra rượu cốt và chất say, cũng được gọi là **“*Majja – Ma Túy Vật*”** vì những thể loại này làm cho người dùng vào phải bị lẩn tha lẩn thân. Như đã có trình bày ở trong bộ *Chú Giải Tiểu Tụng Kinh (Khuddakapāṭha Atthakathā)* và bộ *Chú Giải Đại Phẩm Tương Ứng (Mahāvaggasampayutta Atthakathā)* nói rằng: **“*Majjanti tadeva ubhayaṃ, yaṃ vāpanaññampi surāsavavinimuttaṃ maddaniyaṃ*”**- “Gọi là “*Ma Túy Vật*” đó chính là rượu cốt và chất say vậy. Hoặc một phần khác nữa là, vật thể nào - ngoài ra rượu

cốt và chất say – mà có khả năng làm cho người dùng vào phải bị lẩn tha lẩn thần, vật thể ấy gọi là “Ma Túy Vật”.

48. Hỏi: Việc uống rượu và các chất say sẽ làm cho thành tựu việc Xâm Phạm Nghiệp Đạo đấy, thì sẽ cần phải phối hợp với bao nhiêu Chi Pháp? Là những chi? Và ở trong bộ Chú Giải Kinh Tập, Ngài đã có trình bày đến bao nhiêu điều tác hại tội lỗi của việc uống rượu?

Đáp: Có bốn Chi Pháp của việc uống rượu cốt và các chất say, ấy là:

1. **Thực Tính Túy Tửu (Surāmerayabhāvo)**: Vật thể làm thành rượu cốt và chất say.
2. **Dục Cầu Âm Tửu (Pivitukāmatū)**: Có sự mong mỏi sẽ uống vào.
3. **Âm Tửu (Pivanam)**: Thực hiện việc uống vào.
4. **Tửu Ma (Maddavam)**: Có trạng thái chệnh choáng ngà ngà say.

Lại nữa, ở trong bộ Chú Giải Kinh Tập (*Suttanipāta Atthakathā*) đã có trình bày đến điều tác hại tội lỗi của việc uống rượu, nói rằng: “*Yasmā pana majjapayī attham na jānāti, dhammam na jānāti, mātupi antarāyam karoti, pitupi buddhaccekabuddhatathāgatasāvakānampi antarāyam karoti, diṭṭhadhamme ca garaham samparāye ca duggatiṃ aparāpariyāye ummādam pāpuṇāti*”- Dịch nghĩa là: “Người thường luôn uống rượu thì hẳn nhiên bất liễu tri quả, bất liễu tri nhân, thường luôn tạo tác điều tổn hại đến với tài sản của cải, hoặc đến mạng sống xác thân của người Mẹ, người Cha, bậc Chánh Đẳng Giác, bậc Độc Giác, và Chư Thánh Văn Giác. Trong khoảng thời gian vẫn còn sinh mạng, với Hiện Báo Nghiệp Lực thì thường phải đón nhận những lời chê trách phê bình từ ở nơi các bậc Trí Giả và Chư Hiền Triết. Khi lìa khỏi cuộc đời này rồi, với Hậu Báo Nghiệp Lực thì thường phải bị sa đọa vào Khổ Thú Địa Giới. Đến kiếp sống thứ ba trở đi, với Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực thì kẻ ấy thành người có tâm thần bất định, tính khí thất thường và cuồng tâm loạn trí.”

Với nguyên do như đã vừa đề cập ở tại đây, Ngài Đại Giáo Thọ Sư *Buddhaghosa* mới phân tích điều tác hại tội lỗi của việc uống rượu, đã nói rằng:

“*Apicettha surāmerayamajjapamādatṭhānameva mahāsāvajjam na tathā pāṇātipātādayo kasmā manussabhūtassapi ummattakabhāvasamvattanena ariyadhammantarāya karaṇato*”- Dịch nghĩa là: “Thành thật mà nói, khi nói đến đủ cả Ngũ Giới với việc uống rượu là tác nhân của sự phóng dật, thì ắt hẳn có tội rất nhiều. Còn nói về Tứ Giới, từ điều Sát Mạng v.v. thì những thể loại này không có nhiều tội giống như là việc uống rượu vậy, vì việc uống rượu và chất say đây, thường làm cho kẻ ấy phải bị si mê, đó đã là mối nguy hại đối với Đạo – Quả.”

“Chuyên cần là lộ miên trường,
Phóng dật là lộ đưa đường tử vong.
Chuyên cần quả bất tử vong,
Phóng dật như đã tiêu vong hẳn hoi.”

“Nếu biết tự thương cho mình,
Phòng lo kẻ trộm rập rình ngày đêm.
Năm canh sáu khắc chẳng quên,
Lòng luôn tỉnh thức kẻ bên trông chừng !”

49. Hỏi: Từ ngữ nói rằng “**Kāya – Xác Thân**” ở trong Thân Hành Nghiệp Lực đây, có được mấy thể loại ? Là những chi ? Và từ ngữ “**Musāvāda – Nói dối**” khi chiết tự ra thì có được bao nhiêu từ ngữ ? Là những chi ? Và Vọng Ngữ cần phải phối hợp với bao nhiêu Chi Pháp ? Là những chi ?

Đáp: Từ ngữ “**Kāya – Xác Thân**” hiện hữu ba thể loại, ấy là:

1. **Thân Thể Chất (Sasambhārakāya)**: tức là xác thân được phối hợp với 32 **Thể Chất (Koṭṭhāsa)**.
2. **Thân Thanh Triệt (Pasādakāya)**: tức là Thân Thanh Triệt (Thân kinh Thân) nương sanh vào **Tâm Thân Thức (Kāyaviññāṇacitta)**.
3. **Thân Hành Động (Copanākāya)**: tức là **Sắc Biểu Tri (Viññattirūpa)** câu sanh với **Phong Tố Chất (Vāyodhātu – Phong Đại)** làm cho việc hoạt động được khởi sinh

Từ ngữ nói rằng “**Vọng Ngữ**” (**Musāvāda – Nói dối**) đây, khi chiết tự thì có được hai từ ngữ, đó là: “**Musā + Vada**”. “**Musā – Vọng Ngữ**” là “**Không Biến Cách Trợ Từ**” (**Nipātapada**) trình bày đến điều chẳng có chân thật. Chẳng hạn như có người đến hỏi chúng ta là “**có tiền không ?**” Chúng ta lại trả lời rằng “**không có**”. Hoặc ông ấy đến hỏi rằng “**có vàng không ?**” Chúng ta lại không có trả lời rằng “**có tiền hoặc có vàng**”. Chính điều này trở thành sự nói dối, tức là lập ý đến sự việc chẳng có chân thật. Hoặc ở trong các câu chuyện mà chúng ta đã có được rõ biết, thế mà khi có người đến vấn hỏi, chúng ta lại phủ nhận nói rằng không biết. Hoặc chúng ta không biết nhưng lại trả lời rằng rõ biết về câu chuyện ấy. Chính điều này trở thành nói dối, tức là chẳng có ngay thật với lời mình nói.

“**Vāda – Ngôn Ngữ**” lập ý đến lời nói. Khi đã kết hợp vào nhau thì thành “**Musāvāda – Vọng Ngữ**” lập ý đến “**lời nói chẳng đúng với sự thật**”. Như trình bày câu Chú Giải đã nói rằng: “**Musā vadanti etenāti = Musāvādo**”- “**Những người thường hay nói các sự việc của câu chuyện mà chẳng có thật, lại nói cho thành sự thật với Tư Tác Ý ấy, như thế Tư Tác Ý làm thành tác nhân của việc nói chẳng có chân**

thật ấy, gọi là *Vọng Ngữ*.” Tức là “*Visamvādana cetanā – Tư Tác Ý Tát Hoang*”, là *Tư Tác Ý* làm cho người khác phải hiểu biết sai trật, đã được phối hợp với *Tâm Đồng Lực Tham và Sân (Lobha – Dosa Javana)* sanh ở trong *Thân Môn* và *Ngữ Môn*.

Việc nói vọng ngữ đây, theo phần nhiều là sử dụng đến lời nói, do đó mới được gọi là *Vọng Ngữ (Musāvāda)*. Tuy nhiên, sử dụng bất luận một bộ phận nào của thân thể mà chẳng dính líu với ngôn từ, thì cũng được gọi là *Vọng Ngữ* tương tự như nhau. Điều phán sự để sẽ làm cho rõ biết được người này đã nói xong lời vọng ngữ hay không, tất yếu là phải được xét đoán phối hợp với cả bốn Chi Pháp. Nếu như việc nói ấy hội đủ cả bốn Chi thì đã thành sự *Vọng Ngữ*, và nếu như chẳng hội đủ cả bốn Chi ấy thì vẫn chưa được tính thành sự *Vọng Ngữ*.

Bốn Chi Pháp Của *Vọng Ngữ*, đó là:

1. *Sự Vật (Atthavatthu)*: Sự vật hoặc câu chuyện chẳng có thật.
2. *Tâm Tát Hoang (Visamvādanacittatā)*: Có Tâm sẽ nói dối.
3. *Nỗ Lực (Payogo – Phấn Đấu)*: Với Thân hoặc với Lời nỗ lực nói dối đi theo ý định của mình.
4. *Liễu Tri Nội Dung (Tadattha vijānanam)*: Người khác có sự tin tưởng theo nội dung của việc nói dối ấy.

50. Hỏi: *Nỗ Lực (Payoga)* là sự cố gắng

Đáp: Có bốn thể loại *Nỗ Lực (Payoga)* là sự cố gắng ở trong việc nói dối, ấy là:

1. *Tự Chế Thủ Công (Sāhatthika)*: Chính tự mình cố gắng nói dối.
2. *Mệnh Lệnh (Āṇattika)*: Sai bảo để cho người khác nói dối.
3. *Phóng Khí (Nissaggiya)*: Viết ra câu chuyện không thật rồi đem bỏ lại cho người khác hiểu lầm sai trật, chẳng hạn như bỏ lại lá thư hoặc loan báo theo máy phát thanh (radio).
4. *Kiên Cố (Thāvara)*: Viết ra câu chuyện không thật rồi niêm yết tờ thông báo, hoặc khắc ghi lại, hoặc in lên thành sách, hoặc ghi âm lồng tiếng vào.

Trong cả bốn thể loại *Nỗ Lực* này, thì *Tự Chế Thủ Công Nỗ Lực* là trực tiếp nỗ lực, tức là hiện hành theo phần đa số. Còn ba *Nỗ Lực* còn lại ấy, thì hiện hành theo phần chút ít.

51. Hỏi: *Hãy trình bày Phi Thánh Ngôn Ngữ có được bao nhiêu thể loại? Là những chi? Luôn cả trình bày sự việc Chư Giác Hữu Tình (Bồ Tát) không nói lời vọng ngữ, và luôn cả trình bày với nền tảng ấy.*

Đáp: Bát thể loại *Phi Thánh Ngôn Ngữ (Anariyavohāra)*, ấy là:

1. Điều mình không thấy, nói rằng THẤY.
2. Điều mình không được nghe, nói rằng ĐƯỢC NGHE.
3. Điều mình không gặp, nói rằng GẶP.
4. Điều mình không biết, nói rằng BIẾT.
5. Điều mình đã được thấy, nói rằng KHÔNG THẤY.
6. Điều mình đã được nghe, nói rằng KHÔNG ĐƯỢC NGHE.
7. Điều mình đã gặp, nói rằng KHÔNG GẶP.
8. Điều mình được biết, nói rằng KHÔNG BIẾT.

(GẶP lập ý ở tại đây nói đến việc *được ngửi mùi, được biết vị, được xúc chạm*) Đối với việc nói dối đã làm cho Tăng Đoàn phải bị chia rẽ với nhau (*Saṅghabhedaka* – Chia Rẽ Tăng Đoàn), thì liệt vào loại *Vọng Ngữ* phần *Cực Đại Tội* của *Cực Trọng Nghiệp Lục* (*Garukakamma*). Trình bày *Chư Giác Hữu Tình* không nói lời *Vọng Ngữ*, ấy là: Lời nói vọng ngữ đã làm cho người khác hiểu nhầm lầm tin theo, và đã làm cho phát sanh sự tổn hại, đối với *Chư Giác Hữu Tình* (*Bồ Tát*) thường là không nói đến thể loại vọng ngữ mà đã làm cho phát sanh sự tổn hại đến cho người nghe.

Y như *Chư Giác Hữu Tình* đã có nói đề ở trong *Phẩm thứ Chín – Chương Một – Túc Sanh Truyện Hồ Thẹn* (*Navanipāta Hirijātaka*) đã có trình bày nói rằng: “*Bodhisattassa hi ekaccesu thānesu pānātipāto, adinnādanam, kāmesu micchācāro, surāmerayamajjapānampi hotiyeva atthabhedaka viṣaṃvādanam purakkhivā musāvādo nāma na hoti*”- Dịch nghĩa là: “Ở trong một vài thể loại *Bất Thiện Nghiệp Đạo*, như là *Sát Mạng, Thâu Đạo, Tính Dục Tà Hạnh, Uống Rượu và Chết Say*; với những thể loại này ắt hẳn còn sanh khởi đến *Chư Giác Hữu Tình*. Còn việc nói lời vọng ngữ mà có *Tư Tác Ý* để sẽ làm cho người khác phải bị đón nhận sự tổn hại thì ắt hẳn là không bao giờ có.

[(*Túc Sanh Truyện Hồ Thẹn*, bài *Kinh thứ 363*.) Với tích truyện này, khi bậc *Đạo Sư* đang trú ngụ ở tại *Kỳ Viên Tự*, và đã có đề cập đến một phú thương là bạn hữu của *Bá Hộ Cấp Cô Độc*, sinh sống ở tại một biên địa, có nội dung như sau:

“*Thuở xưa, có một vị thương gia ở thành Bārānasī được tin rằng những người hầu của một vị thương gia xa lạ bị cướp đoạt lấy hết tất cả tài sản, và sau khi đã vơ vét mọi thứ đã có, họ đã cùng rủ nhau bỏ trốn. Vị thương gia đã nói:*

- *Vì họ đã không làm điều mà họ phải làm cho những người xa lạ đã đến với họ, nên họ chẳng tìm thấy ai sẵn sàng đền đáp ân cho họ.*

Nói như thế, ông đã đọc những câu kệ như sau:

“*Người nào dù được kính vì,
Khi làm phận tớ, lòng thì ghét Ta,*

Chẳng làm việc tốt thiết tha,
Còn riêng lời nói rườm rà nhiều khê.
Nên Ta quyết phải một bề,
Người nào như thế, chớ hề kết giao !

Một khi đã trót hứa vào,
Thực hành lời hứa làm sao vẹn tròn.
Việc nào chẳng thể làm xong,
Thì Ta từ chối, quyết không hứa gì.

Người khôn quay mặt ngoảnh đi,
Những khoa trương rỗng, đáng chi để lòng.
Một khi bạn đã một lòng,
Chẳng còn tranh chấp khi không có nào !

Chẳng hề kẻ vạch gắt gao,
Những điều làm lỗi của nhau bao giờ.
Tin bạn ví tựa trẻ thơ,
Tin vào vú Mẹ chẳng ngờ chút chi!

Dù cho kẻ lạ nói chi,
Cũng chẳng mong muốn chia ly bạn lòng.
Tình bạn ai khéo vẹn tròn,
Hẳn đời tặng ích, cao khôn phước phần !

Những người hưởng thú tịnh an,
Uống vào hương vị Lý Chân ngọt ngào.
Riêng người ấy rõ biết sao,
Thoát dây buộc tội, thoát bao lụy phiền !

Và như thế, bậc Đại Sĩ đã chán ngán tiếp giao với loại bằng hữu xấu ác (*phản bội và vong ân – Akataññū*), và do năng lực của sự độc cư, Ngài đã đưa Giáo Lý của Ngài lên đến tột đỉnh và đã diu dắt chúng sanh đi đến Níp Bàn.]

52. Hỏi: Ly Gián Ngữ (*Pisunāvācā* – Nói lời chia rẽ), khi chiết tự thì có được bao nhiêu từ ngữ? Là những chi? Hãy trình bày Chi Pháp của Ly Gián Ngữ, luôn cả việc phân tích Ly Gián Ngữ (*Pisunāvācā*) theo phần Cực Đại Tội (*Mahāsāvajja*) và Hy Thiếu Tội (*Appasāvajja*).

Đáp: Ly Gián Ngữ (*Pisunāvācā* – Nói lời chia rẽ), khi chiết tự thì có được hai từ ngữ, đó là: “*Pisuna* + *Vācā*”. “*Pisuna*” dịch nghĩa là “việc nghiền nát nhuyễn”

hoặc “việc thực hiện cho tan rã tản mạn”, **“Vācā”** dịch nghĩa là “ngôn từ, lời nói”. Khi kết hợp vào nhau thì thành **“Pisunāvācā”** dịch nghĩa là “lời nói nghiền nát sự đoàn kết, làm cho chia rẽ tản mạn”. Trình bày câu Chú Giải đã nói rằng: **“Pīsati sāmaggīṃ sañcunṇetīti = Pisunā”**- “Ngôn từ nào thường nghiền nát sự đoàn kết, và làm cho tan rã tản mạn đi; như thế ngôn từ ấy gọi là Ly Giác Ngữ”. **“Vadanti etāyāti = Vācā”**- “Những người thường nói với Tư Tác Ý ấy, như thế Tư Tác Ý làm thành tác nhân của việc nói ấy, gọi là Ngôn Từ”. **“Pisunā ca sā vācā cāti = Pisunāvācā”**- “Lời nói mà nghiền nát sự đoàn kết, và làm cho tan rã tản mạn đi, cùng với Tư Tác Ý làm thành tác nhân của việc nói ấy, như thế gọi là Ly Giác Ngữ”.

Trình bày bốn Chi Pháp của Ly Giác Ngữ, ấy là:

1. **Phá Liệt (Bhinditabbo)**: Người bị làm cho chia rẽ với nhau.
2. **Hủy Liệt (Bhedapurakkhāro)**: Có Tư Tác Ý ráp tâm làm cho chia rẽ với nhau.
3. **Nỗ Lực (Payogo – Phán Đấu)**: Có sự cố quyết làm cho chia rẽ với nhau.
4. **Liễu Tri Nội Dung (Tadattha jānanam)**: Người nghe hiểu biết nội dung ấy.

Như có câu kệ trình bày nói rằng:

“Pisunāya bhinditabbo Tappurapiyakamyatā
Vāyāmo jānanam catu Bhinne kammapatho bhavē”

Dịch nghĩa là: “Có bốn Chi Pháp của Ly Giác Ngữ, đó là:

1. Người bị làm cho chia rẽ với nhau.
2. Có Tư Tác Ý ráp tâm làm cho chia rẽ với nhau, và có ý định để cho lân ái mình.
3. Có sự cố quyết làm cho chia rẽ với nhau.
4. Người nghe hiểu biết nội dung ấy.

Một khi người đã bị xúi xiểm rồi phát sanh chia rẽ với nhau, thì coi như đã **Xâm Phạm Nghiệp Đạo**. Trong câu kệ trình bày đến Chi Pháp thứ hai, chỗ nói rằng **“Tappurapiyakamyatā”** là “có Tư Tác Ý ráp tâm làm cho chia rẽ lẫn nhau, và có ý định để cho lân ái mình”, với việc có Tư Tác Ý ráp tâm làm cho chia rẽ với nhau là điều chánh yếu. Còn việc có ý định làm cho lân ái mình, thì chẳng phải là điều chánh yếu, mà đó chỉ là trình bày cho biết rằng việc nói lời vọng ngữ của một vài người cũng có chủ tâm như vậy. Đối với **Sự Nỗ Lực (Payoga)** thì có được hai thể loại, đó là: **Thân Nỗ Lực (Kāyapayoga)** và **Ngữ Nỗ Lực (Vacīpayoga)**.

Thân Nỗ Lực là việc xúi xiểm theo lộ Thân Môn, có việc biểu lộ cử chỉ điệu bộ làm cho ở phía bên kia biết được chủ ý của mình. Lấy thí dụ như có một đôi vợ

chồng, với người chồng ra đi làm việc, và người vợ lại lên đi đánh bài ở nhà hàng xóm láng giềng. Khi người chồng về lại nhà, và đã không nhìn thấy người vợ thì đi hỏi thân quyến của mình đang chung sống ở trong nhà. Thân quyến ấy đã sẵn chẳng ưa thích gì người vợ này, sẵn lòng mong mỏi sẽ làm cho người chồng phát sanh bất hòa với người vợ, nhưng lại chẳng nói nên lời nào cả, mà chỉ dùng cử chỉ điệu bộ để cho biết rằng người vợ đã đi đánh bài ở nhà cạnh bên. Người chồng biết được và không hài lòng người vợ. Đến khi người vợ về đến thì phát sanh lên cãi cọ bất hòa với nhau. Việc biểu lộ cử chỉ điệu bộ xúi xiểm như vậy, đã được gọi là xúi xiểm theo lộ Thân Môn.

Ngữ Nỗ Lực là việc xúi xiểm theo lộ Ngữ Môn, là việc nói năng làm cho người ở cả hai phía phát sanh chia rẽ với nhau. Việc nói lời *Ly Gián Ngữ* đây, cho dù sẽ hội đủ cả bốn Chi Pháp đi nữa, thế nhưng, nếu như người đã bị xúi xiểm ấy, lại không có sự chia rẽ với nhau, và vẫn tiếp tục duy trì về *Thân hòa hợp, Tâm hòa hợp* lẫn nhau, thì không thể liệt người đã nói lời ấy là đã *xâm Phạm Nghiệp Đạo*.

Như Ngài Đại Chú Giải Sư *Buddhaghosa* đã có trình bày ở trong bộ *Chú Giải Atṭhasālinī* nói rằng: “*Pare pana abhinne kammapathabheda natthi bhinneeva*”- Dịch nghĩa là: “*Cho dù sẽ hội đủ cả bốn Chi Pháp đi nữa, nhưng một khi người ấy vẫn không có sự chia rẽ với nhau, thì vẫn không có việc Xâm Phạm Nghiệp Đạo. Tuy nhiên, nếu như đã có việc chia rẽ với nhau, thì lúc ấy mới coi như đã Xâm Phạm Nghiệp Đạo rồi vậy.*”

Việc phân tích *Ly Gián Ngữ (Pisūṇavācā)* theo phần *Cực Đại Tội (Mahāsāvajja)* và *Hy Thiếu Tội (Appasāvajja)*, ấy là: Nếu như người bị xúi xiểm cho chia rẽ với nhau là người không có Đức Hạnh, không sống ở trong Giới Pháp (*Sīladhamma*) thì người đã nói lời nói ấy sẽ có thể loại tội lỗi tác hại thuộc *Hy Thiếu Tội*, tức là có tội chút ít. Nếu như người đã bị xúi xiểm lại là người có Đức Hạnh, và đã sống ở trong Giới Pháp, thì người đã nói lời ấy sẽ có thể loại tội lỗi tác hại thuộc *Cực Đại Tội*, tức là có tội nhiều.

53. *Hỏi*: Từ ngữ nói rằng *Thô Ác Ngữ (Pharusavācā – Nói lời xấu ác)*, khi chiết tự thì có được bao nhiêu từ ngữ? Là những chi? Và phối hợp với bao nhiêu Chi Pháp? Là những chi?

Đáp: Từ ngữ nói rằng *Thô Ác Ngữ (Pharusavācā – Nói lời xấu ác)*, khi chiết tự thì có được hai từ ngữ, đó là: “*Pharusa + Vācā*”. “*Pharusa*” dịch nghĩa là “*một cách thô ác*”, “*Vācā*” dịch nghĩa là “*ngôn từ, lời nói*”. Khi kết hợp vào nhau thì thành “*Pharusavācā*” dịch nghĩa là “*lời nói thô ác*” tức là việc chửi mắng, việc nguyên rủa. Trình bày câu Chú Giải đã nói rằng: “*Pharusam karotīti = Pharusa*”-

“Lời nói nào thường làm cho thành thô ác, như thế lời nói ấy gọi là *Thô Ác Ngữ*”, tức là những việc chửi mắng, và việc nguyên rủa. Rằng theo phần Chi Pháp, tức là *Tư Tác Ý* hiện hữu ở trong Tâm căn Sân, làm thành tác nhân của các việc chửi mắng, việc nguyên rủa.

Từ ngữ nói rằng “*Pharusā*”, khi nói theo câu Chú Giải đã có trình bày, tức là “*Pharusam karotīti = Pharusakaraṇā*” tuy nhiên theo phần *Ngữ Pháp (Nirutti veyyākaraṇa)* thì đã xóa đi và đã lấy ra từ ngữ “*Karanam*”, như thế mới chỉ còn lại là “*Pharusā*”. Một phần khác nữa, từ ngữ nói rằng “*Pharusavācā*” khi phân tích ra thì đã có được ba từ ngữ, đó là “*Phara + Usa + Vācā*”, “*Phara*” dịch là “lan tỏa”, “*Usa*” dịch là “nóng nảy, khốn khổ”, “*Vācā*” dịch là “ngôn từ, lời nói”.

Khi kết hợp vào nhau thì thành “*Pharusavācā*” dịch là “lời nói làm cho sự nóng nảy khốn khổ lan tỏa đi”. Như trình bày câu Chú Giải nói rằng: “*Hadayaṃ pharamānā usati dahatīti = Pharusā*”- “Lời nói nào thường làm cho sự nóng nảy khốn khổ cho lan tỏa ở trong trái tim, như thế lời nói ấy gọi là “*Thô Ác Ngữ*”. “*Pharusā ca sā vācā cāti = Pharusavācā*”- “Làm thành thô ác, một cách thô ác với lời nói, như thế mới gọi là “*Thô Ác Ngữ*” (Hoặc câu Chú Giải thứ hai được dịch nghĩa theo một cách khác nữa là) “Với lời nói mà thường hay tạo tác sự nóng nảy khốn khổ cho lan tỏa ở trong trái tim, như thế mới gọi là *Thô Ác Ngữ*”.

Lời nói ở thể loại thô tục mà đã được gọi là “*Thô Ác Ngữ*” đây, người đã được nghe ấy không thể kiềm chế được việc làm thình, chủ ý làm cho tâm thức của người đã được nghe phải bị bất an, có vẻ như đã bị răng cưa cắt chém vậy; như thế những lời chửi mắng hoặc các lời nguyên rủa ấy mới được gọi là *Thô Ác Ngữ*. Ở tại đây là cách thức nói theo phần *Khởi Nguyên (Mukhanaya)*, tức là việc nói một cách trực tiếp. Nếu nói theo *Chuyển Biến Lộ (Phalūpacāranaya)* là theo phần gián tiếp, chính *Tư Tác Ý Sân (Dosacetanā)* được gọi là “*Thô Ác*” (*Pharusā*), vì *Tư Tác Ý Sân* này là *Nhân (Hetu)*, và việc chửi mắng, viện nguyên rủa ấy là *Quả (Phala)*. Và rút lấy từ ngữ “*Pharusā*” làm thành tên gọi của lời nói thô ác, và đặt để vào ở trong *Tư Tác Ý Sân*, mới gọi *Tư Tác Ý Sân* này là *Thô Ác (Pharusā)*.

Có Ba Chi Pháp Của *Thô Ác Ngữ*, đó là:

1. *Sân Cấu (Kopo)*: Có sự nổi giận.
2. *Cấu Nạn (Upakuṭṭho)*: Có người bị chửi mắng.
3. *Lý Mạ (Akkosanā)*: Nói lời chửi mắng.

Như có câu Kệ trình bày nói rằng:

Pharusāya tayo kopo Upakuṭṭho akkosanā
Mammachedakarā taggha - Pharusā pharusā matā

Dịch nghĩa là: “Có ba Chi Pháp của Thô Ác Ngữ, đó là 1/ Sự nổi giận, 2/ Có người bị chửi mắng, 3/ Nói lời chửi mắng. Bậc Trí Giả nên liễu tri loại Tư Tác Ý Thô Ác có khả năng làm cho người nghe phải phát cáu, giống như ung nhọt đang mưng mủ đã phải đụng vào, bằng như thế ấy mới gọi là Thô Ác Ngữ”.

Từ ngữ nói rằng “*Mammachedakarā*” đây, là từ ngữ trình bày ý nghĩa cho được biết rằng loại Tư Tác Ý này phải là loại Tư Tác Ý Thô Ác. Như vậy, cho dù lời đã nói ra sẽ là lời lẽ tế nhị đi nữa, tuy nhiên nếu như đã có Tư Tác Ý Thô Ác rồi, thì lời nói ra ấy cũng phải sắp tương tự như là loại Thô Ác Ngữ vậy. Lấy thí dụ như vị thẩm phán nói lời phán quyết xử tử hình với kẻ tử tội, thì cho dù ngay trong sát na nói ra ấy, là sẽ dùng ngôn từ lịch thiệp, có sắc diện tươi cười đi nữa, tuy nhiên với Tư Tác Ý lập ý cho việc xử tử hình ấy rồi, thì Tư Tác Ý cũng phải sắp vào loại thô ác. Thế là, lời nói đã nói ra ấy mới hoàn thành Nghiệp Đạo Thô Ác Ngữ.

Trong bộ Chú Giải *Aṭṭhasālinī* Ngài Giáo Thọ *Buddhaghosa* đã nói rằng “Cha Mẹ chửi mắng nguyên rửa con trẻ” hoặc “Thầy Giáo Thọ chửi mắng môn đồ với tác ý tốt, và chẳng hề có bất luận một ý đồ xấu nào”, và như thế, lời đã nói ra ấy cũng không sắp vào loại Thô Ác Ngữ. Ngài Giáo Thọ đã nêu lên thí dụ dẫn chứng như “Người Mẹ ngăn cản đứa con trai không cho đi rong chơi ở trong chốn rừng già, tuy nhiên đứa con trai lại không vâng lời, đã chống lại và cứ đòi đi bằng được. Người Mẹ mới mắng chửi nguyên rửa rằng: “Ông mà chẳng có nghe lời tôi, và chống lại thì cầu xin cho trâu rừng húc toi mạng đi thôi!”. Lời nguyên rửa của người Mẹ này chỉ là hiện hành với mãnh lực của sự bất duyệt ý ngăn ấy thôi, và như thế, mới không sắp vào loại Thô Ác Ngữ.

Ngài Phụ Chú Giải Sư đã nói lời phản bác rằng: “Những lời chửi mắng, nguyên rửa của người Mẹ, người Cha, Tôn Sư, Giáo Thọ đấy, thế nhưng nếu như lời đã nói ra mà quả thật đã được phối hợp với sự nổi giận, thì ắt hẳn phải sắp vào loại Thô Ác Ngữ, vì lẽ đã hội đủ cả ba Chi Pháp, tuy nhiên chỉ có chút ít tội ngăn ấy thôi.”

Một vài nhà Chú Giải Sư đã nói rằng: “Việc nói lời Thô Ác Ngữ đây, là phải nói trước mắt người bị chửi mắng thì mới thành tựu Nghiệp Đạo.” Tuy nhiên ở trong bộ Phụ Chú Giải Trường Bộ Kinh (*Dīghanikāyaṭṭkā*) và bộ Phụ Chú Giải Trung Bộ Kinh (*Majjhimanikāyaṭṭkā*) đã nói rằng: “Việc nói lời Thô Ác Ngữ, cho dù người bị chửi mắng ấy đã không có hiện diện hoặc giả đã chết mất đi rồi, thì việc nói ra lời ấy cũng vẫn thành tựu Nghiệp Đạo được. Viện dẫn rằng kẻ nhỏ nói lời xúc phạm đến với người lớn, như là người Mẹ, người Cha, Tôn Sư, Giáo Thọ, v.v. và tiếp đến kẻ ấy đã có hiểu biết trong sự sai trật của mình, mới thực hiện việc xưng tội sám hối đến những bậc ấy. Thế nhưng, cho dù các bậc ấy sẽ không có hiện diện trước mắt hoặc đã chết

mất đi rồi, thì việc xưng tội sám hối của người ấy cũng hẳn nhiên là thành tựu quả phúc hữu ích, tức là tội lỗi ấy sẽ tan biến đi và trở thành Vô Hiệu Nghiệp Lực. Một khi, việc nói lời xưng tội sám hối mà người bị chửi mắng đang hiện diện trước mắt lại thản nhiên bỏ qua, thì ắt hẳn đã được thành tựu quả phúc hữu ích. Việc nói lời Thô Ác Ngữ mà không có người bị chửi mắng hiện diện trước mắt, thì tương tự hẳn nhiên là thành tựu Nghiệp Đạo.”

54. Hỏi: *Bậc Học Giả nên trình bày yếu tố thiết lập ra việc chửi mắng mà gọi là Ly Mạ (Akkosanā) ấy, có được bao nhiêu thể loại? Là những chi? Luôn cả trình bày Sự Nỗ Lực.*

Đáp: Từ ngữ nói rằng “*Akkosanā – Ly Mạ*” tức là việc nói lời chửi mắng ấy, bậc Học Giả nên hiểu biết có đến mười thể loại yếu tố thiết lập ra việc chửi mắng, đó là: “*Jāti nāma gotta kammaṃ, Sippaṃ ābādha līngikaṃ, Kilesāpatti akkoso, Dasamomasavādakā*”.

Có Mười Thể Loại Sử Dụng Lời Chửi Mắng, ấy là:

1. Chủng tộc thấp cao.
2. Tên gọi thấp cao.
3. Dòng giống thấp cao.
4. Việc làm thấp cao.
5. Kiến thức thấp cao.
6. Căn bệnh thấp cao.
7. Hình dạng tướng trạng thấp cao.
8. Phiền não.
9. Vi phạm tội thấp cao.
10. Lời chửi mắng thấp cao.

Có Hai Thể Loại Nỗ Lực (Payoga) Của Thô Ác Ngữ, đó là:

1. *Thân Nỗ Lực (Kāyapayoga)*: Việc nói ra lời thô ác theo lộ Thân Môn.
2. *Ngữ Nỗ Lực (Vācīpayoga)*: Việc nói ra lời thô ác theo lộ Ngữ Môn.

Việc nói lời thô ác theo lộ Ngữ Môn thì hẳn đã rõ ràng rồi. Còn việc nói lời thô ác theo lộ Thân Môn ấy, chẳng hạn như viết thư chửi mắng, hoặc trình bày các cử chỉ hành động thô tục, lỗ mắng; làm cho người nhìn thấy biết được sự sân cấu, sự xấu hổ, hoặc Tâm bất an.

55. Hỏi: *Từ ngữ nói rằng Hồ Ngôn Loạn Ngữ (Samphappalāpa – Hồ Loạn Thuyết Thoại, Ngữ Vô Loạn Thứ), khi chiết tự thì có được bao nhiêu từ ngữ? Luôn cả*

trình bày Chi Pháp của Hồ Ngôn Loạn Ngữ. Và từ ngữ nói rằng Ngôn Ngữ (*Vācā*) ở trong Ngữ Hành Nghiệp Lực có được bao nhiêu thể loại? Là những chi?

Đáp: Từ ngữ nói rằng Hồ Ngôn Loạn Ngữ (*Samphappalāpa* – Hồ Loạn Thuyết Thoại, Ngữ Vô Loạn Thứ), khi chiết tự thì có được hai từ ngữ, đó là: “*Sampha* + *Palāpa*”. “*Sampha*” dịch nghĩa là “việc phá hại sự lợi ích và sự an vui”, “*Palāpa*” dịch nghĩa là “ngôn từ, việc nói ra lời”. Khi kết hợp vào nhau thì thành “*Samphappalāpa*” dịch nghĩa là “việc nói ra lời làm phá hại đi sự lợi ích và sự an vui” tức là lời nói tầm quấy tầm quá.

Trình bày câu Chú Giải đã nói rằng: “*Samhitasukhaṃ phalati vināsetīti = Samphaṃ*”- “Lời nói nào thường làm phá hại đi các sự lợi ích và các sự an vui”, như thế, lời nói ấy gọi là Hồ Ngôn Loạn Ngữ.

“*Sam pubba phala dhātu kvi paccaya lapa la ca kvi = Samphaṃ*”

“*Samphaṃ panapanta etenāti = Samphappalāpo*”- “Việc nói ra lời làm phá hại đi các sự lợi ích và các sự an vui với Tư Tác Ý đó, vì thế Tư Tác Ý làm thành tác nhân ở trong việc nói ra lời làm phá hại các sự lợi ích và các sự an vui, như thế mới gọi là Hồ Ngôn Loạn Ngữ.”

Việc nói ra lời Hồ Ngôn Loạn Ngữ ấy, lập ý đến việc nói với nội dung tình tiết tâm sàm nhảm nhí, phù phiếm, tầm thường, không có căn bản, và chẳng có quan trọng. Chẳng hạn như kể chuyện phim ảnh, kể về các câu chuyện tuồng tích và truyện ký, ca kịch; hoặc nói những lời khôi hài đùa cợt; hoặc người đóng phim, diễn kịch, hát tuồng, và ca nhạc; hoặc nhà sáng tác viết ra các tích truyện tiểu thuyết. Với những thể loại này đã được liệt vào loại Hồ Ngôn Loạn Ngữ hết cả thảy, vì lẽ đã làm cho thính giả, độc giả chẳng được đón nhận bất luận sự lợi ích nào cả, nhất thời làm cho cứ mãi mê vui thích chỉ ngần ấy thôi, luôn cả đã làm mất đi biết bao điều lợi ích đáng lý là sẽ có được, nhưng rồi cũng đã làm mất đi hết cả. Chi Pháp (*Āṅgadhama*) của Hồ Ngôn Loạn Ngữ này, tức là Tư Tác Ý Bất Thiện (*Akusalacetanā*) làm Nhân (*Hetu*) của việc nói lời Hồ Ngôn Loạn Ngữ, còn lời lẽ đã nói ra ấy thì làm thành Quả (*Phala*). Tuy nhiên, rút lấy từ ngữ nói rằng Hồ Ngôn Loạn Ngữ là tên gọi của Tư Tác Ý dùng để gọi thành tên ấy, đó là việc gọi tên theo phần Tiếp Cận (*Nūpacāra naya*), tức là gọi tên theo chỗ sát cận với Tác Nhân (*Hetu*).

Có Hai Chi Pháp Của Hồ Ngôn Loạn Ngữ, đó là:

1. *Tác Hành Vô Ích (Niratthakathāpurakkhāro)*: Chủ tâm nói ra lời chẳng hữu ích chi cả.
2. *Vô Ích Sự (Kathanam)*: Lời nói vô ích.

Như có câu Kệ trình bày nói rằng:

Samphassa niratthakathā Puratā kathana duve
Parena gahiteyeva Hoti kammapatho na no

Dịch nghĩa là: “Cả hai Chi Pháp của Hồ Ngôn Loạn Ngữ ấy, là: 1/ Chủ tâm nói ra lời chẳng hữu ích, 2/ Lời nói ấy đã được thốt ra. Khi thính giả hoặc độc giả đã tin vào lời nói ấy, thì ắt hẳn đã làm thành tựu Nghiệp Đạo. Nếu như thính giả hoặc độc giả chẳng có tin theo lời đã nói ra ấy, thì hẳn nhiên không thành tựu Nghiệp Đạo, duy nhất chỉ làm thành Hồ Ngôn Loạn Ngữ ngăn ấy thôi.”

Người nói hoạt bát vui vẻ cười đùa, và đã nói câu chuyện tầm sàm nhằm nhí, chẳng có thật ở phần Hồ Ngôn Loạn Ngữ đây, thì sẽ có được sắp vào loại Vọng Ngữ hay không? Điều này giải đáp rằng “không sắp vào loại Vọng Ngữ được!” là vì người nói đã không có sự chủ tâm để sẽ nói láo, và đó chỉ là cách nói lông bông ngăn ấy mà thôi. Tuy nhiên, nếu như đã có phối hợp với sự chủ tâm để sẽ nói láo rồi, và thính giả lại lầm tin và tưởng là thật, thì mới sẽ sắp thành Vọng Ngữ.

Lời nói mà đã được sắp vào ở trong phần “*Niratthakathā*”, đó là lời nói chẳng hữu ích, phù phiếm, tầm thường, không có căn bản, và chẳng có quan trọng, đã được hiện hữu với 32 thể loại, và đích thị đã được gọi là “32 Vô Ích Ngôn Ngữ” (*Tiracchānakathā 32*) mà Đức Phật Ngài đã lập ý khái thuyết để ở trong Chánh Tạng Pāli của bài Kinh Sa Môn Quả (*Samaññaphalasutta*) thuộc Phẩm Giới Uẩn (*Sīlakhandhavagga*):

1. *Vương Giả Ngôn Ngữ (Rājakatham)*: Nói những câu chuyện có liên quan về Bậc Đại Vương, cho suốt đến cả Hoàng Tộc của Ngài.
2. *Đạo Tặc Ngôn Ngữ (Corakatham)*: Nói những câu chuyện về thâu đạo.
3. *Đại Thân Ngôn Ngữ (Mahāmattakatham)*: Nói câu chuyện về vị Quan Đại Thân thuộc Hoàng Triều Nội Các.
4. *Binh Sĩ Ngôn Ngữ (Senākatham)*: Nói câu chuyện về binh lính và cảnh sát.
5. *Kinh Hãi Ngôn Ngữ (Bhayakatham)*: Nói những câu chuyện về sự kinh sợ và hãi hùng.
6. *Chiến Lược Ngôn Ngữ (Yuddhakatham)*: Nói câu chuyện về chiến lược.
7. *Thực Phẩm Ngôn Ngữ (Annakatham)*: Nói những câu chuyện về thực phẩm, có cơm gạo và các món ăn, v.v.
8. *Ấm Liệu Ngôn Ngữ (Pānakatham)*: Nói những câu chuyện về thức uống.
9. *Y Phục Ngôn Ngữ (Vatthakatham)*: Nói những câu chuyện về y phục và các đồ vấn mặc.
10. *Thụy Miên Ngôn Ngữ (Sayanakatham)*: Nói câu chuyện về ngủ nghỉ.
11. *Hoa Đóa Ngôn Ngữ (Mālākatham)*: Nói những câu chuyện về bông hoa.

12. *Hương Phẩm Ngôn Ngữ (Gandhakatham)*: Nói những câu chuyện về các mùi thơm.
13. *Thân Quyển Ngôn Ngữ (Ñātikatham)*: Nói chuyện về bà con họ hàng, quyến thuộc.
14. *Giao Thông Ngôn Ngữ (Yānakatham)*: Nói những câu chuyện về phương tiện giao thông, xe cộ, tàu bè, v.v.
15. *Thôn Xã Ngôn Ngữ (Gāmakatham)*: Nói những câu chuyện về làng mạc, thôn xóm.
16. *Thị Trấn Ngôn Ngữ (Nigamakatham)*: Nói những câu chuyện về khu dân cư, thị tứ.
17. *Thành Thị Ngôn Ngữ (Nagarakatham)*: Nói những câu chuyện về thành phố, tỉnh thành.
18. *Xứ Sở Ngôn Ngữ (Janapadakatham)*: Nói những câu chuyện về đất nước, quốc độ, biên thùy.
19. *Nữ Giới Ngôn Ngữ (Itthikatham)*: Nói câu chuyện về đàn bà, con gái.
20. *Nam Giới Ngôn Ngữ (Purisakatham)*: Nói câu chuyện về đàn ông, con trai.
21. *Thanh Niên Ngôn Ngữ (Kumārakatham)*: Nói câu chuyện về trai trẻ.
22. *Thanh Nữ Ngôn Ngữ (Kumārīkatham - Thanh Tân Ngôn Ngữ)*: Nói câu chuyện về gái thanh xuân, con gái còn trẻ tuổi.
23. *Anh Dũng Ngôn Ngữ (Surakatham)*: Nói câu chuyện về sự gan dạ kiên cường, dũng cảm.
24. *Đạo Lộ Ngôn Ngữ (Visikhākatham)*: Nói những câu chuyện về con đường, đường phố.
25. *Mã Đầu Ngôn Ngữ (Kumbhatṭhānakatham)*: Nói những câu chuyện về bờ sông, bến cảng.
26. *Vong Thân Ngôn Ngữ (Pubbapetakatham)*: Nói câu chuyện về thân quyến đã quá vãng.
27. *Tạp Thoại Ngôn Ngữ (Nānattakatham)*: Nói câu chuyện về trăm thứ khác nhau, linh tinh, lộn thối.
28. *Thế Gian Vụ Thuyết (Lokakkhāyikaṃ)*: Nói câu chuyện về thế gian và bậc kiến tạo thế gian.
29. *Đại Dương Vụ Thuyết (Samuddakkhāyikaṃ)*: Nói câu chuyện về đại dương và bậc kiến tạo đại dương.
30. *Thịnh Suy Ngôn Ngữ (Itivabhābhavakatham)*: Nói những câu chuyện về sự thịnh vượng và sự suy bại.
31. *Lâm Mãng Ngôn Ngữ (Araññakatham)*: Nói những câu chuyện về rừng rậm, những cánh rừng già.

32. *Son Hệ Ngôn Ngữ (Pabbatakatham)*: Nói những câu chuyện về núi đồi, những dãy rừng núi.

Có Bốn Thê Loại Ngôn Ngữ (*Vācā*), ấy là:

1. *Âm Thinh Ngôn Ngữ (Saddavācā)*: tức là âm thanh đã nói ra.
2. *Kiểm Thúc Ngôn Ngữ (Viratīvācā)*: tức là việc ngăn trừ *Ngữ Ác Hạnh (Vacīduccarita)*.
3. *Tư Tác Ý Ngôn Ngữ (Cetanāvācā)*: tức là *Tư Tác Ý* làm cho khởi sanh *Sắc Ngữ Biểu Tri (Vacīviññattirūpa)*.
4. *Hành Động Ngôn Ngữ (Copanavācā)*: tức là cử chỉ hành động đặc thù hiện hành ở trong lời nói mà có khả năng làm cho người nghe hiểu biết y theo sở nguyện của mình được.

56. *Hỏi*: Lời nói khôi hài chẳng được gọi là *Hồ Ngôn Loạn Ngữ (Samphappalāpa – Hồ Loạn Thuyết Thoại, Ngữ Vô Loạn Thứ)*, theo lời *Phật Ngôn* ở trong *Chánh Tạng Pāli* bài *Kinh Lục Xứ (Salāyatanā)* thuộc *Tương Ứng Bộ Kinh* thì Ngài đã khai thuyết đến vấn đề này khi nói rằng nhóm người này một khi đã mạng vong lìa khỏi cõi đời này rồi, thường phải đi tục sinh ở trong *Ngu Lạc Địa Ngục (Pahāsaniraya)* [Xin xem *Quyển I – Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp – Chương V – trang 63*] là một phần của *Vô Gian Đại Địa Ngục (Avīcimahānaraka)*. Như thế, quả thật khó được hiểu biết rằng Đức Thế Tôn lập ý thường luôn huấn giới *Phật Ngôn* này đến các bậc *Hữu Học (Sāvaka)* với hàm ý như thế nào ?

Đáp: Lời nói chẳng hữu ích, phù phiếm, tầm thường, không có căn bản, và chẳng có quan trọng, đã được gọi là loại *Hồ Ngôn Loạn Ngữ* đây, thể theo phần đông là hiện bày đối với nhóm diễn viên tuồng đồ, như có phim ảnh, ca kịch, v.v. và nhà soạn tác ra những tiểu thuyết đọc cho vui chơi, chẳng có bất luận nền tảng đức hạnh (*Gatidhamma*) nào cả. Và nếu nói theo *Phật Ngôn (Buddhabhāsita)* ở trong *Chánh Tạng Pāli* bài *Kinh Lục Xứ (Salāyatanā)* thuộc *Tương Ứng Bộ Kinh* thì nhóm người này một khi đã mạng vong lìa khỏi cõi đời này rồi, thường phải đi tục sinh ở trong *Ngu Lạc Địa Ngục (Pahāsaniraya)* [Xin xem *Quyển I – Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp – Chương V – trang 63*] là một phần của *Vô Gian Đại Địa Ngục (Avīcimahānaraka)*. Như thế, Đức Thế Tôn mới lập ý thường luôn huấn giới đến các bậc *Hữu Học (Sāvaka)* dạy rằng: “*Dvinnam vo bhikkhave sannipatitānam dvayam karanīyam dhammī vā kathā tuñhībhāvo vā*”- “*Này tất cả Chư Tỳ Khuru, tất cả các ông một khi đã có việc hội họp với nhau giữa hai người, thì có hai việc cần phải thực hành, là cùng luận đàm với nhau liên quan về Giáo Pháp, hoặc không là như thế, thì nên giữ sự im lặng của bậc Thánh.*” (Bài *Kinh Thánh Cầu # 26 – “Ariyapariyesanasutta”*- thuộc *Trung Bộ Kinh*).

Trong Chi Pháp thứ hai, chỗ nói rằng “*Kathanam*” đã trình bày đến phần *Nỗ Lực (Payoga)* mà lập ý chỉ đề cập duy nhất đến phần *Ngữ Nỗ Lực (Vacīpayoga)*, tuy nhiên nếu phải dùng chữ viết đặng viết ra lời lẽ thì cũng phải thành *Thân Nỗ Lực (Kāyapayoga)* vậy. Thế nhưng, việc nói lời *Hồ Ngôn Loạn Ngữ* đây, thường thì đa phần phát sanh theo lộ *Ngữ Môn*. Vì thế, Ngài Chú Giải Sư mới trình bày Chi Pháp thứ hai nói rằng “*Kathanam*” là “*nói ra lời*” và nếu sẽ nói tóm lại ở trong *Hồ Ngôn Loạn Ngữ* đây thì cũng sẽ có được cả hai thể loại *Nỗ Lực*, đó là *Ngữ Nỗ Lực* và *Thân Nỗ Lực*.

57. Hỏi: *Hãy trình bày Chi Pháp của Ý Tham Ác, Ý Cừu Hận và Ý Tà Kiến, rằng theo từng mỗi thể loại có được bao nhiêu điều? Là những chi?*

Đáp: Có hai Chi Pháp của Ý Tham Ác, ấy là:

1. *Vật Phẩm Gia Tư (Parabhanda)*: Tư hữu của tha nhân.
2. *Tư Lượng Chấp Chiếm (Attanopariṇāmanam)*: Có Tâm nghĩ suy cho thành tài sản của riêng mình.

Có hai Chi Pháp của Ý Cừu Hận, ấy là:

1. *Tha Nhân (Parasatta)*: Người khác.
2. *Tư Lượng Hãm Hại (Vināsacintā)*: Nghĩ suy làm cho sự nguy hại khởi sanh.

Có hai Chi Pháp của Ý Tà Kiến, ấy là:

1. *Nội Dung Huyển Biến (Atthaparītatā)*: Nội dung đã chấp thủ ấy lại làm lạc với sự thật.
2. *Như Thực Liễu Tri (Tathābhāvupaṭṭhāna)*: Có quan điểm nhận thấy rằng đó là sự thật.

58. Hỏi: *Tham có bao nhiêu thể loại? Là những chi? Và Tham ở phần Ý Tham Ác ấy, thì được sắp vào trong thể loại Tham nào?*

Đáp: Có hai thể loại Tham (*Lobha*), ấy là:

1. *Tham Hợp Pháp (Dhammiyalobha)*: Sự mãn ý dục đắc một cách hợp pháp, chính đáng.
2. *Tham Bất Hợp Pháp (Adhammiyalobha)*: Sự mãn ý dục đắc một cách bất hợp pháp, bất chính đáng.

Đối với Tham (*Lobha*) mà thuộc Ý Tham Ác (*Abhijjhā*) đấy, đã ở trong nhóm *Tham Bất Hợp Pháp*.

59. Hỏi: Hãy trình bày 10 điều Vô Hữu Kiến (*Natthidiṭṭhi*) đã được trích ở trong Chánh Tạng Pāli ở bài Kinh Sa Môn Quả thuộc Phẩm Giới Uẩn, gồm có những chi?

Đáp: Có Chánh Tạng Pāli ở bài Kinh Sa Môn Quả (*Samaññaphalasutta*) thuộc Phẩm Giới Uẩn (*Sīlakhavagga*) đã có trình bày đến quan kiến lầm lạc thuộc thể loại Vô Hữu Kiến nói rằng: “*Natthi mahārāja dinnam, natthi yittham, natthi hutam, natthi sukata dukkhatānam kammānam phalam vipāko, natthi ayam loko, natthi paro loko, natthi mātā, natthi pitā, natthi sattā opapātikā, natthi loke samaṇabrahmaṇā sammaggatā sammāpaṭi pannā, ye imaṇ ca lokam paraṇca lokam abhiññā sacchikatvā pavedenti.*”- Dịch nghĩa là: “*Này Đại Vương, không có xả thí, không có tế lễ hy sinh, không có tế tự, không có Quả Di Thực của các Nghiệp Thiện – Ác, không có đời này, không có đời sau, không có Mẹ, không có Cha, không có loài Hữu Tình Hóa Sanh, ở trong đời không có các vị Sa Môn, các vị Bà La Môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng tri giác ngộ đời này đời khác và truyền dạy lại.*”

Giải thích rằng:

1. ***Natthi dinnam***: Nhận thấy rằng việc đã tạo ra Thiện Phúc thì thường chẳng có được đón nhận quả báo nào cả.
2. ***Natthi yittham***: Nhận thấy rằng những việc cúng dường, cũng chẳng có được đón nhận quả báo nào cả.
3. ***Natthi hutam***: Nhận thấy rằng những việc đón chào mời mọc tế tự, cũng chẳng có được đón nhận quả báo nào cả.
4. ***Natthi sukata dukkhatānam kammanam phalam vipāko***: Nhận thấy rằng việc tạo tác Thiện – Ác Nghiệp cũng chẳng có được đón nhận quả dị thực nào cả, kể cả trực tiếp và gián tiếp.
5. ***Natthi ayam loko***: Nhận thấy rằng không có đời này, tức là người đang hiện hữu ở ngay trong hiện tại này mà lại gọi với nhau là không có đời này, vì lẽ chẳng có việc tục sinh nối tiếp thêm nữa.
6. ***Natthi paro loko***: Nhận thấy rằng không có đời sau, tức là không có kiếp sống sẽ được nương sinh từ ở đời sống đang hiện bày ở trong hiện tại này, bởi vì một khi đã tử vong rồi thì cũng chẳng có việc tục sinh lại nữa.
7. ***Natthi mātā***: Nhận thấy rằng việc tạo tác Thiện - Ác đối với người Mẹ, thường là chẳng có đón nhận quả báo nào cả.
8. ***Natthi pitā***: Nhận thấy rằng việc tạo tác Thiện – Ác đối với người Cha, thường là chẳng có đón nhận quả báo nào cả.

9. *Natthi sattā opapātikā*: Nhận thấy rằng chẳng có loài Hữu Tình khởi sanh chỉ có một lần mà to lớn lên liền (*Hóa Sanh*), tức là không có loài Hữu Tình Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Chư Thiên, Phạm Thiên.

10. *Natthi loke samanabrahmaṇā sammaggatā sammāpaṭipannā, ye imaṅca lokam paraṅca lokam abhiññā sacchikatvā pavedenti*: Nhận thấy rằng thường là không có được bất luận vị Sa Môn, vị Bà La Môn nào, với chính tự mình có được sự liễu tri đời này, đời vị lai, và rồi có khả năng chỉ dạy và dắt dẫn cho được liễu tri. Cũng chẳng có được vị Sa Môn, vị Bà La Môn đến với nhau trong tình thân ái đoàn kết, cũng chẳng có được cùng chánh kiến và chánh hạnh. (Có nghĩa là chẳng có người nào tu tập *An Chi*, *Minh Sát*, *đắc chứng Thiên Định*, *Thắng Trí*, *Đạo* và *Quả*; mà sự thật những hành động tạo tác ấy, chỉ là để mưu sinh mà thôi.)

Người đã có *Vô Hữu Kiến*, là người đã có quan điểm phản bác về *Quả Báo* thì cũng chẳng khác chi phản bác luôn cả những mãnh lực của *Tư Tác Ý Thiện* và *Tư Tác Ý Bất Thiện*, mà đó chính là những tác nhân của các quả báo.

60. *Hỏi*: Hãy trình bày việc khởi sinh những Ác Hạnh bởi do nương vào Ý Ác Hạnh làm tác nhân.

Đáp: Trình bày việc khởi sinh những Ác Hạnh bởi do nương vào Ý Ác Hạnh (*Manoduccarita*) làm tác nhân:

- *Ý Tham Ác (Abhijjhā)*: là tác nhân đầu tiên làm cho *Thâu Đạo*, *Tính Dục Tà Hạnh*, *Vọng Ngữ*, *Ly Gián Ngữ*, *Hồ Ngôn Loạn Ngữ*, *Tà Kiến* đã được khởi sinh.
- *Ý Cừu Hận (Byāpāda)*: là tác nhân đầu tiên làm cho *Sát Mạng*, *Thâu Đạo*, *Vọng Ngữ*, *Ly Gián Ngữ*, *Thô Ác Ngữ*, *Hồ Ngôn Loạn Ngữ* đã được khởi sinh.
- *Ý Tà Kiến (Micchādittṭhi)*: là tác nhân đầu tiên làm cho cả Thập Ác Hạnh đã được khởi sinh.

61. *Hỏi*: Hãy trình bày phương thức tính số lượng Ác Hạnh một cách đầy đủ, có được 30 hoặc 40.

Đáp: Trình bày một cách đầy đủ về phương thức tính số lượng Ác Hạnh: Những Thập Ác Hạnh này, một khi trọn đủ thì có được 30 hoặc 40 điều.

+ Có 30 điều, ấy là việc tạo tác từng mỗi một Ác Hạnh ấy, thì sẽ cần phải phối hợp với cả ba *Tư Tác Ý*, ấy là:

1. *Tư Tiên (Pubbacetanā)*: *Tư Tác Ý* khởi sinh trước việc tạo tác.
2. *Tư Hiện (Muñcacetanā)*: *Tư Tác Ý* khởi sinh ngay trong sát na đang tạo tác.

3. *Tư Hậu (Aparacetanā)*: *Tư Tác Ý* khởi sinh ngay trong sát na đã tạo tác xong.

Như thế, từng mỗi điều của Thập Ác Hạnh phối hợp với cả ba *Tư Tác Ý* mới thành 30 Ác Hạnh.

+ Có 40 điều, ấy là việc tạo tác từng mỗi điều Ác Hạnh, đã được chia ra thành bốn thể loại, ấy là:

1. *Tự Chế Thủ Công Ác Hạnh (Sāhatthakaduccarita)*: Tự bản thân thực hiện.
2. *Mệnh Lệnh Ác Hạnh (Āṇattikaduccarita)*: Sai bảo để cho người khác thực hiện.
3. *Năng Lực Biểu Thị Ác Hạnh (Vaṇṇabhāsanaduccarita)*: Đề cập đến và trình bày sự lợi ích của việc tạo tác những Ác Hạnh ấy.
4. *Lạc Sự Ác Hạnh (Samanuññāduccarita)*: Có sự hân hoan mãn ý ở trong việc tạo tác những Ác Hạnh ấy.

Vì thế, mười điều Ác Hạnh kết hợp với cả bốn phân loại ấy mới thành 40 điều Ác Hạnh.

62. Hỏi: Trong Thập Bát Thiện Nghiệp Đạo đấy, rằng khi phân tích theo Chi Pháp, theo nhóm Bợn, theo Cảnh, theo Căn Gốc, theo Thọ v.v. thì có được như thế nào?

Đáp: Nên hiểu biết việc phân tích ở trong Thập Bát Thiện Nghiệp Đạo đã được dựa theo năm thể loại, đó là:

- 1/ Rằng theo Chi Pháp (*Āṅgadhama*),
- 2/ Rằng theo Bộ Phận (*Koṭṭhāsa*),
- 3/ Rằng theo Cảnh (*Ārammaṇa*),
- 4/ Rằng theo Thọ (*Vedanā*),
- 5/ Rằng theo Căn (*Mūla*)."

Tiếp theo đây, sẽ giải thích rộng rãi trong từng mỗi phần, như sau:

1. *Chi Pháp (Āṅgadhama)*: Rằng theo Chi Pháp, tức là *Tam Thân Ác Hạnh (Kāyaduccarita)* và *Tứ Ngữ Ác Hạnh (Vacīduccarita)*. Kết hợp lại có được bảy thể loại, và Chi Pháp ấy là *Tư Tác Ý Tâm Sở (Cetanācetasika)*. Chi Pháp của *Tam Ý Ác Hạnh (Manoduccarita)* ấy là *Tâm Sở (Cetasika)* câu sinh với *Tư Tác Ý Tâm Sở*.
2. *Bộ Phận (Koṭṭhāsa)*: Rằng theo Bộ Phận, tức là *Tam Thân Ác Hạnh, Tứ Ngữ Ác Hạnh* và *Một Ý Tà Kiến*. Cả tám thể loại này, đều gọi là *Nghiệp Đạo (Kammāpatha)*, và không gọi là *Căn Gốc (Mūla)*. Cả hai thể loại, *Ý Tham Ác* và *Ý Cừu Hận* này, gọi là *Nghiệp Đạo* và gọi là *Căn Gốc*.

3. **Cảnh (Ārammaṇa):** Rằng theo Cảnh, tức là *Sát Mạng, Tính Dục Tà Hạnh, Ý Tà Kiến*, cả ba thể loại này sinh khởi bởi do có *Pháp Hữu Vi (Saṅkhāra dhamma – Pháp Hành)* làm Cảnh. [Một vài Chú Giải Sư đã nói rằng *Tính Dục Tà Hạnh* này sinh khởi do có *Hữu Tình Chế Định (Sattapaññatti)* làm Cảnh. *Thô Ác Ngữ, Ý Cừu Hận*, cả hai thể loại này sinh khởi do có *Hữu Tình Chế Định* làm Cảnh. Năm Bất Thiện Nghiệp Đạo còn lại, ấy là *Thâu Đạo, Vọng Ngữ, Ly Gián Ngữ, Hồ Ngôn Loạn Ngữ* và *Ý Tham Ác*, những thể loại này sinh khởi do có *Pháp Hữu Vi* và *Hữu Tình Chế Định* làm Cảnh.]
4. **Thọ (Vedanā):** Rằng theo Thọ, tức là *Sát Mạng, Thô Ác Ngữ, Ý Cừu Hận*, cả ba thể loại này cấu sanh với *Khổ Thọ (Dukkavedanā)*. *Tính Dục Tà Hạnh, Ý Tham Ác, Ý Tà Kiến*, cả ba thể loại này cấu sanh với *Lạc Thọ (Sukhavedanā)* cũng có, hoặc với *Xả Thọ (Upekkhāvedanā)* cũng có. Bốn Bất Thiện Nghiệp Đạo còn lại, ấy là *Thâu Đạo, Vọng Ngữ, Ly Gián Ngữ, Hồ Ngôn Loạn Ngữ*, những thể loại này cấu sanh với *Lạc Thọ* cũng có, *Khổ Thọ* cũng có, và *Xả Thọ* cũng có.
5. **Căn Gốc (Mūla):** Rằng theo Căn Gốc, tức là *Sát Mạng, Thô Ác Ngữ*, cả hai thể loại này có Sân và Si làm Căn Gốc. *Tính Dục Tà Hạnh, Ý Tà Kiến*, cả hai thể loại này có Tham và Si làm Căn Gốc. *Thâu Đạo, Vọng Ngữ, Ly Gián Ngữ, Hồ Ngôn Loạn Ngữ*, cả bốn thể loại này, đôi khi có Tham và Si làm Căn Gốc; đôi khi có Sân và Si làm Căn Gốc. *Ý Tham Ác* và *Ý Cừu Hận*, cả hai thể loại này chỉ có duy nhất Si làm Căn Gốc. Việc trình bày phân tích theo Căn Gốc như đã vừa đề cập tại đây, là việc trình bày theo *Phần Biến Hành (Sādhāraṇanaya)* đã được đề cập đến ở trong bộ Chú Giải *Aṭṭhasālinī*.

Đối với việc trình bày Căn Gốc của Bất Thiện Nghiệp Đạo, chỗ đã được trình bày ở trong *Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp (Abhidhammattha Saṅgaha)* “*Tesaṃ pāṇātipāto pharusavācā byāpādo ca dosamūlena jāyanti*” v.v. là việc trình bày theo *Phần Bất Biến Hành (Asādhāraṇanaya)*, nghĩa là trình bày chẳng có trộn lẫn nhau.

63. **Hỏi:** Hãy trình bày Thập Dục Giới Thiện Nghiệp Lục, luôn cả trình bày phương thức tính số lượng Thập Thiện Nghiệp Lục một cách rộng rãi và đầy đủ, thì có phương thức được tính như thế nào ?

Đáp: Trình bày Thập Dục Giới Thiện Nghiệp Lục, như vậy:

+ *Tam Thân Hành Nghiệp Lục*, ấy là:

- *Sát Mạng Kiểm Chế (Pāṇātipātavirati):* Tự kiểm chế việc sát mạng.
- *Thâu Đạo Kiểm Chế (Adinnādānavirati):* Tự kiểm chế việc trộm cắp.

- *Tính Dục Tà Hạnh Kiểm Chế (Kāmesumicchācāravirati)*: Tự kiểm chế việc tà dâm.
- + *Tứ Ngũ Hành Nghiệp Lực*, ấy là:
 - *Vọng Ngữ Kiểm Chế (Musāvādavirati)*: Tự kiểm chế nói lời giả dối.
 - *Ly Gián Ngữ Kiểm Chế (Pisūnavācāvirati)*: Tự kiểm chế nói lời xúi xiểm.
 - *Thô Ác Ngữ Kiểm Chế (Pharusavācāvirati)*: Tự kiểm chế nói lời thô tục xấu ác.
 - *Hồ Ngôn Loạn Ngữ (Samphappalāpavirati)*: Tự kiểm chế nói lời tầm sàm, nhằm nhí vô ích.
- + *Tam Ý Hành Nghiệp Lực*, ấy là:
 - *Ý Bất Tham Ác (Anabhijjhā)*: Có việc lưu tâm kiểm ý để kiểm chế không cho khởi sinh Ý Tham Ác.
 - *Ý Bất Cừu Hận (Abyāpāda)*: Có việc lưu tâm kiểm ý để kiểm chế không cho khởi sinh Ý Cừu Hận.
 - *Chánh Kiến (Sammādiṭṭhi)*: Có sự nhìn thấy chân chánh.

Mười điều *Dục Giới Thiện Nghiệp Lực (Kāmāvacarakusalakamma)* như đã vừa đề cập đến ở tại đây, gọi là *Thập Thiện Nghiệp Đạo (Kusalakammamāpatha)*, hoặc cũng còn được gọi là *Thập Thiện Hạnh (Sucarita)*. Những *Thập Thiện Hạnh* này, khi được tính một cách đầy đủ thì cũng có 30 hoặc 40 điều. Có 30 điều, nghĩa là từng mỗi hành động tạo tác về *Thiện Hạnh* ấy, sẽ phải được phối hợp với cả *Tam Tư Tác Ý (Cetanā)*, ấy là:

1. *Tư Tiền (Pubbacetanā)*: *Tư Tác Ý* khởi sinh trước việc tạo tác.
2. *Tư Hiện (Muñcacetanā)*: *Tư Tác Ý* khởi sinh ngay trong sát na đang tạo tác.
3. *Tư Hậu (Aparacetanā)*: *Tư Tác Ý* khởi sinh ngay trong sát na đã tạo tác xong.

Như thế, mười điều *Thiện Hạnh* được phối hợp với cả *Tam Tư Tác Ý*, mới thành 30 điều.

+ Có 40 điều, ấy là việc tạo tác từng mỗi điều *Thiện Hạnh*, đã được chia ra thành bốn thể loại, ấy là:

1. *Tự Chế Thủ Công Thiện Hạnh (Sāhatthakasucarita)*: Tự bản thân thực hiện.
2. *Mệnh Lệnh Thiện Hạnh (Ānattikasucarita)*: Sai bảo để cho người khác thực hiện.

3. *Năng Lực Biểu Thị Thiện Hạnh (Vaṇṇabhāsanasucarita)*: Đề cập đến và trình bày sự lợi ích của việc tạo tác những *Thiện Hạnh* ấy.
4. *Lạc Sự Thiện Hạnh (Samanuññāsucarita)*: Có sự hân hoan mãn ý ở trong việc tạo tác những *Thiện Hạnh* ấy.

64. Hỏi: Từ ngữ nói rằng *Thập Phúc Hành Tông (Puññakiriyāvatthu 10 – Thập Phúc Nghiệp Sự)* có nghĩa như thế nào? Khi chiết tự thì có được bao nhiêu từ ngữ? Là những chi? Luôn cả trình bày *Phúc Hành Tông* theo phần *Kinh Tạng* và *Vô Tỷ Pháp Tạng*.

Đáp: Trình bày *Thập Phúc Hành Tông (Puññakiriyāvatthu 10 – Thập Phúc Nghiệp Sự)*, như sau:

Từ ngữ nói rằng “*Puññakiriyāvatthu*” là từ ngữ Pāli, đã được dịch là “*Thiện Sự cần phải thực hiện, vì tạo thành tác nhân để khởi sinh ra Quả Thiện.*” Khi phân tích từ ngữ ấy ra, thì có được ba từ, đó là *Puñña + kiriya + vatthu*. *Puñña* nghĩa là “*Thiện Sự ngõ hầu thanh lọc sự sàu bi nhiệt não*”; *Kiriya* nghĩa là “*nên thực hiện*”; *Vatthu* nghĩa là “*làm thành tác nhân, tác thành chỗ nương sanh của Quả Thiện*”. Như trình bày câu Chú Giải nói rằng: “*Attano santānaṃ punāti sodheṭṭi = Puññaṃ*”- “*Hành động tạo tác nào thường thanh lọc bản tánh của mình cho được trong sạch tinh khiết, như thế hành động tạo tác ấy gọi là Phúc, tức là việc phóng khí xả thí, thọ trì giới luật, tiến hóa tu tập, v.v.*”

“*Sappurisehi kātabbanti = Kariyaṃ*”- “*Hành động tạo tác mà các bậc Hiền Triết nên thực hiện, nên kiến tạo; như thế hành động tạo tác ấy gọi là Hành Vi; tức là việc phóng khí xả thí, thọ trì giới luật, tiến hóa tu tập, v.v.*”

“*Te te ānisamsā vatsanti tiṭṭhanti etatthāti = Vatthu*”- “*Những quả phước báu thường hiện hữu ở trong hành động tạo tác nào, như thế hành động tạo tác ấy gọi là Tông Chi; tức là việc phóng khí xả thí, thọ trì giới luật, tiến hóa tu tập, v.v.*”

“*Kriyaṃ puññaṃ = Puññākriyaṃ*”- “*Thiện sự nào mà các bậc Hiền Triết nên thực hiện, gọi là Phúc Hành.*”

“*Puññakriyaṅca taṃ vatthucāti = Puññākriyavatthu*”- “*Hành động tạo tác ở phần thiện sự mà các bậc Hiền Triết nên thực hiện, và tác thành quả phước báu, như thế hành động tạo tác ấy gọi là Phúc Hành Tông (Phúc Nghiệp Sự); tức là việc phóng khí xả thí, thọ trì giới luật, tiến hóa tu tập, v.v.*”

+ Trình bày theo phần *Kinh Tạng*, thì *Thập Phúc Hành Tông (Dasa puññakiriyavatthu – Thập Phúc Nghiệp Sự)* có được số lượng 30 điều, đó là:

- *Thân Hành Xả Thí Nghiệp Lực (Kāyakammadāna)*,

- *Ngũ Hành Xả Thí Nghiệp Lục (Vacīkammadāna)*,
- *Ý Hành Xả Thí Nghiệp Lục (Manokammadāna)*, v.v.
như đã vừa đề cập đến rồi vậy.

+ Trình bày theo phần Vô Tỷ Pháp Tạng, thì Thập Phúc Hành Tông có được số lượng 11 hoặc 23, đó là:

- *Xả Thí* có 1, tức là *Ý Hành Xả Thí Nghiệp Lục* ở phần *Ý Bất Tham Ác (Anabhijjhā)*.
- *Trì Giới* có 2, tức là *Thân Hành Trì Giới Nghiệp Lục*, và *Ngũ Hành Trì Giới Nghiệp Lục* ở phần *Tam Thân Hành Nghiệp Lục*, và *Tứ Ngũ Hành Nghiệp Lục*.
- *Tu Tập, Cung Kính, Phụng Hành*, từng mỗi điều này có được 1; tức là *Ý Hành Nghiệp Lục* ở phần *Ý Bất Cừu Hận (Abyāpāda)*, và *Chánh Kiến*.
- *Hồi Hướng, Tùy Hỷ Công Đức*, từng mỗi điều này có được 1; tức là *Ý Hành Nghiệp Lục* ở phần *Ý Bất Tham Ác*, và *Chánh Kiến*.
- *Thỉnh Pháp* có 1, tức là *Ý Hành Nghiệp Lục* ở phần *Chánh Kiến*.
- *Thuyết Pháp* có 1, tức là *Ý Hành Nghiệp Lục* ở phần *Ý Bất Tham Ác, Ý Bất Cừu Hận*, và *Chánh Kiến*.
- *Chân Tri Chước Kiến* có 1, tức là *Ý Hành Nghiệp Lục* ở phần *Chánh Kiến*.

65. Hỏi: Một khi tổng kết lại, thì Xả Thí ở trong Phúc Hành Tông (Phúc Nghiệp Sự) đây, có được bao nhiêu thể loại? Là những chi?

Đáp: Một khi tổng kết lại, thì Xả Thí có được bốn thể loại, ấy là:

1. *Tư Tác Ý Xả Thí (Cetanādāna)*: tức là *Tâm Sở Tư Tác Ý* phối hợp với Đại Thiện, làm thành tác nhân của việc xả thí cho ra.
2. *Vật Dụng Xả Thí (Vatthudāna)*: tức là *Tứ Vật Dụng* làm thành vật xả thí.
3. *Vô Tham Xả Thí (Alobhadāna)*: tức là *Tâm Sở Vô Tham* phối hợp với *Tâm Sở Tư Tác Ý*, làm thành tác nhân của việc xả thí cho ra.
4. *Kiểm Chế Xả Thí (Viratidāna)*: tức là ba *Tâm Sở Ngăn Trì Phần* có việc cấm chỉ *Bất Thiện Ác Hạnh*, làm thành tác nhân để cho tất cả loài Hữu Tình không phải bận tâm lo ngại ở trong việc sẽ làm phát sinh lên các điều tai họa, làm thành *Vô Úy Thí (Abhayadāna)* cả ở nội phần và ngoại phần.

66. Hỏi: Hãy trình bày *Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu* và *Nhân Cẩn Thiết*, luôn cả trình bày *Pháp Đối Lập* v.v. của Xả Thí Thiện.

Đáp: Trình bày *Trạng Thái, Phận Sự*, v.v. của Xả Thí Thiện

1. *Trạng Thái (Lakkhaṇa)*: có việc phóng khí, làm trạng thái. (*Pariccāgalak-khaṇam*)
2. *Phận Sự (Rasa)*: có việc diệt trừ Tham (*Lobha*), làm phận sự. (*Lobha viddhamsanarasam*)
3. *Sự Thành Tựu (Paccuppaṭṭhāna)*: có sự sung túc trong kiếp sống và giải thoát khỏi kiếp sống, làm trạng thái hiện bày. (*Bhavavibhavasam pattipaccuppaṭṭhānam*)
4. *Nhân Cần Thiết (Padatṭhānam)*: Tâm Sở Tín có thực tính tịnh tín ở trong sự việc khả tín, làm nhân cần. (*Saddheyypadatṭhānam*)

Trình Bầy Pháp Đối Lập (*Paṭikkhepadhamma*) v.v. của Xả Thí Thiện:

1. *Đối Lập Pháp (Paṭikkhepadhamma)*: Pháp do bởi Xả Thí Thiện mà phải bị diệt trừ, ấy là Tham (*Lobha*).
2. *Chuẩn Hứa Pháp (Anuññādadhamma)*: Pháp đón nhận sự bằng lòng của Xả Thí Thiện cho được sinh khởi, ấy là Vô Tham (*Alobha*).
3. *Xuất Sinh Pháp (Uppādetabbadhamma)*: Pháp do bởi Xả Thí Thiện làm cho được sinh khởi, ấy là ba bậc Đạo thấp và ba bậc Quả thấp [lập ý đến mãnh lực của Xả Thí Thiện làm thành *Mãnh Lực Bảo Hộ (Upathambhaka satti)*.]

67. Hỏi: Ở trong phần Xả Thí Phúc Hành Tông, thì Ngài đã có trình bày đến rất nhiều nhóm loại; tuy nhiên riêng ở điều Luân Hồi Xả Thí (*Vaṭṭanissita dāna*), và Níp Bàn Xả Thí (*Vivaṭṭanissitadāna*) thì có ý nghĩa như thế nào? Thế loại nào là Xả Thí Ba La Mật (*Dānapāramī*), thế loại nào là Xả Thí Phổ Thông?

Đáp:

1. *Luân Hồi Xả Thí (Vaṭṭanissitadāna)*: việc tạo ra phước báu với sự mong cầu tài sản của cải; tức là mong cầu cho được giàu có, thành bậc bá hộ đại phú; và mong cầu *Thiên Hữu Sản (Bhavasampatti)*, tức là có sự mong cầu được sanh làm Người, làm thành Chư Thiên, và làm thành Phạm Thiên.
2. *Níp Bàn Xả Thí (Vivaṭṭanissitadāna)*: việc tạo ra phước báu chẳng có sự mong cầu ở trong tài sản của cải, và *Thiên Hữu Sản*, chỉ mong cầu một trong các thể loại của *Tuệ Chánh Đẳng Giác (Sammāsambodhi ñāna)*, *Tuệ Độc Giác (Paccekañāna)*, *Tuệ Chí Thượng Thinh Văn Giác (Aggasāvaka bodhiñāna)*, *Tuệ Đại Thinh Văn Giác (Mahāsāvakabodhiñāna)*, và *Tuệ Thông Thường Thinh Văn Giác (Pakatisāvakabodhiñāna)* với ngần ấy.
 - *Luân Hồi Xả Thí* thì chẳng được gọi là *Xả Thí Ba La Mật*, đó chỉ là *Phổ Thông Thiện Thí (Dānakusalasāmañña)*, một khi trở sanh quả báo thì cũng cho có được sự an vui ở Cõi Nhân Loại, Cõi Thiên Giới chỉ với ngần ấy, và

- không thể nào sẽ giúp đỡ cho đắc chứng Đạo – Quả một cách mau lẹ được.
- Còn *Níp Bàn Xả Thí* thì được gọi là *Xả Thí Ba La Mật*, một khi trở sanh quả báo thì được thụ hưởng sự an vui ở trong Cõi Người và Trời, và có khả năng cho đắc chứng Đạo – Quả một cách mau lẹ được.

68. Hỏi: Hãy trình bày ý nghĩa của các từ ngữ tiếp theo đây: 1/ *Thường Xuyên Giới Luật (Niccāsīla)*, 2/ *Bất Thường Xuyên Giới Luật (Aniccāsīla)*, 3/ *Nguyện Trì Giới Luật (Cārittāsīla)*, 4/ *Ngăn Trừ Giới Luật (Vārittāsīla)*.

Đáp: Trình bày ý nghĩa của các từ ngữ tiếp theo đây:

- 1/. *Thường Xuyên Giới Luật (Niccāsīla)* có nghĩa là Giới Luật nào một khi trí kính lễ đã hoàn thành xong cùng với Giới Luật ấy, mà đặc biệt chẳng phải có việc nguyện thọ trì lại lần nữa, và người ấy cũng cần phải tiên quyết thường luôn tuân thủ Giới Luật ấy một cách kiên định, và lại nếu chẳng tuân thủ thì ắt hẳn sẽ có tội, như thế Giới Luật ấy được gọi là *Thường Xuyên Giới Luật*.
- 2/. *Bất Thường Xuyên Giới Luật (Aniccāsīla)* có nghĩa là Giới Luật nào chẳng thọ trì thì chẳng có tội. Nếu nhớ như có sự kỳ vọng, thì trước tiên sẽ phải có việc nguyện thọ trì Giới Luật ấy, như vậy Giới Luật ấy được gọi là *Bất Thường Xuyên Giới Luật* (còn gọi là *Hạn Định Giới Luật – Niyamasīla*).

Thường Xuyên Giới Luật là 227 và 331 điều giới luật, nơi mà Đức Thế Tôn đã lập ý trình bày để ở trong *Tỳ Khuru Biệt Biệt Giải Thoát Giới* và *Tỳ Khuru Ni Biệt Biệt Giải Thoát Giới*, ấy là *Thường Xuyên Giới Luật* của *Tỳ Khuru* và *Tỳ Khuru Ni*. *Thập Chi Giới Luật* và 75 điều *Ứng Học Pháp* ấy là *Thường Xuyên Giới Luật* của *Sa Di* và *Sa Di Ni*. *Bát Quan Trai Giới* là *Thường Xuyên Giới Luật* của *Bạch Y Đạo Sĩ* (Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ, Bạch Y Cư Sĩ, gọi theo một cách khác nữa là *Nữ Tu*) và của tất cả các vị *Đạo Sĩ*. *Ngũ Giới* là *Thường Xuyên Giới Luật* của tất cả hàng cư sĩ tại gia.

Bất Thường Xuyên Giới Luật là việc tu tập *Điều Tiết Dục (Dhūtaṅga – Đầu Đà, Pháp hành đạo nghiêm ngặt của các nhà sư, gồm có 13 Pháp, như sống độc cư rừng già, sống dưới cội cây, v.v.)*. Trong 13 *Pháp Điều Tiết Dục Đầu Đà* này là *Bất Thường Xuyên Giới Luật* của *Tỳ Khuru*, *Tỳ Khuru Ni*, *Sa Di*. Việc tu tập bất luận một trong các *Pháp Điều Tiết Dục* và *Thập Chi Giới Luật* là *Bất Thường Xuyên Giới Luật* của tất cả các vị *Bạch Y Đạo Sĩ* và các vị *Đạo Sĩ*.

Bát Quan Trai Giới, Cửu Chi Giới Luật, Thập Chi Giới Luật, và tu tập *Pháp Đầu Đà Điều Tiết Dục, Nhất Tọa Thọ Thực Đầu Đà (Ekāsanikaṅgadhūtaṅga)*, *Trì Bình Khất Thực Đầu Đà (Pattapiṇḍikaṅgadhūtaṅga)* với những thể loại này là *Bất Thường Xuyên Giới Luật* của tất cả hàng cư sĩ tại gia.

- 3/. *Nguyện Trì Giới Luật (Cārittasīla)* có nghĩa không thực hiện thì không có tội. Nếu như đã có thực hiện thì sẽ có nhiều lợi ích to lớn, đó chính là *Bất Thường Xuyên Giới Luật* như đã vừa đề cập đến vậy.
- 4/. *Ngăn Trì Giới Luật (Vārittasīla)* có nghĩa Giới Luật ấy cần phải thường luôn thực hiện, nếu không có thực hiện thì ắt hẳn có tội, đó chính là *Thường Xuyên Giới Luật*.

69. *Hỏi: Việc nguyện thọ trì Giới Luật của hàng cư sĩ đầy, thì ngoài phần Ngũ Giới hoặc Bát Giới ra rồi, thì vẫn có các loại Giới Luật khác nữa hay không? Nếu có, thì đó là những chi?*

Đáp: Việc nguyện thọ trì Giới Luật của hàng cư sĩ, ngoài Ngũ Giới và Bát Giới ra rồi, cũng vẫn có các loại Giới Luật khác nữa để sẽ được tuân thủ, chẳng hạn như:

1. *Mạng Đệ Bát Giới Luật (Ājīvaṭṭhamakasīla)*: tức là ngăn trừ *Tam Thân Ác Hạnh (Kāyaduccarita)*, *Tứ Ngũ Ác Hạnh (Vacīduccarita)*, và kiêng tránh *Tà Mạng (Micchājīva)*.
2. *Cửu Chi Bố Tát Trai Giới (Navaṅga Uposathasīla)*: đó chính là *Bát Quan Trai Giới* lại có thêm phần “*Yathā balaṃ mettā sahaḡatena cetasā sabbā vantaṃ lokam pharivā viharāmi – Với Tâm câu hữu Từ Ái biến mãn hết tất cả loài Hữu Tình và an trú*”- “*Tôi xin truyền rải với Tâm Từ Ái cho đến hết tất cả loài Hữu Tình ở khắp mọi muôn phương.*”
3. *Thập Chi Giới Luật (Dasaṅgasīla)*: đó chính là 10 điều giới luật mà vị Sa Di phải tuân thủ.

70. *Hỏi: Hãy trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu và Nhân Cần Thiết, luôn cả trình bày Pháp Đối Lập v.v. của Trì Giới Thiện.*

Đáp: Trình bày Trạng Thái, Phận Sự, v.v. và Pháp Đối Lập (**Paṭikkhepa dhamma**) v.v. của Trì Giới Thiện

1. *Trạng Thái (Lakkhaṇa)*: có việc làm thành chỗ an trú của tất cả các Pháp Thiện, làm trạng thái. (**Paṭiṭṭhāpanalakkhaṇam**)
2. *Phận Sự (Rasa)*: có việc làm tổn hại của sự làm thành kẻ Phạm Giới Luật (**Dussīla**), làm phận sự. (**Dussasīlayaviddhamṡanarasam**)
3. *Sự Thành Tựu (Paccuppaṭṭhāna)*: có sự tịnh khiết về Thân và Tâm, làm trạng thái hiện bày. (**Soceyyapaccuppaṭṭhānam**)
4. *Nhân Cần Thiết (Paḡaṭṭhānam)*: hiện hữu với Tâm - Quý, làm nhân cần. (**Hiri ottappapaḡaṭṭhānam**)

Trình Bày Pháp Đối Lập (**Paṭikkhepadhamma**) v.v. của Trì Giới Thiện

1. **Đối Lập Pháp (Paṭikkhepadhamma):** Pháp do bởi Trì Giới Thiện mà phải bị đoạn tận (*Pahāna*), ấy là Sân (*Dosa*) liên quan với việc gây tổn hại.
2. **Chuẩn Hứa Pháp (Anuññādadhamma):** Pháp đón nhận sự bằng lòng của Trì Giới Thiện cho được sinh khởi, ấy là Vô Sân (*Adosa*), là sự bất tổn hại.
3. **Xuất Sinh Pháp (Uppādetabbadhamma):** Pháp do bởi Trì Giới Thiện làm cho được sinh khởi, ấy là ba bậc Đạo thấp và ba bậc Quả thấp [lập ý đến mãnh lực của Trì Giới Thiện làm thành *Mãnh Lực Bảo Hộ (Upathamhaka satti).*]

71. **Hỏi:** Hãy trình bày câu Chú Giải của từ ngữ “*Bhāvanā*” có ý nghĩa là chi ? Luôn cả trình bày *Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu* và *Nhân Căn Thiết*, cùng với cả trình bày *Pháp Đối Lập* v.v. của *Tu Tập Thiện*.

Đáp: Có câu Chú Giải nói rằng “*Kusaladhamme bhāveti uppādeti vadḍhetī = Bhāvanā*”- “*Pháp chủng nào làm cho Thiện ở phần tinh lương được sinh khởi lần đầu tiên, và làm cho tiến hóa lên; như thế Pháp chủng ấy gọi là Tu Tập.*” Tức là *Tâm Khởi Sinh Đại Thiện (Mahākusala-cittuppāda)* liên quan với việc tiến hóa *Tu Tập An Chỉ (Samathabhāvanā)* và *Tu Tập Minh Sát (Vipassanā bhāvanā)* ở trong khoảng thời gian vẫn đang còn *Chuẩn Bị Tu Tập (Parikamma bhāvanā)* và *Cận Hành Tu Tập (Upacārabhāvanā)*.

Từ ngữ “*Bhāvanā*”, đó chính là “*Dhātu + Paccaya + Vibhatti*” cả ba từ ngữ này kết hợp lại với nhau. *Dhātu* ấy là *Bhū*, *Paccaya* ấy là *Ne + Yu + Ā*, *Vibhatti* ấy là *Si*. (*Bhū + Ne + Yu + Ā + Si*) với *Bhū* dịch nghĩa là “*kiếp sống*”, *Ne* “*trừ ra*”, *Yu* dịch nghĩa là “*vi hành*”, *Ā* “*lúc ban đầu*”, *Si* “*trừ ra*”. (*Bhū + Ana + Ā*) khi kết hợp lại với nhau thành “*Bhāvanā*”.

Trong câu Chú Giải này được chia ra làm hai phần, đó là:

- 1/ “*Kusaladhamme bhāveti uppādeti*”- “*thường làm cho Thiện ở phần tinh lương được sinh khởi lần đầu tiên.*”
- 2/ “*Kusaladhamme bhāveti vadḍheti*”- “*thường làm cho Thiện ở phần tinh lương sinh trưởng lên tới cực điểm.*”

Cả hai câu Chú Giải ở hai phần này, với phần thứ nhất lập ý đến *Tâm Khởi Sinh Thiện* sinh khởi lần đầu tiên từ ở nơi việc *Thực Hành (Patipatti)*; ở phần thứ hai lập ý đến *Tâm Khởi Sinh Thiện* sinh khởi nối tiếp với nhau trong những lần về sau sau từ ở nơi việc *Thực Hành* khi vẫn chưa đạt đến *Nhập Định (Appanā)*.

Lại nữa, từ ngữ *Tu Tập (Bhāvanā)* ở trong phần *Phúc Hành Tông* ấy, là Ngài đang muốn trình bày đến vấn đề của *Đại Thiện (Mahākusala)*. Còn từ ngữ *Tu Tập (Bhāvanā)* ở trong *Chương thứ 9 phần Tổng Hợp Nghiệp Xứ (Kammaṭṭhānasaṅgaha)*, ấy là Ngài trình

bây đến vấn đề của *An Chi (Samatha)* và *Minh Sát (Vipassanā)*. Do đó, Chi Pháp mới sẽ là hết tất cả ở phần *Thiền Hiệp Thế* và *Siêu Thế (Lokiya – Lokuttarakusala)* tùy theo thích hợp. Như thế, Ngài Phụ Chú Giải mới nói rằng việc rèn luyện và đào tạo, việc tu học *Pháp Luật (Dhammavinaya)*, việc giảng dạy, việc tư duy thẩm sát cân nhắc ở trong các điều Pháp Bảo; hoặc ở những thể loại của việc học hỏi, việc giảng dạy theo những kiến thức của con đường thế tục cũng chẳng có chi là tội lỗi. Hết tất cả đều thuộc về *Tu Tập (Bhāvanā)* ở phần *Phúc Hành Tông* cả thầy.

Trình Bày Trạng Thái, Phận Sự, v.v. và Pháp Đối Lập (**Paṭikkhepadhamma**) v.v. của Tu Tập Thiền

1. *Trạng Thái (Lakkhaṇa)*: có việc làm cho Thiền được tăng trưởng tiến hóa lên, làm trạng thái. (*Kusalavaḍḍhāpanalakkhaṇam*)
2. *Phận Sự (Rasa)*: có việc đoạn tận Bất Thiện, làm phận sự. (*Akusalapahāna rasā*)
3. *Sự Thành Tựu (Paccuppaṭṭhāna)*: có việc đạt đến đạo lộ thực hành liên quan với Niệm (*Sati*) của *Danh Thân (Nāmakāya)*, *Sắc Thân (Rūpakāya)*, làm trạng thái hiện bày. (*Sattācārokkammanapaccuppaṭṭhānam*)
4. *Nhân Cận Thiệt (Padaṭṭhānam)*: có việc chú tâm ở trong Cảnh với mãnh lực từ ở nơi Tác Nhân Chân Như Thực Tính, làm nhân cận. (*Yoniso manasikārapadaṭṭhānam* - Như Lý Tác Ý – Tác Ý Khôn Khéo)

Trình Bày Pháp Đối Lập (**Paṭikkhepadhamma**) v.v. của Tu Tập Thiền

1. *Đối Lập Pháp (Paṭikkhepadhamma)*: Pháp do bởi Tu Tập Thiền mà phải bị đoạn tận (*Pahāna*), ấy là *Si Mê (Moha)*.
2. *Chuẩn Hứa Pháp (Anuññātaḍḍhamma)*: Pháp đón nhận sự bằng lòng của Tu Tập Thiền cho được sinh khởi, ấy là *Vô Si (Amoha)*.
3. *Xuất Sinh Pháp (Uppādetabbadhamma)*: Pháp do bởi Tu Tập Thiền làm cho được sinh khởi, ấy là Đạo Vô Sinh, Quả Vô Sinh [là theo *Phần Thượng Phẩm (Ukkaṭṭhanaya)*]

72. Hỏi: Từ ngữ “*Apacāyana*” có ý nghĩa là chi ? Có bao nhiêu thể loại, là những chi ? Và hạng Người xứng đáng phải được lễ phép tôn kính hiện hữu với nhau thì có được bao nhiêu thể loại, và đó là những thể loại nào ?

Đáp: Trình bày câu Chú Giải của từ ngữ nói rằng “*Apacāyana*”, ấy là: “*Apacāyanti etenāti = Apacāyanam*”- “Tất cả người ta thường thực hiện việc lễ phép kính trọng với Tư Tác Ý Thiền, như thế Tư Tác Ý Thiền làm thành tác nhân cho việc lễ phép kính trọng ấy, gọi là *Cung Kính*.” Tức là Tư Tác Ý ở trong Tâm Đại Thiền.

Giải thích rằng: Khi được hội kiến với Mẹ Cha, Ông Bà Nội, Ông Bà Ngoại, Tôn Sư, Giáo Thọ, Tỳ Khưu, Sa Di, thì thường là giơ tay lên thực hiện việc lễ kính; hoặc quỳ lạy, cúi đầu, bò đi tìm kiếm; hoặc đi đến nghênh tiếp với trạng thái phụ giúp đỡ đàn, hoặc tiếp tay đỡ lấy các vật dụng từ ở nơi các Ngài. Thực hiện những hành động ấy bằng cái Tâm trong sạch, chẳng có toan tính dụng ý ở trong bất luận vấn đề nào vì danh, vì lợi. Những việc tôn kính lễ bái này đều là việc *Cung Kính (Apacāyana)* hết cả thảy. Nếu nhớ như thực hiện những việc này lại có dụng ý để sẽ có được lợi lộc, danh vị; thì việc thực hiện những việc tôn kính lễ bái ấy, đích thực chẳng phải là việc *Cung Kính* thực sự, mà đó chỉ là việc *Cung Kính* đã được pha trộn với mảnh khoe lừa bịp.

Cung Kính có hai thể loại, là *Cung Kính Phổ Thông (Samañña Apacāyana)* và *Cung Kính Đặc Thù (Visesa Apacāyana)*. Ở trong hai thể loại này, việc bày tỏ sự lễ phép tôn kính quý trọng đến Mẹ Cha, Ông Bà Nội, Ông Bà Ngoại, Tôn Sư, Giáo Thọ, với sự truy niệm nghĩ suy rằng “*Ta đây có bốn phận để sẽ phải thực hiện việc lễ phép tôn kính đến các bậc này, vì lẽ các Ngài là hàng thân quyến gia tộc, bậc trưởng thượng, và bậc Tôn Sư Giáo Thọ của Ta.*”, làm như vậy, thì được gọi là *Cung Kính Phổ Thông*. Việc bày tỏ sự lễ phép tôn kính quý trọng ở trong Tam Bảo với sự truy niệm nghĩ suy đến những *Án Đức* cao quý (*Guṇa*), có *Bậc Ứng Cúng (Arahaṃ)* v.v. với mãnh lực từ ở nơi Tâm Đại Thiện phối hợp với *Đức Tin (Saddhā)* và *Trí Tuệ (Paññā)* bằng cách thốt lên lời nói rằng “*Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi*”- “*Con đem hết lòng thành kính xin Quy Y Phật*” v.v., làm như vậy, thì được gọi là *Cung Kính Đặc Thù*.

Hạng Người xứng đáng phải được lễ phép tôn kính, hiện hữu với nhau ở ba thể loại, đó là:

1. *Bậc Án Đức Trưởng Thượng (Guṇavuddhipuggala)*: là bậc trưởng thượng với mãnh lực từ ở nơi *Giới Đức (Sīlaguṇa)*, *Định Đức (Samādhiguṇa)*, và *Tuệ Đức (Paññāguṇa)*.
2. *Bậc Niên Linh Trưởng Thượng (Vayavuddhipuggala)*: là bậc trưởng thượng với mãnh lực từ ở nơi tuổi thọ.
3. *Bậc Tộc Biểu Trưởng Thượng (Jātivuddhipuggala)*: là bậc trưởng thượng với mãnh lực từ ở nơi dòng dõi họ hàng.

73. Hỏi: Xin hãy trình bày việc hoan hỷ tán thành (*Anumodanā*) phần Phước Báo mà người ta đã có nói ra lời hỏi hướng và chia cho, thì hiện hữu được bao nhiêu trường hợp? Là những chi?

Đáp: Việc hoan hỷ tán thành (*Anumodanā*) phần Phước Báo mà người ta đã có nói ra lời hồi hướng chia cho như vậy, mới sẽ được gọi là *thành Tùy Hỷ Công Đức Thiện* một cách xác thực.

Ăn Đức (Patti – Ăn Trạch) (phần Phước Báo mà người ta đã có chia cho) hiện hữu ở hai trường hợp, đó là:

1. *Chuyên Nhất Hồi Hướng Ăn Đức (Uddissasikapatti):* phần Phước Báo mà đã được người ta chia cho một cách chuyên nhất.
2. *Bất Nhất Hồi Hướng Ăn Đức (Anuddissasikapatti):* phần Phước Báo mà đã được người ta chia cho một cách bất nhất.

Khi chiết tự từ ngữ theo phần Văn Phạm Pāli thì có được như vậy: “*Uddissa + Ika + Patti = Uddissasikapatti, Uddissa = sự chuyên nhất, Ika = có, Patti = Phước Thiện mà người ta chia cho*”. Khi kết hợp cả ba từ ngữ này vào với nhau thì sẽ dịch là “*Phước Thiện mà người ta chia cho một cách có sự chuyên nhất*” “*Na + Uddissa + Ika + Patti = Anuddissasikapatti, Na = không có, Uddissa = sự chuyên nhất, Ika = có, Patti = Phước Thiện mà người ta chia cho*”. Khi kết hợp cả bốn từ ngữ này vào với nhau thì sẽ dịch là “*Phước Thiện mà người ta chia cho một cách không có sự chuyên nhất, (một cách bất nhất).*”

Việc hồi hướng chia cho phần Phước Báo ở cả hai trường hợp này, với người đã được đón nhận phần Phước Báo thuộc thể loại *Chuyên Nhất Hồi Hướng Ăn Đức* một khi đã thốt ra lời nói rằng *Sādhu – Lành Thay* xong rồi, thì sẽ được đón nhận quả báo trở sanh ngay tức thì. Chẳng hạn như nhóm *Nga Quý* đã là thân quyến với Đức Vua *Bimbisāra* từ ở trong kiếp quá khứ. Khi Đức Vua *Bimbisāra* đã lập ý kiến tạo lên ngôi *Trúc Lâm Tự (Veluvānārāma)* và đã cúng dường đến *Bậc Chánh Đẳng Giác*, thế rồi nhà vua ấy chẳng có lập ý hồi hướng phần Phước Báo một cách chuyên nhất cho đến những nhóm *Nga Quý* này đây, mà chỉ lập ý hồi hướng chia cho một cách bất nhất mà thôi. Vì thế, những nhóm *Nga Quý* này mới cùng rủ nhau khóc la thống thiết và cầu xin đến nhà vua đây. Khi trời chỉ vừa rạng sáng, nhà vua đã vội mau đến diện kiến Đức Chánh Đẳng Giác, đã bày tỏ sự tôn kính qua việc đánh lễ, đã ngồi xuống ở một nơi thích hợp, và đã tác bạch vấn hỏi đến Đức Phật về câu chuyện đã được thấy được biết.

Đức Phật mới phán quyết bảo rằng: “*Âm thanh của nhóm Nga Quý ấy là thân quyến, đã đến khóc la để cầu xin được phần Phước Báo, vì lẽ Đại Vương chẳng có lập ý hồi hướng hết tất cả phần Phước Báo mà mình đã có tạo ra, để cho đến bọn chúng một cách chuyên nhất. Những bọn chúng chú tâm chờ đợi đã rất lâu dài rồi, để sẽ được đón nhận phần Phước Báo từ ở nơi Đại Vương.*” Thế là, Đức Vua *Bimbisāra* mới lập ý sắp bày việc tạo ra Phước Báo mới thêm một lần thứ hai nữa, và khi đã xong

rồi thì liền lập ý hồi hướng phần Phước Báo ấy cho đến những nhóm Ngạ Quỷ một cách chuyên nhất. Về phía tất cả bọn Ngạ Quỷ, khi đã được đón nhận phần Phước Báo từ ở nơi Đức Vua *Bimbisāra* đã lập ý hồi hướng chia cho một cách chuyên nhất, thì cùng rủ nhau đồng thanh thốt ra lời “*Sādhu*”. Quả Phước Báo tức thời hiện khởi lên qua việc đón nhận vật thực được thụ hưởng, và đã giảm voi đi sự đói khát mà đã trải qua với thời gian rất lâu dài. Chính ở ngay trong sát na ấy, đã là thành tựu quả báo được đón nhận qua việc hiện bày rõ ràng từ ở nơi việc hồi hướng phần Phước Báo một cách chuyên nhất.

Đối với người đã được đón nhận phần Phước Báo ở thể loại *Bất Nhất Hồi Hướng Ấn Đức*, thì chẳng có được đón nhận quả báo hiện bày rõ ràng ở ngay lập tức, và chẳng giống với người đã được đón nhận phần Phước Báo thuộc thể loại *Chuyên Nhất Hồi Hướng Ấn Đức*. Tuy nhiên cho dù sẽ là như thế nào đi nữa, từng mỗi ân đức từ ở nơi việc *hoan hỷ tán thành (Anumodanā)* phần Phước Báo ở thể loại *Bất Nhất Hồi Hướng Ấn Đức* của những nhóm Ngạ Quỷ ấy cũng vẫn chẳng mất mát đi đâu cả. Đến khi được đón nhận ở thể loại *Bất Nhất Hồi Hướng Ấn Đức* vào bất luận thời gian nào rồi, thì chính ngay ở trong thời gian ấy, việc *hoan hỷ tán thành* phần Phước Báo ở thể loại *Bất Nhất Hồi Hướng Ấn Đức*, sẽ đi vào ủng hộ sách tấn việc *hoan hỷ tán thành* phần Phước Báo ở thể loại *Bất Nhất Hồi Hướng Ấn Đức* cho có được năng lực càng kiên cố vững vàng tức thì khởi sinh lên ở ngay trong sát na ấy.

Theo chỗ đã vừa đề cập đến ở tại đây, chỉ là lập ý đến những người đã quá vãng và đã đi thọ sinh làm thành một nhóm *Tha Hy Thí Mạng Ngạ Quỷ (Paradattu jīvikapeta)* cùng với *Thụ Khổ Nạn Giả Atula (Vinipātika Asurā)* và lại có thêm một nhóm *Thiên Cung Ngạ Quỷ Atula (Vemānikapeta Asurā)* khác nữa, đó là một nhóm Thiên Chúng bậc thấp ở trong Cõi Tứ Đại Thiên Vương. Đối với trong quần thể nhân loại với nhau đây, thì cũng có việc *hoan hỷ tán thành (Anumodanā)* phần Phước Báo ở thể loại *Chuyên Nhất Hồi Hướng Ấn Đức*, hoặc *Bất Nhất Hồi Hướng Ấn Đức* cũng tương tự, thế nhưng quả báo sẽ được đón nhận thì chẳng phải là cơm gạo bạc vàng, vật thực trong việc thọ dụng, chỗ ở nương trú, tương tự với hạng Ngạ Quỷ đã được đón nhận như thế; mà quả báo được đón nhận chỉ là việc hân hoan vui thích, rằng là người có Thiện Tâm với tâm lòng bao dung rộng lượng, làm thành chỗ yêu thương mong mỏi ở trong tất cả quần thể nhân loại. Và chính tự nơi mình cũng được đón nhận quả báo, ấy là có Tâm Thức an vui, không sâu bi ưu não; diện mạo xinh tươi, trong sáng, và chẳng có âu sầu u ám.

Phương thức hồi hướng và chia cho phần Phước Báo ở thể loại *Chuyên Nhất Hồi Hướng Ấn Đức*, thì có được việc hồi hướng như vậy:

“*Idam me puññaṃ mātāpitūacariyaññātimittasamūhānaṃ demi*”- “Xin hồi

hướng hành động tác thành Phước Báo liên quan với Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập của Tôi đây, cầu chúc cho được đến Mẹ Cha, Tôn Sư Giáo Thọ, thân quyến, bằng hữu, đã quá vãng hoặc đang còn sinh mạng, đều với nhau hết cả thấy.”

Đối với phương thức hồi hướng và chia cho phần Phước Báo ở thể loại *Bát Nhất Hồi Hướng Ân Đức*, thì có được phương thức hồi hướng như vậy:

“*Idam me puññaṃ sabbasattānaṃ demi*”- “Xin hồi hướng hành động tác thành Phước Báo liên quan với Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập của Tôi đây, cầu chúc cho đến tất cả Chúng Hữu Tình, đều với nhau hết cả thấy.”

74. Hỏi: a/. Nghiệp vụ học thuật mà chẳng có tác hại tội lỗi đã được liệt kê vào ở trong phần *Thuyết Pháp*, thì có được bao nhiêu trường hợp? Là những chi?

b/. Hãy trình bày về phần *Thuyết Pháp* đạt được ân đức cực đại, và ân đức hy thiếu.

Đáp: a/. Nghiệp vụ học thuật mà chẳng tác hại tội lỗi hiện hữu với nhau ở ba trường hợp, đó là:

1. *Nghệ Nghiệp Học Thuật (Sippāyatanavijjā)*: tức là học thuật cỡi ngựa, học thuật cỡi voi, và lái xe, v.v.
2. *Kỹ Nghệ Học Thuật (Kammāyatanavijjā)*: tức là khoa nông nghiệp (*Kasikamma*), khoa thương nghiệp (*Vāṇijyakamma*), khoa thủ công nghiệp (*Hatthakamma*), v.v.
3. *Nghệ Thuật Học Thuật (Vijjāṭṭhānavijjā)*: tức là thiên văn học, chiêm tinh học, y học, ma thuật học, v.v.

Việc giảng dạy, việc hướng dẫn giải thích ở trong cả ba loại học thuật như đã vừa đề cập đến ở tại đây, tất cả Chư Tỷ Khuru Sa Di không được giảng dạy, có tội, vì chẳng phải là “*Phận Sự Học Pháp*” (*Ganthadhūra*) và “*Phận Sự Hành Pháp*” (*Vipassanādhūra*), đó chỉ là nghiệp vụ học thuật vô tội đối với hàng cư sĩ tại gia mà thôi. Vì thế, đã là vị Tỷ Khuru, Sa Di, thì cần phải lánh xa việc giảng dạy, việc thuyết giảng ở trong những thể loại học thuật này.

b/. *Thuyết Pháp Thiện (Dhammadesanākusala)* mà có ân đức cực đại, ấy là bậc *Thuyết Pháp* với Tâm thanh tịnh, sẽ nói rằng chẳng có lập ý ở trong *lợi lộc (Lābha)*, *tôn kính trọng đãi (Sakkāra)*, *danh vọng (Yasa)*, *thanh danh (Siloka)* bất luận trường hợp nào; chỉ có tác ý duy nhất kỳ vọng là sẽ cho thính giả được đón nhận sự lợi ích lưu truyền. Việc *Thuyết Pháp* ở thể loại này, đã được liệt vào ở trong phần *Thuyết Pháp Thiện* trung thực và chân chánh, và lại có ân đức cực đại.

Còn *Thuyết Pháp Thiện* mà chỉ có hy thiếu ân đức, ấy là bậc *Thuyết Pháp* mà chẳng có Tâm thanh tịnh, chỉ lo mãi dụng tâm kỳ vọng ở trong câu chuyện *lợi lộc, tôn*

kính trọng đấng, danh vọng, và thanh danh, luôn cả với cái Tâm sẽ cho tất cả mọi người được biết rằng mình đây là một bậc *Thuyết Pháp Giả (Dhamma kathika)*, Tôn Sư, Giáo Thọ. Việc *Thuyết Pháp* ở thể loại này, đã được liệt vào ở trong phần *Thuyết Pháp Thiện* chẳng có trung thực và bất chánh, và lại chỉ có hy thiếu ân đức.

Lại nữa, bậc *Thuyết Pháp* với Tâm Thức chẳng có thanh tịnh đây, nếu nhờ như đang khi thuyết giảng mà có Tâm Thức sinh khởi thanh tịnh chỉ một sát na, sẽ nói rằng chẳng có việc kỳ vọng đến lợi lộc, tôn kính trọng đấng, danh vọng, và thanh danh, bất luận trường hợp nào; mà chỉ có tác ý duy nhất kỳ vọng là sẽ cho thính giả được đón nhận sự lợi ích lưu truyền. Như thế, việc *Thuyết Pháp* ở ngay trong sát na ấy cũng là *Thuyết Pháp Thiện* một cách trung thực và chân chánh, và cũng có ân đức như nhau. Cũng như Ngài Đại Giáo Thọ Sư *Buddhaghosa* đã có trình bày đề ở trong bộ *Chú Giải Atthasālinī* (điều 203) nói rằng: “*Eko evaṃ maṃ dhammakathikoti jānissantīti icchāya thātva lābhagaruko hutva deseti, taṃ na mahapphalaṃ.*” - “Bất luận một người nào *Thuyết Pháp* với cái Tâm chẳng có thanh tịnh, đã đi với tư duy nghĩ rằng “Tất cả người ta thường sẽ hiểu biết về Ta, rằng Ta đây là bậc *Thuyết Pháp Giả*, luôn cả có việc kỳ vọng ở trong lợi lộc.” Việc *Thuyết Pháp* ở thể loại này, thường là có quả báo ít oi, có ân đức hy thiếu và bất túc.”

“*Eko attano paṇaṃ dhamma apaccāsīsamāno vimuttāyatanasīsenā pasesaṃ deseti, idaṃ desanāmayāṃ puññakiriyāvatthu nāma.*”- “Bất luận một người nào *Thuyết Pháp* đến tất cả mọi người với cả sự hiểu biết, sự tinh thông thuần thực của mình, chẳng có việc kỳ vọng ở trong bất luận lợi lộc nào, và duy nhất chỉ hướng tâm kiên định cho đạt thành Quả vị Vô Sinh; như thế việc *Thuyết Pháp* ở thể loại này đã được gọi là hoàn thành Phúc Hành Tông (Phúc Nghiệp Sư) ở phần *Thuyết Pháp Thiện* một cách xác thực.”

1. Lợi Lộc (*Lābha*): lập ý đến vật dụng mà người ta sắp bày cúng dường.
2. Tôn Kính Trọng Đấng (*Sakkāra*): lập ý đến việc được đón nhận sự tôn kính quý trọng.
3. Danh Vọng (*Yasa*): lập ý đến đồ chúng hoặc môn đồ.
4. Thanh Danh (*Siloka*): lập ý đến danh thơm tiếng tốt, danh tiếng.

75. Hỏi: Hãy trình bày Pháp làm thành duyên cho khởi sinh Tuệ Nghiệp Chủ đây, thì có được bao nhiêu trường hợp? Là những chi?

Đáp: Pháp làm thành duyên của Tuệ Nghiệp Chủ đây, hiện hữu với nhau ở ba trường hợp, ấy là:

1. Tuệ Văn (*Sutamayapaññā*): Tuệ sinh từ ở nơi sự nghiên cứu học hỏi, làm thành nhân, làm thành duyên cho khởi sinh Tuệ Nghiệp Chủ.

2. **Tuệ Tu (Cintāmayapaññā):** Tuệ sinh từ ở nơi sự nghĩ suy, thẩm sát ở trong sự hiện hữu của tất cả Chúng Hữu Tình; bởi theo những sự việc có bệnh, không có bệnh, sự khôn ngoan, sự đần độn, hạnh phúc, khổ đau, trường thọ, đoản thọ, nghèo khổ, giàu có, v.v. làm thành nhân, làm thành duyên cho khởi sinh Tuệ Nghiệp Chủ.
3. **Tuệ Tu (Bhāvanāmayapaññā):** Tuệ sinh từ ở nơi việc tiến tu Minh Sát làm thành nhân, làm thành duyên cho khởi sinh Tuệ Nghiệp Chủ.

76. **Hỏi:** Hãy trình bày theo thứ tự về Chân Tri Chước Kiến, là sự tác hành tri kiến chân chánh, hiện hữu với Thập Chánh Kiến Tông Chi.

Đáp: Thập Chánh Kiến Tông Chi (**Dasavatthukasammādiṭṭhi**) hiện hữu mười trường hợp như sau:

1. **Atthi dinnam:** Liễu tri rằng việc tạo ra Phước Báo ấy, thì có được đón nhận quả thiện hữu ích.
2. **Atthi yittham:** Liễu tri rằng những việc cúng dường ở cùng khắp, thì cũng có được đón nhận quả thiện hữu ích.
3. **Atthi hutam:** Liễu tri rằng những việc nghênh tiếp đón chào, thì cũng có được đón nhận quả thiện hữu ích.
4. **Atthi sukata dukkatānaṃ kammānaṃ phalaṃ vipāko:** Liễu tri rằng những việc làm Thiện và làm Bất Thiện đây, thì cũng có việc được đón nhận quả dị thực theo cả hai đạo lộ, trực tiếp và gián tiếp.
5. **Atthi ayam loko:** Liễu tri rằng đời sống này, là người đang hiện hữu ở ngay trong hiện tại đây, chỗ gọi với nhau là kiếp sống này ắt hẳn là hiện hữu, vì lẽ có việc tục sinh nối tiếp thêm nữa.
6. **Atthi paro loko:** Liễu tri rằng có đời sau, tức là có kiếp sống sẽ được nương sinh từ ở đời sống đang hiện bày ở trong hiện tại này, bởi vì một khi đã tử vong rồi thì có việc tục sinh lại nữa.
7. **Atthi mātā:** Liễu tri rằng việc tạo tác Thiện – Ác đối với người Mẹ, thì có việc được đón nhận quả báo ở trong thời vị lai.
8. **Atthi pitā:** Liễu tri rằng việc tạo tác Thiện – Ác đối với người Cha, thì có việc được đón nhận quả báo ở trong thời vị lai.
9. **Atthi sattā opapātikā:** Liễu tri rằng có loài Hữu Tình khởi sanh chỉ có một lần mà to lớn lên liền (*Hóa Sanh*), tức là có Chúng Hữu Tình Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Chư Thiên, Phạm Thiên, một cách xác thực.
10. **Atthi loka samaṇabrahmaṇā sammaggatā sammāpaṭipannā, ye imaṅca lokam paraṅca lokam abhiññā sacchikatvā pavedenti:** Liễu tri rằng bất luận những vị Sa Môn, Bà La Môn nào, với chính tự mình có được sự liễu tri đời này, đời

sau, và rồi có khả năng chỉ dạy và dắt dẫn cho được liễu tri. Cũng có những vị Sa Môn, Bà La Môn đến với nhau trong tình thân ái đoàn kết, cùng có được chánh kiến và chánh hạnh. (Có nghĩa là ắt hẳn có người tu tập *An Chi*, *Minh Sát*, *đắc chứng Thiền Định*, *Thắng Trí*, *Đạo* và *Quả*; và người thủ đắc giới tính thành bậc xuất gia, trau dồi Pháp Hành tốt đẹp và ưa thích, đều toàn là sự việc được nói đến làm thành Pháp chân thật, và chẳng phải tác hành chỉ là để mưu sinh, với bất luận trường hợp nào.)

Ghi chú: *Thập Chánh Kiến Tông Chi* đây, là đối nghịch với *Thập Vô Hữu Kiến*.

77. Hỏi: *Hãy trình bày Chi Pháp của Chân Tri Chước Kiến ở trong cả ba sát na của Tư Tác Ý.*

Đáp: Trình bày Chi Pháp của Chân Tri Chước Kiến ở trong cả ba sát na của Tư Tác Ý

1. *Chân Tri Chước Kiến* ở trong sát na *Tư Tiên (Pubbacetanā)*, tức là 8 Tâm Đại Thiện (*Mahākusalacitta*).
2. *Chân Tri Chước Kiến* ở trong sát na *Tư Hiện (Muñcacetanā)*, tức là 4 Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí (*Mahākusalaññānasampayuttacitta*).
3. *Chân Tri Chước Kiến* ở trong sát na *Tư Hậu (Aparacetanā)*, tức là 8 tâm Đại Thiện.

78. Hỏi: *Hãy cho các học giả trình bày việc tóm lược Thập Phúc Hành Tông ở trong phần Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập.*

Đáp: Việc tóm lược Thập Phúc Hành Tông ở trong phần Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập, thì có được như sau:

Ở trong mười điều *Thập Phúc Hành Tông* đây;

- + *Hồi Hướng Phước Báo* và *Tùy Hỷ Công Đức*, với hai thể loại này đã được liệt kê vào ở trong phần *Xả Thí Thiện*, gọi là *Phần Xả Thí (Dānamaya)*.
- + *Cung Kính* và *Phụng Hành*, với hai thể loại này đã được liệt kê vào ở trong phần *Trì Giới Thiện*, gọi là *Phần Trì Giới (Sīlamaya)*.
- + *Thỉnh Pháp*, *Thuyết Pháp* và *Chân Tri Chước Kiến*, với cả ba thể loại này đã được liệt kê vào ở trong phần *Tu Tập Thiện*, gọi là *Phần Tu Tập Bhāvanāmaya*).

Tóm lại, *Thập Phúc Hành Tông* đã được làm thành với ba trường hợp, được có như vậy.

79. Hỏi: Ủy Thác Phẩm Vật (**Upanidhibhaṇḍa**), tức là tài sản nên ủy thác tích lũy ở trong Uẩn Giới của mình để chứng đắc Níp Bàn, hiện hữu với nhau có được bao nhiêu trường hợp? Là những chi? Có nên tăng trình bày để ở trong chỗ nào?

Đáp: Trình bày Ủy Thác Phẩm Vật (**Upanidhibhaṇḍa**), tức là tài sản nên ủy thác tích lũy ở trong Uẩn Giới của mình để chứng đắc Níp Bàn:

Tài sản nên được ủy thác tích lũy ở trong Uẩn Giới của mình, để sẽ làm thành tư lương đặng chứng đắc Níp Bàn, mà đã được gọi là Ủy Thác Phẩm Vật (**Upanidhibhaṇḍa**) đây, hiện hữu với nhau ở trong 90 Pháp, ấy là 30 Thiện Hạnh (**Sucarita**), 30 Phúc Hành Tông (**Puññakiriyavatthu – Phúc Nghiệp Sự**), và 30 Ba La Mật (**Pāramī – Pháp Toàn Thiện**), gom lại thành 90 Pháp.

Cả hai thể loại Pháp, 30 Thiện Hạnh và 30 Phúc Hành Tông đây, đã được đề cập đến để ở trong phần trên. Còn 30 Pháp Toàn Thiện (**Ba La Mật**), tức là 10 Pháp Toàn Thiện bậc Hạ (**Hīnapāramī – Ty Liệt Ba La Mật**), 10 Pháp Toàn Thiện bậc Trung (**Majjhimapāramī – Trung Bình Ba La Mật**), và 10 Pháp Toàn Thiện bậc Thượng (**Paṇītapāramī – Tinh Lương Ba La Mật**), gom lại thành 30 Pháp. Ở trong 30 Pháp này, những Pháp Toàn Thiện được hoàn thành viên mãn với Dục (**Chanda**), Cần (**Viriya**), Tâm (**Citta**), Thâm (**Vimamsa, Paññā**), đang khi năng lực hãy còn non yếu, thì được gọi là Pháp Toàn Thiện bậc Hạ (**Hīnapāramī – Ty Liệt Ba La Mật**). Những Pháp Toàn Thiện được hoàn thành viên mãn với Dục, Cần, Tâm, Thâm, đang khi năng lực dững mảnh vừa đủ, thì được gọi là Pháp Toàn Thiện bậc Trung (**Majjhimapāramī – Trung Bình Ba La Mật**). Những Pháp Toàn Thiện được hoàn thành viên mãn với Dục, Cần, Tâm, Thâm, đang khi năng lực dững mảnh cùng tốt, thì được gọi là Pháp Toàn Thiện bậc Thượng (**Paṇītapāramī – Tinh Lương Ba La Mật**). [Nhu thế, 30 Pháp Toàn Thiện này, mới không có lập ý đến 10 Pháp Toàn Thiện Thông Thường (**Sāmaññapāramī**), 10 Pháp Toàn Thiện Cao Thượng (**Upapāramī**), 10 Pháp Toàn Thiện Tối Thượng (**Paramatthapāramī**), với bất luận trường hợp nào.]

Chín mươi Pháp Ủy Thác Phẩm Vật (**Upanidhibhaṇḍa**) đây, đã được trình bày để ở trong bộ Phụ Chú Giải Chương Thứ Nhất - Túc Sanh Truyện – (**Ekanipātajatakaṭṭhā**) nói rằng: “**Samatiṃsa samatiṃsāni sucaritadhamma puññakariyavatthu pāramī yoti ime navutidhammā nibbānatthāya upanidhibhaṇḍa nāma**”- Dịch nghĩa là: “Có 90 điều Phẩm Vật mà đã được gọi là Ủy Thác Phẩm Vật (**Upanidhibhaṇḍa**), tức là tài sản nên ủy thác tích lũy ở trong Uẩn Giới của mình để chứng đắc Níp Bàn; ấy là Pháp Thiện Hạnh, Pháp Phúc Hành Tông (Phúc Nghiệp Sự), và Pháp Toàn Thiện; với từng mỗi Pháp có được 30, và gom lại thành 90 Pháp.”

80. Hỏi: Hãy phân tích 12 Bất Thiện Nghiệp Lực có khả năng sẽ trở sanh quả báo ở trong Thời Tái Tục, thì có được bao nhiêu? Và không có được khả năng, là cái chi?

Đáp: Trình bày đến Cõi Địa Giới mà làm thành trú xứ cho việc trở sanh quả báo của Bất Thiện Nghiệp Lực, ấy là 11 Bất Thiện Nghiệp Lực [loại trừ *Tư Tác Ý Câu Hành Trao Cử (Uddhacca – Phóng Dật)*] thường trở sanh quả báo *Tái Tục (Paṭisandhi)* ở trong hết tất cả *Tứ Thống Khổ Địa Giới*. Có nghĩa là, người phải bị tục sinh ở trong hết tất cả những *Tứ Cõi Thống Khổ* đây, là cũng do nương vào một trong 11 Bất Thiện Nghiệp Lực này làm thành tác nhân; và còn *Tư Tác Ý Trao Cử* ấy, thì chẳng có nhiệm vụ làm trở sanh quả báo *Tái Tục*. Có nghĩa là, người đã tục sinh ở trong *Tứ Thống Khổ Địa Giới*, thì ắt hẳn chẳng phải bởi do nương vào *Tư Tác Ý Điều Cử* làm thành tác nhân. Đối với ở trong *Thời Chuyển Khởi (Pavattikāla – Thời Bình Nhật)*, tức là thời gian tiếp nối từ ở nơi *Tái Tục* cho đến *Tử Vong* ấy, thì thường là hết tất cả 12 Bất Thiện Nghiệp Lực trở sanh quả báo. Sẽ nói rằng, làm cho 7 Quả Dị Thục Bất Thiện, có việc nhìn thấy xấu ác, việc lắng nghe điều bất thiện, v.v. sinh khởi ở trong 11 Cõi Dục Giới, và 15 Cõi Sắc Giới [loại trừ *Cõi Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng (Asaññasattābhūmi)*].

81. Hỏi: Hãy phân loại *Thiện Tam Nhân* và *Thiện Nhị Nhân* theo *Thượng Phẩm* và *Hạ Phẩm*; và hãy phân loại theo thứ tự về *Thượng Phẩm* và *Hạ Phẩm* bởi theo *Tư Hậu Hậu*.

Đáp: Phân loại *Thiện Tam Nhân* và *Thiện Nhị Nhân* theo *Thượng Phẩm* và *Hạ Phẩm*:

- Từng mỗi *Thiện Tam Nhân* và *Thiện Nhị Nhân* như đã vừa đề cập đến đây, được phân chia ra làm hai thể loại, ấy là:
- *Thiện Tam Nhân* bậc *Thượng Phẩm*, ấy là *Thiện* ở bậc cao thượng.
- *Thiện Tam Nhân* bậc *Hạ Phẩm*, ấy là *Thiện* ở hạng thấp kém.
- *Thiện Nhị Nhân* bậc *Thượng Phẩm*, ấy là *Thiện* ở bậc cao thượng.
- *Thiện Nhị Nhân* bậc *Hạ Phẩm*, ấy là *Thiện* ở hạng thấp kém.

Và như thế, cả bốn thể loại, *Tam Nhân Thượng Phẩm* và *Hạ Phẩm*, *Nhị Nhân Thượng Phẩm* và *Hạ Phẩm* này, khi phân loại bởi theo *Tư Hậu Hậu (Aparāparacetanā)* thường hiện hữu được 8 thể loại, ấy là:

1. *Thiện Tam Nhân Thượng Thượng Phẩm (Tihetuka ukkaṭṭhukkaṭṭha kusala)*,
2. *Thiện Tam Nhân Thượng Hạ Phẩm (Tihetuka ukkaṭṭhomaka kusala)*,
3. *Thiện Tam Nhân Hạ Thượng Phẩm (Tihetuka omakukkaṭṭha kusala)*,
4. *Thiện Tam Nhân Hạ Hạ Phẩm (Tihetuka omakomaka kusala)*,

5. Thiện Nhị Nhân Thượng Thượng Phẩm (*Dvīhetuka ukkaṭṭhukkaṭṭha kusala*),
6. Thiện Nhị Nhân Thượng Hạ Phẩm (*Dvīhetuka ukkaṭṭhomaka kusala*),
7. Thiện Nhị Nhân Hạ Thượng Phẩm (*Dvīhetuka omakukkaṭṭha kusala*),
8. Thiện Nhị Nhân Hạ Hạ Phẩm (*Dvīhetuka omakomaka kusala*).

Sự hiện hành của những cả bốn Thiện Tam Nhân và cả bốn Thiện Nhị Nhân đây, có được như vậy:

- Sát na mà *Tư Hiện (Muñcacetanā)* sinh khởi và cấu sanh với Tam Nhân, gọi là *Thiện Tam Nhân (Tīhetukakusala)*.
- Sát na mà *Tư Hậu (Aparacetanā)* hoặc *Tư Hậu Hậu* sinh khởi và hiện hành một cách thanh tịnh, chẳng có pha trộn với Bất Thiện, gọi là *Thượng Thượng Phẩm (Ukkaṭṭhukkaṭṭha)*.
- Sát na mà *Tư Hậu* sinh khởi là Thiện, nhưng mà *Tư Hậu Hậu* lại Bất Thiện, gọi là *Thượng Hạ Phẩm (Ukkaṭṭhomaka)*.
- Sát na mà *Tư Hậu* sinh khởi là Bất Thiện, nhưng mà *Tư Hậu Hậu* lại Thiện, gọi là *Hạ Thượng Phẩm (Omakukkaṭṭha)*.
- Sát na mà *Tư Hậu* sinh khởi là Bất Thiện, và *Tư Hậu Hậu* cũng Bất Thiện, gọi là *Hạ Hạ Phẩm (Omakomaka)*.
- Nếu trong sát na mà *Tư Hiện (Muñcacetanā)* sinh khởi và cấu sanh với Nhị Nhân, thiếu mất Nhân Vô Si, gọi là *Thiện Nhị Nhân (Dvīhetukakusala)*.

Đối với sự hiện hành ở thể loại *Thượng Thượng Phẩm* v.v. thì cũng được hiện hành tương tự cùng một phương thức với nhóm *Thiện Tam Nhân*.

82. Hỏi: Hãy trình bày số lượng Quả Dị Thục của Dục Giới Thiện, thể theo Liên Hợp Kiến và Nhất Ban Kiến; và cho lập thành bảng chính phương.

Đáp: Việc trở sanh quả báo của Dục Giới Thiện (*Kāmāvacarakusala*) có Thiện Tam Nhân Thượng Phẩm, v.v. như đã vừa đề cập rồi đây, thuộc phần Liên Hợp Kiến (*Samānavāda – Nhất Trí Kiến*), tức là ý kiến thống nhất với nhau của tất cả các bậc Giáo Thọ có sự hiểu biết sâu rộng ở trong thực tính của Ngài Trưởng Lão *Anuruddha*, v.v. Đối với *Nhất Ban Giáo Sư* là ý kiến của một vài Ngài Giáo Thọ, tức là Ngài Trưởng Lão *Mahādatta* trú ngụ ở tại tịnh thất, ao Khổng Tước (*Moravāpi*) trong đảo quốc *Lankā*, đã nói rằng chúng loại *Thiện Nghiệp Lực Vô Dẫn (Asaṅkhārikakusalakamma)* thì không cho sanh khởi Quả Dị Thục Hữu Dẫn (*Sasaṅkhārika*) làm thành quả báo; và tương tự, *Thiện Nghiệp Lực Hữu Dẫn (Sasaṅkhārikakusalakamma)* cũng không cho sanh khởi quả báo là Quả Dị Thục Vô Dẫn. Như thế, nếu thể theo *Nhất Ban Giáo Sư*, khi tính số lượng Quả Dị Thục của Dục Giới Thiện thì thường có được như sau:

1. Hai cái Tâm Thiện Tam Nhân Thượng Phẩm Vô Dẫn cho trở sanh quả báo 12 cái, ấy là 8 Tâm Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân, 4 Tâm Đại Quả Vô Dẫn.
2. Hai cái Tâm Thiện Tam Nhân Thượng Phẩm Hữu Dẫn cho trở sanh quả báo 12 cái, ấy là 8 Tâm Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân, 4 Tâm Đại Quả Hữu Dẫn.
3. Hai cái Tâm Thiện Tam Nhân Hạ Phẩm Vô Dẫn, và hai cái Tâm Thiện Nhị Nhân Thượng Phẩm Vô Dẫn, kết hợp 4 cái này lại cho trở sanh quả báo 10 cái, ấy là 8 Tâm Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân, 2 Tâm Đại Quả Bất Tương Ứng Trí Vô Dẫn.
4. Hai cái Tâm Thiện Tam Nhân Hạ Phẩm Hữu Dẫn, và hai cái Tâm Thiện Nhị Nhân Thượng Phẩm Hữu Dẫn, kết hợp 4 cái này lại cho trở sanh quả báo 10 cái, ấy là 8 Tâm Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân, 2 Tâm Đại Quả Bất Tương Ứng Trí Hữu Dẫn.
5. Hai cái Tâm Thiện Nhị Nhân Hạ Phẩm Vô Dẫn, và hai cái Tâm Hữu Dẫn, kết hợp 4 cái này lại cho trở sanh quả báo 8 cái, ấy là 8 Tâm Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân.

(Đối với Quả Dị Thục Thiện Vô Nhân ấy, không được tính là Tâm Vô Dẫn hoặc Tâm Hữu Dẫn với bất luận trường hợp nào; vì thế mới làm thành quả báo của khắp mọi Thiện). Khi trình bày theo số lượng Quả Dị Thục của *Dục Giới Thiện*, thể theo cả hai *Liên Hợp Kiến (Samānavāda – Nhất Trí Kiến)* và *Nhất Ban Kiến (Kecivāda)* đây, thì có được như sau:

Dục Giới Thiện (<i>Kāmāvacarakusala</i>)	Số Lượng Quả Dị Thục Theo Liên Hợp Kiến	Số Lượng Quả Dị Thục Theo Nhất Ban Kiến
Tam Nhân Thượng Phẩm { Vô Dẫn: 2 } { Hữu Dẫn: 2 }	16	12
Tam Nhân Hạ Phẩm và Nhị Nhân Thượng Phẩm { Vô Dẫn: 4 } { Hữu Dẫn: 4 }	12	10
Nhị Nhân Hạ Phẩm { Vô Dẫn: 2 } { Hữu Dẫn: 2 }	8	8

83. *Hỏi*: Hãy trình bày theo thứ tự về Địa Giới làm thành trú xứ cho việc trở sanh quả báo của Ngũ Thiện Thiên Sắc Giới.

Đáp: Tuân tự thẩm sát ở trong khía cạnh của việc trình bày đến vấn đề các tầng Thiên Định (*Jhāna*) và Địa Giới (*Bhūmi*) như đã có được trình bày đi theo thứ tự ở trong phần trên, như sau:

- Địa Giới đã là trú xứ cho việc trở sinh quả báo của tầng Sơ Thiên, ấy là ba Cõi Sơ Thiên Phạm Thiên Giới.
- Địa Giới đã là trú xứ cho việc trở sinh quả báo của tầng Nhị Thiên và Tam Thiên, ấy là ba Cõi Nhị Thiên Phạm Thiên Giới.
- Địa Giới đã là trú xứ cho việc trở sinh quả báo của tầng Tứ Thiên, ấy là ba Cõi Tam Thiên Phạm Thiên Giới.
- Địa Giới đã là trú xứ cho việc trở sinh quả báo của tầng Ngũ Thiên, ấy là bảy Cõi Tứ Thiên Phạm Thiên Giới.

84. *Hỏi:* *Bậc sẽ được đi tục sinh ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới đấy, sẽ cần phải kết hợp với bao nhiêu Ân Đức Phẩm Vị ? Là những chi ? Và ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới có bao nhiêu Ân Đức Phẩm Vị kiên cường thù thắng ? Là những chi ?*

Đáp: “*Anāgāmino pana pañcamajjhānaṃ bhāvetvā suddhāvāsesu uppajjanti*” có nghĩa là: “*Chỉ có bậc Bất Lai, bất luận khi nào đã tiến hóa và đã làm cho Ngũ Thiên được khởi sinh lên, thì thường đi tục sinh ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới.*”

Trong việc phân biệt hạng Người, thì bậc sẽ được đi tục sinh ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới ấy, thiết yếu sẽ phải có Ân Đức Phẩm Vị. Có nghĩa vừa phải là bậc Bất Lai, lại vừa phải chứng đắc Ngũ Thiên, và vừa phải có đủ cả Ngũ Quyền, với bất luận một Quyền nào ở trong năm thể loại ấy phải kiên cường thù thắng, thì mới sẽ được đi tục sinh ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới ấy được. Nếu bậc Bất Lai đã được chứng đắc Ngũ Thiên, nhưng lại có Ngũ Quyền hiện hành một cách thông thường, thì các bậc Bất Lai ấy sẽ chỉ đi tục sinh ở trong *Cõi Quảng Quả Phạm Thiên Giới (Vehapphalābhūmi)*, và không thể nào tục sinh ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, vì ở trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới này, thì khẳng định phải hiện hữu với bốn thể loại Ân Đức Phẩm Vị, ấy là:

1. Bậc đã được đi tục sinh bất luận ở một Cõi Giới nào trong Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới ấy rồi, thì thường sẽ không được đi tục sinh ở trong các Cõi Hữu Sắc Giới khác nữa, hoặc ở trong Cõi Vô Sắc Giới.
2. Thường sẽ không có tái tục trở lại Cõi Giới mà mình đã thọ sinh.
3. Một khi thọ mạng diệt lìa khỏi Cõi Tịnh Cư Phạm Thiên Giới mà mình đã thọ sinh rồi, thì thường không đi thọ sinh ở trong Cõi Giới thấp hơn, mà phải đi thọ

sinh ở trong Cõi Giới cao hơn.

4. Phải được thành tựu viên mãn Quả vị Vô Sinh chính ngay ở trong Cõi Tịnh Cư Phạm Thiên Giới ấy.

Đôi với ở trong Cõi Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới (*Akaniṭṭhābhūmi*) ấy, thì lại có một điều Ân Đức Phẩm Vị đặc thù khác nữa, ấy là bậc Bất Lai đang hiện hữu ở trong Cõi Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới này, sẽ phải được thành tựu viên mãn Quả vị Vô Sinh chính ngay ở trong Cõi Giới này vậy.

85. *Hỏi: Bậc đã thành tựu viên mãn Quả vị Bất Lai, thì sẽ không được thọ sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới hay không?*

Đáp: Không có. Là vì hết cả thầy các bậc đã được thành tựu viên mãn Quả vị Bất Lai, thì thường đi tục sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới. Cho dù bậc Bất Lai ấy sẽ là *Minh Sát Thiên Khô (Sukkhavipassaka)* đi nữa, tức là tiên khởi không có tu tập Thiền Định cho được sinh khởi lên; tuy nhiên một khi cận tử lâm chung, thì Thiền Định thường tự sinh khởi lên do bởi nương vào mãnh lực từ ở nơi *Định Tâm (Samādhi)*. Vì lẽ thường, một khi Thiền Định sẽ sinh khởi lên được, là cần phải nương vào *Định Tâm* làm thành năng lực trọng yếu; và Pháp nghịch của *Định Tâm* ấy, chính là *Tham Dục Triền Cái (Kāmachandanivarāṇa)*. Với lý do này, bậc Bất Lai đã kiên quyết đoạn tận mọi *Dục Ái (Kāmarāga)* và tuyệt diệt kẻ thù của *Định Tâm* là *Tham Dục Triền Cái*. Vì thế, *Định Tâm* của tất cả các bậc Bất Lai mới có được năng lực kiên định thù thắng và có khả năng làm cho Thiền Định tức thời được khởi sinh.

Giả như có lời vấn hỏi rằng: “*Bậc Bất Lai Minh Sát Thiên Khô đã bị sát hại tử vong ngay trong sát na đang ngủ, thế thì bậc Bất Lai ấy có làm cho Thiền Định sinh khởi lên được hay không?*” Điều này trả lời rằng: “*Thiền Định ấy vẫn được sinh khởi lên, là vì với bậc Bất Lai hằng thường luôn có Định Tâm, và Định Tâm này có rất nhiều năng lực đạt đến bậc Cận Hành Định (Upacārasamādhi).*” Một trường hợp khác nữa là, bậc đã đoạn tận mọi *Dục Ái (Kāmarāga)* đây, thì hằng luôn có Tâm nhằm chán đối với Cõi Giới còn dính líu với các *Cảnh Dục Trần (Kāmaguṇārammaṇa)*, thường luôn thiên hướng đến Cõi Giới đoạn lưu khởi mọi *Cảnh Dục Trần*. Bởi do thế, bậc Bất Lai cho dù sẽ phải đột tử đi nữa, tuy nhiên trước khi Tâm Tử sẽ sinh khởi, thì Thiền Định thường luôn khởi sinh trước tử vong. Khi đã tử vong rồi, thì đi tục sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới, tuy nhiên sẽ thọ sinh ở trong bậc Phạm Thiên nào thì cũng còn tùy thuộc vào tầng Thiền Định đã sinh khởi. Nếu Thiền Định sinh khởi ấy là tầng Sơ Thiền thì sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Sơ Thiền Phạm Thiên Giới. Nếu là Nhị Thiền Định hoặc Tam Thiền Định thì sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Nhị Thiền Phạm Thiên Giới, v.v.

Lại nữa, nhóm Chư Thiên ở các tầng thượng giới, kể từ tầng Đao Lợi Thiên Giới v.v. trở đi, mà đã hoàn thành viên mãn Quả vị Bất Lai ấy, thì hằng thường luôn nhàm chán đến trú xứ của mình đang ở, vì đó đã là trú xứ bị doanh vây bởi Cảnh Dục Trần. Vì thế, một khi đã thâm sát đến Thọ Mạng (*Āyukhaya*) của mình, và nếu như Thọ Mạng của mình vẫn còn đang thọ mạng miên trường, thế rồi thực hiện việc Quyết Định Tử Vong (*Adhimuttimaraṇa*), tức là quyết định rằng: “*Nguyện cho Quả Di Thực Danh Uẩn (Vipānāmakhandha) và Sắc Nghiệp (Kammajarūpa) của Tôi đây xin cho được ngừng sinh khởi tiếp nối thêm nữa.*” Và thế rồi, liền nín bật hơi thở tử vong để được tục sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới làm thành trú xứ tịnh chỉ xa lìa Cảnh Dục Trần. Vào ngay sát na cận tử ấy, thì Thiên Định tức thời sinh khởi đến với bậc Bất Lai ấy, và Thiên Định sinh khởi đến với bậc Bất Lai Thiên Khô này, đều được gọi là Đạo Lực Viên Mãn Thiên Định (*Maggasiddhijhāna*) hết cả thảy.

86. Hỏi: a/. Bậc đã thọ sinh ở trong Cõi Tứ Thiên Phạm Thiên Giới, có phải là bởi do mãnh lực việc trở sinh quả báo Tái Tục của Thiện Thắng Trí hay không ?

b/. Nữ Giới đã được chứng đắc Thiên Định, một khi tử vong thì sẽ đi thọ sinh ở trong nhóm Phạm Thiên nào ?

Đáp: a/. Không có. Điều này đã được giải thích là “*Không có việc trở sanh quả báo Tái Tục của Thiện Thắng Trí.*” Là vì Thiện Thắng Trí đây, sinh khởi là sau khi đã được chứng đắc Ngũ Thiên Định. Do đó, mới trú định: 1/ ở trong tiềm năng làm thành quả báo của Ngũ Thiên, và 2/ ở trong việc hoàn thành các Thắng Trí khác, có Thiên Nhân Thắng Trí (*Dibbacakkhu Abhiññā*), Thiên Nhĩ Thắng Trí (*Dibbasota Abhiññā*), v.v. Những thể loại này cũng đã làm thành quả báo của Thiện Thắng Trí, đó là một loại quả báo cho việc thành tựu viên mãn hiển nhiên. Chính cả hai Nhân Quả này, đã trình bày cho được thấy rằng Thiện Thắng Trí đây không có việc trở sanh quả báo Tái Tục.

Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* đã có trình bày đến một loại tác nhân ở trong vấn đề này để ở trong *Chương Phân Biệt Danh Sắc (Nāmarūpaapariccheda)* [thuộc *Ngũ Phân Biệt (Pañcamapariccheda)*, *Phần Nghiệp Phân Tích (Kamma vibhāga)*, điều 41, câu kệ thứ 474] nói rằng:

*Samānāsevane laddhe
Aladdhā tādisaṃ hetuṃ*

*Vijjamāne mahabbale
Abhiññā na vipaccati*

“*Đáo Đại Thiện đang khi có nhiều năng lực, bởi do đã được đón nhận Trùng Dụng Duyên (Āsevanapaccaya), thế rồi mới trở sanh quả báo cho sinh khởi. Thiện Thắng Trí ấy lại không có việc trở sanh quả báo cho được sinh khởi, là vì không có được đón nhận tác nhân như đã vừa đề cập, ấy là Trùng Dụng Duyên.*”

Việc trình bày tác nhân của Ngài Giáo Thọ Sư *Anuruddha* đến việc Thiện Thắng Trí không có khả năng trở sanh quả báo Tái Tục, là vì không có đủ khả năng, là bởi do không có được đón nhận việc giúp đỡ ủng hộ với mãnh lực từ ở nơi *Trùng Dụng Duyên*, thì cũng quả là không xác thực. Bởi vì ở trong việc Thiện Thắng Trí không có được đón nhận việc giúp đỡ ủng hộ với mãnh lực từ ở nơi *Trùng Dụng Duyên* đây, cũng chẳng phải là tác nhân trọng yếu ở trong lãnh vực của năng lực sẽ trở sanh quả báo Tái Tục. Vì theo lẽ thường ở trong *Lộ Trình Thắng Trí (Abhiññāvithī)*, thì Thiện Thắng Trí chỉ sinh khởi duy nhất một lần một, tuy nhiên lại có khả năng làm cho các Thắng Trí khác được thành tựu viên mãn chính ngay ở trong sát na ấy.

Việc sinh khởi của Lộ Trình Thắng Trí có được như vậy, đó là:

1. *Tâm Hữu Phần (Bhavaṅgacitta)*
2. *Tâm Hữu Phần Rúng Động (Bhavaṅgacalanacitta)*
3. *Tâm Hữu Phần Dứt Dòng (Bhavaṅgupacchedacitta)*
4. *Tâm Khai Ý Môn (Manodvāravajjanacitta)*
5. *Chuẩn Bị (Parikamma)*
6. *Cận Hành (Upacāra)*
7. *Thuận Tòng (Anuloma)*
8. *Chuyển Tộc (Gotrabhū)*
9. *Thắng Trí (Abhiññā)*
10. *Tâm Hữu Phần (Bhavaṅgacitta)* tiếp diễn đi.

mà cũng tương tự với việc sinh khởi của Tâm Thiền Định ở trong *Lộ Trình Sơ Khởi Thiền Định (Ādikammikajhānavithī)*, như sau:

1. *Tâm Hữu Phần (Bhavaṅgacitta)*
2. *Tâm Hữu Phần Rúng Động (Bhavaṅgacalanacitta)*
3. *Tâm Hữu Phần Dứt Dòng (Bhavaṅgupacchedacitta)*
4. *Tâm Khai Ý Môn (Manodvāravajjanacitta)*
5. *Chuẩn Bị (Parikamma)*
6. *Cận Hành (Upacāra)*
7. *Thuận Tòng (Anuloma)*
8. *Chuyển Tộc (Gotrabhū)*
9. *Thiền Định (Jhāna – Appanā: Nhập Định)*
10. *Tâm Hữu Phần (Bhavaṅgacitta)* tiếp diễn đi.

Ở trong Lộ Trình này, kể từ *Chuẩn Bị* v.v. cho đến *Chuyển Tộc* là *Đồng Lực Dục Giới (Kāmajavana)*. Như thế, Tâm Chuyển Tộc mới không làm thành Trùng Dụng Duyên đối với Tâm Thiền Định được. Tuy nhiên Tâm Thiền Định này cũng vẫn có đủ năng lực để sẽ trở sanh quả báo Tái Tục được; cho dù sẽ không có được đón

nhận việc giúp đỡ ủng hộ với mãnh lực Trùng Dụng Duyên đi nữa, cũng thường luôn có năng lực kiên định ở trong tiềm năng làm thành *Cực Trọng Nghiệp Lực (Garukakamma)*; và như vậy sẽ thấy được rằng bậc Bất Lai thuộc nhóm *Minh Sát Thiên Khô* ấy, một khi đến lúc cận tử thì Thiên Định thường luôn sinh khởi, và Tâm Thiên Định sinh khởi đây, cũng chỉ sinh khởi duy nhất một lần một, tương tự với Lộ Trình Sơ Khởi Thiên Định vậy. Bởi do thế, Tâm Thiên Định này cũng không có được đón nhận việc giúp đỡ ủng hộ từ ở nơi Trùng Dụng Duyên với bất luận trường hợp nào, và quả nhiên Tâm Thiên Định này cũng vẫn có năng lực trở sanh quả báo làm cho bậc Bất Lai ấy được đi thọ sinh ở trong Cõi Hữu Sắc Giới.

b/ Sự sinh hoạt ở trong thế giới Phạm Thiên, tính kể từ Sơ Thiên Phạm Thiên Giới trở đi cho đến Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, thì trong từng mỗi Phạm Thiên Giới ấy hiện hữu ba nhóm Phạm Thiên, tức là một nhóm Phạm Chúng Thiên, một nhóm Phạm Phụ Thiên, một nhóm Đại Phạm Thiên. Ở trong ba nhóm Phạm Thiên này, thì cả hai nhóm Phạm Chúng Thiên và Phạm Phụ Thiên đây, là bực tòng của Đại Phạm Thiên. Hàng nữ giới đã được chứng đắc Bát hoặc Cửu Thiên Định, cho dù sẽ là hạng Phạm Phu hoặc bậc Thánh đi nữa, một khi đã đi thọ sinh ở trong bất luận một Cõi Phạm Thiên Giới nào rồi, thì sẽ không thể nào làm thành vị Đại Phạm Thiên được, mà chỉ có được là ở bậc Phạm Chúng Thiên và Phạm Phụ Thiên mà thôi. Cũng tương tự với hàng nữ giới một khi đã được đi thọ sinh thành Chư Thiên, thì sẽ không thể nào làm thành bậc Thiên Chủ Quản được, chẳng hạn như thành Ngài Thiên Chủ *Indra (Đế Thích)* hoặc thành Ngài Thiên Chủ *Yāmāra* được. Vì thế, Ngài Chú Giải Sư đã có trình bày đề ở trong bộ *Chú Giải Xua Tan Mê Mờ (Sammohovinodanī)* và bộ *Chú Giải Tương Ứng Bộ Kinh (Saṃyutta Atthakathā)* nói rằng: ***“Itthiyopi pana ariyā ca anariyā api aṭṭha samāpattilābhiniyo brahmapārisajjesuyeva nibbattanti”*** [*Nội Dung Vô Tỷ Pháp Minh Nghĩa Phụ Chú Giải (Abhidhammattha vibhāvinīṭkā)* điều 186 có câu Pāli như vậy: ***“Itthiṇiyopi pana ariyā vā anariyāvā aṭṭhasamāpattilābhiniyo...”***] Dịch nghĩa là: ***“Tất cả những hàng nữ giới đã được chứng đắc Bát Định đây, dù sẽ là Thánh Nhân hoặc Phạm Phu đi nữa, thì thường chỉ được đi thọ sinh làm thành vị Phạm Thiên thuộc hàng đồ chúng bực tòng của vị Đại Phạm Thiên mà thôi.”***

“Yaṃ itthī sakkattaṃ kareyya māraṭṭaṃ kareyya brahmapattaṃ kareyya, nettaṃ thānaṃ vijjati, brahmapattanti mahābrahmapattaṃ adhippettaṃ”- ***“Hàng nữ giới nào, dù cho có được nương vào bất luận một tác nhân nào đi nữa, cũng không thể nào đi thọ sinh làm thành Ngài Thiên Vương Sakka (Đế Thích) hoặc Ngài Thiên Vương Yāmāra, hoặc thành Ngài Đại Phạm Thiên được; với tác nhân ấy thì thường không thể có được.”*** Chỗ nói rằng ***“thành vị Phạm Thiên ấy”*** lập ý đến Ngài Đại Phạm Thiên ấy vậy.

Từ ngữ nói rằng “*Brahmapārisajjesu*” ở trong câu Pāli điều thứ nhất đây, thì bậc Phạm Phụ Thiên cũng được sắp vào trong chỗ này, vì cũng tương tự như nhau, là bậc Phạm Phụ Thiên đây cũng là đồ chúng bậc tòng của vị Đại Phạm Thiên. Với cả Đức Phật Ngài cũng đã từng lập ý gọi bậc Phạm Phụ Thiên này là *Phạm Chúng Thiên (Brahamaparisā)*, là cũng có ý nghĩa đến bậc Phạm Phụ Thiên này vậy.

Ở trong phần Pāli dẫn lộ thì Ngài đã trình bày một cách rõ ràng rằng: “*Itthī mahābrahmā siyā, netam thānam vijjati*”- “*Nương vào bất luận một tác nhân nào, hàng nữ giới đã được chứng đắc Thiên Định thì đi thọ sinh thành bậc Đại Phạm Thiên, với tác ý ấy ắt hẳn là không có vậy.*” Trong câu Pāli này thì có sự rõ ràng là hàng nữ giới đã được chứng đắc Thiên Định thì không được thọ sinh thành bậc Đại Phạm Thiên chỉ ngần ấy thôi. Điều này trình bày cho được thấy rằng thường chỉ đi thọ sinh thành bậc Phạm Thiên ở trong hai nhóm còn lại.

Lại nữa, ở trong sự việc hàng nữ giới không được đi thọ sinh thành bậc Đại Phạm Thiên đây; là cũng do bởi cả bốn tác nhân, ấy là Tứ Trưởng Pháp câu sinh với hàng nữ giới ấy thường không có năng lực dũng mãnh kiên cường tương tự với Tứ Trưởng Pháp mà sinh khởi với hàng nam nhân. Với lý do này, Thiên Định sinh khởi với hàng nữ giới ấy, cho dù sẽ là loại Thiên Định nào đi nữa, thì thường chỉ có được là bậc Hạ Phẩm Thiên Định (*Parittajhāna*) hoặc bậc Trung Phẩm Thiên Định (*Majjhimajhāna*) ngần ấy thôi, và không thể nào đạt đến bậc Thượng Phẩm Thiên Định được. Và lại một trường hợp khác nữa, là Nữ Giới đã được sắp thành loại giới tính thấp hơn là Nam Giới. Vì thế, dù ở Cõi Giới nào đi nữa, và không thể nào thọ sinh thành bậc Đại Phạm Thiên được vậy.

87. Hỏi: Bậc đã đắc chứng Thiên Định ở bậc cao, và khi cận tử lâm chung và rồi đã tử vong, thì sẽ phải đi tục sinh trở lại ở trong Cõi Địa Giới thấp hơn hay không?

Đáp: Trình bày việc thọ sinh của Bậc Phúc Lộc Thiên Giả hiện hành theo mãnh lực của Tham Ái (*Nikantitanhā*) và Nguyên Vọng (*Cetopañidhi*).

Trong phần Pāli đã được trình bày để ở đoạn trên có nói rằng: “*Paṭhamajjhānam parittam bhāvetvā brahmapārisajjesu uppajjati*”- v.v. mà đã được dịch là: “*Một khi đã tiến hóa loại Sơ Thiên Hạ Phẩm, thì quả báo thường thọ sinh ở trong Cõi Phạm Chúng Thiên.*” v.v. đây; việc trình bày như vậy là việc trình bày lập ý đến sự hiện hành theo lẽ thường nhiên của các Thiên Định ấy. Tuy nhiên nếu bậc Phúc Lộc Thiên Giả đã có Tham Ái (*Nikantitanhā*) hoặc Nguyên Vọng (*Cetopañidhi*), thì việc đi thọ sinh ở trong các Cõi Giới cũng không thể nào xác định được, nó còn tùy thuộc vào Tham Ái hoặc Nguyên Vọng của mình. Từ ngữ nói rằng “*Nikantitanhā*” lập ý đến

“Có sự dính mắc ở trong Cõi Giới mà mình đã có từng tục sinh đến, đã trải qua nhiều kiếp sống.” Từ ngữ nói rằng “**Cetopañidhi**” lập ý đến “Có lập tâm ước nguyện ở trong các Cõi Giới ấy, đã hiện hành với mãnh lực của Dục (**Chanda**),” Chẳng hạn như bậc **Phúc Lộc Thiên Giả**, một khi đã là hạng Phạm Phu, và lúc cận tử lâm chung lại khởi sinh lên **Tham Ái (Nikantitanhā)** ở trong bất luận một Cõi Thiên Giới nào đó, thế rồi Thiên Định mà đã được chứng đắc bị tổn hại đi. Vì thế, khi đã tử vong, thì chỉ đi tục sinh ở trong các Cõi Thiên Giới ấy, và không có được đi thọ sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới.

Nhân Loại và Chư Thiên đã được thành đạt bậc Thất Lai hoặc bậc Nhất Lai, và một khi đã được chứng đắc Thiên Định rồi, thì thường không có **Tham Ái** hoặc **Nguyện Vọng** dính mắc với các **Cõi Thiên Dục Giới (Kāmasugatibhūmi)** ấy. Là vì **Thiên Định (Jhānasamādhī)** của bậc Thánh Nhân này kiên cố vững chắc hơn **Thiên Định** của hạng Phạm Phu. Vì thế, Thiên Định mới không bị tổn hại, và các bậc này một khi đã tử vong, thì mới được đi thọ sinh ở bất luận một trong các Cõi Phạm Thiên Giới nào đó, tùy thuộc theo Thiên Định của mình, ngoại trừ ra Cõi Vô Tướng Hữu Tình Phạm Thiên Giới và Cõi Tịnh Cư Phạm Thiên Giới. Và lại, khi đã được thọ sinh thành bậc Phạm Thiên ấy, thì cho dù vẫn chưa được thành đạt bậc Bất Lai đi nữa, cũng vẫn không tái tục trở lại ở trong các Cõi Thiên Dục Giới đấy nữa. Với lý do này, cả hai nhóm **Thánh Phạm Thiên (Brahmāriya)** đây, cũng còn được gọi là bậc **Bất Lai Thiên Giả (Jhānānāgāmi)**.

Hạng Phạm Phu, hoặc bậc Thất Lai, hoặc bậc Nhất Lai khi đã là Nhân Loại với Chư Thiên, và đã được chứng đắc Bất hoặc Cửu Thiên Định đấy, nếu có **Nguyện Vọng (Cetopañidhi)** ở trong bất luận một Cõi Phạm Thiên Giới nào, ngoại trừ Cõi Vô Tướng Hữu Tình Phạm Thiên Giới và Cõi Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, thế rồi khi đã tử vong thì cũng được đi thọ sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới mà mình đã có ước nguyện.

Nhân Loại và Chư Thiên đã được thành đạt bậc Bất Lai, và đã được chứng đắc Bất hoặc Cửu Thiên Định; và lại nếu có **Nguyện Vọng** ở trong bất luận một Cõi Phạm Thiên Giới nào, ngoại trừ Cõi Vô Tướng Hữu Tình Phạm Thiên Giới, thế thì cũng tương tự như vậy, là khi đã tử vong rồi cũng được đi thọ sinh ở trong Cõi Giới mà mình đã có ước nguyện. Tức là bậc Bất Lai ấy, nếu đã có ước nguyện đi thọ sinh ở trong Cõi Sơ Thiên Phạm Thiên Giới, hoặc Cõi Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, thế là cũng thường được đi thọ sinh ở trong Cõi Giới mà mình đã có ước nguyện vậy. Và như thế, Đức Thế Tôn Ngài mới lập ý khái thuyết rằng “**Ijjhati bhikkhave sīlavato cetopañidhi visuddhattā**”- “*Này tất cả Chư Tỳ Khru, sự ước nguyện của bậc có Giới Đức thường là thành tựu, là vì làm thành sự lợi ích cho người có Tâm thanh tịnh.*”

Đối với các bậc Thánh Phạm Thiên, đó đã là bậc Thất Lai, và bậc Nhất Lai đây, thì chẳng bảo rằng chỉ sẽ đi tục sinh ở trong Cõi Thiện Dục Giới, mà ngay cả ở trong các Cõi Phạm Thiên Giới bậc thấp hơn, cũng thường không có đi thọ sinh.

Bậc Bất Lai mà đã thọ sinh ở trong Cõi Tịnh Cư Phạm Thiên Giới, thì thường không có đi tục sinh ở trong Cõi Tịnh Cư Phạm Thiên Giới bậc thấp hơn, và cũng không tái tục trở lại ở trong Cõi Giới mà mình đã từng có thọ sinh. Vì thế, khi vẫn chưa được thành đạt Quả vị Vô Sinh, thì thường cũng tuần tự thọ sinh thăng tiến lên các tầng bậc trên. Và nếu đã được thành đạt Quả vị Vô Sinh ở tầng bậc nào, thì thường cũng viên tịch Níp Bàn ở ngay trong tầng bậc ấy. Đối với bậc Bất Lai đang thọ sinh ở trong Cõi Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới, thì thường không có việc chuyển đi đến các Cõi Giới khác được nữa, và luôn cả cũng không có việc tái tục trở lại Cõi Giới ấy, mà quả quyết là phải viên tịch Níp Bàn chính ở ngay trong Cõi Giới ấy vậy.

Bậc Thất Lai, bậc Nhất Lai và bậc Bất Lai mà đã thọ sinh ở trong Cõi Quảng Quả Phạm Thiên Giới và Cõi Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Phạm Thiên Giới đây, một khi vẫn chưa được thành đạt Quả vị Vô Sinh, thì thường không tục sinh chuyển đi Cõi Giới khác, mà phải tái tục trở lại ở trong Cõi Giới ấy cho đến khi sẽ được thành đạt Quả vị Vô Sinh.

88. Hỏi: Hãy dịch nghĩa câu kệ như sau:

1. Vehapphale akanit̐the	Bhavagge ca patit̐thit̐
Na punāññattha jāyanti	Sabbe ariyapuggalā.
2. Na puna tattha jāyanti	Sabbepi suddhavāsikā
Brahmalokagatā het̐thā	Ariyā noppajjareti.

Đáp: Dịch nghĩa câu kệ này như sau:

1. Vehapphale akanit̐the	Bhavagge ca patit̐thit̐
Na punāññattha jāyanti	Sabbe ariyapuggalā.
2. Na puna tattha jāyanti	Sabbepi suddhavāsikā
Brahmalokagatā het̐thā	Ariyā noppajjareti.

Dịch nghĩa nội dung chính ấy là:

1. Hết cả thấy các bậc Thánh Nhân đã thọ sinh ở trong cả ba Cõi Cùng Tột Hữu (**Bhavaggabhūmi**), ấy là những Cõi Quảng Quả Phạm Thiên Giới, Cõi Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới, hoặc Cõi Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ này rồi, thì thường không còn đi thọ sinh ở trong các Cõi Giới khác được nữa.

2. Hết tất cả các vị Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên cũng không tục sinh trở lại Cõi Giới của mình đã từng thọ sinh. Tất cả các bậc Thánh Nhân đã thọ sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới rồi, thường không có thọ sinh ở trong Cõi Giới thấp hơn.

Kết thúc phần Vấn - Đáp về Nghiệp Lục Tứ Phần
(thuộc Tập III – Chương V – Quyển II)

-----00000-----

(TIẾP THEO) TẬP III – CHƯƠNG V – QUYỂN III:

MARAṆUPPATTICATUKKA – TỬ VONG KHỞI SANH TỬ PHẦN
TRÌNH BÀY BỐN TRƯỜNG HỢP CỦA SỰ TỬ VONG

TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP PHẦN PĀLI NGỮ VÀ
LỜI DỊCH ĐỀ HỌC THUỘC LÒNG

1. *Āyukkhayena kammakkhayena ubhayakkhayena upacchedaka kammunā ceti catudhā maraṇuppatti nāma.*

Tên gọi *Tử Vong Khởi Sinh (Maraṇuppatti)*, là nguyên nhân làm cho sự tử vong hiện bày, hiện hữu ở bốn thể loại, ấy là:

1. *Thọ Mạng Diệt Tử Vong (Āyukkhayamarāṇa)*: chết vì hết Tuổi Thọ.
2. *Nghiệp Lực Diệt Tử Vong (Kammakkhayamarāṇa)*: chết vì hết Nghiệp Lực.
3. *Nhất Song Diệt Tử Vong (Ubhayakkhamarāṇa)*: chết vì hết Tuổi Thọ và hết Nghiệp Lực (cả hai).
4. *Tiệt Quan Hệ Tử Vong (Upacchedakamarāṇa – Đình Chi Tử Vong)*: chết vì Nghiệp Lực xen vào cắt đứt mối quan hệ.

Trình Bày Điềm Tượng Hiện Khởi Khi Cận Tử Lâm Chung

2. *Tathā ca marantānaṃ pana maraṇakāle yathārahaṃ abhimukhī bhūtaṃ bhavantare paṭisandhikhanakaṃ kammaṃ vā, taṃkammakaraṇakāle rūpādikamūpaladdhapubbamupakaraṇabhūtañca kammanimittaṃ vā, anantaramuppajjamānabhava upalabhitabbamupabhogabhūtañca gatinimittaṃ vā kammabalena channaṃ dvārānaṃ aññatarasmim paccupaṭṭhāti.*

Đối với người sẽ phải tử vong, và chính ngay trong lúc cận tử lâm chung do bởi bất luận một trong bốn tác nhân như thế; thì:

1. Thiện Nghiệp Lực (*Kusalakamma*) hoặc Bất Thiện Nghiệp Lực (*Aksalakamma*) mà đã làm cho khởi sinh tái tục ở trong kiếp sống tới, hiện hành nổi trội lên như là việc tự biểu hiện rõ ràng trực tiếp, và đã đi đến hiện khởi tựa như ở ngay trước mắt; hoặc là,
2. *Nghiệp Tượng (Kammanimitta)* là Cảnh của Nghiệp Lực đã đi đến, có Cảnh Sắc, Cảnh Thinh v.v. đã từng được nhìn thấy, đã từng được nghe, v.v. mà hữu quan với hành động tạo tác của mình, và luôn cả công cụ hỗ trợ cho thành tựu ở trong hành động tạo tác của mình ngay ở trong sát na đã tạo tác ra Nghiệp Lực ấy; hoặc là,

3. *Thú Tướng (Gatinimitta)* đã làm thành Cảnh đáng sẽ phải thụ lãnh, và sẽ phải thụ lãnh an vui hoặc khổ đau ở ngay trong kiếp sống tới sẽ đi tục sinh; thì thường luôn hiện khởi lên ở bất luận một Môn (*Dvāra*) nào trong tất cả sáu Môn; với mãnh lực Nghiệp Lực thuận hợp với Cảnh; hoặc với mãnh lực Nghiệp Lực thuận hợp với loài Hữu Tình sẽ phải đi đến Thiện Thú và Khổ Thú.

Sự Hiện Hành Của Dòng Tâm Thức Khi Cận Tử Lâm Chung

3. *Tato param tameva tathopattḥitaṃ ārammaṇaṃ ārabha vipacca mānakakammānūrūpaṃ parisuddhaṃ upakkiliṭṭhaṃ vā upalabhitabba bhavānurūpaṃ tatthoṇataṃva cittasantānaṃ abhiṇhaṃ pavattati bāhullena.*

Tiếp đến, y cứ theo những thể loại Cảnh, có Nghiệp, Nghiệp Tướng, và Thú Tướng mà đã đến hiện bày tùy thuận theo chính các trạng thái đấy; thì dòng tâm thức thường luôn trôi chảy ấy, hoặc thanh tịnh hoặc ưu não, cũng tùy thuận theo với Nghiệp Lực mà sẽ trở sanh quả báo; và phần lớn có trạng thái hiện hành y như thể thiên hương tâm phù hợp theo ở trong kiếp sống mà sẽ phải đi thọ sinh.

Trình Bày Việc Hiện Khởi Của Nghiệp Tướng Theo Một Phương Thức Khác

4. *Tameva pana janakabhūtaṃ kammaṃ abhinavakaraṇavasena dvārappattaṃ hoti.*

Hoặc theo một phương thức khác nữa; là chính do bởi Thiện Nghiệp Lực, Bất Thiện Nghiệp Lực mà làm cho khởi sinh việc tái tục, thường hiện bày ở trong Lộ Ý Môn với mãnh lực làm cho mình tựa như tự tái tạo mới lại.”

Trình Bày Lộ Trình Tâm Cận Tử (Maraṇāsannavithī)

5. *Paccāsannamaraṇassa tassa vīthiccittāvasāne bhavaṅgakkhaye vā cavanavasena paccuppannabhavapariyosānabhūtaṃ cuticittaṃ uppajjitvā nirujjhanti.*

Tâm Tử là Tâm cuối cùng của kiếp sống hiện tại, thường khởi sinh ở trong giai đoạn cuối của Lộ Trình Tâm đối với người sẽ tử vong; hoặc ngay trong khi Tâm Hữu Phần cũng vừa kết thúc và diệt mất với mãnh lực thực hiện nhiệm vụ chuyển di khỏi kiếp sống cũ.

Trình Bày Việc Sinh Khởi Của Tâm Tái Tục Ở Trong Kiếp Sống Mới

6. *Tasmiṃ niruddhāvasāne tassānantarameva tathāgahitaṃ ārammaṇaṃ ārabha savatthukaṃ avatthukameva vā yathārahaṃ avijjānusayaparikkhittena taṇhānusayamūlakena saṅkhārena janiyamānaṃ sampayuttehi pariggayha mānaṃ saha-jātānamadhiṭṭhānabhāvena pubbaṅgabhūtaṃ bhavantara paṭisandhānavasena paṭisandhisāṅkhātaṃ mānaṃ uppajjamānameva patitṭhāti bhavantare.*

Khi Tâm Tử ấy vừa diệt mất, và chính ở ngay trong tuần tự một cách không gián đoạn của Tâm Tử ấy, thì có một cái Tâm tên gọi là Tái Tục, vì hữu quan với việc nối tiếp liền với nhau hai kiếp sống cũ và mới, hiện hữu ở một trong ba Hành (Sāṅkhāra) có Vô Minh Thụy Miên (Avijjānussaya) làm vị thống lãnh, và có Ái Dục Thụy Miên (Taṇhānussaya) làm thành nền tảng, thuận hợp theo đối với Hành (Sāṅkhāra) ở phần Thiện và Bất Thiện đã được sắp bày cho việc sinh khởi đây, tiếp đầu lấy Cảnh được gọi là Nghiệp, Nghiệp Tướng và Thú Tướng, ở ngay tại Tâm Đồng Lực Cận Tử Lục Môn (Chadvārikamarāṇāsannajavana) thụ lãnh thể theo trạng thái đang hiện bày ở trong bất luận một Môn nào của những cả Lục Môn, cho dù có Ý Vật (Hadayavatthu) làm thành chỗ y chỉ, hoặc không có Ý Vật làm chỗ nương nhờ đi nữa; và làm thành Tâm tương ưng với tất cả các Pháp thành đoàn tùy từng vây quanh, có Xúc (Phassa), Thọ (Vedanā) v.v. Và luôn cả chính cái Tâm ấy làm Chủ Vị, là vì làm thành chỗ thiết lập cho Tâm Sở (Cetasika) và Sắc Nghiệp (Kammajarūpa) cùng cấu sanh với mình, tức thời sát na sinh khởi hiện hữu ở trong kiếp sống mới.

Trình Bày Cảnh Của Tâm Tái Tục Dục Giới (Kāmapaṭisandhicitta)

7. *Maraṇāsannavīthiyaṃ panettha mandappavattāni pañceva javanāni pāṭikaṅkhitabbāni, tasmā yadi paccuppannārammaṇesu āpāthagatesu dharantesveva maraṇaṃ hoti.*

Giải thích rằng: Trong vấn đề tử vong và tái tục đây, và đối với trong Lộ Trình Cận Tử, thì Tâm Đồng Lực có năng lực yếu kém, do vậy mới sinh khởi chỉ có được năm chấp Tâm mà thôi. Bởi do việc sinh khởi của những Tâm Đồng Lực này có năng lực giảm thiểu xuống, do đó giả như tử vong trong khi Cảnh Hiện Tại vẫn đang hiện bày trước mắt, và vẫn đang còn hiện hữu.

8. *Tadā paṭisandhibhavaṅgānampi paccuppannārammaṇatā labbhatīti katvā kāmāvacarapaṭisandhiyā chadvāraggahitaṃ kammanimittaṃ gatinimittaṅca paccuppannamatītārammaṇaṃ upalabbhati.*

Thì chính ngay trong lúc ấy, Cảnh của Tâm Tái Tục và Tâm Hữu Phần sanh nối tiếp nhau (tối đa sáu chấp Tâm) cũng chính là Cảnh Hiện Tại tương tự như nhau. Vì lẽ ấy, Cảnh Nghiệp Tướng và Cảnh Thú Tướng của Tâm Đồng Lực Cận Tử Tái Tục Dục

Giới thụ lãnh với cả Lục Môn đây, là Cảnh Hiện Tại cũng được, hoặc là Cảnh Quá Khứ cũng được.

9. *Kammaṃ pana aṭṭameva, tañca manodvāraggahitaṃ, tāni pana sabbānipi parittadhamabhūtānevārammaṇāni.*

Còn Cảnh Nghiệp của Tâm Tái Tục Dục Giới đây, duy nhất chỉ là Cảnh Quá Khứ, và phải được thụ lãnh bởi theo Tâm Đồng Lục Cận Tử ở trong Ý Môn. Khi đã tính theo Chi Pháp, thì Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, và Cảnh Thú Tướng của những Tâm Tái Tục Dục Giới đây, hết tất cả thấy đều là Cảnh Pháp Dục Giới.

Trình Bày Cảnh Của Tâm Tái Tục Hữu Sắc Giới (*Rūpapaṭisandhicitta*)
Và Tâm Tái Tục Vô Sắc Giới (*Arūpapaṭisandhicitta*)

10. *Rūpāvacarapaṭisandhiyā pana paññattibhūtaṃ kammanimitta mevārammaṇaṃ hoti.*

Còn Cảnh của Tâm Tái Tục Hữu Sắc Giới đây, duy nhất chỉ là Cảnh Nghiệp Tướng ở phần Chế Định.

11. *Tathā arūpapaṭisandhiyā ca mahaggatabhūtaṃ paññattibhūtañca kammanimittameva yathārahamārammaṇaṃ hoti.*

Cùng thể ấy, Cảnh của Tâm Tái Tục Vô Sắc Giới cũng có Cảnh tương tự, cũng là Cảnh Nghiệp Tướng ở phần Đáo Đại và Chế Định, phù hợp theo với tầng Thiên Định.

12. *Asaññasattānaṃ pana jīvitānavakameva paṭisandhibhāvena, patiṭṭhāti, tasmā te rūpapaṭisandhiyā nāma.*

Còn việc Tái Tục của nhóm Vô Tướng Hữu Tình Phạm Thiên, đích thị chính là bọn *Tổng Hợp Mạng Cứu* thường luôn hiện hữu làm thành việc tái tục. Vì lẽ ấy, các bậc Vô Tướng Hữu Tình Phạm Thiên đây, mới được gọi là “*Bậc Hữu Sắc Pháp Tái Tục*” (*bậc có Sắc Pháp làm việc tái tục*).

13. *Arūpā arūpapaṭisandhikā. Sesā rūpārūpapaṭisandhikā.*

Tất cả các bậc Phạm Thiên Vô Sắc Giới đều là nhóm Phạm Thiên có Danh Pháp làm việc tái tục (*Bậc Hữu Danh Pháp Tái Tục*). Người Dục Giới và Người Hữu Sắc Giới còn lại, ngoài ra bậc Vô Tướng Hữu Tình Phạm Thiên và những bậc Phạm Thiên Vô Sắc Giới ấy, là thuộc nhóm có cả hai thể loại Danh Pháp và Sắc Pháp làm việc tái tục (*Bậc Hữu Danh Sắc Tái Tục*).

Trình Bày Tâm Tái Tục Sinh Khởi Nối Tiếp Từ Ở Nơi Tâm Tử

- | | |
|---------------------------------|----------------------------|
| 14. Heṭṭhimāruppavajjitā | Āruppacutiyā honti |
| Paramāruppasandhi ca | Tathā kāmatihetukā |
| Rūpāvacaracutiyā | Aheturahitā siyaṃ |
| Sabbā kāmatihetumhā | Kāmesveva panetarā. |

Sau khi bốn cái Tâm Tử Vô Sắc Giới sinh thì bốn cái Tâm Tái Tục Vô Sắc Giới, loại trừ những Tâm Tái Tục Vô Sắc Giới bậc thấp và bốn cái Tâm Tái Tục Dục Giới Tam Nhân, thường được sinh khởi. Sau khi năm cái Tâm Tử Hữu Sắc Giới sinh thì 17 cái Tâm Tái Tục, ngoài ra hai cái Tâm Tái Tục Vô Nhân, thường được sinh khởi. Sau khi bốn cái Tâm Tử Dục Giới Tam Nhân sinh thì tất cả Tâm Tái Tục, tức là 19 Tâm Tái Tục Danh Pháp và 1 Tâm Tái Tục Sắc Pháp thường được sinh khởi. Còn đằng sau từ ở nơi các Tâm Tử còn lại, tức là 2 Tâm Tử Vô Nhân và 4 Tâm Tử Nhị Nhân sinh thì 10 Tâm Tái Tục Dục Giới thường sinh khởi ở trong 11 Cõi Dục Giới chỉ ngần ấy mà thôi.

Ayamettha cutipaṭisandhikkamo.

Lời giải thích đã vừa đề cập đến ở tại đây, là đi theo tuần tự từ nơi việc sinh khởi của Tâm Tử và Tâm Tái Tục ở trong Tổng Hợp Thoát Ly Lộ Trình.

Việc Sinh Khởi Của Tâm Hữu Phần Và Tâm Tử

- 15. Iccevaṃ gahitapaṭisandhikānaṃ pana paṭisandhinirodhānantarato pabhuṭi tamevārammaṇamārabbhatadeva cittaṃ yāva cuticittuppādā asati vīthicittuppāde bhavassa aṅgabhāvena bhavaṅgasantatisaṅkhātaṃ mānaṃ abbochinnam nadīsoto viya pavattati. Pariyosāne ca vacanavasena cuticittaṃ hutvā nirujjhati.**

Theo như phần đã vừa đề cập đến, thì kể từ việc diệt mất của Tâm Tử một cách không gián đoạn của người bám giữ lấy việc Tái Tục ở trong kiếp sống mới; vào sát na Tâm Lộ Trình không sinh, thì chính cái Tâm Tái Tục ấy, tiếp thu lấy Cảnh của Tâm Tái Tục liền sinh khởi ở trong kiếp sống mới, quay trở lại làm thành cái Tâm được gọi là dòng **Tâm Hữu Phần (Bhavaṅgacitta)** liền sinh khởi không có gián đoạn, như là một **Chi Phần (Aṅga – Bộ Phần)** của kiếp sống, trọn suốt cho đến Tâm Tử lại sinh khởi lên, như dòng nước ở trong một con sông. Và trong chỗ chấm dứt của kiếp sống hiện tại, thì đích thị chính cái Tâm Hữu Phần tiếp thu lấy Cảnh của Tâm Tái

Tục sinh khởi ở trong kiếp sống mới, tự quay trở lại làm thành Tâm Tử, với mãnh lực của việc chuyển di khỏi kiếp sống cũ, và rồi cũng diệt mất.

Việc Luân Chuyển Tuần Hoàn Ở Trong Vòng Luân Hồi

16. *Tato parañca paṭisandhādayo rathacakkamiva yathākkamaṃ eva parivattantā pavattanti.*

Sau khi Tâm Tử đã diệt mất rồi, thì tất cả các Tâm có Tâm Tái Tục, v.v. sinh khởi nối tiếp với nhau, trình tự luân chuyển hết cả kiếp sống, làm nhiệm vụ Tái Tục, Hữu Phần, Tử, tựa như bánh xe luân chuyển ấy vậy.

Câu Kệ Trình Bày Tóm Lược Sự Luân Chuyển Ở Trong Vòng Luân Hồi

**17. *Paṭisandhibhavaṅgavīthiyo* *Cuticeha tathā bhavantare*
Puna sandhi bhavaṅgamiccayaṃ *Parivattati cittasantati.***

Trong kiếp sống hiện tại này, Tâm Tái Tục, Tâm Hữu Phần, Tâm Lộ Trình và Tâm Tử sinh khởi liên tục với nhau như thế nào; thì trong kiếp sống tới, dòng Tâm Thức có Tâm Tái Tục, Tâm Hữu Phần, v.v. cũng sinh khởi luân chuyển nối tiếp với nhau cũng cùng một phương thức như thế ấy.

Câu Kệ Trình Bày Việc Chỉ Dẫn Phương Thức
Làm Cho Tịch Diệt Vòng Luân Hồi

**18. *Paṭisañkhāya panetamaddhavaṃ* *Adhigantvā padamaccutaṃ budhā*
Susamucchinnasinehabandhanā *Samamessanti cirāya subbatā.***

Phương thức tu tập làm cho tịch diệt vòng luân hồi hiện hữu như vậy:

Bậc hữu trí một cách thường luôn là bậc đã được tái tục với cả Tam Nhân, có sự hoan hỷ duyệt ý trau dồi tu tập; là thọ trì giới luật, thực hành *Điều Tiết Dục (Dhutaṅga – Hành Đầu Đà)*, tiến tu *An Chỉ (Samādhi)* với một thời gian lâu dài, quán sát thâm thấu được sự hiện hành của Tâm và Tâm Sở chỉ là vật không thường; thế rồi sẽ chứng ngộ đến Pháp bất diệt là Níp Bàn, do bởi Tuệ Đạo – Tuệ Quả, hoàn toàn tịch diệt sợi dây triền phược, ấy là *Ái Dục (Taṇhā)*, sẽ chứng đạt được an vui Níp Bàn tĩnh lặng, và đoạn lưu tất cả mọi *Pháp Hành (Saṅkhāra dhamma)* một cách kiên định.

Iti abhidhammatthasaṅgaha vīthimuttasaṅgahavibhāgo nāma pañcama paricchedo.

Như vậy, Chương thứ Năm có tên gọi là *Phân Tích Tổng Hợp Thoát Ly Lộ Trình* ở trong bộ Kinh Chú Giải *Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp* đã được kết thúc chỉ gồm bấy nhiêu đây.

***Kết Thúc Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp Phần Pāli
Và Lời Dịch Để Học Thuộc Lòng***

-----00000-----

GIẢNG GIẢI TUẦN TỰ Ý NGHĨA THEO PHẦN PĀLI CỦA BỘ
TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP TRONG PHẦN
TỬ VONG KHỎI SANH TỨ PHẦN (MARAṄUPPATTICATUKKA)

Giải Thích Trong Phần Pāli Với Điều Thứ Nhất:
Trình Bày Bốn Trường Hợp Của Sự Tử Vong

+ Giải thích ở trong phần Pāli với *điều thứ nhất*, trình bày bốn trường hợp của sự tử vong. Từ ngữ “*Maraṇuppatticatukka – Tử Vong Khởi Sanh Tứ Phần*” khi chiết tự ra thì có được ba từ ngữ, đó là: *Marāṇa + Uppatti + Catukka*. *Marāṇa* = sự tử vong, *Uppatti* = việc sinh khởi, *Catukka* = có bốn. Khi kết hợp lại thì thành “*Maraṇuppatticatukka*” dịch nghĩa là “*Việc sinh khởi của sự tử vong có bốn thể loại*”, chính là lập ý đến bốn nguyên nhân làm cho sự tử vong hiện khởi. Như trình bày câu Chú Giải nói rằng:

“*Maraṇassa uppatti = Maraṇuppatti*” - Việc hiện hành của sự tử vong, gọi là *Tử Vong Khởi Sanh*. “*Catunnaṃ samāhāro = Catukkaṃ*”- Việc kết hợp của bốn thể loại, gọi là *Tứ Phần*. Nguyên nhân làm cho sự tử vong hiện khởi ở bốn thể loại, ấy là:

1. *Thọ Mạng Diệt Tử Vong (Āyukkhayamarāṇa)*: chết vì hết Tuổi Thọ
2. *Nghiệp Lực Diệt Tử Vong (Kammakkhayamarāṇa)*: chết vì hết Nghiệp Lực.
3. *Nhất Song Diệt Tử Vong (Ubhayakkhamarāṇa)*: chết vì hết Tuổi Thọ và hết Nghiệp Lực (cả hai).
4. *Tiệt Quan Hệ Tử Vong (Upacchedakamarāṇa – Bất Đắc Kỳ Tử)*: chết vì Nghiệp Lực xen vào cắt đứt mối quan hệ.

Nếu sẽ nêu lên ví dụ để so sánh việc tử vong của tất cả Chúng Hữu Tình thì cũng tương tự như một ngọn đèn thấp sáng. Ngọn đèn này thường sẽ bị tắt đi do bởi một trong bốn nguyên nhân. Một là tắt đi do bởi tim đèn hết. Hai là tắt đi do bởi dầu nến hết. Ba là tắt đi do bởi cả hai tim và dầu nến hết. Bốn là tắt đi do bởi gió quạt hoặc thổi làm cho tắt đi. Ngọn đèn ấy được ví như mạng sống của tất cả Chúng Hữu Tình. Sự diệt tắt của ngọn đèn ấy cũng ví như sự diệt tắt của mạng sống, sự chấm dứt từng mỗi kiếp sống. Do đó, người chấm dứt mạng sống do bởi Thọ Mạng diệt, thì cũng giống như ngọn đèn diệt tắt là do bởi ở nơi tim hết nhưng mà dầu nến vẫn còn. Người chấm dứt mạng sống do bởi hết Nghiệp Lực ấy, thì cũng giống như ngọn đèn diệt tắt là do bởi ở nơi dầu nến hết nhưng mà tim vẫn còn. Người chấm dứt mạng sống do bởi cả hai, là hết Tuổi Thọ và Nghiệp Lực, thì cũng giống như ngọn đèn diệt

tất là do bởi ở nơi cả hai tim và dầu nên đều cùng hết. Người chấm dứt mạng sống do bởi tiếp xúc những Tác Nhân Bất Trường (*Upaddavahetu*) thì cũng giống như ngọn đèn diệt tắt là do bởi ở nơi bị gió quạt hoặc thổi làm tắt đi, mặc dù tim và dầu nên vẫn còn hiện hữu.

[**Chú thích:** “Chết là sự chấm dứt tạm thời của một hiện tượng tạm đình.” Chết có nghĩa là sự chấm dứt của *Sắc Mạng Quyền (Jīvitindriyarūpa – sự sống của phần cơ thể vật chất)*, *Hỏa Tố Chất (Tejodhātu = Usma: chất ấm của nhiệt độ cơ thể)* và *Tâm Thức (Viññāna)* của một chúng sanh trong một kiếp sống cá biệt.

Chết không có nghĩa là tuyệt diệt, đoạn diệt hẳn, và trở thành hư vô. Chết ở một nơi này, có nghĩa là sanh ở một nơi khác, cũng giống như một cách quy ước khi nói rằng mặt trời lặn ở một nơi này là mọc ở một nơi khác.]

1. *Thọ Mạng Diệt Tử Vong (Āyukkhayamarāṇa)*: trình bày câu Chú Giải nói rằng: “*Āyuno khayam = Āyukkhayam*”- Sự chấm dứt của thọ mạng, gọi là *Thọ Mạng Diệt*. “*Āyukkhayena maraṇam = Āyukkhayamarāṇam*”- Sự tử vong do bởi chấm dứt thọ mạng, gọi là *Thọ Mạng Diệt Tử Vong*.

Từ ngữ “*Āyu*” rằng khi theo *Phần Chánh Yếu (Mukhyānaya)* nghĩa là theo phần trực tiếp, tức là *Sắc Mạng Quyền (Jīvitarūpa)*. Tuy nhiên ở tại đây, “*Āyu*” lập ý lấy *Thọ Mạng Diệt (Āyukkhaya)* là việc hạn độ về sự hiện hữu của *Sắc Mạng Quyền* này. Việc trình bày theo phần *Phần Nền Tảng Thứ Yếu (Thānāyūpacāra naya)* là theo phần gián tiếp, chẳng hạn như nhóm Phạm Thiên, hoặc Chư Thiên, thì ai cũng có việc hạn độ về thọ mạng diệt của mỗi riêng mình, phù hợp theo Cõi Địa Giới mà mình sinh trú. Đối với Nhân Loại ở trong Cõi Nam Thiệm Bộ Châu đây, thì hạn định thọ mạng diệt thường lên xuống bất định. Đến thời thọ mạng tăng trưởng thì cũng khởi lên đến tột đỉnh cả A Tăng Kỳ Kiếp. Đến thời thọ mạng thối giảm thì cũng hạ xuống thấp đến cả 10 tuổi thọ là thọ mạng diệt. Như đã có trình bày đầy đủ chi tiết ở trong *Tái Tục Tứ Phần (Paṭisandhīcatukka)* thì ngay trong thời buổi hiện tại đây, có mức hạn định 75 tuổi là thọ mạng diệt. Như thế, tất cả Chúng Hữu Tình ở trong thế gian này, cho dù mãnh lực Nghiệp Lực vẫn còn đang hiện hữu đi nữa, tuy nhiên đến khi hội đủ thọ mạng diệt thì đa phần cũng vẫn tử vong. Cũng có người có cao niên thọ hơn cả mức hạn định của thọ mạng diệt, tuy nhiên quả thật là hiếm có. Những vị ấy phải có Nghiệp Quá Khứ liên quan đến việc *chẳng có sát mạng loài Hữu Tình, chẳng có hành hạ bức hại loài Hữu Tình*, thế rồi đã giúp đỡ ủng hộ đời sống và thân mạng cho được tồn tại một cách đặc biệt. Hoặc chẳng là như thế, thì mãnh lực *Xuất Sinh Nghiệp Lực (Janakakamma – Nghiệp Tạo)* cũng vẫn đang còn hiện hữu, và có *Hiện Tại Nghiệp Lực (Paccuppannakamma)* ở phần tịnh hảo, tức là việc thọ trì Ngũ Giới cho

được thanh tịnh; hoặc có việc giữ gìn và săn sóc sức khỏe một cách tốt đẹp; và đích thị chính những nguyên nhân này đã giúp đỡ cho người ấy có được tuổi thọ lâu dài vượt hơn cả hạn định của thọ mạng diệt. Như ở trong thời buổi hiện tại đây, có người có cao niên thọ đến hơn cả 90 tuổi cũng vẫn đang còn hiện bày. Và ở trong thời kỳ của Đức Phật đây, thì việc hạn độ thọ mạng diệt được ấn định là 100 tuổi thọ, tuy nhiên cũng vẫn có các bậc có cao niên thọ hơn cả 100 tuổi, và cũng vẫn hiện hữu ở rất nhiều vị, chẳng hạn như Ngài Trưởng Lão *Ānanda*, Ngài Trưởng Lão *Mahākassapa*, Bà *Visākhā*. Những vị này có cao niên thọ đến 120 tuổi. Ngài Trưởng Lão *Bākula* có đến 160 tuổi thọ. Tuy nhiên cho dù như thế nào đi nữa, thường thì không có đến gấp đôi của hạn định thọ mạng diệt ở trong từng mỗi thời kỳ.

[**Chú thích:** Lẽ thường được hiểu rằng cái chết một cách thường nhiên là do bởi tuổi già, thì có thể được liệt vào thể loại *Thọ Mạng Diệt Tử Vong*. Tuổi thọ ở mỗi Cõi Giới thường có sự khác biệt và chẳng có liên quan đến năng lực tiềm tàng ở trong *Xuất Sinh Nghiệp Lực (Janakakamma – Nghiệp Tái Tạo)*. Tuy nhiên, một khi đến chặng cuối cùng của tuổi thọ, thì ắt hẳn phải tử vong. Cũng có thể, khi năng lực của *Xuất Sinh Nghiệp Lực* quả thật cực kỳ dũng mãnh, thì chính Nghiệp Lực này tự tái tạo trở lại để tiếp tục sống ở trong Cõi Giới ấy, hoặc ở trong một Cõi Giới cao hơn, chẳng hạn như trường hợp của các Chư Thiên.]

2. *Nghiệp Lực Diệt Tử Vong (Kammakkhayamaṇa)*: trình bày câu Chú Giải nói rằng: “*Kammasa khayō = Kammakkhayō*”- Sự chấm dứt của Nghiệp Lực, gọi là *Nghiệp Lực Diệt*. “*Kammakkhayena maraṇaṃ = Kammakkhaya maraṇaṃ*”- Việc tử vong do bởi chấm dứt của Nghiệp Lực, gọi là *Nghiệp Lực Diệt Tử Vong*.

Từ ngữ “*Kamma*” ở trong chỗ này lập ý đến *Xuất Sinh Nghiệp Lực* có nhiệm vụ trở sanh quả báo cho đi tục sinh ở trong các kiếp sống; và *Bảo Hộ Nghiệp Lực* có nhiệm vụ giúp đỡ ủng hộ cho Danh Sắc sinh từ ở nơi *Xuất Sinh Nghiệp Lực* cho được hiện hữu ở trong các kiếp sống. Việc chấm dứt chính ở ngay cả hai Nghiệp Lực ấy như đã vừa đề cập ở tại đây, đích thị được gọi là *Nghiệp Lực Diệt*. Như thế, người đã thọ sinh do bởi mãnh lực của cả hai loại Nghiệp Lực này, mà hiện hữu chỉ có được một tháng, hoặc một năm, hoặc 5 năm, 10 năm, v.v. và không có thể hiện hữu cho đến sự hạn định thọ mạng diệt của người ấy được, làm thành nguyên nhân cho người ấy phải tử vong; và chính ở ngay trong sát na mà tuổi thọ chỉ có được một tháng, hoặc một năm, 5 năm, 10 năm, v.v. thì với những trường hợp này thường nói được rằng việc tử vong ấy là do bởi sự chấm dứt của Nghiệp Lực, gọi là *Nghiệp Lực Diệt Tử Vong*. Có thể sánh tợ với ngọn lửa mà hết dầu nến, cho dù tim vẫn còn hiện hữu đi nữa, tuy nhiên ánh lửa cũng phải diệt tắt. Hơn nữa, việc trình bày đến sự tử vong của

nhóm Chư Thiên và Phạm Thiên, ở chỗ nói rằng *Phước Báo Diệt Tử Vong (Puññakkhayamarāṇa)* thì cũng lập ý đến đích thị chính là *Nghiệp Lực Diệt Tử Vong*.

[**Chú thích:** Lẽ thường, với những Tu Tướng, Tu Tác Ý, hoặc một ước nguyện nào thật dũng mãnh ở trong kiếp sống, trở lại nổi bật vượt trội hơn hẳn vào ngay lúc cận tử lâm chung, và tạo điều kiện cho sự tục sinh sắp đến. Trong chặp tư tưởng cuối cùng ấy có một năng lực đặc biệt. Khi năng lực của *Xuất Sinh Nghiệp Lực* ấy chấm dứt, thì những hoạt động cố hữu của hình thể vật chất mà sức sống thể hiện ở trong đó cũng cùng chấm dứt, cho dù vẫn chưa đến tuổi già phải *Thọ Mạng Diệt Tử Vong*.]

3. *Nhất Song Diệt Tử Vong (Ubhayakkhayamarāṇa)*: trình bày câu Chú Giải nói rằng: "*Ubhayesaṃ khayō = Ubhayakkhayō*"- Sự chấm dứt của cả hai, Tuổi Thọ và Nghiệp Lực, gọi là *Nhất Song Diệt*. "*Ubhayakkhayena marāṇaṃ = Ubhayakkhayamarāṇaṃ*"- Sự tử vong do bởi chấm dứt của cả hai, Tuổi Thọ và Nghiệp Lực, gọi là *Nhất Song Diệt Tử Vong*.

Sự tử vong ở thể loại này thì cũng lập ý đến người tử vong ấy có cao niên thọ mãi cho đến thọ mạng diệt và mãnh lực của *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực (Kusalajanakakamma)* hoặc *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực (Akusalajanakamma)* cũng vừa vụn kết thúc cùng với sự chấm dứt của tuổi thọ; và như thế cũng có thể sánh tợ với ngọn lửa diệt tắt là do bởi ở nơi tim và dầu nến cùng đều hết với nhau. Điển hình chẳng hạn như người thọ sinh ở trong thời kỳ có hạn định tuổi thọ là 75 năm là thọ mạng diệt, và mãnh lực từ ở nơi *Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* của người ấy cũng cùng có mãnh lực tương tự như nhau là 75 năm. Khi người ấy có tuổi thọ vừa đến 75 rồi liền tử vong, thì cũng nói được rằng sự tử vong của người ấy là *Nhất Song Diệt Tử Vong*. Ngay cả nhóm Hữu Tình ở trong Cõi Thống Khổ Địa Giới thọ sinh từ ở nơi mãnh lực *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* thì cũng tương tự như nhau. Chẳng hạn như thọ mạng diệt của con chó có hạn độ được vào khoảng 10 đến 12 năm, và con chó thọ sinh ấy cũng có được mãnh lực của *Bất Thiện Xuất Sinh Nghiệp Lực* là 10 đến 12 năm; và như thế, giả như con chó này tử vong khi có tuổi thọ là 10 đến 12 năm, thì cũng nói được rằng việc tử vong của con chó này là *Nhất Song Diệt Tử Vong*.

[**Chú thích:** Nếu một con người thọ sinh ở vào thời kỳ có tuổi thọ của con người là 80; và người ấy tử vong vào lúc 80 tuổi do bởi năng lực của *Xuất Sinh Nghiệp Lực* chấm dứt, thì sự tử vong của người ấy là do bởi sự chấm dứt đồng thời của cả hai, Tuổi Thọ và Nghiệp Lực.]

4. *Tiệt Quan Hệ Tử Vong (Upacchedakamarāṇa – Đình Chỉ Tử Vong)*: trình bày câu Chú Giải nói rằng: "*Upacchindatīti = Upacchedakam*"- Nghiệp Lực nào thường hay xen vào cắt đứt Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp đã được thọ sinh từ ở nơi *Xuất*

Sinh Nghiệp Lực, như thế, Nghiệp Lực ấy gọi là *Tiệt Quan Hệ*. Tức là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, 8 Đại Thiện Nghiệp Lực, 1 Đạo Vô Sinh Nghiệp Lực.

“*Upacchedakakammunā maraṇaṃ = Upacchedakamaranaṃ*”- Việc tử vong do bởi Nghiệp Lực xen vào cắt đứt Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp, gọi là *Tiệt Quan Hệ Tử Vong (Bất Đắc Kỳ Tử)*.

Người có tuổi thọ khi vẫn chưa vào đến giới hạn của thọ mạng, và mãnh lực của Xuất Sinh Nghiệp Lực thì cũng vẫn chưa diệt mất, tuy nhiên với mãnh lực của Bất Thiện Nghiệp Lực hoặc Thiện Nghiệp Lực đã có tạo tác ở trong kiếp trước, hoặc ở trong kiếp này đã xen vào cắt đứt quan hệ cho người ấy phải sớm tử vong đi; mà có thể sánh tựa với ngọn lửa một khi tim cũng vẫn còn hiện hữu, và dầu nến thì cũng vẫn chưa diệt mất; thế nhưng, ngọn lửa ấy cứ vẫn diệt tắt do bởi các nguyên nhân khác, như bị gió thổi, hoặc bị nước tạt, hoặc bị một vật thể nào khác thổi tắt đi, v.v. gọi là *Tiệt Quan Hệ Tử Vong*.

Cả bốn thể loại của sự tử vong như đã vừa đề cập đến ở tại đây, với người tử vong do bởi *Thọ Mạng Diệt Tử Vong*, *Nghiệp Lực Diệt Tử Vong*, và *Nhất Song Diệt Tử Vong*, với cả ba thể loại này thì gọi là *Hợp Thời Tử Vong (Kālamarāṇa)*, là vì việc tử vong ở thể loại này đã đến thời lúc. Còn người tử vong do bởi *Tiệt Quan Hệ Tử Vong*, gọi là *Phi Thời Tử Vong (Akālamarāṇa – Bất Đắc Kỳ Tử)*, là vì việc tử vong vẫn chưa phải đến thời lúc. Sự tử vong ở thể loại *Phi Thời Tử Vong* đây, hiện hữu với nhau có rất nhiều thể loại, đó là:

1. <i>Jighacchāya pipāsāya</i>	<i>Ahidaṭṭhā visena ca</i>
<i>Aggi uddhaka sattīhi</i>	<i>Akāle tattha mīyati.</i>
2. <i>Vāta pittehi semhena</i>	<i>Sannipāta utūhi ca</i>
<i>Visamopakkama kammehi</i>	<i>Akāle tattha mīyati.</i>

1. Thường tử vong ở trong thời kỳ vẫn chưa phải đến thời lúc, do bởi bị đói bụng, khát nước; bị rắn cắn, bị đầu độc, bị lửa đốt cháy, bị chìm dưới nước, bị vũ khí sát hại.
2. Thường tử vong ở trong thời kỳ vẫn chưa phải đến thời lúc, do bởi cảm gió, bệnh tật; bệnh liên quan đến đàm suyễn; bệnh sốt rét; bệnh tổng hợp với 2 hoặc 3 thể loại dị ứng hợp chung vào nhau liên quan với gió, mật, đàm; bệnh liên quan với khí hậu thời tiết hoặc *Tiệt Quan Hệ Nghiệp Lực (Upacchedakakamma)*; bởi do việc tái tục của mình bất quân bình, bất hợp vệ sinh, mất thể lực bởi do sự nỗ lực của tự bản thân hoặc của tha nhân.

Cho dù sẽ dựa vào những nguyên nhân làm cho phải tử vong ở trong sát na vẫn

chưa phải đến thời lúc như đã vừa đề cập ở tại đây đi nữa, tuy nhiên một khi thâm sát quán thấy thì sự tử vong ở những thể loại này thường sẽ không thể nào loại trừ ra khỏi *Quá Khứ Nghiệp Lực (Aññtakamma)* đi được; có nghĩa là sẽ phải có *Nghiệp Lực Quá Khứ* làm thành người ủng hộ và có tác nhân ở ngay trong lúc hiện tại làm thành người thụ lý. Như Đức Thế Tôn Ngài đã lập ý khái thuyết đề ở trong Chánh Tạng Pāli Tương Ưng Bộ Kinh nói rằng:

“Adhi mahārāja yo pubbe pare jighacchāya māreti, so bahūni vassasata sahasāni jīgacchāya pīlito chāto v.v. jīgacchāyeva marati daharopi majjhimopi mahallakopī”

“*Này Đại Vương, ở trong thế gian này người nào đã từng làm cho người khác phải tử vong với việc đói cơm; thì đích thị chính người ấy, cho dù vẫn còn ở trong tuổi niên thiếu đi nữa, tuổi thanh xuân trai trẻ đi nữa, tuổi lão mai đi nữa, ắt phải bị thụ lãnh việc hành hạ bức hại với việc đói cơm và phải tử vong với việc việc đói khát ấy vậy. Là như vậy suốt cả trăm ngàn kiếp.*” Và người đã từng làm cho người khác phải tử vong với những sự việc khát nước, cho rắn cắn, đầu độc tó, lấy lửa thiêu đốt, nhấn chìm xuống nước, sát hại với việc sử dụng vũ khí, v.v. thì chính người ấy ắt phải bị tử vong cũng tương tự với việc khát nước, bị rắn cắn, bị đầu độc, bị lửa thiêu đốt, chìm dưới nước (chết đuối), và bị vũ khí sát hại. Và thường biểu lộ cho được thấy rằng những *Phi Thời Tử Vong* ấy, sẽ không thể nào loại trừ khỏi *Quá Khứ Nghiệp Lực* đi được. Với lý do này, tất cả các Ngài Giáo Thọ Sư có đầy đủ đức độ mới cùng nhau đi đến kết luận rằng “*những sự tử vong thuộc thể loại Phi Thời Tử Vong đây, là chết do bởi Tiệt Quan Hệ Nghiệp Lực (Upacchedakakamma – Sát Nghiệp, Đối Nghịch Nghiệp Lực).*”

Căn bệnh tổng hợp là bệnh liên quan với gió, mật, và đàm, với cả ba thể loại hoặc hai thể loại này có trạng thái biến đổi dị ứng khác thường, và chính thể loại này gọi là *Bệnh Tổng Hợp (Sannipātaroga)*. Bệnh liên quan với khí hậu thời tiết, thì gọi là *Bệnh Thời Khí (Utujaroga)*. Bệnh liên quan với vật thực, thì gọi là *Bệnh Trúng Thực (Āhāraja roga)*. Bệnh liên quan với tâm thức, thì gọi là *Bệnh Tâm Thân (Cittajaroga)*. Bệnh liên quan với Nghiệp Lực, thì gọi là *Bệnh Nghề Nghiệp (Kammajaroga)*. Những thể loại bệnh này cũng phải có trạng thái biến đổi hư hoại của nhóm gió, mật và đàm cũng cùng xen vào với nhau; tuy nhiên không thể gọi là *Bệnh Tổng Hợp*. Đối với những căn bệnh chẳng có liên quan với thời tiết, hoặc vật thực, hoặc tâm thức, hoặc nghiệp lực; tuy nhiên vẫn có trạng thái biến đổi hư hoại của một hoặc hai, ba thuộc các thể loại nhóm gió, mật, và đàm đây; thì cũng vẫn phải gọi tên riêng từng các căn bệnh ấy, tức là *Bệnh Phong Khí, Bệnh Túi Mật, Bệnh Đàm Suyễn, Bệnh Tổng Hợp*.

Từ ngữ “*Visamopakkama*” ở trong câu Kệ thứ hai đây, là hai từ ngữ kết hợp với nhau. Một từ ngữ là *Visama* = việc tái tục của mình bất quân bình, bất hợp vệ sinh. Một từ ngữ là *Upakkama* = sự nỗ lực của tự bản thân hoặc của tha nhân. Việc tái tục của mình bất quân bình, bất hợp vệ sinh, gọi là “*Visama*” đấy, là các Ngài Chú Giải cổ xưa nói rằng “*Trí Tuệ là người bảo hộ sinh mạng*”. Thế nhưng, người ấy lại không có Trí Tuệ để sẽ giữ gìn thân thể cho có được kang kiện, cho có được mạng sống miên trường suốt trọn đến thọ mạng diệt. Sự việc mà tất cả Chúng Hữu Tình có được sức khỏe tốt đẹp, có được tuổi thọ lâu dài đấy, thì chẳng thể nào chỉ nương duy nhất vào *Quá Khứ Nghiệp Lực* là Nghiệp Lực cũ từ kiếp trước kia được; mà sẽ cần phải có việc nuôi dưỡng và giữ gìn thân thể với thực phẩm và thuốc men; lại nữa, luôn cả với việc rèn luyện những đại oai nghi cho hiện hành một cách quân bình, thì mới sẽ có thể giúp đỡ làm cho có được sức khỏe tốt đẹp, và cho có được tuổi thọ lâu dài suốt trọn đến thời thọ mạng diệt được. Vì rằng loài Hữu Tình có *Nghiệp Căn (Mūlakamma)* là Nghiệp Lực làm cho phát sinh năng lực kiên cường, để sẽ không thể nào làm bất luận một điều chi mà sẽ xâm hại và phá hủy mạng sống cho phải tử vong một khi vẫn chưa đến thời thọ mạng diệt được, thiệt quả là một việc khó khăn vô cùng. Cho dù có thể cũng có đi nữa, thế nhưng chỉ ở phần rất là ít oi và hy hữu, có thể nói là một trong số lượng trăm nghìn (1/100,000), số lượng triệu (1/1,000,000) mà thôi. Do đó, sự tử vong của khắp tất cả những con người một khi vẫn chưa đến thời thọ mạng diệt đấy, là cũng do bởi chẳng có việc nuôi dưỡng và giữ gìn thân thể, chẳng có việc luân phiên thay đổi các đại oai nghi cho hiện hành một cách quân bình, để cho chúng hiện hành mặc cho dòng nghiệp lực muốn ra sao thì ra, cùng với mãnh lực của phiền não, tức là đôi khi cũng có và đôi khi cũng chẳng có sự hoan hỷ duyệt ý, cũng chẳng biết, cũng chẳng liễu tri bởi do nghĩ không đến, làm thành sự tử vong đã hiện hữu quả thật là rộng lớn.

Sự nỗ lực của tự bản thân hoặc của tha nhân, gọi là “*Upakkama*” đấy, và đối với sự nỗ lực của tự bản thân, thì chẳng hạn như là thực hiện việc thất cô, bắn bỏ, nhảy xuống nước, nhịn ăn, uống thuốc độc. Đối với sự nỗ lực của tha nhân, chẳng hạn như là bị kẻ thù sát hại mạng vong, bị loài Hữu Tình thực hiện điều nguy hại dẫn đến phải tử vong, cũng có đôi khi bị Chư Thiên xuống tác hại dẫn đến phải tử vong, hoặc chụp bắt ăn cũng có. Sẽ nói rằng thân thể của tất cả những con người và trú xứ là chỗ nương vào cây cối, núi đồi, mãi cho đến tận các thôn làng, tỉnh thành, và quốc độ. Những thể loại này đều hoàn toàn có Chư Thiên trông nom, giám hộ, gìn giữ, và luôn chực chờ mang lại sự an vui hạnh phúc đến mọi thời lúc. Như thế, một khi tất cả những con người chẳng có thực hiện việc hồi hướng phần Phước Báo, truyền rải Tâm Từ Ái cho đến Chư Thiên, và luôn cả tự bản thân cũng vẫn thường luôn thực hiện tạo tác chỉ ngặt ở trong con đường Ác Hạnh, Ác Mạng một cách luôn khi, đã dẫn đến làm

cho tất cả các Chư Thiên ấy phát sanh lên sự bất toại ý. Thế là những Chư Thiên ấy cũng đã từ bỏ việc trông nom, giám hộ, gìn giữ; và để cho các hàng quý hung ác dữ tợn có được cơ hội xen vào thực hiện việc hành hạ bức hại và gây tổn thương đến cơ thể, mạng sống, tài sản của cải của những hạng người đó, cho đi đến sự sụp đổ điêu tan với muôn vàn trường hợp. Hoặc chẳng là như thế, thì đích thị chính các vị Chư Thiên đã gìn giữ Nhân Loại và trú xứ ở buổi ban đầu ấy, tự thực hiện việc trừng phạt ấy đi. Còn giả như tất cả những con người có việc thực hiện hồi hướng phần Phước Báo, truyền rải Tâm Từ Ái cho đến tất cả những Chư Thiên ấy, và luôn cả tự bản thân cũng vẫn thực hành các Thiện Sự, có việc thọ trì *Giới Pháp (Sīladhamma)* một cách thường luôn, đã làm cho hết tất cả các Chư Thiên ấy phát sanh lên sự thương yêu và toại ý ở trong bản thân. Tất cả các Chư Thiên ấy đã cùng rủ nhau canh phòng, trông nom, gìn giữ tất cả những con người ấy cho được đón nhận sự an vui hạnh phúc, và chẳng cho có bất luận một điều nguy hại nào xen vào hành hạ và bức hại được.

Trong cả hai phân loại này, thì từng mỗi tai họa phát sanh lên hành hạ bức hại do từ ở nơi nhóm Chư Thiên chẳng thực hiện việc trông nom gìn giữ đấy, có sự hiện hành như vậy: một khi Chư Thiên Thiện đã buông lơi bỏ mặc đến nhóm Nhân Loại ở trong bất luận thôn làng, tỉnh thành nào rồi, thì tất cả các Chư Thiên độc ác có được cơ hội xen vào chụp bắt ăn vừa theo sự thỏa mãn của mình, mà chẳng phải có sự e ngại kinh sợ với bất luận điều nào cả. Hơn nữa, lại thêm các Chư Thiên có tâm kết cội oán hận kể từ những kiếp trước kia, cũng có được cơ hội xen vào gây tổn thương và hành hạ bức hại. Còn *Quý Thần Dạ Xoa (Yakkhadevatā)* là loại dạ xoa yêu quái sống nương nhờ ở trong sông hồ, biển cả, đại dương; và một khi nhìn thấy thuyền bè lớn nhỏ qua lại bị chìm đắm xuống, thì cùng rủ nhau trá hình thành những con kinh ngư, hoặc cá sấu, hoặc Long Vương, đi đến chụp bắt lấy những con người ấy ăn. Hàng dạ xoa yêu quái nương trú trong đầm sen ở rừng sâu và bóng mát; ác dạ xoa yêu quái nương trú ở trong cỏ thụ của các Ngài Tứ Đại Thiên Vương đã cho phép, đã chụp bắt lấy Chúng Hữu Tình ấy rớt xuống ở trong đầm sen, hoặc trôi vào bên phía dưới trướng thuộc khu vực bóng mát của tàng cỏ thụ mà có thể ăn được đấy; những dạ xoa ấy cũng có được cơ hội thực hiện việc dụ dỗ đánh lừa với hạng người chẳng có được Chư Thiên Thiện giám hộ, trông nom, gìn giữ ấy, cho đi vào bên phía trong khu vực của mình, và rồi đã bắt lấy ăn đi một cách dễ dàng. Lại còn thêm hai nhóm Chư Thiên độc ác khác nữa, đó là *Thiên Ác Dạ Xoa (Kumabhaṇḍadevatā)* nương trú ở ngoại vi tàng cầu thang thứ ba của *Tu Di Sơn (Sineru)*, hoặc *Thiên Long Vương (Nāgadevatā)* nương trú ở dưới nền lục địa và ở dưới lòng đại dương. Ngoài ra cả hai loại này, cũng còn có rất nhiều các hàng quý hung ác dữ tợn khác nữa, cũng đang chực chờ tìm kiếm cơ hội, đã tìm cách để sẽ xen vào mưu cầu chụp bắt lấy những con người mà Chư Thiên Thiện đã chẳng còn trông nom giám hộ, để mà ăn. Hàng *Càn Thát Bà Thiên*

(Gandhabba devatā) nương trú ở trong các lõi cây, cũng có được cơ hội phiến hoặc ám ảnh, và hành hạ bức hại với muôn vàn hình thức; làm cho phát sanh sự khiếp đảm, giật mình, kinh hoảng, đến nỗi trở thành người mất cả chánh niệm. Bất luận người nào đã bị tử vong do bởi các hàng Chư Thiên độc ác và các hàng quỷ hung ác dữ tợn, như *Quý Thần Dạ Xoa, Thiên Ác Dạ Xoa, Long Vương*, đã hành hạ bức hại, gây tổn thương và chụp bắt ăn, như đã vừa đề cập ở tại đây, ấy là việc tử vong do bởi từ ở nơi sự nỗ lực của tha nhân.

Đối với người an trú ở trong *Thiện Hạnh (Sucarita)*, hằng luôn tư duy thuần thực chỉ ở trong việc Thiện Phước, và thường luôn hồi hướng phần Phước Báo, truyền rải Tâm Từ Ái cho đến tất cả các Chư Thiên; thì tất cả các Chư Thiên Thiện ấy cũng sẽ có lòng thương yêu lân mẫn và trông nom gìn giữ, để rồi ngăn ngừa chẳng cho các Chư Thiên độc ác và các hàng quỷ hung ác dữ tợn xen vào quấy rầy nhiễu loạn và tạo tác điều nguy hại. Một khi có thiên tai khởi sinh, hoặc có *Người Ngủ Xuấn Diên Rò (Andhabāla)* đi đến gây điều tổn hại; thì cũng xen vào giúp đỡ, bảo vệ lấy để cho được thoát khỏi điều nguy hại một cách rất nhiệm mầu. Giả như vị cai quản đất nước hoặc bậc có quyền lực đã thực hiện việc hành hạ bức hại, gây tổn thương đến với người đã có được Chư Thiên thương yêu phù hộ, trông nom gìn giữ đấy, thì đoán chắc thật rằng ắt phải bị Chư Thiên thương yêu những người ấy, trừng phạt đến cá nhân những người đó cho phải thụ lãnh sự sụp đổ suy tàn. Hoặc chẳng là như thế, thì tất cả nhà cửa, cả hội đoàn, cả tỉnh thành, cả đất nước, với người chẳng có được Chư Thiên Thiện thương yêu, từng trông nom gìn giữ, thì sẽ phải bị các Chư Thiên độc ác và hàng quỷ hung ác dữ tợn thực hiện điều nguy hại. Hoặc người đã có được Chư Thiên Thiện thương yêu, bảo hộ, trông nom, gìn giữ, sẽ giúp đỡ cho thoát khỏi nạn thiên tai và thoát khỏi nạn *Người Ngủ Xuấn Diên Rò (Andhabāla)* đi đến gây điều tổn hại. Và khi bị người cai quản đất nước, hoặc người có quyền lực thực hiện việc hành hạ bức hại, tác hại ưu não, thì cũng có được Chư Thiên Thiện đi đến trừng phạt với người ấy, với hội đoàn ấy, cho phải bị thụ lãnh sự sụp đổ suy tàn. Tất cả những sự việc này đã có được trình bày rõ ràng ở trong phần Giải Thích Phật Ngôn, và Chú Giải, có ở trong Túc Sanh Truyện, v.v.

Vì lẽ ấy, một khi đã thâm sát đến việc tử vong của con người ở trong thời buổi hiện tại này rồi, thì cũng sẽ nên thấy được rằng là việc tử vong bởi do sự nỗ lực của tự bản thân và sự nỗ lực của tha nhân, như có Chư Thiên, v.v. đây, hiện hữu với rất nhiều thể loại. Tuy vậy, người đã chết và người đang còn sống ở phía sau, cũng không thể nào thấu hiểu được một cách chính xác là do bởi bất luận nguyên nhân nào mà đã làm cho phát sinh về cả hai trường hợp của sự tử vong này. Như thế, một khi sẽ thực hiện việc *Tự Vấn Nghiệp Lực (Attavinipātakamma – Tự Sát Hại Mình)*, hoặc nhìn thấy

người khác tự vẫn, thì cũng thường hay nghĩ suy hoặc hiểu biết cho rằng người vợ không tốt, người chồng không tốt, bán buôn lỗ lã, bệnh hoạn hành hạ, hoặc là do tình hình đất nước bị khuynh đảo. Thế nhưng, quả thực là những người tự vẫn đấy, hoàn toàn do bởi ở nơi *Hiện Tại Nghiệp Lực*, đích thị chính là hành động tạo tác của mình ở ngay trong kiếp hiện tại này hữu quan duy nhất theo một chiều phiền não phát sanh; và chẳng có *Quyền (Indriya)* và *Lực (Bala)* sẽ xen vào thực hiện việc giúp đỡ. Vì lẽ ấy, giả như tâm thức ấy có được cả năm *Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ* hình thành ra *Quyền* và *Lực* đã đạt đến mức độ kiên cường một cách thiện hảo, đã thấm nhập vào và thực hiện việc thay thế lấy phiền não; thế là việc tự vẫn sẽ chẳng thể nào khởi sinh lên được, mà trái lại sẽ chuyển đổi lại thành một nhà học giả về Pháp Học, hoặc một hành giả về Pháp Hành, một vị tu sĩ, v.v. với cả sự tinh khiết và thanh cao đã phát sanh đến với mình, lại còn có cả sự quý kính và tôn trọng của người khác nữa. Đa phần khi có những tai họa khởi sinh đến với mình, hoặc nhìn thấy tha nhân phải bị thụ lãnh các điều tai họa; thì con người chẳng có việc nghĩ tưởng đến *Hiện Tại Nghiệp Lực*, tức là các hành động tạo tác của mình, và hành động tạo tác của người chết hiện hành chỉ ngật thường luôn ở trong đường lối *Ác Hạnh, Ác Mạng*; mà trái lại cứ vẫn nghĩ tưởng và nhìn thấy nó hiện hành ở trong hình thức phiền diện hướng ngoại, là bị nạn đao tặc, nạn thủy tai, nạn hỏa tai, nạn vua quan, nạn phong tai; là các tai họa phát sinh do bởi ở thú dữ, có rắn, hổ cạp, v.v. Sự việc hiện hành như vậy, cũng chính là do bởi chẳng có việc thụ lãnh Giáo Pháp của bậc Chánh Đẳng Giác với cả hai phần, Pháp Học hoặc Pháp Hành, đó vậy.

[**Chú thích:** Những hành động mạnh mẽ có thể đột nhiên cắt đứt ngang năng lực của *Xuất Sinh Nghiệp Lực*, cho dù tuổi thọ vẫn chưa diệt mất. Ví như một mũi tên đã được bắn ra, tất phải đi đến tận cùng của lộ trình xạ tiễn. Thế nhưng, một năng lực dũng mãnh hơn đã có thể làm lệch đường bay của mũi tên, hoặc chặn dứt ngang, và đã làm rơi mũi tên xuống mặt đất. Cùng thế ấy, một Nghiệp Lực dũng mãnh ở trong kiếp quá khứ đã có thể làm tan biến một tiềm năng của chấp tư tưởng có tác dụng *Xuất Sinh (Janaka)* vừa chấm dứt, và như thế, đã tiêu diệt mạng sống của một chúng sanh. Sự tử vong của Tỳ Khuru *Devadatta* là do bởi mãnh lực của *Tiết Quan Hệ Nghiệp Lực (Upacchedakakamma – Sát Nghiệp, Đối Nghịch Nghiệp Lực, Đình Chi Nghiệp Lực)* mà do chính bản thân đã tạo tác ngay ở trong kiếp sống hiện tiền.

Cả ba thể loại Tử Vong đầu tiên, thì được gọi chung là *Hợp Thời Tử Vong (Kālamarāṇa – Chết đúng thời)*; và loại Tử Vong cuối cùng, được gọi là *Phi Thời Tử Vong (Akālamarāṇa – Chết không đúng thời, bất đắc kỳ tử)*.

Có thể ví như một ngọn đèn dầu. Ngọn đèn có thể tắt là do bởi bốn lý do như sau: tim lụn, dầu cạn, với cả hai là vừa lụn tim và vừa cạn dầu, và một nguyên nhân từ

ngoài xen vào, chẳng hạn như ngọn gió thổi phụt tắt đi. Sự tử vong của một chúng sanh do bởi một trong bốn nguyên nhân, như vừa kể trên.]

Thẩm Định Bổ Sung Trong Việc Trình Bày
Về Tiệt Quan Hệ Tử Vong (Upacchedakamaṇa)
Của Ngài Giáo Thọ Minh Nghĩa Phụ Chú Giải (Vibhāvañīṭkācariya)

“*Idaṃ pana nerayikānaṃ uttarakuruvāsīnaṃ kesañci devānañca na hoti*”
[trích ở trong điều 187 – Minh Nghĩa Phụ Chú Giải (*Vibhāvañīṭkā*)] Còn sự chết với Tiệt Quan Hệ Tử Vong đây, thường chẳng có đến với loài Hữu Tình ở trong Cõi Địa Ngục (*Nirayabhūmi*), Bắc Câu Lô Châu (*Uttarakurudvīpa*), và một vài nhóm Chư Thiên ngoài ra Địa Cư Thiên (*Bhumaṭṭhadevatā*).

Ngài Giáo Thọ Minh Nghĩa Phụ Chú Giải đã đề cập đến như vậy đó, cũng có thể có hiện hành một cách đặc biệt chỉ ở trong *Bắc Câu Lô Châu* ngàn ấy thôi. Đối với Cõi Địa Ngục và một vài nhóm Chư Thiên ngoài ra *Địa Cư Thiên* đấy, thì có thể nêu thí dụ dẫn chứng về *Tiệt Quan Hệ Tử Vong* như sau:

+ ***Tiệt Quan Hệ Tử Vong ở trong Cõi Địa Ngục:*** Một khi tất cả Chúng Hữu Tình đã được Ngài *Diêm Vương (Yamarāja)* thẩm tra hạch biện hầu để cho có việc giúp đỡ, thì loài Hữu Tình Địa Ngục ấy đã có được sự truy niệm nghĩ tưởng đến các Thiện Sự mà mình đã từng có kiến tạo để ở trong thời mà bản thân khi vẫn còn ở Nhân Loại, và tức thời liền tử vong; thế rồi tiếp nối đi tục sinh làm thành Nhân Loại, hoặc làm thành Chư Thiên. Đây là việc tử vong bởi do *Thiện Tiệt Quan Hệ Tử Vong (Kusalaupacchedakamaṇa)*, tức là *Danh – Sắc Thiện Nghiệp Lực (Kusalakammaṭṭaddarūpa – nāma)* sinh khởi từ ở nơi *Bất Thiện Nghiệp Lực* làm cho phải mạng vong.

+ ***Tiệt Quan Hệ Tử Vong ở trong Cõi Thiên Giới:*** Có vị *Địa Cư Thiên* khi còn ít tuổi nương trú ở cây cối, rồi có một vị Tỳ Khưu chặt đốn cái cây đó đi và đã chém vị Thiên Tử ấy phải bị mạng vong, như có tích truyện đã trình bày để ở trong *Điều Giới Luật về Thảo Mộc (Bhūtagāmasikkhāpada)* của Tạng Luật. Như thế, Ngài Giáo Thọ Minh Nghĩa Phụ Chú Giải đã lập ý đến tích truyện này, mới nói rằng **“*Kesañci*”** không nói đến khắp cả Chư Thiên, là có việc miễn trừ. Việc miễn trừ của Ngài Giáo Thọ Minh Nghĩa Phụ Chú Giải đây, nếu giả như chỉ lập ý chỉ riêng nhóm *Địa Cư Thiên* như đã vừa đề cập đến thì cũng vẫn chưa đầy đủ, là vì vẫn còn có các vị Thiên Tử khác đã mạng vong do bởi *Tiệt Quan Hệ Tử Vong*, chẳng hạn như có một vài vị Thiên Tử cứ mãi mải vui chơi với sự dính mắc cho đến nỗi quên cả việc ăn uống, tiếp đến sức nhớ đến việc đối mới vội đi thọ thực, thế nhưng đã không còn kịp, vì lẽ đã bị *Tiên Hóa Nhiệt Khí (Pācakatejo: là nhiệt độ giúp tiêu hóa vật thực)* đã

thieu hủy trọn cả dạ dày mãi cho đến tận cả ruột non lẫn ruột già, v.v. thế rồi tiêu hủy hết tất cả, và Chư Thiên đã mạng vong do bởi cú mãi mắng vui như vậy, gọi là *Du Hý Hại Sư (Khidḍāpadosika)*. Một vài vị Thiên Tử đã tử vong vì trái tim đã bị thieu đốt do bởi lòng sân hận, vì sự khổ tâm khởi phát từ việc gây gổ của nhóm Chúng Thiên với nhau, gọi là *Tâm Phiền Ý Loạn (Manopadosika)*. Và ở trong bộ *Chú Giải Tương Ứng Bộ Kinh Hảo Phạm Thiên (Subrahmasaṃyutta Aṭṭhakathā)* đã có trình bày rằng 500 ngàn *Nhật Thiên Tử* là tùy tùng của *Hảo Phạm Thiên Thiên Tử (Subrahmadevatā)* đang đi hái hoa ở trên cây và đã tử vong với mãnh lực của *Bát Thiên Tiệt Quan Hệ Nghiệp Lực*. Sự tử vong thể loại này phát sinh từ ở nơi sự mãi mắng vui chơi; lòng sân hận và sự khổ tâm. Cả hai trường hợp này đã có hiện hành ở trong cả *Lục Dục Thiên Giới*, chẳng hạn như việc thọ sinh ở trong *Cõi Thiên Giới* và *Cõi Phạm Thiên Giới* chẳng có sự kỳ vọng sẽ cho ở đến trọn đủ thọ mạng diệt, vì không thể thực hiện được việc kiến tạo Pháp Toàn Thiện (*Pāramī – Ba La Mật*). Thế rồi, đã có việc lập nguyện với việc tự sát hại mình, làm cho bản thân sẽ chết dần dần cùng với lời phát nguyện rằng: “*Xin cho sinh mạng của tôi được diệt tắt ngay bây giờ*”. Sự tử vong của bậc *Giác Hữu Tình* như vậy, gọi là *Quyết Định Tử Vong (Adhimuttikālakiriya - Sinh Mạng Diệt Độ)* cùng với *Chí Nguyện Tâm Lực (Adhiṭṭhānacitta)*, và với từ ngữ “*Adhimutti*” - *Quyết Định*.

Giải Thích Ý Nghĩa Của Từ Ngữ “*Kesañci Devānaṃ*”

Từ ngữ “*Kesañci Devānaṃ*” đây, có ý nghĩa cho được hiểu biết rằng “*một vài vị Thiên Tử chẳng phải mạng chung do bởi Tiệt Quan Hệ Tử Vong*”, thế nhưng cũng vẫn có một số vị Thiên Tử đã mạng chung do bởi Tiệt Quan Hệ Tử Vong. Khi đã là như vậy, thì cũng nên trình bày đến loài *Hữu Tình Bàng Sanh* và *Nhân Loại* vào với nhau, và sẽ nói rằng: “*Kesañci tiracchānañca kesañci manussānañca kesañca devānañca na hoti*”- “*Vì cũng có một vài loài Hữu Tình Bàng Sanh và một vài con người ở Nhân Loại chẳng phải mạng chung do bởi Tiệt Quan Hệ Tử Vong, và mạng chung do bởi Tiệt Quan Hệ Tử Vong thì cũng vẫn có.*” Vì lẽ ấy, từ ngữ “*Kesañci*” là *Phân Biệt Từ (Visesanapada)* của “*Devānaṃ*” đây, cũng chẳng làm cho phát sinh lợi ích nào cả, mà trái lại đã làm cho việc cắt nghĩa càng rắc rối thêm lên.

Lại nữa, một khi sẽ tầm cầu lợi ích từ ở nơi từ ngữ “*Kesañci Devānaṃ*” với cả sự tôn kính và lòng sùng tín ở trong Trí Tuệ của Ngài Giáo Thọ Minh Nghĩa Phụ Chú Giải thì cũng có được tương tự, là vì sẽ làm cho thấu hiểu đến sự sinh hoạt của Chư Thiên, với cả *Nhân Loại* và chí đến cả loài *Hữu Tình Bàng Sanh*, thì cũng có việc khác biệt với nhau. Xin nói rằng việc thọ sinh, việc sinh sống, và việc tử vong của loài *Hữu Tình Bàng Sanh* và *Nhân Loại*; thì tất cả mọi con người đều đã được chứng kiến

với nhau ở ngay trước mắt, và chẳng nhất thiết sẽ phải đem ra trình bày lại thêm lần nữa. Còn việc thọ sinh, việc sinh sống và việc tử vong của Chư Thiên đấy, loại trừ ra các bậc Phúc Lộc Thiên Giả (*Jhānalābhī*), bậc Thắng Trí Giả (*Abhiññālābhī*) và bậc có Tài Trí thù thắng hiệp thể, thì chẳng có một người nào sẽ có thể chứng kiến được, và sẽ làm cho phát sinh sự thắc mắc ở trong việc tử vong của các vị Chư Thiên. Cũng chính vì lý do này, mà Ngài Giáo Thọ Minh Nghĩa Phụ Chú Giải mới chỉ có trình bày để nói rằng: “*Kesañci devānañca na hoti*”- “*Có một vài vị Thiên Tử chẳng phải mạng vong do bởi Tiệt Quan Hệ Tử Vong*”, là vậy.

Giải Thích Trong Phần Pāli Với Điều Thứ Hai:
Trình Bày Điềm Tướng Hiện Khởi Khi Cận Tử Lâm Chung

“*Tathā ca marantānaṃ pana v.v. aññatarasmim paccupaṭṭhāti*”. Đoạn văn Pāli này trình bày điềm tướng hiện khởi khi cận tử lâm chung. Lẽ thường, tất cả các loài Hữu Tình mà vẫn chưa chứng đắc Quả vị Vô Sinh, và sẽ còn là hàng Hữu Tình Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Atula, Bàn Sanh đi nữa; hoặc là Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên đi nữa; thì một khi tử vong do bởi một trong bốn trường hợp, có Thọ Mạng Diệt, v.v., thì có một trong ba Điềm Tướng thường luôn hiện khởi trực diện ở ngay trước mắt trong bất luận một Môn nào của cả Lục Môn. Vì lẽ ấy, Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* mới trình bày nói rằng:

“*Tathā ca marantānaṃ pana maraṇakāle kammaṃ vā, kammanimittam vā, gatinimittam vā, channaṃ dvārānaṃ aññatarasmim paccupaṭṭhāti*”.

+ *Tathā ca*: từ ngữ “*Tathā*” giải thích rằng: “*Tehi catūhi pakārehi*”. Từ ngữ “*ca*” thay cho từ ngữ “*Eva*”. Khi kết hợp lại thành “*Tathā eva*” nghĩa là “*Tehi catūhi pakārehi eva*” (người tử vong) chỉ với bốn trường hợp, có Thọ Mạng Diệt v.v. ngàn ấy thôi; là việc trình bày cho hiểu biết rằng việc tử vong ngoài ra bốn trường hợp này, thì thường không có.

+ *Maraṇakāle*: từ ngữ “*Maraṇakāle*” là Thời Tử Vong đây, tức là thời gian cận tử, được tính kể từ một phút, hoặc một giờ đồng hồ, v.v. và chẳng phải là sát na của Tâm Tử khởi sinh chút nào cả. Rằng khi nói theo Phần Cận Khởi Sinh (*Samī payūpacāranaya – Phần Trục Tiếp*) là nêu sát na Tâm ở vào Thời Tử Vong (*Maraṇakāla*) lên để cho vào trong thời cận tử. Rằng khi nói theo Phần Cận Cận (*Upacāranaya – Phần Gián Tiếp*) thì gọi là Thời Cận Tử (*Maraṇāsannakāla*). Bậc Chánh Đẳng Giác và các Ngài Chú Giải, Phụ Chú Giải đã trình bày ý nghĩa theo Phần Cận Cận (*Upacāranaya – Phần Gián Tiếp*) đây, đa phần hiện hữu ở trong Chánh Tạng Pāli, và Chú Giải, Phụ Chú Giải. Như thế, một khi sẽ thực hiện việc nghiên cứu tìm

tôi học hỏi Giáo Pháp ở trong Phật Giáo cho được quăng khoáng uyên bác một cách chân chánh đây, thì cần phải nên nghiên cứu tìm tòi học hỏi đặc biệt duy nhất chỉ ở trong phần Chánh Tạng Pāli, và sẽ chẳng có con đường nào khác để cho được đón nhận sự hiểu biết quăng khoáng một cách chân chánh được. Nhất thiết sẽ cần phải thực hiện việc nghiên cứu học hỏi về Tam Tạng ở phần Chú Giải và Phụ Chú Giải, cùng với việc được lắng nghe những lời giảng giải của các Ngài Giáo Thọ mà đã có được nền tảng tri thức một cách hoàn hảo đúng đắn, thì mới sẽ trợ giúp cho có được sự hiểu biết quăng khoáng một cách chân chánh được. Sự việc đã như vậy, là cũng do Chánh Tạng Pāli chỉ trình bày rất những nguyên tắc chánh yếu, và chẳng có được giải rộng thêm làm sáng tỏ ý nghĩa nội dung. Còn các Ngài Chú Giải đã có trình bày giảng giải ý nghĩa trong Chánh Tạng Pāli ở những phần nguyên tắc chánh yếu mà vẫn chưa có được giải rộng ra, để làm cho sáng tỏ tường tận, và lại cùng với cả lời giải thích chỉ dẫn rõ ràng. Và kế tiếp, thì các Ngài Phụ Chú Giải cũng đã có giảng giải càng làm cho sáng tỏ thêm ý nghĩa ở trong các phần mà các Ngài Chú Giải vẫn chưa làm cho rõ ràng tường tận. Lại nữa, cả hai nhóm các Ngài Chú Giải và các Ngài Phụ Chú Giải đây, khi sẽ nói với nhau ở trong lãnh vực nền tảng tri thức thì cũng là thiện hảo, với cả ở trong lãnh vực hạnh kiểm và tính nét sở thích thì cũng quả là thiện hảo; và chẳng giống như chúng ta ở trong thời buổi này. Xin được nói đến bậc đã có được nền tảng tri thức một cách luyện đạt ở trong Luật Tạng, Kinh Tạng, Vô Tỷ Pháp Tạng và Văn Phạm Pāli, sự tu tập thúc liễm về Thân và Lời an trú ở trong điều giới luật một cách nghiêm mật; là bậc *Chân Tu Hành Giả (Supapaṭipanna)*, bậc *Chính Trực Hành Giả (Ujupaṭipanna)*, bậc *Chính Đạo Hành Giả (Ñāyappaṭipanna)*, bậc *Chính Nghĩa Hành Giả (Sāmicippaṭipanna)*; thành chỗ đáng trọng vọng, đáng quý kính, đáng sùng tín, đáng quy ngưỡng phụng kính, đối với khắp tất cả các hàng Phật Tử. Tâm thức cao thâm, chẳng có ở dưới bất cứ một quyền lực nào của *Ái Dục (Tanhā)*, *Ngã Mạn (Māna)*, *Tà Kiến (Diṭṭhi)*, và *Tật Đố - Lận Sắc (Issā – Micchariya)*. Tất cả sự việc này là cũng bởi vì có một số Ngài đã là bậc Thánh Nhân, và lại có một số Ngài vừa là bậc Thánh Nhân luôn cả là bậc *Phúc Lộc Thiên Giả - bậc Thắng Trí Giả*. Đối với một số Ngài, cho dù quả thật sẽ chẳng phải là bậc Thánh Nhân và cũng chẳng phải là bậc *Phúc Lộc Thiên Giả - bậc Thắng Trí Giả* đi nữa, tuy nhiên tâm thức của các Ngài ấy hằng bất biến ở trong *Giới – Định – Tuệ*; và chỉ thường luôn ở trong một chiều hướng của việc nghiên cứu Tam Tạng kinh điển, chẳng có một chút đoái hoài đến việc thế gian và các Cảnh Dục Trần nào cả. Vì thế, các bộ Chú Giải và Phụ Chú Giải mới có được nội dung kết hợp với các sự việc đáng xác tín, khả tín thực, tri thức đáng học hỏi và thật tuyệt vời, chẳng có điều chi sẽ cần phải sửa chữa và điều chỉnh lại nữa, và lại chẳng có điều chi sẽ phải hư hại khả tích cả. Rằng sẽ được đem so sánh với một quyển sách đang được ưa chuộng và tín dụng đương đại đây, thì cũng vẫn phải thường

luôn có việc sửa chữa và bổ sung. Và lại, nương theo các khoa học gia thì sẽ không ngừng thực hiện việc nghiên cứu, tra lục và tân tạo mới lên hoài.

+ *Yathārahaṃ*: từ ngữ “*Yathārahaṃ*” dịch là “*Ứng Cai*” tùy theo thích hợp. Từ ngữ “*tùy theo thích hợp*” đây, gồm có hai ý nghĩa, đó là:

1. “*Yathārahaṃ kammaṃ vā, kammanimittam vā, gatinimittam vā, paccupaṭṭhāti*”- Có nghĩa là: “*Ở trong lúc cận tử lâm chung đây, thì cả ba trường hợp điềm tướng này không thể bắt câu hành hiện khởi trong cùng một thời điểm với nhau, và không thể có bất luận một điềm tướng nào trong cả thể loại này sẽ không hiện khởi lên được.*” Sẽ nói rằng, giả như Nghiệp Lục có được cơ hội, thể thì Cảnh Nghiệp sẽ hiện bày. Nếu giả như Nghiệp Tướng có được cơ hội, thể thì Cảnh Nghiệp Tướng sẽ hiện bày. Và nếu giả như Thú Tướng có được cơ hội, như thế, Cảnh Thú Tướng sẽ được hiện bày.

2. “*Yathārahanti sugatiduggati gāmīnaṃ arahānurūpaṃ paccupaṭṭhāti*”- Có nghĩa là: “*Cả ba thể loại điềm tướng đây, thì bất luận một thể loại nào cũng thường hay hiện bày tùy theo thích hợp đối với người sẽ đi thọ sinh đến các Cõi Thiên Thú và Khố Thú.*”

Giải Thích Điều Thú Nhất

+ *Nghiệp Lục có cơ hội*: Việc sắp bày thôi thúc và dẫn dụ ở trong các sự việc tốt và xấu; đã hình thành ra *Tư Tác Ý Thiện* và *Bất Thiện* đây, đều là những *Thực Tính Pháp (Sabhāvadhamma)*, và các Pháp ấy chẳng phải bất luận là sắc màu, âm thanh, khí hơi, mùi vị, lạnh, nóng, mềm, cứng, lỏng, căng, nào cả. Và lại sự việc này chẳng có hiện bày ở trong bất luận bộ phận nào của cơ thể, và chỉ có thể hiện bày duy nhất ở trong lộ trình tâm thức mà thôi. Vì thế, người đã có điều tốt, việc xấu, thì đa phần chỉ có hiện hữu ở trong lãnh vực tâm thức, mãi cho đến phút giây sẽ cận tử lâm chung, và sẽ chẳng có hiện bày ra ngoài theo lộ trình của Thân, và Lời. Như vậy, một khi đã thực hiện điều tốt, việc xấu do bởi Thân và Lời, mà chẳng có được hiện khởi lên, thể là Cảnh Nghiệp thường có cơ hội khởi sinh. Và lại, có một số người trước kia đã có thực hiện việc *xả thí, trì giới, tiến tu, nghiên cứu học hỏi*; hoặc đã có thực hiện *Ác Hạnh, Ác Mạng* trước kia; thì sẽ làm cho tư duy nghĩ ngợi một cách thường luôn, suốt trọn thời gian lâu dài, rồi mới sẽ diệt mất. Nhóm người này, nếu như chẳng có được cơ hội sẽ thực hiện bất luận một điều nào qua bởi Thân và Lời, và mãi cho đến phút giây sẽ cận tử lâm chung, thì cũng tương tự như vậy, là Cảnh Nghiệp thường có được cơ hội để hiện bày.

[**Chú thích:** Nghiệp Lục có được cơ hội hiện khởi chỉ ngay ở tại Lộ Ý Môn. Một khi con người sắp cận tử lâm chung, thì *Thiện Nghiệp Lục* hoặc *Bất Thiện Nghiệp Lục* có thể hiện khởi ở ngay trước mắt Tâm Nhân Thức của người ấy. Hành động này có thể là một *Thiện Cục Trọng Nghiệp Lục*, chẳng hạn như một tầng Thiên Định đã có được chứng đắc. Hoặc một *Bất Thiện Cục Trọng Nghiệp Lục*, như hành động của *Sát Phụ Nghiệp Lục*, *Sát Mẫu Nghiệp Lục*, v.v. Các Nghiệp Lục này có năng lực dũng mãnh, cho đến nỗi đã làm lu mờ hết tất cả những Nghiệp Lục khác, và đã hiện khởi lên một cách mạnh mẽ ở ngay trước Tâm Nhân Thức của người cận tử lâm chung. Nếu giả như không có các thể loại Cục Trọng Nghiệp Lục này, thì chấp tư tưởng lâm chung có thể duyên theo mãnh lực Nghiệp Lục vừa mới tạo tác, hoặc vừa mới sực nhớ đến với sát na ngay tức thời (*Āsannakamma – Cận Tử Nghiệp Lục*). Và nếu giả như, đó là một hành động thuộc về quá khứ, thì nói một cách chính xác, đó là chấp tư tưởng Thiện hoặc Bất Thiện kinh nghiệm trong lúc thực hiện hành động, bây giờ đã có dịp tái tạo hiện khởi mới trở lại.]

+ **Nghiệp Tướng có cơ hội:** Cả 6 Cảnh đã có được tiếp xúc liên quan với hành động tạo tác theo lộ trình Thân, Lời và Ý của mình; làm thành Cảnh Nghiệp Tướng. Và Cảnh Nghiệp Tướng này đã được hiện bày ở trong cả các lộ trình Nhân, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân và Ý Môn. Như thế, với người mà đa phần đã có thường luôn thực hiện rất lâu dài với Thân, Lời và Ý, ở trong việc *xả thí, trì giới, tiến tu*; hoặc *sát sinh, thâm đạo, tà dâm, vọng ngữ, ám tửu*; thì tiên khởi cũng chẳng thể nào nhận thức ra được với bất luận trường hợp nào, mà chỉ có thể nghĩ suy ra được là ở trong lúc nói năng, hoặc hành động tạo tác; cuối cùng rồi vấn đề đấy cũng sẽ đi đến tiếp xúc các sự việc ấy. Nhóm người này, cho dù ngay ở trong thời gian sẽ cận tử lâm chung, và sẽ chẳng có tạo tác bất luận vấn đề nào có liên quan với Thân, Lời và Ý đi nữa; tuy nhiên Cảnh Nghiệp Tướng cũng thường có được cơ hội để hiện bày.

[**Chú thích:** Nghiệp Tướng có được cơ hội hiện khởi ở ngay tại một trong cả Lục Môn. Là bất luận một dấu hiệu, hoặc biểu tượng về sắc màu, âm thanh, khí hơi, mùi vị, xúc chạm, hoặc một tư tưởng mà bản thân mình đã từng có, ngay vào lúc thực hiện các hành động ấy, tức là lúc tạo tác Nghiệp Lục. Chẳng hạn như con dao đối với người đồ tể, hoặc bệnh nhân đối với thầy thuốc, hoặc bông hoa đối với người Phật Tử tín tâm, v.v.]

+ **Thú Tướng có cơ hội:** Cả 6 Cảnh sẽ được hội kiến và thụ lãnh ở trong kiếp sống tới, làm thành Cảnh Thú Tướng. Và Cảnh Thú Tướng này hiện bày được cả ở trong Lục Môn. Như thế, người đã có Tư Tác Ý Thiện hoặc Tư Tác Ý Bất Thiện một cách dũng mãnh ngay trong sát na thực hiện Thiện Sự, hoặc Bất Thiện Sự, thì đã hình thành ra *Tư Hiện (Muñcacetanā)*, và luôn cả những Pháp tùy tùng của Tư Tác Ý

Thiện hoặc Bất Thiện đây, cũng đã có được năng lực dững mãnh như nhau. Tức là ngay ở trong sát na đang thực hiện Thiện Sự, như có việc *xả thí, trì giới, tiến tu*; thì có *Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ*, v.v. cũng đã hiện khởi một cách rõ ràng. Hoặc trong sát na đang tạo tác các *Ác Hạnh, Ác Mạng*, như có việc *sát sinh, thâu đoạt, thực hiện tà dâm*, v.v. thì có *Ái, Mạn, Kiến, Sân, Si, Tật, Lận*, v.v. cũng hiện khởi một cách rõ ràng tương tự như nhau. Do vậy, nhóm người này ở ngay trong phút giây sẽ cận tử lâm chung, thì Thú Tướng thường có được cơ hội để hiện bày. Hoặc trong lúc sát na thực hiện điều tốt, việc xấu đấy; thì có cả hai Tư Tác Ý, là *Tư Tiền* và *Tư Hậu*, đã sinh khởi lên mãi không ngừng. Đề cập đến là: nếu giả như sẽ thực hiện việc Thiện, thì sẽ tư duy nghĩ ngợi đến việc hoàn thành các công việc Thiện ấy, và kiến thị bằng hình ảnh (sắc tướng) có những cử chỉ hành động dính líu với việc tạo tác, việc nói năng của mình và của các tha nhân, cho đến luôn cả các vật dụng dụng cụ có liên quan với việc *xả thí, trì giới, tiến tu* mà sẽ cần phải hiện hành các công việc này. Khi đã thực hiện hoàn thành rồi, thì cũng vẫn cứ tư duy nghĩ ngợi lại mãi đến các công việc ấy, và cũng khởi sinh sự hoan hỷ duyệt ý, được kiến thị bằng hình ảnh hiện bày ở trong tâm trí một cách rõ ràng mà chẳng có phai mờ. Và nếu như tạo tác điều bất thiện thì cũng giống như nhau. Tức là trước khi sẽ thực hiện việc đánh thuốc mê để ăn cắp, dụ dỗ lừa gạt, v.v. Trong các công việc ấy, nhóm người này cũng có tư duy nghĩ ngợi, lập kế hoạch liên quan với các công việc ấy cho được thành tựu, kiến thị bằng hình ảnh rằng sẽ phải thực hiện như vậy, như vậy, v.v. Khi đã thực hiện hoàn thành rồi, thì cũng vẫn cứ tư duy nghĩ ngợi lại mãi đến các công việc ấy, nhớ đến qua cử chỉ hành động, việc nói năng của mình và của các tha nhân, cho đến cả những vật dụng dụng cụ phối hợp trong các công việc ấy, cùng với sự hoan hỷ duyệt ý, được kiến thị bằng hình ảnh hiện bày ở trong tâm trí một cách rõ ràng mà chẳng có phai mờ. Như thế, sự hiện hành từ ở cả hai, *Tư Tiền* và *Tư Hậu*, như đã vừa đề cập đây; và vào thời gian sẽ cận tử lâm chung, thì Thú Tướng cũng thường có được cơ hội để hiện bày giống như vậy. Lại thêm một trường hợp nữa, ở trong lãnh vực việc Thiện ấy, thì trước khi sẽ thực hiện hoặc sau khi đã thực hiện xong, có một số người hoan hỷ nghĩ ngợi muôn vàn trường hợp ở trong các vấn đề về Nhân Sản, Thiên Sản, v.v. thì Thú Tướng của nhóm người này khi sẽ cận tử lâm chung, cũng thường có được cơ hội để hiện bày một cách tương tự như vậy.

[**Chú thích:** Thú Tướng thường luôn là sắc tướng, hiện khởi dưới hình thức chiêm bao. Có nghĩa là một vài dấu hiệu, hoặc biểu tượng của nơi chốn mà người sẽ cận tử lâm chung đi thọ sinh. Một diễn biến nhất định phải xảy ra cho người sắp cận tử lâm chung. Khi những chỉ dẫn về kiếp sống vị lai ấy khởi sinh mà không tốt, thì bản thân có thể gây ảnh hưởng cho nó trở thành tốt. Điều này có thể thực hiện được bằng cách ảnh hưởng đến Tâm thức của người cận tử, giúp cho người ấy tự tạo cho

chính mình với những chấp tư tưởng có tánh cách thuần túy thiện lành, tác hành như một Cận Tử Nghiệp Lực, chống trả lại ảnh hưởng của Xuất Sinh Nghiệp Lực mà, nếu không là như vậy, thì sẽ là bất thiện. Và chính do Nghiệp Lực này sẽ tạo duyên cho kiếp sống tới khởi sinh. Những điềm tướng lâm chung này, có thể là lửa Địa Ngục, rừng núi đen thẳm, thai nhi của người sản phụ, tòa Thiên cung ở trên Cõi Thiên Giới, v.v.

Tóm lại, Nghiệp Lực hiện khởi xuyên qua Ý Môn. Nghiệp Tướng, điềm tướng hoặc biểu tượng của Nghiệp Lực, có thể hiện khởi xuyên qua bất luận một Môn nào trong cả Lục Môn, tùy theo thích hợp. Thú Tướng, điềm tướng hoặc biểu tượng lâm chung, thường luôn là một dấu hiệu hoặc hiện tượng sắc tướng, hiện khởi như một giấc mơ.]

Giải Thích Điều Thứ Hai

Chỗ đề cập đến bất luận một trong cả ba điềm tướng thường hiện bày tùy theo thích hợp đối với người sẽ đi thọ sinh đến các Cõi Thiện Thú và Cõi Khổ Thú đây; có ý nghĩa là tất cả các bậc Vô Sinh trong thời gian sẽ viên tịch Níp Bàn, thì chẳng có bất luận một thể loại điềm tướng nào đi đến hiện bày. Sự việc là như vậy, cũng chính vì các Ngài đã chẳng còn có việc tái tục lại nữa. Đối với loài Thông Khổ Hữu Tình, Nhân Loại, Chư Thiên, và Phạm Thiên; một khi vẫn còn là hàng Phàm Phu và bậc Thánh Hữu Học đây, thế rồi trong thời gian sẽ cận tử lâm chung thì thường luôn có bất luận một trong ba điềm tướng đi đến hiện bày. Vì lẽ, những hạng người này vẫn còn phải đi thọ sinh đến các Cõi Thiện Thú và Cõi Khổ Thú, tiếp đến lại vẫn còn chỉ vạch cho được biết rằng việc hiện bày từ ở nơi cả ba điềm tướng đây, là chẳng có trạng thái biểu tượng giống nhau. Tất cả đều tùy thuộc vào người sẽ đi thọ sinh đến Cõi Thiện Thú và Cõi Khổ Thú. Sẽ nói rằng người nào sẽ đi thọ sinh ở Cõi Thiện Thú, thì người ấy thường có Nghiệp, Nghiệp Tướng, và Thú Tướng ở phần thiện hảo đi đến hiện bày. Còn người nào sẽ đi thọ sinh ở Cõi Khổ Thú, thì người ấy thường có Nghiệp, Nghiệp Tướng, và Thú Tướng ở phần bất thiện hảo đi đến hiện bày. Trạng thái, biểu tượng, và điềm tướng tốt và xấu như thế nào, thì sau này sẽ đề cập đến vậy. Sự việc nói rằng tất cả các Ngài Vô Sinh sẽ viên tịch Níp Bàn, và chẳng có bất luận một thể loại điềm tướng nào đi đến hiện bày, là vì tác hành của các Ngài chẳng còn làm thành tựu bất luận thể loại nào về Thiện Nghiệp Lực, hoặc Bất Thiện Nghiệp Lực; và chỉ có duy nhất gọi là tác hành theo bản tánh thường nhiên của Thân và Tâm khi vẫn còn hiện hành ở trong thế gian. Sự việc chẳng còn một tác hành nào cả để làm cho trở sanh quả báo khởi sinh trong thời vị lai, gọi là *Duy Tác (Kiriya)*. Lại nữa, vấn đề những kiếp sống sẽ nối tiếp nhau ở trong thời vị lai đây, là vấn đề của Thiện Nghiệp Lực và

Bất Thiện Nghiệp Lực. Vì thế, một khi các Ngài đã chẳng còn có Thiện Nghiệp Lực và Bất Thiện Nghiệp Lực, thế là Cảnh Nghiệp mới chẳng có sắc tướng để sẽ đi đến hiện bày. Một khi Cảnh Nghiệp chẳng có sắc tướng để sẽ hiện bày, thế là những Cảnh khác khác đã có phối hợp ở trong mọi tác hành theo Lộ Thân, Lòi và Ý được gọi là Cảnh Nghiệp Tướng đầy, cũng chẳng có sắc tướng để sẽ đi đến hiện bày như nhau. Tất cả sự việc này, vì lẽ các Cảnh khác khác đã có phối hợp ở trong mọi tác hành của tất cả các bậc Vô Sinh, đầy chẳng phải là Nghiệp Tướng, mà đó chỉ là *Duy Tác Điềm Tướng (Kiriyaṇimitta)*. Còn Cảnh Thú Tướng đầy, là Cảnh sẽ phải xúc mục và thụ lãnh ở trong kiếp sống tới; thế nhưng, kiếp sống tới của tất cả các bậc Vô Sinh thì lại chẳng có, vì thế Cảnh Thú Tướng mới không có đi đến hiện bày. Khi đã là như vậy, thì cũng có khởi lên lời vấn hỏi rằng “*Nếu chẳng có bất luận một thể loại nào ở trong cả ba loại điềm tướng này đi đến hiện bày, như thế ngay trong phút giây sẽ viên tịch Níp Bàn, thì tâm thức của tất cả các bậc Vô Sinh chẳng có Cảnh nào hay sao?*” Giải đáp rằng “*Có. Đó chính là 6 Cảnh ở phần Danh và Sắc, hoặc Chế Định mà các Ngài đã thường luôn có sự lưu tâm thâm sát, đã làm thành Duy Tác Điềm Tướng đó vậy.*”

Giải thích rằng: Với những bậc Vô Sinh *Minh Sát Thiền Khô (Sukkhavipassaka)*, hoặc là các bậc Vô Sinh *Phúc Lộc Thiền Giả (Jhānalābhīpuggala)* nhưng lại không nhập được Thiền Định trong phút giây sắp sửa viên tịch Níp Bàn, thì chính ngay với những 6 Cảnh ở phần Danh và Sắc, hoặc Chế Định mà các Ngài đã thường luôn có sự lưu tâm thâm sát, đã làm thành Cảnh của Tâm Đồng Lực Cận Tử. Còn đối với một vài bậc Vô Sinh *Phúc Lộc Thiền Giả*, thì các Ngài sẽ viên tịch Níp Bàn là sau khi đã nhập được Thiền Định, và Cảnh của Nhập Thiền Định đầy, có đề mục *Hoàn Tĩnh Chế Định (Kasiṇapaññatti)*, *Sổ Tức Chế Định (Ānā pānapaññatti)*, *Chứng Sanh Chế Định (Sattapaññatti)*, v.v., thì chính ngay những đề mục ấy, đã làm thành Cảnh của Tâm Đồng Lực Cận Tử, và Tâm Đồng Lực Cận Tử đầy, cũng chính là Tâm Nhập Thiền Định. Nếu như *Viên Tịch Níp Bàn (Pari nibbāna)* kể từ sau *Lộ Trình Phản Kháng (Paccavekkhaṇavīthi)* đã có việc thâm sát các Chi Thiền rồi, thì chính ngay những Chi Thiền như có 2, 3, 4, 5 Chi ấy, đã làm thành Cảnh của Tâm Đồng Lực Cận Tử, và Tâm Đồng Lực Cận Tử đầy, cũng chính là Tâm Đồng Lực Phản Kháng, và đó cũng chính là Tâm Đồng Lực Đại Duy Tác vậy. Nếu như viên tịch Níp Bàn kể từ sau *Lộ Trình Thắng Trí (Abhiññāvīthi)* qua việc thực hiện *Thần Tức Thắng Trí (Iddhividha Abhiññā)* với *xác thân (Karajakāya)* có 32 thể trực phối hợp hoàn thành viên mãn ra các bộ phận lớn nhỏ; thì chính những thể loại này, đã làm thành Cảnh của Tâm Đồng Lực Cận Tử, và Tâm Đồng Lực Cận Tử đầy, cũng chính là *Chuẩn Bị (Parikamma)*, *Cận Hành (Upacāra)*, *Thuận Tòng (Anuloma)*, *Chuyển Tộc (Gotrabhū)*, và *Thắng Trí (Abhiññā)*, và đó cũng đích thị là Tâm Đại Duy Tác và Tâm Duy Tác Ngũ Thiền Hữu Sắc Giới vậy. Còn bậc Vô Sinh ở trong *Lộ Trình Đắc*

Đạo Tốt Mạng (*Jīvita samasīsvīthi*), là bậc viên tịch Níp Bàn kể từ sau Lộ Trình Phản Kháng sinh nối tiếp từ ở nơi Lộ Trình Đạo Vô Sinh (*Arahattamaggavīthi*) đã diệt đi rồi; thì chính ngay bất luận một trong các Pháp là Đạo (*Magga*), Quả (*Phala*), Níp Bàn (*Nibbāna*), Phiền Não (*Kilesa*) đây, đã làm thành Cảnh của Tâm Đồng Lực Cận Tử, và Tâm Đồng Lực Cận Tử này cũng đích thị là Tâm Đồng Lực Phản Kháng, và lại cũng chính là Tâm Đồng Lực Đại Duy Tác vậy. Dựa vào những lý do như đã vừa đề cập ở tại đây, mà những thể loại Cảnh khác khác gọi là Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, Cảnh Thú Tướng mới không có thể đi đến hiện bày ở trong Tâm Đồng Lực Cận Tử của tất cả các bậc Vô Sinh được. Đối với Tâm viên tịch Níp Bàn tức là cái Tâm Tử đây, chỉ có duy nhất một thể loại Cảnh với Tâm Tái Tục, và Tâm Hữu Phần đã được tiếp thâu từ ở nơi Tâm Đồng Lực Cận Tử ở trong kiếp sống trước khi sẽ cận tử lâm chung; theo như phần đã có đề cập đến để ở trong *Tái Tục Tứ Phần (Paṭisandhicatukka)* nói rằng:

*Paṭisandhi bhavaṅgaṅca Tathā vacanamānaṃ
Ekameva tattheveka Visayañcekajāṭiyaṃ*

“Trong một kiếp sống ấy, khi kết hợp cả ba thể loại này lại với nhau, đó là Tâm Tái Tục, Tâm Hữu Phần và Tâm Tử thì chỉ là một thể loại Tâm duy nhất. Và Cảnh của Tâm Tái Tục, Tâm Hữu Phần và Tâm Tử thì cũng chỉ có một thể loại duy nhất.”
[Xin xem lại Quyển I – Chương V – Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp, trang 268]

Quan Điểm Của Một Vài Ngài Giáo Thọ Liên Quan Với
Cảnh Tâm Tử Viên Tịch Níp Bàn
Của Bậc Chánh Đẳng Giác Với Cả Việc Thâm Đoán

Một vài Ngài Giáo Thọ đã nói rằng *Tâm Tử Viên Tịch Níp Bàn (Parinibbānacuticitta)* của bậc Chánh Đẳng Giác thì có Níp Bàn làm Cảnh, cùng với việc nêu lên chứng cứ đã trích dẫn ở trong bài Kinh Đại Viên Tịch Níp Bàn (*Mahāparinibbānasūtra*, # 16) thuộc Trường Bộ Kinh (*Dīghanikāya*) có đoạn Pāli nói rằng: “*Anejo santimārabha yaṃ kālamakarī muni*”.

Theo đoạn Pāli này, thì từ ngữ “*Santimārabha*” Ngài Giáo Thọ giải đáp rằng: “*Anupādisesaṃ nibbānaṃ ārabha paṭicca sandhāya*” dịch nghĩa là “*Nương vào việc đề khởi hướng đến Vô Du Y Níp Bàn*”, là Níp Bàn chẳng còn dư sót Ngũ Uẩn. Còn Ngài Nhất Ban Giáo Thọ thì chẳng xem xét đến lời đề cập của Ngài Chú Giải Sư đã giải đáp đề ở trong phần Chú Giải của bài Kinh Đại Viên Tịch Níp Bàn, do vậy mới hiểu ý nghĩa ở trong từ ngữ này là “*Santim ārammaṇaṃ katvā*”- “*Thực hiện Níp Bàn cho làm thành Cảnh*”, như thế một khi sẽ dịch nghĩa thì cần phải dịch là: “*Bậc*

Đại Đạo Sư, bậc đoạn tận Ái Dục, đã lập ý nương vào việc đề khởi hướng đến Vô Dư Y Níp Bàn, rồi mới lập ý đến thời gian của viên tịch Níp Bàn.” Đó là việc trình bày cho được hiểu biết rằng: “Trước khi sẽ viên tịch Níp Bàn, thì đã có lập ý thiên hướng đến Níp Bàn đoạn diệt Ngũ Uẩn Phiền Não, xong rồi mới diệt Uẩn Níp Bàn,” và chẳng có trình bày với bất luận trường hợp nào rằng là Tâm Tử Níp Bàn của bậc Chánh Đẳng Giác thì có Níp Bàn làm thành Cảnh. Còn ở trong bộ Chú Giải Trường Lão Tăng Kệ (*Theragāthā Atthakathā*), cho dù quả thật đã có giải đáp ở trong từ ngữ “*Santimārabha*” rằng là “*Santiṃ anupādisesaṃ nibbānaṃ ārammaṇaṃ katvā*”- “Thực hiện Vô Dư Y Níp Bàn cho làm thành Cảnh”, tuy nhiên cũng có thể lập ý là chỉ lấy riêng biệt về thời gian trước khi sắp sửa viên tịch Níp Bàn thì sẽ nhập vào Thiên Định, và lập ý thiên hướng ở trong Cảnh Níp Bàn (*Nibbānārammaṇa*). Khi đã nhập vào Thiên Định, thì cũng lập ý có các đề mục Hoàn Tịnh Chế Định (*Kasiṇapaññatti*) và Pháp Đáo Đại (*Mahaggatadhamma*), v.v. làm thành Cảnh. Khi xuất khỏi Thiên Định, thì cũng chính các Chi Thiên đấy, làm thành Cảnh ấy vậy.

Lại nữa, Ngài Nhất Ban Giáo Thọ đã giải nghĩa đoạn văn Pāli một cách sai trật như vậy đó, là cũng vì Ngài chẳng có ghi nhớ đến Nhị Đề Cảnh Hy Thiếu (*Parittārammaṇatika*) đã trình bày rằng: “*Katame dhammā parittārammaṇā ? Sabbo kāmāvacaravipāko kriyāmanodhātu kriyāhetukamanoviññādhātu somanasasahagatā ime dhammā parittārammaṇāti*” [Bộ Chú Giải của Bộ Kinh Pháp Tu (*Dhammasaṅgaṇī Atthakathā*)] – “Nhóm Pháp nào có Pháp Dục Giới làm thành Cảnh ? 25 Tâm Quả Dị Thục Dục Giới, đó là: 15 Tâm Quả Dị Thục Vô Nhân, 8 Tâm Đại Quả, 1 Tâm Khai Ngũ Môn, 1 Tâm Tiểu Sinh; với những thể loại Pháp này có Pháp Dục Giới làm thành Cảnh.” Pháp Dục Giới làm thành Cảnh của 25 Tâm này, tức là: 54 Tâm Dục Giới, 52 Tâm Sở, 28 Sắc Pháp, đã được sắp bày làm thành cả Lục Cảnh. Còn Níp Bàn, đấy là Pháp Siêu Thế. Trong tất cả những 25 cái Tâm này, thì Tâm Tử Níp Bàn của bậc Chánh Đẳng Giác cũng được kết hợp vào với nhau, và chính Tâm Tử Níp Bàn của bậc Chánh Đẳng Giác đấy, đích thị là một cái Tâm Đại Quả. Lễ thường sự hiện hành của tất cả các Pháp Thực Tính đây, thì cũng thường hiện hành hoàn toàn theo thực tính của Vô Ngã (*Anatta*). Chẳng phải là, một khi sinh khởi với Nhân Loại, với Chư Thiên bậc thấp, hoặc với hàng Phạm Phu, thì có Pháp Dục Giới làm thành Cảnh. Và cũng chẳng phải là giả như sinh khởi với Nhân Loại, với Chư Thiên bậc cao, hoặc với bậc Thánh Nhân, rồi thì có Đáo Đại (*Mahaggata*), Siêu Thế (*Lokuttara*), Chế Định (*Paññatti*) làm thành Cảnh. Chỉ có thể có một thể loại duy nhất Pháp Dục Giới làm thành Cảnh ngần ấy mà thôi, và cũng chẳng phải sinh khởi với bất luận hạng người nào. Và ngay trong sát na làm nhiệm vụ Tái Tục, Hữu Phần, Tử, Na Cảnh, v.v. thì cũng vẫn có Pháp Dục Giới làm thành Cảnh tương tự như nhau. Chính dựa vào lý do như đã vừa đề cập đây, mới thấy được rằng là Tâm Tử Viên Tịch

Níp Bàn của bậc Chánh Đẳng Giác mà sẽ có Níp Bàn làm thành Cảnh, thì quả thật chẳng thể nào có được việc hiện hành như vậy.

“*Abhimukhībhūtaṃ bhavantare paṭisandhikhanakaṃ kammaṃ vā paccupaṭṭhāti*”- Thiện Nghiệp Lực hoặc Bất Thiện Nghiệp Lực đã làm cho khởi sinh tái tục ở trong kiếp sống tới, hiện hành nổi trội lên như là việc tự biểu hiện rõ ràng trực tiếp, và đã đi đến hiện khởi tựa như tiền diện ở trong Lộ Ý Môn. Theo lẽ thường, tất cả Chúng Hữu Tình đều đã từng tạo tác hằng hà sa số Tội – Phước với Thân, Lời và Ý, ở đủ mọi thể loại với từng mỗi hạng người. Vì thế, trong Uẩn Giới của tất cả Chúng Hữu Tình này mới có Thiện - Bất Thiện Nghiệp Lực, mà gọi là “*Bhavantare paṭisandhijānakaṃ kammaṃ*” thường luôn ngủ ngầm chẳng bao giờ dứt lìa. Trong tất cả những thể loại Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực này, thì Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực mà có nhiệm vụ sắp bày cho việc thọ sinh ở trong kiếp thứ hai, hiện hữu được ở hai thể loại, đó là:

- 1/. *Hậu Báo Nghiệp Lực (Upapajjavedanīyakamma)* trong kiếp sống này, và
- 2/. *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực (Aparāpariyavedanīyakamma)* trong các kiếp sống trước trước đó.

Lại thêm một trường hợp nữa, là ở trong hai thể loại này, hoặc là *Hậu Báo Nghiệp Lực*, hay là *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực* đi nữa, mà rằng theo *Lộ Trình (Vithī)*, rằng theo *Cảnh (Ārammaṇa)*, rằng theo *Môn (Dvāra)*, rằng theo *Sự Vụ (Kamma)*, rằng theo *Thời Gian (Velā)*, rằng theo *Oai Nghi (Iriyāpatha)*, thì thường hiện hữu ở trong Uẩn Giới của từng mỗi người một cách hằng hà sa số không thể đếm siết được. Đề cập đến *rằng khi tính theo Lộ Trình*, có nghĩa là ở trong từng mỗi Lộ Trình Ý Môn thì có 1 Thiện – Bất Thiện Hậu Báo Nghiệp Lực, và 5 Thiện – Bất Thiện Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực. *Rằng khi tính theo Cảnh*, thì cả hai thể loại Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực này sinh khởi bởi do nương vào Cảnh Sắc cũng có, nương vào Cảnh Thinh, v.v. cho đến Cảnh Pháp cũng có. *Rằng khi tính theo Môn*, tức là làm cho thành tựu hành động tạo tác cả hai thể loại Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực này sinh khởi theo Lộ Thân Môn cũng có, Lộ Ngữ Môn cũng có, và Lộ Ý Môn cũng có. *Rằng khi tính theo Sự Vụ*, thì cả hai thể loại Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực này tác hành *xả thí, trì giới, tiến tu* cũng có; *tạo tác sát mạng, thâu đạo*, v.v. cũng có. *Rằng khi tính theo Thời Gian*, thì cả hai thể loại Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực này sinh khởi vào buổi sáng cũng có, giữa ban ngày cũng có, lúc nửa đêm cũng có. *Rằng khi tính theo Oai Nghi*, thì cả hai thể loại Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực này sinh khởi ở trong lúc đang ngồi, nằm, đứng, đi cũng có. Như thế, mới nói được rằng hiện hữu ở trong Uẩn Giới của từng mỗi con người là vô số kể. Trong tất cả những thể loại Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực sinh khởi với muôn vàn trường hợp như đã được đề cập đến đây,

với bất luận Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực nào có được cơ hội dắt dẫn cho đi tục sinh ở trong kiếp sống thứ hai, thì Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực ấy nương theo Lộ Ý Môn sẽ tự hiện hành cho nổi trội lên trực diện đối với người sắp cận tử; và chính Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực ấy được gọi là *Tiền Diện (Abhimukhībhūtaṃ)*.

Điều này được ví như một người và hàng vạn người đã mua vé xổ số được bán ra trong cùng một lô xổ với nhau. Trong những người đã nắm giữ trong tay tờ vé số đều mong cầu sẽ được đoạt giải nhất, v.v. cho đến hết cả với con số cuối cùng. Khi đến thời gian sẽ dẫn đến hiện bày trò chơi quay số để biết những vé được trúng giải, thì chẳng phải sẽ dẫn đến hiện bày với khắp cả từng mỗi vé số, mà chỉ có thể dẫn đến hiện bày đặc biệt với vé số có con số trúng với con số đã được bắt thăm người ta đã đọc ra ngân ấy mà thôi. Điều này như thế nào, thì việc *Hậu Báo Nghiệp Lực*, hoặc *Hậu Hậu Báo Nghiệp Lực*, với bất luận Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực nào nương theo Lộ Ý Môn, hiện hành cho nổi trội lên đối với người sắp cận tử; và chính Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực ấy được gọi là *Tiền Diện (Abhimukhībhūtaṃ)* như thế ấy.

“*Taṃ kamma karaṇakāle* v.v. *kammanimittaṃ*”- Đoạn văn Pāli này đã trình bày cho được biết đến bản thể Nghiệp Tướng. Nghiệp Tướng có nghĩa là Cảnh làm thành tác nhân của hành động tạo tác. Có câu Chú Giải nói rằng: **“*Kammaṣa nimittaṃ = Kammanimittaṃ*”-** *“Cảnh làm thành tác nhân của hành động tạo tác, gọi là Nghiệp Tướng.”* Nghiệp Tướng đây, hiện hữu với nhau ở 6 thể loại, đó là: sắc, thính, khí, vị, lạnh, nóng, mềm, cứng, lỏng, căng, danh - sắc thực tính, và chế định. Như Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* trình bày rằng **“*Rūpādikaṃ*”** có Cảnh Sắc, v.v. Lục Cảnh như đã có đề cập tại đây, là chẳng phải sẽ lấy hết tất cả, mà chỉ có thể lấy đặc biệt ở phần 6 Cảnh có liên quan với tác hành của từng mỗi con người mình mà thôi. Vì lý do đó, Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* mới trình bày nói rằng: **“*Taṃ kamma karaṇakāle*”-** *“Trong thời gian mà mình tác hành với Thân, Lời và Ý”*, và lại đã trình bày tiếp thêm phần Pāli nữa rằng: **“*Upaladdhapubbam*”** và **“*Upakaraṇabhūtaṃ*”** có nghĩa là những 6 Cảnh làm thành Nghiệp Tướng, hiện hữu với nhau ở hai thể loại, ấy là:

- 1/. *Tiếp Thu (Upaladdhapubbam),*
- 2/. *Phụ Trợ (Upakaraṇabhūtaṃ),*

có nghĩa là những 6 Cảnh làm thành Nghiệp Tướng hiện hữu với nhau ở hai thể loại, đó là:

- 1/. *Tiếp Thu Nghiệp Tướng (Upaladdhakammanimitta)* và
- 2/. *Phụ Trợ Nghiệp Tướng (Upakaraṇa kammanimitta).*

Tiếp Thu Nghiệp Tướng tức là 6 Cảnh mà mình đã được xúc mục làm thành chủ vị ở trong sát na tạo tác.

Phụ Trợ Nghiệp Tướng tức là 6 Cảnh mà mình đã được xúc mục, nhưng bắt thành chủ vị, mà chỉ làm thành vật phụ trợ câu hành ở trong sát na tạo tác.

Như thế, một khi phân tích 6 Cảnh mà mình đã được xúc mục ở trong sát na tạo tác bởi theo việc làm thành chủ vị, thì gọi là *Tiếp Thu Nghiệp Tướng*; và bởi theo việc bắt thành chủ vị, thì gọi là *Phụ Trợ Nghiệp Tướng*; có được như sau:

I. Bên phía Thiện:

- *Xả Thí (Dāna)*: Cúng dường Đức Phật và Chư Tăng, bỏ vật thực vào bình bát, làm Lễ Thí Tăng Y *Kathina*, kiến tạo tu viện chùa chiền, thực phẩm thượng vị, Tỳ Khuru - Sa Di; đã làm thành *Tiếp Thu Nghiệp Tướng*. Ảnh tượng Đức Phật, bông hoa, hương đăng, mền chiếu, bệ đài, bàn ghế, cùng với cả người giúp đỡ, lu hũ, mâm khay; đã làm thành *Phụ Trợ Nghiệp Tướng*.

+ Vật thí cúng dường, và Tỳ Khuru – Sa Di là *Thụ Thí Xả Nhân (Patiggahaka)*; đã làm thành *Tiếp Thu Nghiệp Tướng*. Việc trang hoàng tô điểm, nhạc cụ, khách khứa, người làm việc; đã làm thành *Phụ Trợ Nghiệp Tướng*.

+ Tu viện, chùa chiền, tự viện; đã làm thành *Tiếp Thu Nghiệp Tướng*. Vật liệu xây dựng, thợ mộc, thợ nề, cho đến tất cả những người có liên hệ ở trong việc phụ giúp các công việc này; đã làm thành *Phụ Trợ Nghiệp Tướng*.

- *Trì Giới (Sīla)*: Tỳ Khuru – Sa Di là vị truyền giới, việc phát ra lời truyền giới, việc thốt lên lời thọ trì giới của mình; đã làm thành *Tiếp Thu Nghiệp Tướng*. Vật lễ tôn kính cúng dường, cho đến cả con người và địa điểm trú xứ; đã làm thành *Phụ Trợ Nghiệp Tướng*.

+ Nếu giả như xuất gia thọ Giới Tử, *Bát Vật Dụng của vị Tỳ Khuru (Aṭṭhaparivāra = 1. Patto: bình bát, 2. Ticivaram: tam y (tính 3), 5. Kāyabandhanam: đai thắt lưng, 6. Vāsi: dao cạo, 7. Sūci: kim may, 8. Parissāvanam: vải lọc nước)*, Tỳ Khuru Tăng, Chánh Điện, việc tụng đọc kinh, việc tụng tuyên ngôn (*Kammavācā: đọc tuyên ngôn trong khi Tăng Sự*); đã làm thành *Tiếp Thu Nghiệp Tướng*. Các vật dụng ngoài ra *bát vật dụng của vị Tỳ Khuru*, và các lễ vật cúng dường, cho đến cả con người đi đến trong công việc lễ hội, việc đón rước, đi nhiễu Phật hoặc bảo tháp, đội kèn; đã làm thành *Phụ Trợ Nghiệp Tướng*.

- *Tiến Tu (Bhāvanā)*: Nếu như tiến tu *Thiền An Chi (Samatha)* thì các Chi Nghiệp Xứ như có *đề mục Hoàn Tĩnh (Kasiṇa)*, v.v. cho đến cả oai nghi ngồi (*Tọa Thiền*) và các việc *Chuẩn Bị Tướng (Parikammanimitta)*, *Cận Hành Tướng*

(*Uggahanimitta*), *Quang Tướng (Paṭibhāganimitta)*, *Nhập Thiền Định (Appanā jhāna)*, các vị Thiền Sư đây; đã làm thành *Tiếp Thu Nghiệp Tướng*. Con người, trú xứ và các vấn đề khác, mà có liên quan với việc tiến tu *Thiền An Chí*; đã làm thành *Phụ Trợ Nghiệp Lục*.

+ Nếu như tiến tu *Thiền Minh Sát (Vipassanā)* thì Danh – Sắc, các Tiêu – Đại Oai Nghi, Chánh Niệm – Tỉnh Giác, các vị Thiền Sư; đã làm thành *Tiếp Thu Nghiệp Tướng*. Các địa điểm trú xứ, và các vật dụng khác khác, cho đến cả con người, mà có liên quan ở trong việc tiến tu *Thiền Minh Sát*; đã làm thành *Phụ Trợ Nghiệp Tướng*.

+ Việc nghiên cứu học hỏi Giáo Pháp, kinh điển, bậc Giáo Thọ, việc đọc đi đọc lại, cho đến luôn cả các lời giảng giải; đã làm thành *Tiếp Thu Nghiệp Tướng*. Trú xứ, giảng đường, các đồ dùng vật dụng khác khác, mà có liên quan với việc học hỏi; đã làm thành *Phụ Trợ Nghiệp Tướng*.

II. Bên phía Bất Thiện:

- *Sát Mạng (Pānātipāta)*: Loài Hữu Tình bị sát hại, bị đánh đập, cử chỉ hành động của mình; làm thành *Tiếp Thu Nghiệp Tướng*. Địa điểm trú xứ, các đồ dùng vật dụng khác khác, mà có liên quan với việc sát hại, thịt, da, xương, v.v.; làm thành *Phụ Trợ Nghiệp Tướng*.

- *Thâu Đạo (Adinnādāna)*: Những tài sản của cải, cử chỉ hành động của mình; làm thành *Tiếp Thu Nghiệp Tướng*. Trú xứ địa điểm, dụng cụ đồ nghề; làm thành *Phụ Trợ Nghiệp Tướng*.

- *Tính Dục Tà Hành (Kāmesumicchācāra)*: Tự bản thân và với người mà ta chung chạ; làm thành *Tiếp Thu Nghiệp Tướng*. Địa điểm trú xứ, việc thốt ra lời, v.v.; làm thành *Phụ Trợ Nghiệp Tướng*.

- *Vọng Ngữ (Musāvāda)*: Lời nói không chân thật, và các sự vật cũng không xác thực; đã làm thành *Tiếp Thu Nghiệp Tướng*. Người lắng nghe; đã làm thành *Phụ Trợ Nghiệp Tướng*.

- *Ám Tửu Trâm Túy (Surāmeraya)*: Tự ẩm tửu cùng với việc say xỉn; đã làm thành *Tiếp Thu Nghiệp Tướng*. Chai rượu bia với các món ăn nhấm nháp, bầu bạn và bà con thân thích, địa điểm trú xứ, cho đến luôn cả các vật dụng khác khác nữa; đã làm thành *Phụ Trợ Nghiệp Tướng*.

Tóm lại, trong cả hai thể loại điếm tướng, *Tiếp Thu Nghiệp Tướng* và *Phụ Trợ Nghiệp Tướng* đây, thì tất cả các sự vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng hữu quan một cách trực tiếp với việc tác hành Thiện Sự hoặc Bất Thiện Sự; thì làm thành *Tiếp Thu*

Nghiệp Tướng. Còn những sự vật khác khác, là các vật dụng phối hợp, hỗ trợ, và giúp đỡ đối với việc tác hành Thiện Sự hoặc Bất Thiện Sự, thì những thể loại này làm thành *Phụ Trợ Nghiệp Tướng*.

“Anantaramuppajjamānabhavē upalabhitabbamupabhogabhūtañca gatinimittam”- Đoạn văn Pāli này đã trình bày cho được biết đến bản thể Thú Tướng. Thú Tướng có nghĩa là Cảnh của kiếp sống sẽ đi đến. Đề cập đến là Cảnh sẽ được tiếp xúc, sẽ được thụ lãnh ở trong kiếp sống thứ hai. Có câu Chú Giải nói rằng: **“Gatiyā nimittam = Gatinimittam”**- *“Cảnh của kiếp sống nương trú vào, gọi là Thú Tướng.”* Thú Tướng đây, cũng có được những 6 Cảnh. Và lại, cả sáu thể loại Cảnh này cũng chẳng phải là các Cảnh hữu quan với kiếp sống hiện tại, mà đó chỉ là những 6 Cảnh mà sẽ được gặp, sẽ được xúc mục, và sẽ được thụ lãnh ở trong kiếp sống (thứ hai) tới đây. Với lý do này, Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* mới trình bày nói rằng: **“Anantaramuppajjamānabhavē”** - *“Trong kiếp sống sẽ sinh khởi lên tiếp nối liền với kiếp sống hiện tại một cách không gián đoạn”*, và câu văn Pāli đề cập đến **“Upalabhitabbamupabhogabhūtañca”** đây, đã trình bày cho được biết là Thú Tướng hiện hữu ở hai thể loại:

- 1/. *Thu Dung Thú Tướng (Upalabhitabbagatinimitta)* và
- 2/. *Thụ Dụng Thú Tướng (Upabhogabhūtagatinimitta)*.

Từ ngữ Pāli **“Bhūta”** ở trong điều này, thì chẳng có chi đặc biệt cho việc giải thích. Từ ngữ Pāli này chỉ là *Liên Từ (Sandhipāda)*. Như thế, khi cắt từ ngữ ra thì có được hai từ ngữ, ấy là: 1/. *Upalabhitabbam*, và 2/. *Upabhogabhūtam*.

Thu Dung Thú Tướng có nghĩa là những 6 Cảnh của kiếp sống mà sẽ phải xúc mục. *Thụ Dụng Thú Tướng* có nghĩa là những 6 Cảnh của kiếp sống mà sẽ phải được thụ hưởng. Như thế, khi kết hợp lời đề cập của Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* thì có đoạn văn Pāli như sau: **“Anantaram uppajjamānabhavē upalabhitabbam upabhogabhūtañca gatinimittam”** thì cũng có được ý nghĩa là: *“Những 6 Cảnh của đời sống mà sẽ phải được tiếp xúc, sẽ được nhìn thấy, và sẽ phải được thụ lãnh ở trong kiếp sống tới, một cách không có khoảng cách gián đoạn.”* Câu Pāli này cũng có việc liên hệ với nhau như vậy: *Anantaram* vào gặp *Uppajjamānabhavē* vào gặp *Upalabhitabbam*; và *Upabhogabhūtam* vào gặp *Gatinimittam*. Đối với *Gatinimittam* đây, vào gặp *Paccupaṭṭhāti* lại là một *Động Từ (Akhyātakiriyāpada)*.

Như thế, một khi sẽ phân tích những thể loại Thú Tướng này thể theo *Thu Dung Thú Tướng* và *Thụ Dụng Thú Tướng* thì sẽ có được như vậy:

+ *Người sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới:* thì không có cả hai thể loại Thú Tướng này, mà chỉ có duy nhất là *Chế Định Nghiệp Tướng* và *Đáo Đại Nghiệp Tướng*.

Nếu giả như sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới, thì sẽ được trông thấy chiếc long xa, tòa Thiên Cung, Thiên Nam Tử, Thiên Nữ Tử, vật trang sức, hoa viên, ao hồ; và như thế, với những thể loại này đã làm thành *Thu Dung Thú Tướng*. Nếu như cảm thấy bản thân mình đang được ngồi ở trong chiếc long xa, hoặc đang được dạo chơi trong các địa điểm trú xứ cùng với sự vui mừng hơn hờ ở trong lòng, hoặc đang được thọ Tiên Thực cùng chung với Thiên Nam Tử và Thiên Nữ Tử, hoặc đang mang những vật Thiên trang sức; và như thế, với những thể loại này đã làm thành *Thu Dung Thú Tướng*.

Nếu giả như sẽ đi thọ sinh thành Nhân Loại, thì sẽ được trông thấy thai phụ, căn phòng, nhà cửa, vật dụng, đất nước, làng xã, con người; và như thế, với những thể loại đã làm thành *Thu Dung Thú Tướng*. Nếu như cảm thấy mình đang thọ thực ở trong chỗ này và chỗ nọ, hoặc đang ở trong trú xứ này và địa điểm nọ, hoặc đang nói chuyện hỏi han với bất luận một người nào, hoặc đang cùng phối hợp làm bất luận một công việc gì, hoặc y như là mình đang đi đầu thai vào ở trong thai bào vậy; và như thế, với những thể loại này đã làm thành *Thu Dung Thú Tướng*.

Nếu giả như sẽ đi thọ sinh thành loài Bàng Sanh, thì sẽ được nhìn thấy các loài Hữu Tình, có chó, chim, cá, bò, trâu, v.v. Địa điểm trú xứ mà các loài Hữu Tình Bàng Sanh nương trú, có cây cối, rừng rậm, v.v. đã làm thành *Thu Dung Thú Tướng*. Nếu như cảm thấy mình sẽ thành bất luận một nhóm Hữu Tình Bàng Sanh nào đó, hoặc đang chơi giỡn với những loài Hữu Tình Bàng Sanh đấy; đã làm thành *Thu Dung Thú Tướng*.

Nếu giả như sẽ đi thọ sinh thành Ngạ Quỷ và Atula, thì sẽ được nhìn thấy rừng rậm, vực thẳm, biển cả, sông nước, núi đồi tĩnh mịch lạnh lẽo và thật đáng rùng rợn khủng khiếp, nhóm Ngạ Quỷ, bọn Atula; và như thế, với những thể loại này đã làm thành *Thu Dung Thú Tướng*. Nếu như cảm thấy mình đang bước đi hoặc đang ở trong các địa điểm trú xứ như đã vừa đề cập đây, hoặc xác thân của mình đang hiện bày thật đáng ghê sợ kinh hãi, hoặc đang bị đói khát không có thực phẩm để sẽ được thọ thực, hoặc đang tìm kiếm nước và thực phẩm với trạng thái đói khát một cách cùng cực; và như thế, với những thể loại này đã làm thành *Thu Dung Thú Tướng*.

Nếu giả như sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Địa Ngục, thì sẽ được nhìn thấy dụng cụ hành hạ chém giết, chó, quạ, kên kên đáng kinh sợ, Ngài Diêm Vương, vị Chúa Ngục, cho đến luôn cả loài Hữu Tình Địa Ngục, cùng với các địa điểm trú xứ; và như thế, với

những thể loại này đã làm thành *Thu Dung Thú Tướng*. Nếu như cảm thấy mình đang bị lôi kéo rên khóc, hoặc đang bị đánh đập, hoặc đang bị chó cắn xé ra, hoặc đang bị xiềng xích với những vật gông cùm, hoặc lui tới những địa điểm có người đang bị giam cầm xiềng xích, và có được việc xúc mục với vô số cảnh trạng khiếp đảm kinh hồn này, hoặc y như là mình đang bị thẩm tra hạch biện, hoặc thân thể có sự đau đớn vô cùng còn hơn là mình đang thọ cực hình; và như thế, với những thể loại này đã làm thành *Thu Dụng Thú Tướng*.

Thu Dung Thú Tướng Và Thu Dụng Thú Tướng Đã Được Trình Bày Ở Trong Bộ Đại Phụ Chú Giải Siêu Lý Giải Minh (*Paramatthadīpanīmahāṭīka*)

Trong bộ Đại Phụ Chú Giải Siêu Lý Giải Minh đã có trình bày cả hai Thú Tướng đây làm thành hai phần, ấy là:

1/. Phần thứ nhất đề cập đến *Thu Dung Thú Tướng* đây ở phần *Khổ Thú Tướng (Dugatinimitta)*, và *Thu Dụng Thú Tướng* ở phần *Thiện Thú Tướng (Sugatinimitta)*. Trong cả hai trường hợp này, những Cảnh có quan hệ với Tứ Cõi Thống Khổ, là thuộc *Khổ Thú Tướng*; và các Cảnh có quan hệ với Cõi Nhân Loại, Cõi Thiên Giới, Cõi Phạm Thiên Giới, là thuộc *Thiện Thú Tướng*.

2/. Phần thứ hai đề cập đến các Cảnh có quan hệ với xác thân, là thuộc *Thu Dung Thú Tướng*; và các Cảnh bất quan hệ với xác thân, mà chỉ sẽ làm cho phải thụ lãnh hạnh phúc – khổ đau, là thuộc *Thu Dụng Thú Tướng*.

Cảnh có quan hệ với xác thân đây, mà lập ý chỉ lấy các phần khác, như có vật trang sức, việc ăn mặc, các vật dụng dụng cụ, hiện hành theo Lộ Thân Môn ở cả phía Thiện và Bất Thiện. Cảnh bất quan hệ với xác thân, mà chỉ sẽ làm cho phải thụ lãnh hạnh phúc – khổ đau đây, là lập ý lấy các sự vật chung quanh, như có thực phẩm cho việc ăn uống, vật phụ thuộc, bông hoa, hương phẩm, nhạc cụ, bến cảng bờ sông, thánh địa linh thiêng, việc tụng kinh Lễ Phật, học hỏi, nghiên cứu, Thính Pháp, và kẻ thù, dụng cụ tra tấn sát hại, vị Chúa Ngục, chó, quạ, nhóm Hữu Tình Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Atula, Bàn Sanh, âm thanh la hét, lời đe dọa, kinh cãi to tiếng, đánh đấm đâm chém lẫn nhau, khóc than rên rỉ, mùi xú khí, ngọn lửa, thực phẩm thối rữa, lửa bốc cháy, bị đánh đập, chìm dưới nước, ngã từ trên cao xuống.

Bệnh Nhân Ôm Nặng Có Trạng Thái Y Như Ngát Xiu Trong Khi Có Thú Tướng Hiện Bày

Một vài bệnh nhân ốm nặng có trạng thái y như thể ngát xiu đi suốt trọn một

sát na, bởi do có một vài thể loại Thú Tướng đã đi đến hiện bày. Trong thời điểm ấy, cảm giác tựa như ở trong một giấc mơ và cảm thấy mình đang đi lui tới ở trong những địa phận nương trú của nhóm Hữu Tình Thống Khổ, có Địa Ngục, Ngạ Quỷ, v.v. hoặc những địa phận nương trú của Nhân Loại, Chư Thiên, với đủ mọi trường hợp. Tức là được mục kích Hữu Tình Địa Ngục đang bị tra tấn, hành hạ khổ sở, cùng với địa điểm có Ngai Diêm Vương, và vị Chúa Ngục đang thi dĩ khốc hình. Được mục kích một nơi tĩnh mịch thật đáng rung rợn, và được thấy phía sau một tòa nhà thật to có bếp chảo lửa đun nước đang sôi, và chính ngay ở trong lúc ấy, có một người to lớn với sự tức giận đối với bọn con trẻ, và đã ném quăng bất cứ đứa trẻ con nào vào ở trong nơi đó. Được mục kích một đám người lớn đứng chen chúc với nhau ở trong cái hố hết sức to lớn để được nhìn thấy. Hoặc chẳng là như thế, thì cũng được thấy rõ một khu rừng già, một dãy núi to; được thấy vực thẳm, cây to có tán nhánh bao phủ đầy đặc tỏa xòe ra một vùng rộng lớn bao la; được thấy đủ mọi chủng loại Hữu Tình thật là kinh khiếp ghê sợ đến sồn tóc gáy. Đề cập đến là một vài bọn có thân hình cao lớn, một vài nhóm có thân hình to béo, một vài bọn có thân hình đen đũi và đầu to; một vài nhóm chỉ có thịt mà không có xương, hoặc chỉ có xương mà không có thịt, thể rồi tự bản thân đã được leo trèo dọc theo sườn núi, và đã mai phục để lên nhìn các loài Hữu Tình hung dữ khác đang hiện hành ở trong quả núi ấy với sự yếu đuối mệt lả, và đang có việc khát nước mới dự tính bò xuống đặng đi tìm nước để uống. Hoặc chẳng là như thế, thì cũng được nhìn thấy đất nước, thôn ấp, làng xã; hoặc thấy mình đã đi tìm kiếm anh em họ hàng quyến thuộc, bầu bạn đang ở vùng ngoại ô, ở nơi chốn cũ; có việc cấp dưỡng, và nói chuyện ân cần hỏi han lẫn nhau. Hoặc đã được trông thấy chiếc long xa, tòa thiên cung với Thiên Nữ, và bản thân mình cũng đã được du ngoạn ở trong các địa điểm ấy. Hoặc đã được trông thấy hoa viên, ao hồ, nhà thủy tạ, thánh địa linh thiêng. Hoặc đã được trông thấy những tòa thiên cung, với một vài thiên cung có Thiên Nam Tử, Thiên Nữ Tử đang nương trú, cũng có một vài thiên cung vẫn còn trống không, mới liền vấn hỏi và đã được biết câu chuyện, ấy là tòa thiên cung của một vị vẫn đang còn ở trong Cõi Nhân Loại mà đã phát sinh lên sẵn sàng, đặng chờ đợi đến khi thọ mạng diệt và lìa khỏi Cõi Nhân Loại, thể rồi sẽ được đi đến thọ hưởng Thiên Sản ở ngay trong tòa thiên cung này.

Sự hiện hành từ ở nơi Thú Tướng đi đến hiện bày tựa như một giấc chiêm bao, với cả là người ốm nặng đầy cũng có trạng thái ví tựa như người bị ngất xỉu như đã vừa đề cập đến ở tại đây. Có một vài người thì cũng đã được nhìn thấy tương tự như thể đang ở trong trú xứ của mình. Có một vài người thì cũng đã được nhìn thấy là có người đến rủ rê dắt dẫn đi. Có một vài người thì cũng đã được nhìn thấy chỉ với tự bản thân mình đang du ngoạn vậy.

Sự hiện hành sai biệt ở đây, là do bởi có một vài người đã trải qua một khoảng thời gian độ 2 – 3 phút cũng có; 1 – 2 giờ đồng hồ cũng có; 1 ngày, 2 ngày cũng có; như một nhóm người ở dân gian đã nói với nhau rằng “*người chết đã được hồi sinh trở lại.*” (Với trường hợp *hồi dương*, sống trở về lại dương thế, của trạng thái *vong dương*, như là vã mồ hôi, lạnh toát cơ thể và tay chân lạnh ngắt, hơi thở nhẹ, mạch đập vi tế, v.v.)

“**Kammabalena**”- Với mãnh lực của Nghiệp Căn mà bộ *Kinh Chú Giải Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp* đã nói rằng *Nghiệp Lực (Kammabalena)* đây, có ý nghĩa việc hiện bày là bởi do bất cứ một điềm tướng nào đó, và chẳng cần bận tâm để nghĩ đến là do bởi một tác nhân nào cho phải rồi trí vô ích; và đó chỉ là, chính sự hiện hành với mãnh lực của Nghiệp Căn mà đã có được cơ hội trở sinh quả báo tái tục ở trong kiếp sống thứ hai; và lại Nghiệp Căn đã có được cơ hội trở sinh quả báo tái tục ở trong kiếp sống thứ hai đây, là *Tập Quán Nghiệp Lực (Ācinnakamma)* cũng có, hoặc *Cận Tử Nghiệp Lực (Āsannakamma)* cũng có, hoặc *Tích Lũy Nghiệp Lực (Katattākamma)* cũng có; hoặc tự truy niệm nghĩ tưởng đến cũng có. Nếu chẳng là như thế, thì có người đi đến nhắc bảo cho truy niệm nghĩ tưởng đến cũng có. Như thế, các Nghiệp Căn mà mình đã từng tạo tác tích niên lũy nguyệt rất lâu dài, mới đi đến hiện bày cho được thấy như chính mình đang tạo tác vậy, hoặc đến nỗi đã thốt ra những lời mê sảng kể lể dong dài các câu chuyện này nọ cũng có, hoặc biểu lộ các cử chỉ điệu bộ hiện hành cũng có, để rồi đã làm thành Cảnh Nghiệp. Đôi khi cũng đã hiện bày thành những hình ảnh trạng lại như thể mình đã có tạo tác, đã làm thành Cảnh Nghiệp Tướng; tuy nhiên đôi khi cũng chẳng có việc nói mê sảng, và cũng chẳng có việc biểu lộ bất luận một cử chỉ điệu bộ nào, với luôn cả cũng chẳng việc hiện khởi thành hình ảnh trạng lại cho được nhìn thấy. Thế nhưng, cho dù bất luận một Cảnh Nghiệp nào ở trong cả ba thể loại này, thì cũng vẫn có mãnh lực đặng làm cho dòng tâm thức của người sắp cận tử lâm chung đây có việc mê mờ mê hồ, buồn rầu ưu não, và bất an; hoặc lại hớn hở vui tươi, minh mẫn và lại sáng suốt tinh tường; và như thế đã được sắp vào ở trong Cảnh Nghiệp đồng câu hành từ ở nơi dòng tâm thức.

“**Channaṃ dvārānaṃ aññatarasmim**”- Trong bất luận một Môn nào ở trong những cả 6 Môn đây, có ý nghĩa việc hiện bày của cả ba điềm tướng này đây, là thường được hiện khởi ở bất luận một trong của các Môn, tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý đó vậy. Tức là điềm tướng làm thành Cảnh Nghiệp thì được sắp vào ở trong Lộ Ý Môn. Điềm tướng làm thành Nghiệp Tướng và Thú Tướng, với cả hai thể loại này đều hoàn toàn là hình ảnh của các điềm tướng đây; có nghĩa là nếu như Cảnh Sắc Hiện Tại thì sẽ hiện khởi ở Lộ Nhân Môn và Lộ Ý Môn; còn nếu như là Cảnh Sắc Quá Khứ thì chỉ sẽ hiện khởi ở Lộ Ý Môn. Các Cảnh Thịnh, v.v. cho đến cả Cảnh Xúc thì

cũng tương tự như nhau. Còn đối với *Cảnh Pháp Tướng* thì thường chỉ hiện khởi duy nhất ở Lộ Ý Môn. Lại nữa, thực tính của Thú Tướng đầy, thì cho dù quả thật sẽ được cả 6 Cảnh đi nữa, tuy nhiên phần nhiều thường chỉ là Cảnh Sắc và *Cảnh Pháp Chế Định (Paññattidhammārammaṇa)* mà có liên quan với các Cảnh Sắc ấy. Vì thế, trong những cả 6 Môn này, thì phần nhiều Thú Tướng thường hiện bày ở Lộ Nhãn Môn và Lộ Ý Môn.

Đoạn văn Pāli nói rằng *“Kammabalena channaṃ dvārānaṃ aññatarasmiṃ paccupaṭṭhāti”* đây, có nội dung quan hệ với nhau như vậy: *“Kammabalena”* (do sức mạnh của Nghiệp Lực) làm tác nhân (*Hetu - Nhân*) ở trong *“Paccupaṭṭhāti”* (hiện khởi), *“Paccupaṭṭhāti”* (hiện khởi) thì làm quả báo (*Phala - Quả*); *“Channaṃ”* làm (*Visasana: thuộc về Phân Biệt Tì*) ở trong *“Dvārānaṃ”* (thuộc các Môn), *“Dvārānaṃ”* thì làm (*Visasana: Phân Biệt Tì*); *“Channaṃ dvārānaṃ”* làm (*Niddhāraṇa: sự riêng biệt*) ở trong *“Aññatarasmiṃ”*, *“Aññatarasmiṃ”* thì làm (*Niddhāraṇiya: thuộc về sự riêng biệt*); *“Aññatarasmiṃ”* làm (*Ādhāra: căn cứ, việc chứa đựng*) ở trong *“Paccupaṭṭhāti”*, *“Paccupaṭṭhāti”* thì làm việc tác hành của (*Ādhāra: việc chứa đựng, căn cứ*).

Giải Thích Trong Phần Pāli Với Điều Thứ Ba:
Sự Hiện Hành Của Dòng Tâm Thức Khi Cận Tử Lâm Chung

“Tato paraṃ tameva tathopaṭṭhitam v.v. abhiṇhaṃ pavattati bāhullena.”

Đoạn văn Pāli này trình bày đến sự hiện hành của dòng tâm thức khi cận tử lâm chung, và tiếp theo đây là sẽ được giải thích theo riêng từng các phần như sau:

“Tato paraṃ tameva tathopaṭṭhitam ārammaṇaṃ ārabha cittasantānaṃ abhiṇhaṃ pavattati”- Nói tiếp từ ở nơi những thể loại Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng và Cảnh Thú Tướng một khi đã hiện bày xong rồi; thì dòng tâm thức, do nương vào các Cảnh đã có hiện bày đầy, thường khởi sinh tùy thuận theo từng mỗi hiện trạng. Câu chuyện này một khi được nêu lên ví dụ để dẫn chứng, thì cũng ví như một người đang ngồi xem truyền hình với tâm chú mục vào các hình ảnh đang có hiện bày ở ngay trước mắt, và chẳng còn nghĩ tưởng đến một câu chuyện nào khác nữa, cho dù sẽ có người đi đến để hỏi chuyện này nọ; hoặc cũng chẳng có bỏ tâm lãng phí chỉ để thực hiện vào việc nói chuyện ấy vậy. Về phần tâm thức, thì cũng chẳng có mải mê hí hửng theo, duy chỉ có việc chú tâm vào trong hình ảnh mà mình đang xem ngẩn ấy mà thôi. Điều này như thế nào, thì dòng tâm thức của người sắp cận tử lâm chung, cho dù xác thân sẽ phải bị hành hạ khổ sở với việc đau nhức; và cho dù thỉnh thoảng cũng có đôi người đi đến nói năng, hoặc hỏi thăm an ủi, hoặc vỗ về chiều chuộng với đủ mọi

trường hợp đi nữa; riêng về dòng tâm thức đây, thì vẫn cứ mãi khấn khít dính chặt với từng chấp một vào ở trong điềm tướng đã có hiện bày.

“Vipaccamānakakammānūrūpaṃ parisuddhaṃ upakkilittṭhaṃ vā cittasantānaṃ abhinhaṃ pavattati”- Tùy thuộc vào Nghiệp Căn mà sẽ trở sinh quả báo, với dòng tâm thức thanh tịnh hoặc ưu não, đã thường luôn sinh khởi. Nghiệp Căn sẽ trở sinh quả tái tục đây, giả như đã là Thiện rồi, thì dòng tâm thức cũng thường luôn thanh tịnh, và điềm tĩnh thanh thản. Nếu đã là Bất Thiện rồi, thì dòng tâm thức cũng thường hay mê mờ mê hồ, sâu khổ ưu não, và bồn chồn lo lắng. Sự hiện hành của dòng tâm thức như vậy thường luôn sinh khởi; do đó từ ngữ nói rằng *“thường luôn”* ở đây, có nghĩa là một khi dòng tâm thức của người sắp cận tử lâm chung đã được thanh tịnh đi rồi, thì cho dù xác thân sẽ phải thọ chứng bệnh nan y trăm kha, hoặc giả có người đi đến nói đủ mọi câu chuyện không tốt đi nữa, thì tâm thức của người ấy có thể bất an chỉ là trong tích tắc trọn một sát na ngàn ấy mà thôi; và ngoài ra khỏi đó, thì cũng quay trở lại thanh thản trong sáng như lúc ban đầu. Giả như dòng tâm thức đã có sâu khổ ưu não đi rồi; thì cho dù xác thân chẳng có thọ căn bệnh nan y trăm trọng, và cho dù có cả con cháu, anh em họ hàng quyền thuộc châu chực chăm sóc một cách tốt đẹp đi nữa, và cũng chẳng có nói bất luận một câu chuyện nào làm cho phải bực mình khó chịu, mà chỉ có ân cần ưu ái nói năng trong các câu chuyện tốt đẹp an lành; thế mà, với tất cả những sự việc như thế ấy cũng chỉ làm cho tâm thức được tươi tỉnh an tịnh, chỉ là trong tích tắc trọn một sát na ngàn ấy mà thôi; và ngoài ra khỏi đó, thì cũng quay trở lại ưu sầu bất toại nguyện như lúc ban đầu.

Lại nữa, cả hai đoạn văn Pāli có **“Tato paraṃ tameva tathopatthitaṃ ārammaṇaṃ”** v.v. và **“Vipaccamānakakammānūrūpaṃ”** v.v. đây, có nguyên nhân và kết quả tuần tự như vậy:

Một khi Nghiệp Căn đã là Thiện và sẽ trở sinh quả tái tục ở trong kiếp sống thứ hai, thì cả ba điềm đây cũng đều là hảo điềm tướng. Khi đã có hảo điềm tướng rồi, thì dòng tâm thức khấn khít ở trong điềm tướng ấy thanh tịnh trong sáng. Một khi Nghiệp Căn đã là Bất Thiện và sẽ trở sinh quả tái tục ở trong kiếp sống thứ hai, thì dòng tâm thức sẽ khấn khít ở trong điềm tướng đây cũng sâu khổ ưu não và bất thanh tịnh.

Dòng tâm thức thanh tịnh và sâu khổ ưu não liên quan từ ở nơi hảo điềm tướng và điềm tướng bất tường, thì đã có tích truyện kể về nam cư sĩ **Dhammika** và Đức Vua **Duṭṭhagāmiṇi** khi cận tử lâm chung đã có hảo điềm tướng đi đến hiện bày. Đề cập đến là, đã được trông thấy 6 cổ long xa từ cả 6 tầng Trời đi đến hiện bày ở ngay trước mắt trên giữa không trung; và đã được lắng nghe âm thanh hát vang mời thỉnh với

nhau cho ngự trên chiếc long xa của mình, luôn cả đã được ngửi mùi hương thơm của các vật dụng trần thiết ở trên mỗi chiếc long xa. Sự hiện hành như vậy, là cũng chính do bởi Thiện Nghiệp Căn đã dắt dẫn cho đi tái tục ở trong Cõi Thiên Giới. Vì thế, dòng tâm thức khẩn khát ở ở trong Hảo Thú Tướng mới có sự thanh tịnh trong sáng; và khi đã vừa thọ mạng diệt rồi, thì cận sự nam *Dhammika*, hoặc Đức Vua *Duṭṭhagāmini* đã được thọ sinh thành vị Thiên Tử ngự ở trên chiếc long xa đến từ ở nơi *Cõi Trời Đâu Suất Đà (Tusitā)*. Còn các chiếc long xa đến từ ở nơi các Cõi Trời khác, cũng đã từ từ biến mất đi.

*Nay vui, đời sau vui,
Làm thiện, hai đời vui.
Nó vui, nó an vui
Thấy nghiệp tịnh mình làm.
(P. C. 16)*

Những ai tích trữ Thiện Căn,
Kiếp này, kiếp nữa, lòng hằng an vui.
Vui thay Thiện Phước nối đuôi,
Kế liền hai kiếp an vui vạn phần.

*Đã gieo giống nào thì sẽ gặt quả tương xứng,
Hành Thiện sẽ thâu nhận quả an lành,
Hành Ác sẽ gặt quả dữ. Do vậy,
Hãy gieo Thiện Căn, ắt sẽ gặt hái Quả lành.*

Đức Đại Vương *Hộ Pháp A Dục (Siridhammāsoka)*, đáng bảo hộ *Pháp Bảo* đã thực hiện việc trùng thuyết Tam Tạng kinh điển lần thứ III, vào Phật Lịch 305, và Ngài đã là bậc *Bảo Hộ Pháp Bảo* vô cùng vĩ đại ở trong Phật Giáo; tính kể từ khởi phát ngọc thể bất an mãi cho đến tiền diện lúc sắp băng hà mạng vong, Ngài đã lập ý với tâm trí thanh thản hảo vận liên đới với việc khẩn khát ở trong hảo điềm tướng. Khi đến giai đoạn thật sự sắp sửa băng hà, thì trái lại đã phát sinh lên sự bất mãn ý, và đã hủy diệt đến tâm trí của một Đấng Quân Vương vĩ đại trị vì ở trong Cõi Nam Thiệm Bộ Châu; mà lúc bấy giờ chỉ có thể có chút thanh tịnh ngự trị chỉ bằng với một quả nang của cây bông vải mà thôi. Dòng tâm thức với sự sầu muộn của Tâm Sân đã làm thành Cảnh Nghiệp đi đến hiện bày ở trong tâm thức lúc sắp băng hà, và đã làm phát sinh thành một loài Nga Quý Trăn cho mãi đến khi Ngài Trưởng Lão Thái Tử *Mahinda*, là một bậc Vô Sinh đã phải thực hiện việc tế độ bằng cách tái tạo cho có sự truy niệm đến kiếp sống con người, và cho đến cả việc trùng thuyết Tam Tạng kinh điển mà trước kia khi vẫn còn ở Cõi Nhân Loại. Khi đã lập ý truy niệm lại được rồi,

tức thì được thoát khỏi việc thành loài Trăn Nga Quý, và đã được đi thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới. Cuối cùng thì cũng sẽ được thành tựu viên mãn Quả vị Vô Sinh, như đã có tích truyện trình bày rõ ràng ở trong bộ Kinh Đại Chúng Tộc (*Mahāvaiśa*).

Lại nữa, người sắp cận tử lâm chung một khi đã có tâm thức sâu khổ ưu não do bởi Thú Tướng bất tường đi đến hiện bày rồi, và nếu như có người ở sát bên hoặc người kề cận có được nhìn thấy tỏ tường với cả sự hiểu biết ở trong phương thức cứu giải, thì cũng có khả năng sẽ chuyển đổi điềm tướng bất tường ấy cho được xoay trở lại thành hảo điềm tướng. Chẳng hạn như vị Tỳ Khuru là thân phụ của Ngài Trưởng Lão Vô Sinh *Sona* sinh sống ở trong Chùa *Sonagiri* của Ngài. Đang khi vẫn còn khỏe mạnh thì thường chỉ ưa thích hành nghề ở trong lãnh vực của việc săn bắn, dù cho đã bị người con trai khuyên bảo và ngăn cấm biết là bao nhiêu, nhưng cũng vẫn không chịu từ bỏ; mãi cho đến khi đã già nua rồi, thì mới chịu đi xuất gia với vị Tỳ Khuru con trai của mình. Đến một lúc đã thọ bệnh trầm kha và tất sẽ phải mạng vong, thì Thú Tướng bất tường cũng đã đi đến hiện bày; tức là được trông thấy một con chó to lớn từ ở dưới chân núi nhảy vào cắn xé, mới liền cất tiếng khóc la ầm ĩ xin được cứu giúp từ ở nơi vị Tỳ Khuru con trai của mình. Về phía vị Tỳ Khuru hiểu tử cũng đã liễu tri được rằng đây là Thú Tướng có liên quan với Cõi Địa Ngục đã đi đến hiện bày đối với người Cha rồi, mới cho vị Sa Di đi hái bông hoa đến sắp bày để ở ngay trước ảnh tượng của Đức Thế Tôn, rồi mới khiêng người Cha vào đến nơi đó, bảo cho được biết rằng bông hoa này là để cúng dường đến Đức Thế Tôn, xin nguyện cho người Cha có được sự chú tâm vào việc cúng dường, rồi hướng tâm nghĩ đến Cửu Hồng Ân của Đức Phật. Người Cha cũng chịu làm theo chẳng chút cưỡng lại, và trong phút giây đó thì Thú Tướng liên quan đến Cõi Địa Ngục cũng liền diệt mất, và thay vào đó, Thú Tướng liên quan với Cõi Thiên Giới là nàng Thiên Nữ đã đi đến hiện bày. Vị Tỳ Khuru là thân phụ đã có sự hoan hỷ duyệt ý, và đã cất tiếng bảo với vị Tỳ Khuru hiểu tử rằng: “*Cô ấy đi vào, hãy tránh ra cho họ đi vào với!*” Khi tâm thức đã có sự hoan tươi tỉnh với niềm hoan hỷ phi lạc (*Pītisomanassa*) khởi sinh lên như vậy rồi, đến phút giây tử vong thì đã được thọ sinh về Cõi Thiên Giới.

Điều Nghi Vấn Và Lời Giải Thích Trong Tích Truyện Này

Trong sát na đã được trông thấy nàng Thiên Nữ đây, thì sự hoan hỷ hình thành ra Tham Ái đã được sinh khởi, như sẽ dẫn chứng cho được thấy từ ở nơi lời nói rằng: “*Cô ấy đi vào, hãy tránh ra cho họ đi vào với!*” Khi tử vong thì liền đi thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới, như thế ở trong điều đã nói rằng: “*Vipaccamānakakammānūrūpaṃ parisuddhaṃ upakkilīṭṭhaṃ vā*” có ý nghĩa là nếu như Thiện Nghiệp Lực có cơ hội trở sinh quả báo, thì dòng tâm thức của người cận tử

lâm chung sẽ phải là thanh tịnh trong sáng. Nếu như Bất Thiện Nghiệp Lực có cơ hội trở sinh quả báo, thì dòng tâm thức của người cận tử lâm chung sẽ phải là sầu khổ ưu não. Khi đã là như thế, thì dòng tâm thức của vị Tỳ Khuru làm thân phụ ấy có sự hoan hỷ trước nàng Thiên Nữ, chẳng phải là sự sầu khổ ưu não hay sao, cho nên mới được thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới ?

Điều này giải thích rằng nếu như Bất Thiện Nghiệp Lực có được cơ hội trở sinh quả báo, thì dòng tâm thức của người cận tử lâm chung sẽ phải là sầu khổ ưu não đây, là lập ý đến sự sầu khổ ưu não với những Phiền Não đã làm thành với thời gian trải qua nhiều phút giây, với nhiều giờ đồng hồ như vậy rồi, thì mới sẽ được gọi là **“Upakkilittham”**, tuy nhiên dòng tâm thức của vị Tỳ Khuru làm thân phụ đây, thì chỉ có Tâm thanh tịnh trong sáng liên quan với công việc Thiện Sự đã phát sinh lên trước lúc cận tử lâm chung được tạo thành với thời gian trải qua nhiều phút giây rồi. Còn dòng tâm thức có sự hoan hỷ trước nàng Thiên Nữ đây, chỉ có được sinh khởi trọn một giây một thì liền tử vong; vì thế, sự hoan hỷ hình thành Tham Ái mới không đạt đến sự tác hành **Chấp Thủ (Upādāna)**, mà chỉ mới khởi sinh **Ái Dục (Tanhā)** mà thôi. Với lý do này mới trở lại làm thành việc hỗ trợ, giúp đỡ và tạo cơ hội cho đối với **Trì Giới Thiện** được sinh khởi từ ở nơi việc xuất gia; **Xả Thí Thiện** được sinh khởi từ ở nơi việc cúng dường bông hoa, và **Tu Tiến Thiện** được sinh khởi từ ở nơi việc hướng Tâm nghĩ đến Cừu Hồng Ân Đức Phật; và lại luôn cả với việc chỉ dẫn Cõi Thiên Giới nhất định sẽ phải là trú xứ cho trở sinh quả báo của những thể loại Thiện Nghiệp Lực đây. Như đã có trình bày để ở trong bộ **Vô Ngại Giải Đạo (Paṭisambhidāmagga, điều 266)** rằng là: **“Gatisampattiyā nāṇasampayutte aṭṭhānnaṃ hetūnaṃ paccayā uppatti hoti”** dịch nghĩa là: **“Tái Tục sinh khởi ở trong Sinh Thú Phẩm Vị ở phần Tương Ứng Trí, là thường cho làm thành Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên; bởi do đã được đón nhận việc hỗ trợ từ ở nơi tám tác nhân.”** Lý giải rằng người đã được thọ sinh làm thành Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên do được **Tái Tục (Paṭisandhi)** với **Tam Nhân (Tihetuka)** là cũng do có tám tác nhân làm duyên giúp đỡ hỗ trợ, làm **Hữu Nhân (Sāhetuka)** cho được sinh khởi. Tám tác nhân ấy, tức là:

+ Ở trong sát na thực hiện việc **Phóng Khí Xả Thí (Pariccāgadāna)**, **Thọ Trì Giới Luật (Sīla)**, **Tiến Hóa Tu Tập (Bhāvanā)** kết hợp với **Nghiệp Chủ Trí Lực (Kammassakatañāṇa)**, hoặc **Minh Sát Trí Lực (Vipassanāñāṇa)** thì có được **Tam Nhân (Vô Tham, Vô Sân, Vô Si)**.

+ Việc hoan hỷ duyệt ý ở trong **Xả Thí, Trì Giới, Tiến Tu** mà mình đã được thực hiện đây, thì có được **Nhị Nhân**, là **Vô Tham**, và **Vô Si**.

+ Khi đã được **Tái Tục (Paṭisandhi)** với **Tam Nhân (Tihetuka)** hình thành quả báo

của những thể loại Thiện Sự này, cho được sinh khởi đây, thì có được *Tam Nhân*. Kết hợp lại thành tám tác nhân.

Lại nữa, sự việc vị Tỳ Khuru làm thân phụ có sự hoan hỷ trước nàng Thiên Nữ, thể rồi cũng được đi thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới đây, điều này có là việc mâu thuẫn trái ngược với *Phật Ngôn (Buddhabhāsita)* hay không? Vì lẽ Đức Thế Tôn Ngài đã lập ý khái thuyết đề ở trong bài Kinh *Hỏa Tai Toàn Bộ (Āditta pariyāyasutta, Tương Ứng Bộ Kinh quyển II, Phẩm Lục Xứ (Saḷāyatanavagga), điều 377 – 379)* nói rằng: **“*Nimittassādagathitaṃ vā bhikkhave viññānaṃ tittṭhamānaṃ tittṭheyya, anubyañjanassādagathitaṃ vā, tasmim ce kālaṃ kareyya, thānametaṃ vijjati, yaṃ dvinnaṃ gatīnaṃ aññattaraṃ gatim gaccheyya nirayaṃ vā tiracchānayaṇiṃ vā*”** - “*Này tất cả Chư Tỳ Khuru, dòng tâm thức có sự hoan hỷ dính mắc ở trong xác thân của ta và của người, mà gọi là Trầm Triệu (Nimitta), sinh khởi rồi an trú; hoặc dòng tâm thức có sự hoan hỷ dính mắc ở trong bộ phận lớn nhỏ của Ta và của người, mà gọi là Phụ Kiện (Anubyañjana), sinh khởi rồi an trú. Này tất cả Chư Tỳ Khuru, nếu như người ấy tử vong ngay trong lúc có Ái Dục sinh khởi và an trú ấy, thì đáng phải đi đến bất luận một Sinh Thú (Gati) nào trong những cả hai Sinh Thú là Địa Ngục hoặc Bàn Sanh, và việc hiện hành như vậy thường không có được.”*

*Như rùa dấu thân phần, trong cái mai của nó,
Cũng vậy, vị Tỳ Khuru, thấu nhiếp mọi tâm tư,
Không nương tựa một ai, không hại một người nào,
Hoàn toàn đạt tịch tịnh, không nói xấu một ai.
(Tương Ứng Bộ Kinh – Phẩm Lục Xứ, # 199, Con rùa)*

Phật Ngôn này chẳng có việc mâu thuẫn trái ngược với bất luận một điều nào cả, bởi vì ngay khi thật sự sẽ mạng chung đây, Tâm Đồng Lục Thiện có sự sùng tín ở trong Ân Đức của Tam Bảo, và việc cúng dường Đức Phật với bông hoa sinh khởi lại là đàng khác. Còn sự hoan hỷ trước nàng Thiên Nữ đây, đã là việc khởi sinh trước lúc mạng chung. Lại nữa, sự hoan hỷ ở trong Cảnh đáng thương, sự hoan hỷ ở trong Cảnh đáng ghét, đáng sợ đây, là thuộc lẽ thường nhiên hiện hữu đối với khắp cả mọi con người. Chỉ trừ phi đối với hạng người đặc biệt, đó là các bậc đang tiến tu Minh Sát với Ngũ Quyền kiên định, và các bậc Bất Lai với cả các bậc Vô Sinh ngàn ấy mà thôi. Vì thế, nếu như Cảnh đáng thương, đáng hoan hỷ hoặc đáng ghét, đáng sợ đi đến hiện bày ở ngay trước mắt; tuy nhiên chẳng có màng đến sự hoan hỷ, sự bất mãn ý; luôn cả chẳng phải là hạng người đặc biệt hoặc bình thường, thì sự kiện đó chỉ có thể đối với hình nộm búp bê. Như vậy, nếu như con người vẫn có sự hoan hỷ, bất mãn ý; thì quả là hết tất cả mọi con người phải đi đến Cõi Thống Khổ với nhau rồi. Sau khi tử vong thì cũng chẳng có một ai sẽ được đi thọ sinh làm Người và Chư Thiên cả.

Một khi đã là như vậy, thì sẽ có rất ít Người và Chư Thiên ở trong Cõi Nhân Loại và Cõi Thiên Giới, thế nhưng sự kiện này chẳng có hiện hành như thế được; do vậy mới lập ý trình bày cho được thấy rằng sự hoan hỷ, sự bất mãn ý đầy, hiện hữu với nhau ở hai thể loại, ấy là:

1. Sự hoan hỷ, sự bất mãn ý có năng lực dắt dẫn cho đi đến Cõi Thống Khổ cũng có, hoặc
2. Chẳng có năng lực để sẽ dắt dẫn cho đi đến Cõi Thống Khổ cũng có.

Và lại, sự kiện có năng lực dắt dẫn cho đi đến Cõi Thống Khổ đây, thì phải làm cho Thân, Lời và Ý thành tựu ở trong Ác Hạnh, và Ác Mạng.

Về phần Phật Ngôn đầy, lập ý lấy việc tử vong một cách thông thường, hoặc tiếp xúc *Tác Nhân Bất Tường (Upaddavahetu)*, thì dòng tâm thức của người trước lúc mạng chung có sự hoan hỷ, sự bất mãn ý khởi sinh, đến nỗi đã làm cho Thân, Lời và Ý đạt đến sự hoàn thành Ác Hạnh và Ác Mạng. Chẳng là như thế, thì cho dù sẽ có được Tâm Thiện sinh khởi bởi do có người đi đến giúp đỡ nhắc nhở cho truy niệm nghĩ tưởng đến Thiện Sự mà mình đã từng làm, hoặc cho truy niệm ở trong Ân Đức của Tam Bảo đi nữa; tuy nhiên dòng tâm thức mà đã có sự hoan hỷ, sự bất mãn ý như đã đề cập cứ vẫn mãi sinh khởi. Còn Tâm Thiện sinh khởi chỉ trọn một sát na đây, thì cũng chẳng có khả năng để sẽ hủy diệt sự sâu khổ ưu não của dòng tâm thức cho được tịch diệt, và chính vì như thế, một khi đã mạng chung thì mới phải đi đến bất luận ở một trong các Cõi Thống Khổ.

“Upalabhitabba bhavānurūpaṃ tatthoṇaṭaṃva cittasantānaṃ abhiṇhaṃ pavattati”- Dòng tâm thức thường luôn sinh khởi, có trạng thái hiện hành y như thể thiên hướng tâm phù hợp theo ở trong kiếp sống mà sẽ phải đi thọ sinh.

Giải thích rằng Tâm Thức của người sắp mạng chung, cho dù sẽ chấp thủ ở trong bất luận một điềm tướng nào đã đi đến hiện bày đi nữa, tuy nhiên dòng tâm thức ấy cũng không ngớt để tâm thiên hướng ở trong kiếp sống mà sẽ phải đi thọ sinh. Đề cập đến là, nếu sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới thì sẽ có tâm thiên hướng ở trong Cõi Thiên Giới. Nếu sẽ đi tục sinh làm Người thì cũng sẽ có tâm thiên hướng ở trong Cõi Nhân Loại. Nếu sẽ phải sinh ở trong bất luận một Cõi Thống Khổ nào thì cũng sẽ có tâm thiên hướng ở trong các Cõi Giới đầy. Ví dụ như một người sẽ đi ngoại quốc, hoặc đi ngoại ô ở các tỉnh thành; thì cho dù Thân và Lời có thực sự đang bận rối mù với bao khối công việc đi nữa, tuy nhiên dòng tâm thức ấy cũng vẫn thường luôn thiên hướng nghĩ tưởng đến đất nước hoặc tỉnh thành mà mình sẽ đi. Còn bậc Vô Sinh khi sắp sửa viên tịch Níp Bàn, thì cho dù Tâm Thức sẽ có Cảnh ấy là Hiệp Thế, Siêu Thế hay là Chế Định đi nữa, thế nhưng dòng tâm thức của từng mỗi vị ấy thường luôn chỉ

để tâm thiên hướng duy nhất ở trong Níp Bàn. Là như vậy cũng vì các Ngài chẳng còn có kiếp sống nối tiếp để sẽ phải đi thọ sinh. Như thế, ở trong bài Kinh Đại Viên Tịch Níp Bàn (*Mahāparinibbānasutta*, Đại Phẩm, điều 129) mới trình bày sự hiện hành từ ở nơi dòng tâm thức của bậc Chánh Đẳng Giác khi sắp sửa viên tịch Níp Bàn rằng là: **“Anejo santimārabbha yaṃ kālamakarī muni”**- “Bậc Đại Đạo Sư, bậc đoạn tận Ái Dục, đã lập ý nương vào việc để khởi hướng đến Vô Dư Y Níp Bàn, rồi mới lập ý đến thời gian của viên tịch Níp Bàn.”

“Cittasantānaṃ abhiṇhaṃ pavattati bāhullena”- Dòng tâm thức phân nhiều thường luôn sinh khởi. Từ ngữ **“Bāhullena = Phần đa số, phần nhiều”** đây, có ý nghĩa là các dòng tâm thức hiện hành với sự thanh tịnh hoặc sâu khô, và có tâm thiên hướng ở trong kiếp sống mà sẽ phải đi thọ sinh đây, là chỉ phần đa số chớ chẳng phải có hết tất cả. Điều đó tức là dòng tâm thức chỉ với người mạng chung có trạng thái ốm đau trải qua thời gian nhiều phút giây, nhiều giờ đồng hồ; hoặc nhiều ngày tháng mà thôi. Còn người mạng chung với trạng thái đột tử, chỉ trong nháy mắt liền tử vong; thì chẳng có các trạng thái hiện hành của dòng tâm thức theo như đã đề cập đến ở phần trên. Chẳng hạn như bị xe lửa cán, bị bom nổ, bị nhà đổ sập đè, bị bắn trong sát na vẫn còn đang ngủ, bị chém đứt cổ trong sát na chẳng hay hay biết. Vì thế, từ ngữ nói rằng **“Bāhullena = Phần đa số, phần nhiều”** đây, là việc loại trừ ra dòng tâm thức của người mạng chung với trạng thái như đã vừa đề cập ở tại đây. Còn dòng tâm thức của hạng người này có thể hiện hành như vậy: là *Lộ Trình Ý Môn (Manodvāravithī)* sinh khởi tiếp đầu bất luận một trong cả ba thể loại điềm tướng, xong rồi liền diệt mất. Nói tiếp từ nơi đó, thì *Lộ Trình Thân Môn (Kāyadvāravithī)* sinh khởi tiếp đầu Cảnh Xúc là sự đau đớn, xong rồi cũng diệt mất. Nói tiếp sau đó, thì một *Lộ Trình Ý Môn Thu Dung Quá Khứ (Atītaggahaṇamanodvāravithī)* sinh khởi tiếp đầu Cảnh Xúc rồi diệt. Kế liền là *Lộ Trình Cận Tử Ý Môn (Māraṇāsannamanodvāravithī)* có bất luận một điềm tướng nào trong cả ba điềm tướng đây, sinh khởi thành lần cuối cùng.

Giải Thích Trong Phần Pāli Với Điều Thứ Tư:

Trình Bày Việc Hiện Khởi Của Nghiệp Tướng Theo Một Phương Thức Khác

“Tameva pana janakabhūtaṃ kammaṃ abhinavakarāṇavasena dvārappattaṃ hoti”- Đoạn văn này trình bày việc hiện khởi của Nghiệp Tướng theo một phương thức khác nữa.

Việc hiện bày của cả hai phần Cảnh Nghiệp đây, quả thật có sự đặc biệt sai khác với nhau, ấy là: Phần thứ nhất trình bày rằng: **“Abhimukhībhūtaṃ bhavantare paṭisandhijanakaṃ kammaṃ manodvāre paccupaṭṭhāti”**- “Thiện Nghiệp Lực, Bất

Thiện Nghiệp Lực làm cho khởi sinh việc Tái Tục ở trong kiếp sống tới, hiện hành nổi trội lên như là việc tự biểu hiện rõ ràng trực tiếp, và đã đi đến hiện khởi tựa như tiền diện ở trong Lộ Ý Môn.” Phần thứ hai trình bày rằng: **“Tameva pana janaka bhūtaṃ kammaṃ abhinavakaraṇavasena dvārappattaṃ hoti”**- “Thiện Nghiệp Lực, Bất Thiện Nghiệp Lực làm cho khởi sinh việc Tái Tục, thường là hiện bày ở trong Lộ Ý Môn với mãnh lực làm cho mình tựa như tự tái tạo mới lại.” Như thế, sự đặc biệt sai khác giữa cả hai phần này là ở ngay chỗ **“Abhimukhībhūtaṃ - Tiền Diện”**- “Tự trình bày cho nổi trội lên”, và **“Abhi navakaraṇavasena - Do tái tạo mới lại”**- “Làm cho mình tương tự như tự tái tạo mới lại”.

+ Việc hiện bày của Cảnh Nghiệp theo phần thứ nhất **“Abhimukhībhūtaṃ”** (Tiền Diện) đây, là việc hiện khởi với mãnh lực của *Hoài Cựu Tướng (Pubbekatasasāññā - Tiền Sinh Tướng)* là sự hồi tưởng nhớ lại ở trong nội tâm của mình về sự kiện hiện hành vào thời gian đã trải qua trước đây; chẳng hạn như bản thân mình đã từng có *niêm hoan hỷ phỉ lạc (Pītisomanassa)* ở trong sát na thực hiện việc *xả thí, trì giới, tu tiến* vào thời gian đã trải qua 10 – 15 năm rồi, thế mà cho đến bây giờ cũng vẫn còn hồi tưởng nhớ lại được các *Thiện Hy Sự* ấy; hoặc giả như đã từng khổ tâm buồn lòng ở trong sát na bị bóng, hoặc bị lừa gạt với thời gian đã trải qua 10 – 20 năm rồi; hoặc đã từng căm giận bức tức với một người nào đó vào thời gian trước kia, và đến khi sắp sửa mạng chung thì bỗng chợt nhớ lại sự khổ tâm buồn lòng ấy, hoặc khởi lên sự căm tức giận dữ. Điều này được ví như một người cao niên lớn tuổi, đã ngẫm nghĩ liên tưởng đến tâm trí của mình vào thời gian lúc còn trai trẻ thanh xuân, đã có biết bao sự hân hoan vui mừng duyệt ý ở trong thời gian ấy, mà mãi đến bây giờ cũng vẫn còn ghi nhớ lại được. Việc hiện bày của Cảnh Nghiệp nương theo *Hoài Cựu Tướng* ở phần **“Abhimukhībhūtaṃ - Tiền Diện”**- “Tự trình bày cho nổi trội lên” cũng dường như thế ấy. Còn người sắp mạng chung vẫn còn nhớ lại được trong các câu chuyện ở phía bên ngoài, như có các hành vi cử chỉ, của cải vật chất của con người, các vật dụng xung quanh, v.v. những thể loại này làm thành Cảnh Nghiệp Tướng.

+ Việc hiện bày của Cảnh Nghiệp theo phần thứ hai **“Abhinavakaraṇa vasena - Do tái tạo mới lại”** đây, là việc hiện khởi với mãnh lực của *Tương Phù Tướng (Sampatikatasasāññā)* là sự hồi tưởng nhớ lại trong khoảnh khắc ở nội tâm của mình với sự kiện hiện hành na ná y như thể mình đang thực hiện vậy, chẳng hạn như bản thân mình đã từng có *niêm hoan hỷ phỉ lạc (Pītisomanassa)* ở trong sát na thực hiện việc *xả thí, trì giới, tu tiến* với thời gian đã trải qua biết bao tháng năm dài, đến khi sắp sửa mạng chung thì *niêm hoan hỷ phỉ lạc* ấy lại khởi sinh lên na ná y như thể mình đang thực hiện việc *xả thí, trì giới, tu tiến* ấy vậy; hoặc sự khổ tâm buồn lòng lại khởi

sinh lên na ná y như là mình đang bị bồng, hoặc đang bị lừa gạt; hoặc sự căm giận bức tức lại khởi sinh lên na ná y như là mình đang kinh cãi to tiếng với một người nào đó. Điều này được ví như sự vui thích lại khởi sinh lên ở trong tâm thức đối với người đang nằm ngủ chiêm bao lúc đêm khuya, bởi do trạng lại sự nô đùa phấn khích từ ở lúc ban chiều qua việc xem coi phim ảnh, ca kịch, và chơi thể thao.

Giải Thích Trong Phần Pāli Với Điều Thứ Năm:
Trình Bày Lộ Trình Tâm Cận Tử (*Maraṇāsannavithī*)

“*Paccāsannamarāṇassa tassa vīthicittāvasāne v.v. cuticittam uppajjitvā nirujjhanti*”- Đoạn văn này trình bày đến việc sinh khởi của Lộ Trình cận Tử, là việc sinh khởi nối tiếp với nhau thành hàng dãy của Tâm thức khi sắp sửa mạng chung. Từ ngữ nói rằng “*Paccāsannamarāṇassa*” đây, lập ý đến người sẽ tử vong trong khoảnh khắc cuối cùng. Còn người sẽ tử vong ở trong khoảng 1 – 2 phút, hoặc 1 – 2 giờ đồng hồ, v.v. đó, thì chẳng phải là hạng người *Cùng Tận Tử* (*Paccāsannamarāṇapuggala*), hoặc chẳng phải là hạng người sẽ mạng chung trong khoảnh khắc cuối cùng; mà đó chỉ là hạng người cận tử lâm chung, là người sắp sửa sẽ tử vong thông thường.

Từ ngữ nói rằng “*Paccāsanna*” ở trong từ ngữ này là một *Liên Từ* (*Sandhi pada*), khi chiết tự ra thì có được hai từ ngữ, ấy là *Paṭi* và *Āsanna*. *Paṭi* = cuối cùng, sau cùng, chấm dứt; *Āsanna* = sát cận, kế cận, cận lân. Khi kết hợp lại thành *Paccāsanna* = cùng tận, tận rốt. Như thế, người sẽ tử vong ở trong khoảng 1 – 2 phút, hoặc 1 – 2 giờ đồng hồ, v.v. đấy, mới không được gọi là người *Cùng Tận Tử*, chỉ gọi là người *Cận Tử*, là người sắp sửa sẽ tử vong mà thôi. Vì thế, việc trình bày Lộ Trình Cận Tử ở trong đoạn văn Pāli này, chính là lập ý lấy *Lộ Trình Cùng Tận Tử* (*Paccāsannamarāṇavithī*) đó vậy, chẳng phải lập ý lấy Lộ Trình sinh khởi đối với người sắp sửa sẽ tử vong ở trong khoảng 1 – 2 phút, hoặc 1 – 2 giờ đồng hồ, v.v., đó chỉ là Lộ Trình Cận Tử thông thường sinh khởi đối với người sắp sửa sẽ tử vong ở trong khoảng 1 – 2 phút, hoặc 1 – 2 giờ đồng hồ, v.v., đã được trình bày ở trong sự kiện về việc hiện bày của cả ba điềm tướng.

Sự Hiện Hữu Và Thời Tới Hậu Của Kiếp Sống Hiện Tiền

Việc sinh khởi tiếp nối của *Tâm Khởi Sinh Hữu Phần* (*Bhavaṅgacittup pāda*) và Sắc Nghiệp không gián đoạn trong mỗi kiếp sống đấy, gọi là *kiếp sống hiện tiền*. Khi Tâm Khởi Sinh Hữu Phần chuyển đổi chức năng thành Tâm Tử và Sắc Nghiệp cũng sinh khởi lần cuối cùng, thì được gọi là sự hiện hữu của kiếp sống hiện tiền đấy đã chấm dứt. Như thế, Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* mới trình bày Tâm Tử này là

“*Paccuppanabhavapariyosānabhūtaṃ*” (Hiện Tiền Hữu Chung Kỳ Tử Vong) là sự tử vong sau rốt của kiếp sống hiện tiền. Và việc sinh khởi của Tâm Tử hiện hữu ở hai trường hợp, ấy là: sinh khởi ở chỗ tận cuối của Lộ Trình Tâm cũng có, hoặc sinh khởi khi cái Tâm Hữu Phần cuối cùng diệt mất. Chính vì lý do này, Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* mới đề cập đến rằng “*Vīthiccittāvasāne bhavaṅgakkhaye*”- Ở trong chỗ tận cuối của Lộ Trình Tâm, hoặc khi cái Tâm Hữu Phần cuối cùng diệt mất.

Trong hai trường hợp này, ấy là:

- + Có hai trường hợp Tâm Tử sinh khởi ở chỗ tận cuối của Lộ Trình Tâm, tức là:
 1. 5 chặp Đồng Lục, 2 chặp Na Cảnh rồi Tâm Tử sinh khởi,
 2. 5 chặp Đồng Lục rồi Tâm Tử sinh khởi.
- + Có hai trường hợp Tâm Tử sinh khởi khi Tâm Hữu Phần cuối cùng diệt mất, ấy là:
 1. 5 chặp Đồng Lục, 2 chặp Na Cảnh, 1 – 2 – 3 chặp Hữu Phần rồi Tâm Tử sinh khởi.
 2. 5 chặp Đồng Lục, 1 – 2 – 3 chặp Hữu Phần rồi Tâm Tử sinh khởi.

Như thế, *Lộ Trình Cận Tử (Marāṇasannavīthi)* thuộc thể loại *Lộ Trình Cùng Tận Tử (Paccāsannamarāṇavīthi)* mới có được 4 phân loại, đó là:

- { 1. Đồng Lục, Đồng Lục, Đồng Lục, Đồng Lục, Đồng Lục, Na Cảnh, Na Cảnh, Tử.
- { 2. Đồng Lục, Đồng Lục, Đồng Lục, Đồng Lục, Đồng Lục, Tử.
- { 1. Đồng Lục, Đồng Lục, Đồng Lục, Đồng Lục, Đồng Lục, Na Cảnh, Na Cảnh, Hữu Phần v.v. Tử.
- { 2. Đồng Lục, Đồng Lục, Đồng Lục, Đồng Lục, Đồng Lục, Hữu Phần, v.v. Tử.

Chỗ nói rằng Tâm Hữu Phần sinh khởi 1 – 2 – 3 sát na đó, có nghĩa là cũng có khi Tâm Hữu Phần chỉ sinh 1 sát na rồi Tâm Tử sinh, hoặc cũng có khi Tâm Hữu Phần sinh được 2 sát na rồi Tâm Tử sinh, hoặc cũng có khi Tâm Hữu Phần sinh được 3 sát na rồi Tâm Tử sinh. Tất cả sự việc này là cũng do bởi liên quan từ ở nơi Sắc Nghiệp sinh khởi lần cuối cùng vậy. Tức là Sắc Nghiệp sẽ phải đồng cùng diệt chung với Tâm Dị Thục Quả, và sẽ chẳng thể nào có được việc Tâm Dị Thục Quả sẽ phải diệt mất khi mà Sắc Nghiệp vẫn còn hiện hữu; hoặc cũng tương tự như vậy, là khi Sắc Nghiệp đã diệt hết tất cả rồi, thế nhưng, Tâm Dị Thục Quả vẫn đang còn sinh khởi được. Sự việc là như vậy, cũng vì trong lần đầu tiên Thiện Nghiệp Lục – Bất Thiện Nghiệp Lục kiến tạo kiếp sống cho được khởi sinh lên đó, thì Tâm Dị Thục Quả và

Sắc Nghiệp đã đồng cùng câu sanh với nhau; và như thế khi đến khoảnh khắc chấm dứt của kiếp sống, thì Tâm Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp cũng phải đồng cùng diệt với nhau. Sự việc này hiện hành thể theo *Pháp Niêm Luật (Dhammaniyāma: định luật của Chân Lý)*. Cũng ví như ngọn lửa và ánh sáng có thực tính đồng sinh đồng diệt với nhau.

Cả bốn phân loại Lộ Trình này, người tử vong ở trong Cõi Dục Giới, và sẽ tái tục trở lại ở trong Cõi Dục Giới nữa, thì có được cả 4 lộ Trình. Còn người tử vong ở trong Cõi Dục Giới rồi sẽ tục sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới, hoặc tử ở trong Cõi Phạm Thiên Giới và sẽ tục sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới, hoặc tử ở trong Cõi Phạm Thiên Giới rồi sẽ tục sinh ở trong Cõi Dục Giới; cả ba nhóm này thì chỉ có được 2 Lộ Trình ở *Thời Kỳ Đồng Lực (Javanavāra)* mà thôi. Còn về 2 Lộ Trình ở *Thời Kỳ Na Cảnh (Tadārammaṇavāra)* đây, thì chẳng có sinh. Sự việc 2 Lộ Trình ở *Thời Kỳ Na Cảnh* chẳng có sinh đôi với cả ba nhóm người ấy, là cũng vì một khi Na Cảnh sẽ phải sinh khởi thì cần phải hội đủ với cả ba yếu tố cơ bản, ấy là:

- 1/. Phải là Người Dục Giới,
- 2/. Phải có Đồng Lực Dục Giới,
- 3/. Phải có Cảnh Dục Giới.

Khi đã hội đủ cả ba yếu tố cơ bản này rồi, thì Na Cảnh sẽ sinh khởi lên được. Như trong phần Pāli của bộ *Chú Giải Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp* đã có trình bày rằng:

***Kāme javanasattāmbanānaṃ niyame sati
Vibhūtetimahante ca tadārammaṇamī titaṃ***

Nếu đã hội đủ cả ba Chi của Người Dục Giới, Đồng Lực Dục Giới và Cảnh Dục Giới này rồi, thì tất cả Ngài Giáo Thọ đã nói được rằng ở trong cả hai *Lộ Trình Cảnh Cực Minh Hiện (Ativibhūtāramma)* và *Lộ Trình Cảnh Cực Cực Đại (Atimahantārammaṇa)* này tất phải có Na Cảnh. Như thế, cả ba nhóm người như đã vừa đề cập đây chẳng có hội đủ cả ba Chi Pháp, do vậy cả hai Lộ Trình ở thời kỳ Na Cảnh mới không có thể sinh khởi lên được. Tức là người tử vong ở trong Cõi Dục Giới rồi sẽ tục sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới thì chỉ có được hai Chi, ấy là Đồng Lực Dục Giới và Người Dục Giới. Còn đối với Cảnh ấy là Chế Định hoặc Đáo Đại liên quan với Nghiệp Xứ, và người tử vong ở trong Cõi Phạm Thiên Giới rồi sẽ tục sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới thì chỉ có được một Chi, ấy là Đồng Lực Dục Giới. Người tử vong ở trong Cõi Phạm Thiên Giới rồi sẽ tục sinh ở trong Cõi Dục Giới thì có được hai Chi, ấy là Cảnh Dục Giới và Người là Phạm Thiên. Còn người tử vong ở

trong Cõi Dục Giới rồi sẽ tục sinh ở trong Cõi Dục Giới thì phải hội đủ cả ba Chi, vì thế cả hai Lộ Trình ở thời kỳ Na Cảnh mới sinh khởi lên được.

[**Chú thích:** Duyên theo một trong những đối tượng Cảnh như vừa kể trên, một dòng tâm thức diễn tiến một cách trọn vẹn, cho dù sự tử vong có thể đến một cách đột ngột dường nào. Kinh sách ghi rằng chí đến sự tử vong ngẫu nhiên như trường hợp một con ruồi bay ngang hòn đe, đã bị búa của người thợ rèn đập nát, và trước khi thực sự mạng vong thì con ruồi cũng có trọn một dòng tâm thức.

Để cho dễ hiểu hơn, bây giờ chúng ta hãy suy niệm trong trường hợp của một người sắp cận tử lâm chung và việc tục sinh trở lại làm Nhân Loại. Cảnh của chấp tư tưởng cuối cùng là một Thiện Nghiệp Lực. Sát na Tâm Hữu Phần sinh khởi, rúng động trong một sát na, rồi diệt mất. Tức thời, chấp Tâm Khai Ý Môn khởi sinh, cũng rồi diệt mất. Tiếp đến, giai đoạn tâm lý vô cùng trọng yếu, tiến trình của dòng Tâm Đồng Lực, mà ở tại đây vì hãy yếu kém, chỉ diễn tiến ở trong năm chấp, thay vì sẽ là bảy chấp ở trong thời bình nhật. Vì lẽ ấy, chấp tư tưởng này không có năng lực tái tạo. Nhiệm vụ chánh yếu của Tâm Đồng Lực chỉ là làm điều hòa quân bình kiếp sống mới. (*“Abhinavakarāvasena - Do tái tạo mới lại”* - *“Làm cho mình tương tự như tự tái tạo mới lại”*.) Trong trường hợp đối tượng của tâm thức là niềm hoan hỷ phi lạc (*Pīṭisomanassa*), thì Tâm của người này hiện khởi với một trạng thái thiện hảo, vô dẫn hoặc hữu dẫn, câu sinh Hỷ Thọ và tương ưng Trí. Tâm Na Cảnh làm nhiệm vụ ghi nhận hoặc nhận diện, có thể sinh khởi trong hai sát na kế liền theo đó, hoặc có thể không. Sau cuối, đó là Tâm Tử sinh khởi, chấp tư tưởng tối hậu của một kiếp sống.

Có vài quan điểm sai lầm cho rằng chính Tâm Tử này tạo điều kiện cho sự tục sinh ở trong kiếp sống nối tiếp kế liền theo đó. Quả thật thì chẳng phải Tâm Tử, vì chính Tâm này không có nhiệm vụ đặc biệt nào cả, mà chính là những chấp Tâm Đồng Lực Cận Tử đã tạo điều kiện cho kiếp sống mới.

Với sự chấm dứt của Tâm Tử, thì sự tử vong mới thực sự xảy diễn. Và vào lúc ấy, Tâm Thức và Sắc Vật Thực không còn tạo ra thêm các thể loại vật chất nữa. Chỉ còn duy nhất một thể loại thuần vật chất do Quý Tiết tạo nên, vẫn tiếp tục phát sinh cho đến khi cơ thể vật chất trở thành cát bụi.

Bấy giờ, liền tức khắc sau khi Tâm Tử vừa diệt mất, thì Tâm Tái Tục liền sinh khởi nối tiếp. Sau đó, là 14 sát na Tâm Hữu Phần, một sát na Tâm Hữu Phần Rúng Động, và một sát na Tâm Hữu Phần Dứt Dòng. Kế tiếp, một sát na Tâm Khai Ý Môn diễn tiến sự ưa thích kiếp sống mới (*Bhavanikantijavana - Hữu Ái Đồng Lực*). Tiếp nối theo, Tâm Hữu Phần sinh khởi rồi diệt mất, và dòng tâm thức tiếp tục trôi chảy với trạng thái sinh diệt không gián đoạn.]

Giải Thích Trong Phần Pāli Với Điều Thứ Sáu:
Trình Bày Việc Sinh Khởi Của Tâm Tái Tục Ở Trong Kiếp Sống Mới

Điều trọng yếu ở trong đoạn văn Pāli này là ở tại: *“Tasmim̐ niruddhāvasāne tassānantarameva v.v. paṭisandhānavasena paṭisandhisañkhātam mānasam uppajjamānameva patitṭhāti bhavantare”*. Còn đoạn văn ở ngay chính giữa, kể từ *“tathāgahitam ārammaṇam v.v. cho đến bhavantara paṭisandhānavasena paṭisandhisañkhātam mānasam uppajjamānameva patitṭhāti bhavantare”* đây, là trình bày các sự hiện hành của Tâm Tái Tục, ấy là việc tiếp thu Cảnh do nương vào Nghiệp Lực làm cho khởi sinh, phần phụ thuộc, nhiệm vụ chức năng.

Điều trọng yếu ở đoạn văn Pāli trên, được dịch nghĩa là: Một khi Tâm Tử ấy vừa diệt mất, và chính ở ngay trong tuần tự một cách không gián đoạn của Tâm Tử ấy, một Tâm Tái Tục tức thời sinh khởi ngay trong sát na kiếp sống mới được hiện hữu. Từ ngữ nói rằng *“Tassānantarameva”*- *“chính ở ngay trong tuần tự một cách không gián đoạn của Tâm Tử ấy.”* Từ ngữ này là từ ngữ đã hủy diệt Trung Hữu Kiến (*Antarabhavadiṭṭhi* – Trung Ấm Kiến) của Người Trung Hữu Ngôn Kiến Luận (*Antarabhavavādīpuggala*).

“Antarabhavadiṭṭhi – Trung Hữu Kiến” (*Antara + Bhava + Diṭṭhi*) (*Khoảng giữa + Kiếp sống + Tà Kiến*) là có quan điểm cho rằng có một kiếp sống ở khoảng giữa Tử với Tái Tục, hoặc có một kiếp sống ở khoảng giữa kiếp sống cũ với kiếp sống mới, gọi là *Trung Hữu (Antarabhava)*.

“Antarabhavavādī – Trung Hữu Ngôn Kiến Luận” (*Antara + Bhava + Vādī*) (*Khoảng giữa + Kiếp sống + Ngôn Luận*) là người thường luôn thốt ra lời tuyên bố nói rằng có một kiếp sống ở khoảng giữa Tử với Tái Tục; hoặc có một kiếp sống ở khoảng giữa kiếp sống cũ với kiếp sống mới, bởi vì Người Trung Hữu Ngôn Kiến Luận đây có quan điểm cho rằng một khi tất cả Chúng Hữu Tình đã tử vong thì chẳng có đi tục sinh ngay lập tức vào trong kiếp sống mới, mà tạm thời dừng lại sinh sống ở trong một kiếp sống *Trung Hữu (Antarabhava)*, chờ đợi cho đến khi người sẽ làm người Mẹ đã dứt kinh nguyệt bất tịnh, và người sẽ làm người Cha cùng tính giao với người Mẹ ước lượng khoảng độ 7 ngày cũng có, nhiều hơn 7 ngày cũng có, hoặc ít hơn 7 ngày cũng có. Trong khoảng thời gian tạm thời dừng lại sinh sống ở trong kiếp sống Trung Hữu đây, thì cũng có khả năng có được việc thấy biết, việc được lắng nghe, và việc đi lại ở trong các lãnh địa, tự hiển lộ sắc tướng cho được hiện bày, hoặc tàng hình biến mất, tương tự như là bậc *Phúc Lộc Thắng Trí (Abhiññālābhīpuggala)* vậy. Quan điểm và lời tuyên bố của hạng Người Trung Hữu Ngôn Kiến Luận như đã

vừa đề cập rồi đây, là hoàn toàn sai trật với Sự Thật, mà sự thật là một khi Tâm Tử vừa diệt mất, thì tất cả các loài Hữu Tình liền mạng vong, và rồi Tâm Tái Tục là kiếp sống mới ngay lập tức sinh khởi lên một cách không có gián đoạn thời gian. Và vì thế, Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* mới dùng đến từ ngữ “*Eva*” cho kết hợp ở trong từ ngữ “*Anantara*” làm thành “*Tassānantarameva*” - “*chính ở ngay trong tuần tự một cách không gián đoạn của Tâm Tử ấy.*”

[**Chú thích:** Tà Kiến về Ám Hình Sở Thụ, luận kiến rằng khoảng giữa hai kiếp sống, gọi là Trung Hữu, hoặc Trung Ám. Ám gọi là Ngũ Ám, còn gọi là Ngũ Uẩn. Trong Kinh Đại Thừa Nghĩa Chương, quyển 8 có nói: “Mệnh báo kết thúc, gọi là Vô Hữu. Sau khi sinh, trước khi chết, gọi là Bản Hữu. Ám hình sở thụ ở khoảng giữa hai thân mạng, gọi là Trung Hữu. Trong Trung Ám Kinh còn chỉ bày các loại Kinh dùng để tụng đọc trong thời gian của Trung Ám, hoặc Trung Hữu, trong 49 ngày sau khi chết.]

“*Tathāgahitaṃ ārammaṇaṃ ārabha paṭisandhisāṅkhātaṃ mānaṣaṃ*” - Lời giải thích ở trong câu Pāli này có như vậy: “*Tathātena channaṃ dvārānaṃ aññatarasmim paccupaṭṭhitākārena chadvārikajavanenagahitaṃ kamma kammanimitta gatinimitta sammattaṃ ārammaṇaṃ ārabha paṭisandhi saṅkhātaṃ mānaṣaṃ*”- “*Tâm Tái Tục tiếp thâu lấy Cảnh được gọi là Nghiệp, Nghiệp Tướng, Thú Tướng mà Đồng Lục Cận Tử Lục Môn đã thụ lãnh thể theo trạng thái đang hiện bày ở trong bất luận một Môn nào của những cả Lục Môn.*”

Giải thích rằng Tâm Tái Tục là tâm sinh khởi ở trong kiếp sống mới đây, thường luôn chỉ có một Cảnh duy nhất với Cảnh của Đồng Lục Cận Tử đã sinh khởi ở trong kiếp sống trước đó. Vì thế, nếu như Cảnh của Đồng Lục Cận Tử là Cảnh Nghiệp, thì Cảnh của Tâm Tái Tục cũng sẽ là Cảnh Nghiệp như nhau. Nếu như là Cảnh Nghiệp Tướng hoặc Cảnh Thú Tướng, thì Cảnh của Tâm Tái Tục cũng sẽ là Cảnh Nghiệp Tướng hoặc Cảnh Thú Tướng tương tự như nhau. Về phần Tâm Tử ở trong kiếp sống cũ sinh khởi ở trong Lộ Trình Cận Tử, thì cũng có cùng một Cảnh tương tự với Cảnh của Tâm Tái Tục ở trong kiếp sống cũ đó vậy. Bởi do thế, việc chuyển đổi Cảnh, tức là cả ba điềm tướng đấy, ở trong khoảng thời gian của kiếp sống cũ với kiếp sống mới, thì cũng có thể chuyển đổi với nhau là ở chính ngay Tâm Tái Tục.

“*Savatthukaṃ avatthukameva vā paṭisandhisāṅkhātaṃ mānaṣaṃ*” - “*Tâm Tái Tục là Tâm có Ý Vật (Hadayavatthu) làm thành chỗ y chỉ, hoặc không có Ý Vật làm thành chỗ y chỉ đi nữa.*” Từ ngữ “*Savatthukaṃ*” tức là Tâm Tái Tục sinh ở trong Cõi Ngũ Uẩn (*Pañcavokārahūmi*), vì ở trong Cõi Ngũ Uẩn có Sắc Ý Vật

(*Hadayavatthurūpa*) làm thành chỗ nương sinh. Từ ngữ “*Avatthukam*” tức là Tâm Tái Tục sinh ở trong Cõi Tứ Uẩn (*Catuvokārahūmi*), vì ở trong Cõi Tứ Uẩn không có Sắc Ý Vật làm thành chỗ nương sinh.

“*Avijjānusayaparikkhittena taṇhānusayamūlakena saṅkhārena janiya mānaṃ patisandhisāṅkhātaṃ mānaṃ*”- “Tâm Tái Tục hiện hữu ở một trong ba Hành (*Saṅkhāra*), có Vô Minh Thụy Miên (*Avijjānussaya*) làm vị thống lãnh, và có Ái Dục Thụy Miên (*Taṇhānussaya*) làm thành nền tảng, sắp bày cho việc sinh khởi.”
 Chỗ nói rằng “*Avijjānusayaparikkhittena saṅkhārena*”- “Bất luận một Hành nào ở trong cả ba Hành, có Vô Minh Thụy Miên (*Avijjānussaya*) làm vị thống lãnh” đây, là việc tạo tác với Thân, Lời và Ý của tất cả các loài Hữu Tình đã làm thành tựu các việc Phước – Tội, đã hình thành nên Hành; và tác hành việc sắp bày cho Tâm Tái Tục được sinh khởi ở trong kiếp sống mới đây, là sẽ cần phải có Vô Minh (*Avijjā*) thường luôn quan hệ dính líu vào. Nếu như người tạo tác mọi công việc mà chẳng có Vô Minh quan hệ dính líu vào, thì các việc tạo tác ấy cũng chẳng thể nào thành tựu các việc Phước – Tội, mà chỉ là hành động tạo tác suông thôi. Tức là mọi việc tạo tác cho được thành tựu hiện tiền trước mắt, cũng được ví như nữ giới khi vẫn còn kinh nguyệt bất tịnh và cùng nhau tính giao với người Chồng rồi, thì việc cùng nhau tính giao này đã thường làm cho phát sinh ra con trai và con gái. Một khi đã dứt sạch kinh nguyệt bất tịnh rồi, thì không thể nào có được ở trong việc cùng nhau tính giao để làm cho phát sinh ra con trai và con gái dường như thế nào; thì cũng tương tự như vậy, là việc tạo tác với Thân, Lời và Ý của người vẫn thường luôn có Vô Minh Thụy Miên quan hệ dính líu vào, đã làm cho thành tựu việc Phước – Tội, và với việc tạo tác của người chẳng có Vô Minh Thụy Miên thì không thể nào làm cho thành tựu việc Phước – Tội, cũng dường như thế ấy.

Việc thống lãnh Hành của Vô Minh đây, hiện hữu ở hai trường hợp, là bởi do Thường Cận Y Duyên (*Pakatūpanissayapaccaya*) với Câu Sinh Duyên (*Sahajātapaccaya*). Có nghĩa là nếu Hành ở bên phía Thiện, thì Vô Minh thống lãnh bởi do sự làm thành Thường Cận Y Duyên. Nếu Hành ở bên phía Bất Thiện, thì Vô Minh thống lãnh bởi do sự làm thành Câu Sinh Duyên. Như thế mới nói được rằng Vô Minh làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thiện Hành, là với mãnh lực Thường Cận Y Duyên; và làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện Hành, là với mãnh lực Câu Sinh Duyên. Việc làm duyên giúp đỡ đối với Thiện Hành đây vẫn đang là Thụy Miên. Còn việc làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Bất Thiện Hành thì chẳng phải là Thụy Miên, mà chỉ hình thành Vô Minh sinh khởi lên thôi. Như thế, sự việc mà Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* trình bày nói rằng “*Avijjānusaya parikkhittanam*” đây, nếu ở trong khía cạnh Thiện Hành, thì đó là việc trình bày một cách trực tiếp. Nếu ở trong khía

cạnh Bất Thiện Hành, thì đó là việc trình bày một cách gián tiếp; và thể theo *Phần Tương Đồng (Sadisūpacāra)*, có nghĩa là Vô Minh sinh khởi đây, cũng có cùng một thực tính tương đồng với Vô Minh ở phần Thụy Miên.

“*Taṇhānusayamūlakena saṅkhārena*”- “*Bất luận một Hành nào ở trong cả ba Hành, có Ái Dục Thụy Miên (Taṇhānussaya) làm thành nền tảng*” đây, là việc tạo tác các sự việc với Thân, Lòi và Ý của tất cả Chúng Hữu Tình ở trong thế gian này, cho dù sẽ là các Thiện Sự, có *xả thí, trì giới, tiến tu*; hoặc cho dù sẽ là các Bất Thiện Sự, có *việc sát mạng, thù đao*, v.v. đi nữa, thì đa phần thường luôn có sự mong cầu được báo đáp trả lại với mãnh lực của Ái Dục. Vì thế, khi sẽ nói một cách thẳng thắn trực tiếp rằng tất cả mọi con người ở trong thế gian này, nếu giả như chẳng có sự mong cầu được báo đáp trả lại với hiện thân của Ái Dục, thì quả là các sự việc theo đường lối của Thế Gian, dù cho sẽ thuộc về cá nhân riêng tư, hoặc cho dù sẽ thuộc về tập thể của cái chung đi nữa; và luôn cả các sự việc theo đường lối của Đạo Pháp khi vẫn còn dính líu với thế gian mà con người đang tiến bước đi một cách không ngừng nghỉ đây, sẽ phải đình chỉ dừng lại hết tất cả, và sẽ không thể nào còn có thể tiến triển được nữa, vì lẽ chẳng có Ái Dục bảo dưỡng. Có lẽ chỉ còn lại các sự việc hiện hành theo đường lối của Đạo Pháp mà chẳng có dính líu với thế gian; tức là việc tiến tu *Thiền Minh Sát* của một số vị Phạm Phu, việc tiến tu *Thiền Minh Sát* của các bậc Thánh Nhân, việc thâm sát Đạo – Quả, Níp Bàn – Phiền Nã, việc *Nhập Thiền Quả (Phalasamāpatti)*, việc *Nhập Thiền Diệt (Nirodhasamāpatti)*, chỉ là bấy nhiêu ấy. Khi đã là như vậy, thì thế gian này sẽ hiu quạnh, khô khan, tâm tính sẽ thay đổi, và chẳng còn vui sướng thích thú. Giả như sẽ nêu lên một ví dụ, thì cũng ví như lẽ thường gió hiện hữu khắp cả mười phương, đột nhiên lại ngừng hẳn không còn có nữa, và bầu khí quyển có thể sẽ bị trống không chỉ khoảng độ một giờ đồng hồ, thế là tất cả Chúng Hữu Tình sẽ mạng vong hết cả thảy. Có lẽ chỉ còn lại các loài Hữu Tình đặc biệt nương trú ở dưới mặt đất, và dưới mặt nước mà thôi. Điều này là việc chỉ dẫn cho được thấy rằng mãnh lực của Ái Dục đây quả thật rộng lớn biết dường nào. Như thế, giả như mãnh lực của Ái Dục của từng mọi người có năng lực vừa phải, có phạm vi hạn độ, thì Ái Dục này sẽ dẫn đến điều lợi ích một cách to lớn. Nếu nhờ như Ái Dục của từng mọi người có năng lực cực mãnh liệt, bất liễu tri định lượng, và đã vượt quá hạn độ, thì chỉ sẽ dẫn đến sự sụp đổ và nổi loạn khởi sinh, dẫn đến sự khốn khổ phương hại đến đoàn thể quốc gia, tôn giáo, luôn cả cá nhân và tập thể. Chính vì lý do này, Ngài Thiên Chủ *Sakka* mới khải vấn đến bậc Chánh Đẳng Giác về sự rối loạn tan tác của Ái Dục như sau:

Antojaṭā bahijaṭā Jaṭāya jaṭitā pajā
Taṃ taṃ gotama pucchāmi Ko imaṃ vijaṭaye jaṭaṃ.

Dịch nghĩa là: “Kính bạch Đức Sa Môn Gotama, Ái Dục tựa như một mảnh lưới có thực tính quá nhiều cả nội phần lẫn ngoại phần của tất cả Chúng Hữu Tình. Tất cả Chúng Hữu Tình đã phải đón nhận sự nhiễu loạn mất cả trật tự đây, là cũng do bởi Ái Dục. Vì thế, kính bạch Ngài con xin được vấn hỏi rằng “Ai là người sẽ giải cứu khỏi sự nhiễu loạn của Ái Dục này được?”

Chính vì lý do này, việc tác hành Thiện và việc tạo tác Bất Thiện của tất cả mỗi con người, gọi là Hành (**Saṅkhāra**) do bởi nương vào Vô Minh làm tác nhân đây, mới không thể nào miễn trừ khỏi Ái Dục được. Do vậy, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới nói rằng: “**Taṇhānusayamūlakena saṅkhārena**”- “Cả ba Hành có Ái Dục làm thành nền tảng.”

Sự việc Ái Dục làm thành nền tảng của cả ba Hành đây, hiện hữu ở 2 trường hợp, ấy là: Thường Cận Y và Câu Sinh. Nếu như Hành là **Sân Căn (Dosamūla)**, **Si Căn (Mohamūla)**, **Thiện Hiệp Thế (Lokiyakusala)** được làm thành nền tảng, là cũng do bởi Thường Cận Y tác thành. Nếu như Hành là **Tham Căn (Lobhamūla)** được làm thành nền tảng, là cũng do bởi Câu Sinh tác thành. Như thế mới nói được rằng **Ái Dục** làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Sân Căn**, **Si Căn**, **Thiện Hiệp Thế** với mãnh lực của Thường Cận Y; và làm duyên giúp đỡ ủng hộ **Tham Căn** với mãnh lực của Câu Sinh. Việc làm thành duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Sân Căn**, **Si Căn**, **Thiện Hiệp Thế** đây, thì vẫn đang còn là **Thụy Miên**. Còn việc làm thành duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Tham Căn** đây, thì chẳng phải là **Thụy Miên**, mà đó chính là tự bản thân **Tham** khởi sinh. Như thế, sự việc Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** trình bày nói rằng: “**Taṇhānusayamūlakena**” đây, nếu nhớ như ở trong khía cạnh **Sân Căn**, **Si Căn**, **Thiện Hiệp Thế**, ấy là việc trình bày một cách trực tiếp. Nếu nhớ như ở trong khía cạnh **Tham Căn**, ấy là việc trình bày một cách gián tiếp, thể theo **Phần Tương Đồng (Sadisūpacāra)**, có nghĩa là Vô Minh sinh khởi đây, cũng có cùng một thực tính tương đồng với Vô Minh ở phần **Thụy Miên**.

“**Yathārahaṃ**”- “Thuận hợp theo đối với Hành (**Saṅkhāra**) ở phần **Thiện** và **Bất Thiện**”, giải thích rằng cả ba Hành sắp bày cho việc Tái Tục sinh khởi đây, hiện hữu với nhau ở hai giai đoạn, ấy là:

1. Hành **Thiện** – **Bất Thiện** sinh khởi ở trong sát na thực hiện **Thiện**, thực hiện **Bất Thiện** khi vẫn đang còn ở giai đoạn bình thường;
2. Hành **Thiện** – **Bất Thiện** sinh khởi ở trong thời điểm cận tử khi chỉ có 5 chấp **Động Lực**.

(Cả hai trường hợp này, vào thời điểm cận tử mà khởi sinh có 5 chấp **Động Lực** đây, thì đó chẳng phải chỉ có một **Lộ Trình Tâm duy nhất** ngần ấy thôi đã sinh khởi

vào phút giây cuối cùng, mà đó phải là hàng chục Lộ Trình Tâm trước khi sẽ đến Lộ Trình Tâm cuối cùng.) Trong cả hai giai đoạn này, thì Hành Thiện – Bất Thiện ở trong giai đoạn ban đầu đã sắp bày cho việc Tái Tục sinh khởi ở trong kiếp sống mới, bởi theo sự tác thành của *Mãnh Lực Xuất Sinh (Janakasatti)*, an trú ở trong vị trí của *Thường Cận Y (Pakatūpanissaya)* đặc biệt. Trong giai đoạn về sau đã sắp bày bởi theo sự tác thành *Trịch Khí (Khīpanaka)* (quảng bỏ đi, liệng bỏ đi) của *Mãnh Lực Bảo Hộ (Upathambhakasatti)*, an trú ở trong vị trí của *Thường Cận Y* phổ thông.

Chỗ nói rằng: “*có Vô Minh Thụy Miên (Avijjānussaya)* làm vị thống lãnh, và *có Ái Dục Thụy Miên (Taṇhānussaya)* làm thành nền tảng, thuận hợp theo đối với Hành (*Saṅkhāra*) ở phần Thiện và Bất Thiện” đây, thì việc thống lãnh và việc làm thành nền tảng của cả hai Vô Minh và Ái Dục, ở trong cả hai giai đoạn của Hành Thiện và Bất Thiện đây, thì không giống nhau. Như vậy, sẽ trình bày được là: Việc thống lãnh và việc làm thành nền tảng của cả hai Vô Minh và Ái Dục ở trong giai đoạn ban đầu của Hành Thiện và Bất Thiện đây, là đã có được trình bày ở trong việc miêu tả nội dung của điều Pāli đã có nói rằng: “*Avijjānusaya parikkhittena taṇhānusayamūlakena saṅkhārena janiyamānaṃ paṭisandhi saṅkhātam mānaṃ*”-

*Avijjā taṇhā saṅkhāra
Visayādīnavacchādaṃ
Appahīnehi sesānaṃ
Khipakāpana saṅkhārā*

*Sahajehi apāyinaṃ
Nāmanaṃ khipanaṃ pica,
Chādanaṃ nāmanaṃ pica,
Kusalāva bhavantiha.*

Dịch nghĩa là:

- + Vô Minh, Ái Dục, và Hành cùng cấu sinh với Động Lực Cận Tử của người sẽ đi thọ sinh ở trong những Cõi Thống Khổ đây, thì thường được hiện hành ở ba trường hợp, ấy là:
 - 1/. Che khuất tội lỗi của Cảnh điềm tướng, có Nghiệp, Nghiệp Tướng, v.v.
 - 2/. Cho Thức Tái Tục thiên hướng đi vào ở trong Cảnh điềm tướng, có Nghiệp, Nghiệp Tướng, v.v.
 - 3/. Quảng bỏ Thức Tái Tục cho đi vào ở trong Cảnh điềm tướng, có Nghiệp, Nghiệp Tướng, v.v.
- + Vô Minh và Ái Dục ngủ ngầm ở trong Uẩn Giới mà vẫn không dứt bỏ được của người sẽ đi thọ sinh ở trong những Cõi Thiện Thú đây, thì thường được hiện hành ở hai trường hợp, ấy là:
 - 1/. Che khuất tội lỗi của Cảnh điềm tướng, có Nghiệp, Nghiệp Tướng, v.v.
 - 2/. Cho Thức Tái Tục thiên hướng đi vào ở trong Cảnh điềm tướng, có Nghiệp, Nghiệp Tướng, v.v.

Còn người sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Thiện Thú, thì Hành thường quảng bỏ Thức Tái Tục cho đi vào ở trong Cảnh điềm tướng, có Nghiệp, v.v., tức là chỉ có duy nhất một phía Thiện Hành mà thôi.

Trong cả hai câu kệ này, thì câu kệ thứ nhất có **“Avijjā tanhā”** v.v. cho đến **“Nāmanam khipanam pica”** đây, đã trình bày đến Vô Minh Thụy Miên, Ái Dục Thụy Miên và Bất Thiện Hành cùng câu sinh với Đồng Lực Cận Tử làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thức Tái Tục của người sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Thống Khổ, có được giải thích rằng: Vô Minh Thụy Miên là người che khuất tội lỗi của Cảnh điềm tướng, có Nghiệp, v.v. đây, **rằng khi tính theo Nhân (Hetu)** và **Duyên (Paccaya)**, thì Vô Minh làm Thường Cận Y Năng Duyên, và Thức Tái Tục làm Thường Cận Y Sở Duyên. Còn đối với Ái Dục Thụy Miên đây, là thực tính thường nhiên thiên hướng đi ở trong Cảnh; do đó mới làm thành người làm cho Thức Tái Tục hữu quan dính líu với bản thân thiên hướng đi ở trong bất luận một Cảnh điềm tướng nào mà đã đi đến hiện bày theo với bản thân. **Rằng khi tính theo Nhân (Hetu)** và **Duyên (Paccaya)**, thì Ái Dục làm Thường Cận Y Năng Duyên, và Thức Tái Tục làm Thường Cận Y Sở Duyên. Hành Bất Thiện làm người quảng bỏ Thức Tái Tục cho đi ở trong Cảnh đây, chính là cho tiếp thân bất luận một Cảnh nào đó mà đã đi đến hiện bày. **Rằng khi tính theo Nhân (Hetu)** và **Duyên (Paccaya)**, thì Hành Bất Thiện làm Thường Cận Y Năng Duyên, và Thức Tái Tục làm Thường Cận Y Sở Duyên. Điều này nếu sẽ nêu lên ví dụ để dẫn chứng thì cũng giống như một nam nhân đang bị ba kẻ thù thực hiện việc xúm vào hành hung. Theo người thứ nhất thì làm việc bịt mắt; người thứ hai làm việc cưỡng bức cho đưa tay lên rồi bảo rằng sẽ cướp đoạt lấy của cải đang có ở ngay trước mắt; người thứ ba thì thúc đẩy xua đuổi đi. Điều này như thế nào, thì việc giúp đỡ ủng hộ giữa Vô Minh, Ái Dục và Hành Bất Thiện với Thức Tái Tục cũng như thế ấy.

Đối với việc thống lãnh của Vô Minh, và việc làm thành nền tảng của Ái Dục từ ở nơi Hành Bất Thiện ở trong Đồng Lực Cận Tử đây, nếu như Đồng Lực Cận Tử là Tham Căn, thì Vô Minh và Ái Dục làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Hành Bất Thiện với mãnh lực **Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya)**. Nếu như Đồng Lực Cận Tử đã là Sân Căn và Si Căn rồi, thì Vô Minh làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Hành Bất Thiện với mãnh lực **Câu Sinh Duyên**, và Ái Dục làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Hành Bất Thiện với mãnh lực từ ở nơi Thường Cận Y Duyên.

Câu kệ thứ hai có **“Appahīnehi”** v.v. cho đến **“Kusalāva bhavantiha”** đây, đã trình bày đến Vô Minh Thụy Miên, Ái Dục Thụy Miên và Hành Bất Thiện làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thức Tái Tục của người sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Thiện Thú, có được giải thích rằng: Vô Minh Thụy Miên làm người che khuất tội lỗi của Cảnh điềm tướng có Nghiệp, v.v. đây, **rằng khi tính theo Nhân (Hetu)** và **Duyên (Paccaya)**,

thì Vô Minh làm Thường Cận Y Năng Duyên, và Thức Tái Tục làm Thường Cận Y Sở Duyên. Còn đối với Ái Dục Thụy Miên đây, là thực tính thường nhiên thiên hướng đi ở trong Cảnh; do đó mới làm thành người làm cho Thức Tái Tục hữu quan dính líu với bản thân thiên hướng đi ở trong bất luận một Cảnh điềm tướng nào mà đã đi đến hiện bày theo với bản thân. **Rằng khi tính theo Nhân (Hetu) và Duyên (Paccaya)**, thì Ái Dục làm Thường Cận Y Năng Duyên, và Thức Tái Tục làm Thường Cận Y Sở Duyên. Hành Thiện làm người quăng bỏ Thức Tái Tục cho đi ở trong Cảnh đây, chính là cho tiếp thu bất luận một Cảnh nào đó mà đã đi đến hiện bày. **Rằng khi tính theo Nhân (Hetu) và Duyên (Paccaya)**, thì Hành Thiện làm Thường Cận Y Năng Duyên, và Thức Tái Tục làm Thường Cận Y Sở Duyên. Việc nêu lên ví dụ để dẫn chúng ở trong điều này, thì cũng tương tự với điều đã được đề cập đến rồi vậy.

Đối với việc thống lãnh của Vô Minh, và việc làm thành nền tảng của Ái Dục từ ở nơi Hành Thiện ở trong Đồng Lực Cận Tử đây, thì Vô Minh và Ái Dục làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Hành Thiện với mãnh lực Thường Cận Y Duyên; đích thị chính là việc thống lãnh và việc làm thành nền tảng của cả hai Vô Minh và Ái Dục ở trong Hành Thiện và Bất Thiện ở giai đoạn sau. Vì thế, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới nói được rằng **“Yathārahamaṃ”**- **“Thuận hợp theo đối với Hành (Saṅkhāra) ở phần Thiện và Bất Thiện”**

“Sampayuttehi pariggayhamānaṃ”- **“Làm thành Tâm tương ưng với tất cả các Pháp thành đoàn tùy từng vây quanh, có Xúc (Phassa), Thọ (Vedanā) v.v.”** có được giải thích rằng Thức Tái Tục mà sinh khởi lên đây, là chẳng phải chỉ có một cái Tâm duy nhất, mà có cả các Tâm Sở thành đoàn tùy từng vây quanh. Đề cập đến là đã được phối hợp thể theo với mãnh lực từ ở nơi **Câu Sinh (Sahajāta)**, **Hổ Tương (Aññamañña)**, **Y Chi (Nissaya)**, hiện hành thuận hợp theo đối với Tâm Tái Tục ấy.

“Sahajātanamadhiṭṭhānabhāvena pubbaṅgabhūtaṃ”- **“Luôn cả chính cái Tâm ấy làm Chủ Vị, là vì làm thành chỗ thiết lập cho Tâm Sở (Cetasika) và Sắc Nghiệp (Kammajarūpa) cùng câu sanh với mình.”** Có được giải thích rằng việc sinh khởi ở trong kiếp sống mới của cả ba Tâm Tái Tục, Tâm Sở, và Sắc Nghiệp đây, cho dù quả thật sẽ được câu sinh với nhau, và chẳng có một ai sẽ là sinh trước, sẽ là sinh sau đi nữa, thế nhưng Tâm Tái Tục này đã được an trú bởi theo vị trí làm thành **Câu Sinh Y Duyên (Sahajātanissayapaccaya)**, tức là làm thành chỗ nương sinh của các Pháp Câu Sinh, có Tâm Sở và Sắc Nghiệp. Như thế, Ngài mới nói được rằng **“là làm thành Chủ Vị.”**

Cả hai đoạn văn Pāli, có **“Sampayuttehi pariggayhamānaṃ”** và **“Sahajātanamadhiṭṭhānabhāvena pubbaṅgabhūtaṃ”** đây, đã được trình bày cho

được thấu hiểu đến sự trọng yếu của trạng thái liễu giải, tức là tri tường Cảnh đặc biệt, bởi vì Tâm Tái Tục đây cũng có trạng thái liễu giải tương tự giống với các Tâm khác. Còn trạng thái của 52 Tâm Sở, có trạng thái của Xúc v.v. đây, thì lại có trạng thái bất tương đồng về nghĩa vị liễu giải. Tất cả sự việc này là cũng bởi giả như miễn trừ trạng thái liễu giải ra rồi, thì trạng thái của Xúc, v.v. chẳng thể nào khởi sinh lên được. Nêu ví dụ dẫn chứng như một chàng trai tuấn tú đã sinh ra ở trong đời, thì sẽ cần phải có các vật hữu sinh mạng, như có nam tính khí anh hùng, thông thái, có nữ anh thư, voi, ngựa, bá hộ giàu có, một cách đặc biệt thù thắng; và các vật phi sinh mạng, như có chỗ ở nương trú, vật trang sức, cây cối, cây bông hoa, một cách kỳ diệu đặc thù; làm thành những vật phụ kiện tháp tùng cùng câu sinh như thế nào, thì việc sinh khởi của Tâm Tái Tục cũng cần phải có các Tâm Sở Xúc, v.v. là những Chi phần cùng phối hợp với nhau, và Sắc Nghiệp như có Sắc Ý Vật, v.v. làm thành chỗ nương sinh, làm thành các phụ kiện cùng câu sinh lẫn nhau cũng như thế đấy.

“Bhavantara paṭisandhānavasena paṭisandhisaṅkhātaṃ mānaṣaṃ”- “Tâm mà tên gọi là Tái Tục, vì hữu quan với việc nối tiếp liền với nhau hai kiếp sống cũ và mới.” Đoạn văn này trình bày đến danh lộc vị (**Nāmalābha**), là nguyên nhân của việc được gọi tên là Tái Tục, hoặc trình bày đến điềm tướng chuyển khởi (**Pavattinimitta**) ý nghĩa là nguyên nhân từ ở việc hiện hành của Tâm gọi là Tái Tục. Giải thích rằng khi kiếp sống cũ đã vừa chấm dứt, mà lại chẳng có Tâm Thức hoặc bợn **Mạng Cứu Tổng Hợp** (**Jīvitānavakalāpa**) tiếp nối sinh khởi, và kiếp sống mới với đời sống mới cũng diệt mất luôn; thì sự hiện hành bởi do chẳng có Tâm Thức hoặc bợn **Mạng Cứu Tổng Hợp** tiếp nối sinh khởi như thế này đây, miễn trừ với bậc Vô Sinh ra rồi, thì các hạng người ngoài ra đó, sẽ là Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên, Phạm Phu hoặc Thánh Nhân đi nữa, ắt hẳn chẳng thể nào hiện hành được. Vì thế, một khi đã tử vong thì Thức Quả Dị Thục thường sinh khởi, làm nhiệm vụ nối tiếp liền với nhau hai kiếp sống cũ và mới. Như thế mới được gọi là **Tái Tục** (**Paṭisandhi viññāṇa** – còn gọi là **Thức Nói Liền**). Như đã có trình bày câu Chú Giải nói rằng: **“Bhavantaram paṭisandahaṭṭi = Paṭisandhi”-** Thức Quả Dị Thục nào thường làm nhiệm vụ nối liền với kiếp sống mới, như thế Thức Quả Dị Thục ấy, gọi là Tái Tục.

“Uppajjamānameva paṭiṭṭhāti bhavantare”- “Tức thời sát na sinh khởi hiện hữu ở trong kiếp sống mới.” Từ ngữ **“Eva”** ở trong **“Uppajjamānameva”** đây, là việc trình bày cho được thấu hiểu đến kiếp sống mới của Tâm Tái Tục là ở trong **Sát Na Khởi Sinh** (**Uppādakkhaṇa**), đó chính là sát na sinh của Tâm Tái Tục đấy, đã làm việc sinh khởi của kiếp sống mới, và chẳng phải là sát na sinh của Tâm Tái Tục vẫn đang là kiếp sống cũ. Tiếp đến khi **Sát Na Trụ** (**Thītikhaṇa**) là sát na an trú của Tâm Tái Tục mới sẽ làm thành kiếp sống mới, như vậy cũng chẳng phải luôn. Tuy nhiên tất cả mọi

người trái lại hiểu biết rằng một khi tất cả Chúng Hữu Tình đã tử vong, thì vẫn chưa có đi tục sinh ở trong kiếp sống mới ngay lập tức, vẫn đang còn đi tìm kiếm kiếp sống, mà đó là sự hiểu biết sai trật với Sự Thật. Sự hiện hành như vậy là cũng bởi vì những hạng người này chẳng có việc nghiên cứu học hỏi đến sự hiện hành ở trong các sự kiện Sinh – Trụ – Diệt của Ngũ Uẩn Danh Sắc một cách tốt đẹp. Một khi có được tiếp xúc với tác nhân ở bên ngoài thì sẽ dễ làm cho có sự hiểu biết sai lệch như thế ấy, đã thâm nhập *quan kiến sai lầm về Tà Kiến Giải (Micchādhimokkha – Mâu Chủng)*, là sự quyết định sai lầm rằng tất cả Chúng Hữu Tình đã tử vong rồi, thì vẫn chưa có đi tục sinh. Sinh khởi quan kiến như vậy, là bởi do tác nhân ở bên ngoài đã làm cho có sự hiểu biết sai trật đây, hiện hữu với nhau ở hai trường hợp, ấy là:

1/. Một số người đã tử vong rồi, lại có thể đi đến tự biểu hiện cho người khác được trông thấy qua hình hài thân tướng, cử chỉ hành động, và cho đến cả vật trang sức sắc thân; cũng có thể hiện hành tương tự như khi vẫn còn hữu sinh mạng.

2/. Từ ngữ **“Sambhavesī”** ở trong bài Kinh Tụng Thất Kệ thuộc bản của nhà nước dịch rằng: *“Loài Hữu Tình đang đi lang thang tìm kiếm sinh thú”*. Khi từ ngữ đã được dịch như vậy, thì cho dù người hiểu biết về Pāli, hoặc không có hiểu biết về Pāli đi nữa, một khi đã đọc rồi thì ai ai cũng rủ nhau hiểu biết sai lệch rằng *“loài Hữu Tình đã tử vong đấy vẫn đang còn tìm kiếm kiếp sống mới, vẫn chưa có được thọ sinh, loài Hữu Tình gọi là “Sambhavesī” (Đãi Xuất Sanh Hồn)*.

Sự thật về hai trường hợp tác nhân này, cũng được hiện hữu ở hai trường hợp, ấy là:

1/. Người đã tử vong rồi, lại có thể đi đến tự biểu hiện cho người khác được trông thấy đó, là chẳng phải chưa có đi thọ sinh; mà tất cả đều đã đi tục sinh ở trong kiếp sống mới hết cả rồi. Tuy nhiên việc tục sinh của những chúng sanh này, là chẳng phải được tục sinh ở trong chủng loại thông thường, mà chỉ là việc tục sinh một cách to lớn tức thì, và được gọi là *Chủng Loại Hóa Sanh (Opapātika)*. Theo lẽ thường, chủng loại Hóa Sanh ấy có sự hiểu biết, sự ghi nhớ ở trong các câu chuyện của kiếp sống cũ mà chẳng có phai mờ, và vẫn hiện bày rõ ràng tốt đẹp. Như thế, khi tục sinh thành *Nga Quý (Peta)* ở trong thôn làng, hoặc thành *Thụ Khổ Nạn Giả Thiên (Vinipātikadevatā)* là hạng Chư Thiên ở tầng trời thấp, thì cả ba thể loại *Chấp Thủ (Upādāna)* có *Dục Thủ (Kāmapādāna)*, *Kiến Thủ (Dīṭṭhupādāna)* và *Ngã Luận Thủ (Attavādūpādāna)*, với sự nắm giữ chấp trước ở trong đời của kiếp sống cũ cũng tức thì được hiện bày, và thế rồi đã đi đến tự biểu hiện cho người khác được trông thấy. Nếu nhớ như thành Nga Quý, thì cũng biểu hiện cho được trông thấy thật đáng kinh sợ. Nếu nhớ như thành Thụ Khổ Nạn Giả Thiên, thì khi vẫn còn là Nhân Loại đã có đời sống ở thể loại nào, thì cũng sẽ biểu hiện cho được trông thấy ở dạng loại đó. Nếu

nhờ như người ấy đi tục sinh thành Hữu Tình Địa Ngục, Atula, Nga Quý, và trú ngụ ở cách xa khỏi Cõi Nhân Loại, thì việc *Chấp Thủ (Upādāna)* nắm giữ chấp trước ở trong đời sống hữu quan với kiếp sống cũ cho dù sẽ có sinh khởi đi nữa, tuy nhiên cũng vẫn không có cơ hội để sẽ đi đến tự biểu hiện cho người khác được trông thấy. Nếu đã là Chư Thiên ở tầng trời cao phối hợp với sự an lạc, thì việc *Chấp Thủ* nắm giữ chấp trước ở trong đời hữu quan với kiếp sống cũ, cũng vẫn không có cơ hội để sinh khởi lên được, và có thể chỉ có khởi sinh việc *Chấp Thủ* nắm giữ chấp trước ở trong đời sống hữu quan với kiếp sống mới tiếp nối theo.

2/. Loài Hữu Tình tên gọi là **“Sambhavesī”** (*Đãi Xuất Sanh Hòn*) đây, tức là 4 Phạm Phu, 3 Bậc Hữu Học. Là như vậy cũng bởi vì việc tục sinh của những hạng người này vẫn chưa chấm dứt, còn phải tìm kiếm các kiếp sống nối tiếp. Từ ngữ **“Sambhavesī”** (*Đãi Xuất Sanh Hòn*) là từ ngữ đi đôi với từ ngữ **“Bhūtā”** mà đã được Đức Phật Ngài lập ý khái thuyết và có sự giải thích để ở trong bài *Kinh Từ Ái (Mettāsutta)* đã trình bày rằng:

Ditṭhā vā yeva aditṭhā Yeva dūre vasanti avidūre
Bhūtā va sambhavesī va Sabbasattā bhavantu sukhitattā.

Dịch nghĩa là: Tất cả Chúng Hữu Tình nào mà Tôi đã từng được thấy đến (***Ditṭhā vā*** – *Hữu Kiến, Hữu Hình hoặc*) Tôi chưa từng được thấy đến đi nữa (***Aditṭhā vā*** – *Vô Kiến, Vô Hình hoặc*), và Chúng Hữu Tình nào trú ngụ xa cách ở nơi Tôi (***Dūre vā*** – *Dao Viễn hoặc*) ở gần với Tôi đi nữa (***Avidūre vā*** – *Bát Dao Viễn hoặc*), và tất cả Chúng Hữu Tình đã xa lìa khỏi Phiền Não, nhưng vẫn còn phải đi thọ sinh ở trong các kiếp sống đi nữa, và lại Phạm Phu và ba Bậc Hữu Học vẫn còn phải đi thọ sinh ở trong các kiếp sống nối tiếp đi nữa; xin cho hết tất cả những Chúng Hữu Tình đang hiện hữu ấy, cho có được sự an vui hạnh phúc.

Quan Điểm Về Thường Kiến (**Sassataditṭhi**) Hoặc Đoạn Kiến (**Ucchedaditṭhi**)
Và Chánh Kiến (**Sammāditṭhi**) Trong Sự Việc Sinh Khởi
Ở Trong Kiếp Sống Mới Của Tất Cả Chúng Hữu Tình

Với các bậc Học Giả hoặc những người chẳng có học đi nữa, một khi đã được đọc hoặc đã được lắng nghe việc sinh khởi ở trong kiếp sống mới của tất cả Chúng Hữu Tình, như đã có trình bày rằng: **“Tassānantarameva paṭisandhi saṅkhātam mānasam uppajjamānameva patitṭhāti bhavantare”**- *“Chính ở ngay trong tuần tự một cách không gián đoạn của Tâm Tử ấy, tức thì Tâm Tái Tục sinh trú ở trong sát na Sinh của kiếp sống mới”* và như vậy rồi, bởi do bất liễu tri mà *Thường Kiến* hoặc *Đoạn Kiến* sẽ thường hay sinh khởi ở trong tâm thức. Sự việc đã như vậy, là cũng do

những hạng người này vẫn thường luôn có *Thường Kiến* với sự chấp trước ở trong Ngũ Uẩn Danh Sắc rằng là Ta và Của Ta.

Việc tục sinh thể theo Thường Kiến, ấy là một khi đã được đọc hoặc đã được lắng nghe sự việc sinh khởi ở trong kiếp sống mới của tất cả Chúng Hữu Tình, thì có quan điểm cho rằng Thân – Tâm sinh khởi ở trong kiếp sống mới, thì cũng vẫn duy trì đối với Thân – Tâm hiện hữu ở trong kiếp sống cũ này vậy. Quan điểm như vậy gọi là *Thường Kiến*, tức là quan điểm cho rằng cho dù Chúng Hữu Tình đã mạng vong rồi, tuy nhiên Danh Sắc của Chúng Hữu Tình ấy vẫn còn duy trì và tiếp tục sinh khởi ở trong kiếp sống mới một cách không gián đoạn. Còn về việc tục sinh thể theo Đoạn Kiến, thì có quan điểm cho rằng Thân – Tâm sinh khởi ở trong kiếp sống mới đây, thì chẳng có quan hệ liên đới bất luận một trường hợp nào với Thân – Tâm ở trong kiếp sống cũ cả, và ngặt chỉ có việc nương nhờ vào người Mẹ người Cha mà đã được sinh ra. Quan điểm như vậy gọi là *Đoạn Kiến*, tức là quan điểm cho rằng Danh Sắc ở trong kiếp sống mới chẳng có quan hệ liên đới chi với Danh Sắc ở trong kiếp sống cũ.

Còn với người chẳng có chấp trước vào Thường Kiến, tức là tất cả các bậc Thánh Nhân, và người vẫn còn có *Hữu Thân Kiến (Sakkāyadiṭṭhi)*, tuy nhiên lại có sự hiểu biết ở trong sự hiện hành của những thể loại Danh Sắc ấy. Một khi đã được đọc hoặc đã được lắng nghe sự việc tục sinh ở trong kiếp sống mới của tất cả Chúng Hữu Tình, thì quan điểm thuộc phần *Chánh Kiến (Sammādiṭṭhi)* hình thành bởi *Trí Tuệ (Paññā)* thường khởi sinh. Do được thấy rằng Danh Sắc sinh ở trong nội phần của Chúng Hữu Tình khi vẫn đang còn sinh mạng đấy; khi sinh khởi ở trong chỗ nào, vào sát na nào, thì cũng thường diệt mất ngay ở trong chỗ ấy, vào sát na ấy, và chẳng có việc lưu chuyển bằng cách sinh ở chỗ này lại diệt mất ở chỗ khác như vậy được. Như thế, khi tất cả Chúng Hữu Tình đã mạng chung rồi, thì Danh Sắc ở trong kiếp sống cũ cũng thường diệt mất chính ngay ở trong kiếp sống cũ, và lại cũng chẳng có việc sinh nối tiếp liên đới đến ở trong kiếp sống cũ được nữa. Luôn cả cũng có việc nhận thức được rằng Danh Sắc sinh ở trong kiếp sống mới ấy, dù cho có thực sự chúng sẽ chẳng phải là Danh Sắc ở trong kiếp sống cũ đã sinh khởi nối tiếp liên đới với nhau đi nữa; tuy nhiên việc sinh khởi của Danh Sắc ở trong kiếp sống mới này, cũng có mối quan hệ liên đới tương tự từ ở nơi kiếp sống cũ ấy vậy. Như đã có trình bày ở trong đoạn văn chỗ nói rằng: “*Avijjānusayaparikkhittena tanhānusayamūlākena saṅkhārena*”- ý nghĩa là việc sinh khởi của Thức Tái Tục ở trong kiếp sống mới ấy, hẳn là có mối quan hệ liên đới với Pháp làm thành tác nhân ở trong kiếp sống cũ; tức là Vô Minh, Ái Dục và Hành. Như thế, khi sẽ so sánh thì cũng nên thấy được rằng tương tự với âm thanh đã phát vang lên, hoặc ngọn lửa nhen được thắp lên, hoặc đóng dấu với con dấu. Giải thích rằng âm thanh phát vang lên đó, thì chẳng phải là âm thanh hiện khởi lên

bởi do con người gọi to tiếng lên một cách trực tiếp, đó chỉ là âm thanh liên hệ từ ở nơi âm thanh đã được phát vang lên mà thôi. Ngọn lửa nển được thấp lên, thì chẳng phải là ngọn lửa cũ có việc lưu chuyển theo ngọn lửa mới đi được, mà chỉ là nối tiếp liên đới từ ở nơi ngọn lửa cũ mà thôi. Cũng như vậy với việc đóng dấu con dấu, là chẳng phải con dấu dính chặt vào nhau, mà chỉ là liên quan với việc đóng dấu mà thôi.

Lời Phán Bác Và Điều Thẩm Định

Chỗ nói rằng Danh Sắc sinh khởi ở trong chỗ nào, vào sát na nào, thì cũng thường diệt mất ngay ở trong chỗ ấy, vào sát na ấy; sự việc này nếu sẽ nói với nhau là duy nhất chỉ có Danh Pháp thì chẳng có bất luận điều chi đáng sẽ phải nghi ngờ cả, bởi vì Danh Pháp có thực tính đặc biệt chỉ sinh ở trong nội phần vật hữu sinh mạng mà thôi, và cũng chẳng phải là Sắc Pháp. Tuy nhiên đối với Sắc Pháp đây, thì đáng nghi ngờ rằng sẽ chẳng có được hiện hành như vậy, là vì có được trông thấy hình ảnh và có được lắng nghe âm thanh của tất cả mọi người và các sự vật đã hiện bày ở trong vô tuyến truyền hình.

Điều này giải thích rằng hết cả Ngũ Cảnh có Cảnh Sắc v.v. sinh khởi ở trong những vật hữu sinh mạng hoặc phi sinh mạng này đây, thì một khi sinh khởi lại thường có thêm *Cảnh Thừa Kế (Santati ārammaṇa)* sinh nối tiếp hữu quan ở phía bên trong khu vực của từng mỗi Cảnh ban đầu. Tuy nhiên trong tất cả những Ngũ Cảnh này, thể loại Cảnh Sắc mà có ánh sáng, và Cảnh Thinh, Cảnh Khí, Cảnh Xúc, với cả bốn Cảnh này thì một khi sinh khởi thường có *Cảnh Sắc Thừa Kế (Santatirūpārammaṇa)*, *Cảnh Thinh Thừa Kế (Santatisaddārammaṇa)*, *Cảnh Khí Thừa Kế (Santatigandhārammaṇa)*, *Cảnh Xúc Thừa Kế (Santatiphoṭṭhabbārammaṇa)* nhất định sinh nối tiếp hữu quan với Cảnh ban đầu. Còn cả hai thể loại Cảnh, là Cảnh Sắc mà không có ánh sáng và Cảnh Vị đây, thì *Cảnh Thừa Kế* sinh nối tiếp hữu quan với mình, thì cũng có khi có hoặc cũng có khi không; thế nhưng, *Cảnh Thừa Kế* mà sinh nối tiếp hữu quan với Cảnh ban đầu ấy, thì có thực tính cực kỳ vi tế hơn Cảnh ban đầu gấp cả trăm lần. Chính vì lý do này, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân của hạng người bình thường mới không thể nào sẽ tiếp thu lấy Cảnh ấy được; mà chỉ có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân của hạng Chư Thiên ở tầng trời cao mới có thể tiếp thu lấy Cảnh ấy được. Tiếp đến thực hiện việc tích trữ *Cảnh Thừa Kế* với việc lưu truyền rộng ra cùng với Chi Phần phối hợp của các Cảnh ấy, có tia sáng kẽ hở hư không, gió, nước, sự cương kiện của Đất, thì mắt, tai, mũi, lưỡi, và thân của hạng người bình thường cũng tiếp thu được, ngoài ra đây thì thực hiện việc lưu truyền khuếch tán rộng ra xa cũng vẫn được nữa. Như thế, mới thấy được rằng Cảnh hiện bày ở trong vô tuyến

truyền hình đầy, chẳng phải là Cảnh ban đầu, mà đó chỉ là *Cảnh Thừa Kế*. Còn về phần Cảnh ban đầu ở trong chỗ nào thì cũng thường diệt mất ngay ở trong chỗ ấy.

Giải Thích Trong Phần Pāli Với Điều Thứ Bảy, Thứ Tám Và Thứ Chín :
Trình Bày Cảnh Của Tâm Tái Tục Dục Giới (*Kāmapaṭisandhicitta*)

Điều Pāli này trình bày đến Cảnh của Tâm Tái Tục Dục Giới cùng với việc sinh khởi của Tâm Đồng Lực khi cận tử lâm chung. Về phần nội dung của từng từ ngữ ở trong điều Pāli này đây, có được như vậy: “*Marañāsanna vīthiyaṃ*” ở trong Lộ Trình Cận Tử. Chỗ nói rằng Lộ Trình Cận Tử ấy, cũng chẳng phải là Lộ Trình chỉ sinh khởi duy nhất ở lần cuối cùng, bởi vì từ ngữ “*Marāṇasannavīthi*” đây, dịch nghĩa là Lộ Trình sinh khởi sắp sửa sẽ tử vong. Như thế, khi sẽ nói theo số lượng, thì thường là có cả hàng chục hàng trăm Lộ Trình, và những Lộ Trình này cũng thường đều được gọi với nhau là Lộ Trình Cận Tử.

Khi sẽ trình bày Câu Chú Giải, thì cũng sẽ phải trình bày nói rằng: “*Marāṇassa āsannaṃ = Marañāsannaṃ*”- “*Kề bên của sự tử vong, gọi là Cận Tử*”. “*Marañāsanna pavattāvīthi = Marāṇasannavīthi, tissaṃ marañāsanna vīthiyaṃ*”- “*Tâm Lộ Trình sinh khởi trong thời gian sắp sửa sẽ tử vong, gọi là Lộ Trình Cận Tử*”. Trong Lộ Trình Cận Tử đây, từ ngữ nói rằng “*Tissaṃ marañāsannavīthiyaṃ*”- là (*Ādhāra*: việc chứa đựng, căn cứ) ở trong (*Pāṭikaṅkhitabbāna*: việc mong mỏi, trông đợi).

“*Mandappavattāni*” (*Diễn tiến một cách yếu kém*) bởi vì việc sinh khởi của những Tâm Đồng Lực này đang có năng lực giảm thiểu xuống (trong khi cận tử lâm chung); có Câu Chú Giải nói rằng:

“*Mandaṃ hutvā pavatti = Mandappavattaṃ*”- “*Năng lực của việc sinh khởi đang suy giảm, gọi là “diễn tiến yếu kém”, tức là việc sinh khởi những Tâm Đồng Lực ấy (Tāni mandappavattāni) đang yếu kém. Sự việc là như vậy, bởi vì năng lực của dòng tâm thức trong thời gian ấy đang yếu kém, luôn cả Sắc Ý Vật làm thành chỗ nương sinh của tất cả Tâm và Tâm Sở cũng có năng lực yếu kém. Trong sự việc dòng tâm thức đang có năng lực yếu giảm xuống, hoặc Sắc Ý Vật làm thành chỗ nương sinh của tất cả Tâm và Tâm Sở cũng đang có năng lực yếu giảm xuống theo; khi sẽ khai bộ xuất sinh xứ thì cũng chẳng phải kéo lôi đi xa ra, mà chỉ sẽ kéo lôi ở ngay trong chỗ cận kề, đó chính là thời gian cận tử lâm chung làm thành Hữu Nhân (Sāhetuka).*”

Chỗ nói rằng dòng tâm thức đang có năng lực yếu kém và chẳng có liên quan với tuổi thọ (Sinh - Trụ - Diệt) ấy, là vì sự việc này có thể hiểu được rằng Sinh - Trụ - Diệt của Tâm và Tâm Sở trong thời gian cận tử lâm chung ấy quá nhanh hơn cả việc

Sinh – Trụ – Diệt ở trong *Thời Bình Nhật (Yāmapakati)*; chính vì lý do này, mới làm cho dòng tâm thức phải yếu giảm xuống. Nếu hiểu biết như vậy thì quả thật là một việc sai lầm, vì theo lẽ thông thường thì tuổi thọ của Tâm và Tâm Sở ở cả ba sát na (tiểu) Sinh – Trụ – Diệt đây, cho dù sẽ là *Thời Tái Tục (Paṭisandhikāla)*, hoặc *Thời Chuyển Khởi (Pavattikāla)*, hoặc *Thời Tử Vong (Cutikāla)* đi nữa, cũng thường luôn giống với nhau hết cả thấy, chẳng có nhanh hơn và cũng chẳng có chậm hơn chi cả. Như thế, sự việc dòng tâm thức có trạng thái yếu giảm xuống mới chẳng có liên quan với tuổi thọ, mà có thể chỉ có liên quan với Thời Gian và Sắc Ý Vật.

+ **Liên quan với Thời Gian**, tức là khi ở *Thời Bình Nhật*, ngoài ra khỏi *Thời Cận Tử (Maranāsannakāla)*, *Thời Sinh Sản (Atitaruṇakāla)*, *Thời Bất Tri Giác (bất tỉnh, ngất xỉu) (Visaññbhūtakāla)*, *Thời Hôn Mê (Mucchākāla)*, thì sự sinh khởi của dòng tâm thức vào thời gian ấy có năng lực kiên cường. Còn *Thời Gian Cận Tử*, thời gian cận tử lâm chung v.v. được ví như sức nóng của mặt trời vào lúc rạng đông sáng với sức nóng vào buổi chiều tà.

+ **Liên quan với Sắc Ý Vật**, tức là thai nhi đang ở trong thai bào với các bộ phận sinh khởi vẫn chưa tròn đủ; chỗ gọi là *Thời Sinh Sản*, hoặc *Thời Cận Tử* có bất luận một tác nhân nào bức hại trái tim, chẳng hạn như những bệnh tim mạch trầm kha, hoặc chích thuốc mê; trong thời gian ấy, Sắc Ý Vật thường có năng lực yếu kém. Khi Sắc Ý Vật có năng lực yếu giảm xuống, thì Tâm và Tâm Sở nương vào Sắc Ý Vật đang sinh khởi cũng thường có năng lực yếu giảm xuống theo, cũng ví như vận tốc của đoàn xe lửa chạy trên đường ray bị hư hỏng vậy.

Nguyên Nhân Sắc Ý Vật Có Năng Lực Yếu Kém

Ở trong *Thời Sinh Sản*, Sắc Ý Vật có năng lực yếu kém, cũng vì thời gian ấy chính là *Thời Sinh Sản*, có nghĩa là thai nhi đang ở trong thai bào khi mà các bộ phận vẫn chưa sinh khởi cho được tròn đủ. Vào thời gian ấy, cơ thể có thực tính rất yếu kém, và vì thế, Sắc Ý Vật mới có năng lực yếu kém. Sắc Ý Vật có năng lực yếu kém trong khi mắc chứng bệnh tim mạch dị tật trầm kha, hoặc bị cho thuốc mê, là cũng do hữu quan với dị chứng bệnh trầm kha và thuốc mê ấy, làm thành tác nhân. Sắc Ý Vật có năng lực yếu kém trong thời gian cận tử lâm chung, là cũng do thời gian cận tử lâm chung ấy, làm thành tác nhân. Có nghĩa là theo lẽ thông thường, thì Sắc Nghiệp thường sinh khởi vào từng mỗi sát na Tâm, tuy nhiên vào thời gian cận tử lâm chung đây, thì sẽ không thể đồng cùng câu sinh với từng mỗi sát na Tâm cho đến ngay cả lúc mạng chung được, là vì thường sẽ phải đồng cùng diệt mất với Tâm Tử, dù cho với bất kể hạng người nào. Như thế, việc sinh khởi của Sắc Nghiệp vào thời gian cận tử lâm chung mới có số lượng rất ít nhưng lại diệt đi nhiều. Vì lý do này, Sắc Ý Vật mới có

năng lực yếu giảm xuống. Khi Sắc Ý Vật có năng lực yếu giảm xuống do bởi các tác nhân như đã vừa đề cập đến, thì Tâm và Tâm Sở nương vào Sắc Ý Vật sinh khởi cũng có năng lực yếu giảm xuống theo cùng tương tự như nhau. Sau khi có việc mở mắt xong, thì việc trông thấy thường không được rõ ràng lắm; sự việc như vậy là cũng vì vào thời gian ấy *Bạn Tổng Hợp Nhân Thập (Cakkhudasakakalāpa)* sinh khởi chưa được tròn đủ lắm, khác biệt với việc trông thấy của người có đôi mắt tốt đẹp một cách bình thường.

Diễn Tiến Một Cách Yếu Kém (*Mandappavattāni*) Là Nhân Quả Phân Biệt Từ (*Hetumantavisesanapada*)

Từ ngữ "*Mandappavattāni*" (*Diễn tiến một cách yếu kém*) đã được dịch nghĩa rồi, hiện hữu ở hai thể loại nội dung, ấy là: *Phân Biệt Từ (Visesana)* với *Tác Nhân (Hetu)*. "*Mandappavattāni*"- có năng lực yếu kém. Từ ngữ dịch nghĩa này trình bày nội dung là "*Visesattha mandappavattāni*"- Vì có năng lực yếu giảm xuống. Từ ngữ dịch nghĩa này đã trình bày nội dung là "*Hetavattha*"- Khi sẽ đề cập đến việc liên quan. "*Mandappavattāni*" được dịch nghĩa là "*Visesattha*" ở trong "*Javanāni*"- theo sự làm thành *Phân Biệt Từ (Visesana)*. "*Visesaya*" được dịch nghĩa là "*Hetavattha*" đây, ở trong "*Pāṭikaṅkhitabbāni*"- Việc mong mỏi, trông đợi; theo sự làm thành Nhân thành Quả. Việc dịch nghĩa như vậy, là cũng vì từ ngữ "*Mandappavattāni*" này, là "*Hetumantavisesanapada*"- Tự ở trong bản thân *Phân Biệt Từ* này hiện hữu tác nhân, và tác nhân này mới được dịch nghĩa thành hai phần.

Lại nữa, "*Hetumantavisesanapada*" đây, dù cho lời nói của con người có chung chung đi nữa cũng vẫn là hiện hữu; chẳng hạn như người Thầy đã nói rằng: "*Em trai Vira nhắc chín cái to bự ấy cho đến đây nha!*" Người em trai *Vira* sẽ trả lời là: "*Em nhắc lên không nổi.*" Nếu thế, sẽ hỏi rằng: "*Vì sao mới nhắc không nổi?*" Người em trai ấy sẽ trả lời là: "*Chín cái này to bự và em thì vẫn còn bé!*" Trong lời nói của người Thầy, thì người em trai là *Phân Biệt Từ (Visesana)* của *Vira*. "*To bự*" là *Phân Biệt Từ (Visesana)* của "*chín cái này*". Trong câu lời trả lời của người em trai, thì lời nói "*bởi vì to bự, hoặc bởi vì nhỏ bé*" ở trong lời nói rằng "*không nổi*" làm thành Nhân Quả.

"*Pañceva javanāni pāṭikaṅkhitabbāni*"- "*Tâm Đồng Lực sinh khởi chỉ được năm chặp ngắn ấy thôi.*" Tâm Đồng Lực sinh khởi chỉ được 5 chặp đây, cũng vì đó là thời gian cận tử lâm chung, và lập ý chỉ lấy một thể loại duy nhất là Tâm Đồng Lực Dục Giới. Đối với *Đồng Lực Nhập Định (Appanājavana)* thì chẳng có liên quan. Theo lẽ thông thường, Tâm Đồng Lực Dục Giới sẽ cho được thành tựu ở trong việc

nói năng và nghĩ suy, thì thường sẽ phải sinh khởi đến 7 sát na, chỉ trừ với người có *Pháp Trí Tuệ Toàn Thiện (Paññāpāramī – Trí Tuệ Ba La Mật)* đôi khi sinh khởi chỉ có 6 sát na mà công việc cũng vẫn được hoàn thành. Đối với bậc Chánh Đăng Giác và bậc Chí Thượng Thinh Văn Giác sinh khởi chỉ có 4 sát na, 5 sát na, và công việc cũng được thành tựu. Điều đã được nói ở tại đây, chẳng phải là hết tất cả mọi công việc, mà có thể chỉ đặc biệt hiện hành đối với những công việc ở trong trường hợp đặc biệt mà thôi, do bởi có *Niệm (Sati) – Tuệ (Paññā)* làm thành Trưởng (*Chủ vị*). Điều này có nghĩa là công việc được thành tựu từ ở nơi 6 sát na *Đồng Lực Bất Thiện* có *Niệm – Tuệ* làm thành công cụ giúp đỡ ủng hộ; 6 sát na *Đồng Lực Đại Thiện*, 4 – 5 sát na *Đồng Lực Đại Duy Tác* có *Niệm – Tuệ* làm thành Trưởng. Với lý do này, Tâm *Đồng Lực* sinh khởi chỉ có được 5 cặp đối với người cận tử lâm chung đấy, và chớ có nói rằng chỉ là việc hoạt động của Thân và Lời, mà ngay cả việc nghĩ suy với tâm trí cũng chẳng có, tức là chấm dứt tất cả mọi sự nghĩ suy.

“Tasmā yadi paccuppanārammaṇesu āpātamaṅgatesu dharantesveva maraṇaṃ hoti”- “Do đó, giả như tử vong trong khi Cảnh Hiện Tại vẫn đang hiện bày trước mắt, và vẫn còn đang hiện hữu.” Nội dung chính của đoạn văn này có sự ước định ở trong câu chuyện của việc tử vong, để sẽ được thấu hiểu đến Cảnh của Tâm Tái Tục và Tâm Hữu Phần sinh nối tiếp với nhau. Chỗ nói rằng Cảnh Hiện Tại đang hiện bày trước mắt và vẫn còn đang hiện hữu; lời đề cập này lập ý là chỉ lấy Cảnh Sắc Pháp, tức là màu sắc, âm thanh, khí hơi, mùi vị, xúc chạm; và chẳng phải lập ý lấy bất luận một trường hợp nào về Cảnh Danh Pháp, tức là sự hoan hỷ, sự thản nhiên, sự sùng tín, sự hiểu biết, v.v., chẳng vì Danh Pháp Hiện Tại là ở *Ngoại Phần (Bahiddhā)*, tức là sự hoan hỷ, sự thản nhiên, sự sùng tín, sự hiểu biết, v.v. sinh khởi ở trong nội phần của người khác đấy; thì cho dù thực sự sẽ là Cảnh của *Đồng Lực Cận Tử* đi nữa, tuy nhiên cũng không thể nào sẽ hiện hữu mãi cho đến tận Tâm Tử mới diệt mất. Đối với Pháp Hiện Tại đang khởi sinh ở trong nội tình bản tánh của mình đây, cũng không thể nào sẽ là Cảnh của *Đồng Lực Cận Tử* được, mà có thể chỉ là Danh Pháp thuộc về quá khứ mà thôi.

Lại nữa, chỗ nói rằng “*đặc biệt chỉ là Cảnh Sắc Hiện Tại*” đấy, cũng vì hữu quan với tuổi thọ của Cảnh Sắc Pháp lâu dài hơn Cảnh Danh Pháp. Sẽ nói là trong khoảng thời gian Tâm và Tâm Sở sinh khởi, an trụ và diệt mất đi theo tuần tự cho đến tròn đủ 17 cái. Trong khoảng thời gian ấy tương đương với việc sinh khởi, an trụ và diệt mất của từng mỗi Sắc Pháp. Do đó, nếu như Cảnh là *Cảnh Cự Cự Đại (Atimahantārammaṇa)* và Lộ Trình có *Na Cảnh (Tadārammaṇa)*, thì chỉ Tâm Tái Tục có Cảnh Hiện Tại. Nếu không có *Na Cảnh*, thì Tâm Tái Tục với hai cái Tâm Hữu Phần nữa, có Cảnh Hiện Tại. Nếu là *Cảnh Cự Đại (Mahantārammaṇa)*, thì chỉ

Tâm Tái Tục với Tâm Hữu Phần thứ nhất có Cảnh Hiện Tại. Trong Lộ Trình Cận Tử Ý Môn, có Cảnh là *Cảnh Cực Minh Hiện (Ativibhūtārammaṇa)* và Lộ Trình ấy có Na Cảnh, thì Tâm Tái Tục với tối đa là 4 cái Tâm Hữu Phần nữa, có Cảnh Hiện Tại. Nếu không có Na Cảnh, thì Tâm Tái Tục với tối đa là 6 cái Tâm Hữu Phần nữa, có Cảnh Hiện Tại. Nếu là *Cảnh Minh Hiện (Vibhūtārammaṇa)* thì Tâm Tái Tục với tối đa là 6 cái Tâm Hữu Phần nữa, có Cảnh Hiện Tại, tương tự như nhau.

Vì thế, Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* mới trình bày tiếp theo rằng: **“*Tadā paṭisandhibhavaṅgānampi paccuppannārammaṇatā labbhati*”**- “*Thì chính ngay trong lúc ấy, Cảnh của Tâm Tái Tục và Tâm Hữu Phần sanh nối tiếp nhau (tối đa sáu chấp Tâm) cũng chính là Cảnh Hiện Tại tương tự như nhau.*” Còn Tâm Hữu Phần sinh khởi suốt trọn ở trong kiếp sống mới, trừ ra phần “*tối đa sáu chấp Tâm Hữu Phần*”, hoặc với Tâm Tử sinh khởi lần cuối cùng ở trong kiếp sống mới, thì hoàn toàn có Cảnh là thuộc về Quá Khứ, và chẳng thể nào có được Cảnh Hiện Tại.

“*Iti katvā kāmāvacarapaṭisandhiyā*” v.v. cho đến **“*tāni pana sabbānipi parittadhamma bhūtānevārammaṇāni*”**.

Cả hai đoạn văn Pāli này đã được trình bày tóm tắt nội dung ở trong ý nghĩa của đoạn văn Pāli nói rằng: **“*Marañāsannavīthiyam panetha*”** v.v. cho đến **“*Paccuppannārammaṇatā labbhati*”**- Về phần lời dịch của đoạn văn Pāli này có nghĩa như vậy: “*Vì lẽ ấy, Cảnh Nghiệp Tướng và Cảnh Thú Tướng của Tâm Đồng Lực Cận Tử Tái Tục Dục Giới thụ lãnh với cả Lục Môn đây, là Cảnh Hiện Tại cũng được, hoặc là Cảnh Quá Khứ cũng được.*” Còn Cảnh Nghiệp của Tâm Tái Tục Dục Giới đây, duy nhất chỉ là Cảnh Quá Khứ, và phải được thụ lãnh bởi theo Tâm Đồng Lực Cận Tử ở trong Lộ Ý Môn. Khi đã tính theo Chi Pháp, thì Cảnh Nghiệp, Cảnh Nghiệp Tướng, và Cảnh Thú Tướng của những Tâm Tái Tục Dục Giới đây, tất cả thấy đều là Cảnh Pháp Dục Giới.

Việc trình bày tóm tắt nội dung ở trong cả hai đoạn văn Pāli này có được như vậy: Trong những cả ba điều tướng làm thành Cảnh của Tâm Tái Tục Dục Giới đây; thì cả hai Nghiệp Tướng và Thú Tướng, **rằng khi tính theo Cảnh – Môn – Thời**, thì có được cả 6 Cảnh, cả 6 Môn, và 2 Thời, là Hiện Tại và Quá Khứ; còn Vị Lai và *Ngoại Thời (Kālavimutta)* thì không có. Đề cập đến rằng nếu như Nghiệp Tướng hoặc Thú Tướng bất luận sẽ là một trong Ngũ Cảnh, thì Đồng Lực Cận Tử cũng sẽ tiếp thu nương theo bất luận một trong những Ngũ Cảnh ấy, và Lộ Ý Môn. Còn khi tính theo Thời, nếu vẫn an trú hiện hữu cho đến tận Tâm Tử rồi mới diệt mất, thì tính là Hiện Tại. Nếu diệt mất trước Tâm Tử hoặc đồng cùng diệt với Tâm Tử, thì tính là Quá Khứ. Nếu là Cảnh Pháp, thì duy nhất chỉ tiếp thu bởi theo Lộ Ý Môn; còn khi tính theo Thời, ấy là Hiện Tại cũng có, và Quá Khứ cũng có.

Với Cảnh Sắc Nghiệp Tướng và Thú Tướng, thì lập ý lấy bất luận một trong những thể loại về *Thủy Tố Chất (Āpo dhātu)*, *Sắc Thanh Triệt (Pasādarūpa)*, *Sắc Tinh (Bhāvarūpa)*, *Sắc Ý Vật (Hadayarūpa)*, *Sắc Mạng Quyền (Jīvitarūpa)*, *Sắc Vật Thực (Āhārarūpa)* Nội – Ngoại Phần. Tức là người tiến tu *An Chi Nghiệp Xứ*, hoặc *Minh Sát Nghiệp Xứ*, hoặc Phạm Thiên sẽ đi tục sinh ở trong Cõi Dục Giới, thì có việc thăm sát các bộ phận lớn nhỏ, hoặc cả Tứ Tố Chất. Khi sắp cận tử lâm chung, thì có việc thường luôn truy niệm và thăm sát ở trong những thể loại này làm cho khởi sinh Cảnh Pháp Nghiệp Tướng. Đối với người sẽ đi tục sinh ở trong Cõi Thống Khổ, cũng do bởi Tham – Sân mà có việc truy niệm ở trong các bộ phận lớn nhỏ của mình và của tha nhân, làm cho khởi sinh Cảnh Pháp Nghiệp Tướng. Còn Cảnh Sắc Pháp Thú Tướng ấy, thì người sắp cận tử lâm chung có việc truy niệm ở trong các bộ phận lớn nhỏ, hoặc cả Tứ Tố Chất của vật hữu sinh mạng, làm thành Thú Tướng đang hiện bày ở ngay trước mắt. Vì thế, nếu như những Cảnh Sắc Pháp này vẫn còn hiện hữu cho đến tận Tâm Tử mới diệt mất, thì Tâm Tái Tục Dục Giới cũng có Cảnh Pháp Hiện Tại làm thành Cảnh. Nếu như diệt mất trước Tâm Tử, hoặc diệt cùng với Tâm Tử, thì Tâm Tái Tục Dục Giới có Cảnh Pháp Quá Khứ làm thành Cảnh.

Danh Nghiệp Tướng và Thú Tướng đây, tức là bất luận một trong những trường hợp về sự hạnh phúc khổ đau, sự bình thân, sự ngốc nghếch, sự khôn ngoan, sự sùng tín, sự thương xót, v.v. Nghĩa là người sắp cận tử lâm chung mà có Danh Nghiệp Tướng hiện bày, thì ngay trong lúc ấy có trạng thái bồn chồn lo lắng ở trong các câu chuyện hạnh phúc và khổ đau, v.v. ở bất luận thể loại nào như đã vừa đề cập đến tại đây, thế rồi liền tử vong. Còn Danh Thú Tướng ấy, thì người sắp cận tử lâm chung có tâm thức truy niệm ở trong các câu chuyện hạnh phúc và khổ đau, v.v. như đã đề cập liên hệ với mình và tha nhân, mà có thực tính là bởi theo việc làm thành Thú Tướng đi đến hiện bày ở ngay trước mắt, thế rồi liền tử vong. Tâm Tái Tục Dục Giới của hạng người này, thì chỉ có duy nhất Danh Nghiệp Tướng thuộc Quá Khứ làm thành Cảnh.

Một trường hợp khác nữa, là trong lúc sắp cận tử lâm chung ấy, cả 6 Cảnh liên quan với những sinh hoạt ở trong các kiếp sống trước kia, thế là cứ vẫn đi đến hiện bày tương tự như nhau; và như thế nếu như những thể loại Cảnh này đi đến hiện bày, thì Tâm Tái Tục Dục Giới cũng có Nghiệp Tướng làm thành Cảnh. Đối với Cảnh Nghiệp ấy là Tư Tác Ý Thiện – Bất Thiện đã từng sinh ở trong bốn tánh của người sắp cận tử lâm chung trong kiếp sống này hoặc trong kiếp sống trước; và như thế nếu như những thể loại Tư Tác Ý Thiện – Bất Thiện này đã đi đến hiện bày ở trong lúc cận tử lâm chung, cũng làm thành Cảnh Pháp hiện bày ở Lộ Ý Môn, và duy nhất chỉ thuộc về Quá Khứ, chẳng có thể loại nào khác tương tự với Nghiệp Tướng và Thú Tướng trong bất luận trường hợp nào.

Lại nữa, Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp đã đề cập rằng: *“Tāni pana sabbānipi parittādharmabhūtānevārammaṇāni”*- có nghĩa là Cảnh của Tâm Tái Tục Dục Giới như đã đề cập đây, bất luận sẽ là loại điềm tướng nào đi nữa, cũng phải là Pháp Dục Giới cả thấy, tức là màu sắc, âm thanh, khí hơi, mùi vị, xúc chạm và Thực Tính Pháp đều là Pháp Dục Giới cả. Còn Tâm Lộ Trình sinh khởi trước thời gian sắp cận tử lâm chung sẽ có được 7 chặp Đồng Lực đầy, thì có được cả hai là Pháp Dục Giới và Pháp Chế Định. Dù thế nào chăng nữa, cũng vẫn có thể là có sự riêng biệt đối với cả hai Cảnh Nghiệp Tướng và Cảnh Thú Tướng này. Còn việc làm thành Pháp Dục Giới của Cảnh Nghiệp đầy, đã hiện bày rõ ràng rồi và chẳng có điều chi đáng nghi ngờ cả, rằng là Pháp Chế Định hoặc Pháp Đáo Đại, với bất luận trường hợp nào.

Theo như phân đã đề cập rồi đây, là việc chỉ dẫn cho thấu hiểu được rằng Lộ Trình Cận Tử và Tâm Lộ Trình sinh khởi trước Lộ Trình Cận Tử chỉ có một chút ít với 5 chặp Đồng Lực của cả Dục Giới, Hữu Sắc Giới, Vô Sắc Giới. Những hạng Người sẽ tục sinh ở trong Cõi Dục Giới đây, thì duy nhất chỉ có Pháp Dục Giới làm thành Cảnh, và chẳng có Pháp Chế Định. Lại nữa, nội dung hữu quan với Cảnh của Tâm Tái Tục Dục Giới, hoặc Cảnh của Lộ Trình Cận Tử và Tâm Lộ Trình sinh khởi trước Lộ Trình Cận Tử chỉ có một chút ít, và chỗ nói rằng *“duy nhất chỉ là Pháp Dục Giới”* đây, cũng đã làm thành tựu theo như điều Pāli có nói rằng: *“Tāni pana sabbānipi”* v.v. duy nhất chính điều ấy thôi cũng đã là việc giải thích cho được biết đến Cảnh trực tiếp và gián tiếp. Tức là Cảnh của Tâm Tái Tục Dục Giới chỉ duy nhất là Pháp Dục Giới, điều ấy chỉ cho được biết một cách trực tiếp. Cảnh của Lộ Trình Cận Tử và Tâm Lộ Trình sinh khởi trước Lộ Trình Cận Tử chỉ có một chút ít, điều ấy chỉ cho được biết một cách gián tiếp. Là như vậy, cũng vì theo lẽ thông thường thì Tâm Tái Tục Dục Giới đầy, có được tiếp thu Cảnh chính từ ở nơi Đồng Lực Cận Tử trong kiếp sống trước ngay lúc cận tử lâm chung đầy thôi.

Thẩm Định Nghiệp Tướng Hiện Tại Là Xác Thực Hay Ngụy Tạo

Trong điều này làm cho được thấu hiểu với nhau là Đồng Lực Cận Tử và Tâm Tái Tục Dục Giới đây, thì đôi khi cũng có Nghiệp Tướng Quá Khứ làm thành Cảnh, và đôi khi cũng có Nghiệp Tướng Hiện Tại làm thành Cảnh. Trong cả hai trường hợp này, nếu như Đồng Lực Cận Tử và Tâm Tái Tục Dục Giới có Nghiệp Tướng Quá Khứ làm thành Cảnh rồi, thì dù cho như thế nào đi nữa cũng chẳng cần phải xem xét là xác thực hay ngụy tạo, bởi vì chỉ có một thể loại duy nhất là xác thực. Tiếp đến khi có Nghiệp Tướng Hiện Tại làm thành Cảnh rồi, thì mới phát sinh lên việc xem xét chỗ gọi là Nghiệp Tướng Hiện Tại này là thực hay giả. Sự việc như vậy cũng bởi vì từ

ngữ nói rằng Nghiệp Tướng, dịch nghĩa là “*Cảnh của Nghiệp làm thành vị chủ nhân cho Tâm Tái Tục sinh khởi*”, tức là Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực sinh khởi trước thời gian sắp cận tử lâm chung; hoặc nhiều giờ đồng hồ, nhiều ngày trời, nhiều tháng dài, nhiều năm qua. Còn Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực ở trong Đồng Lực Cận Tử đấy, thì không thể nào sẽ cho Tâm Tái Tục sinh khởi lên được. Như thế, chỗ nói rằng Tâm Tái Tục Dục Giới và tối đa là 6 cái Tâm Hữu Phần nữa, có Nghiệp Tướng Hiện Tại làm thành Cảnh đấy, thì chỉ có một loại duy nhất là giả hoàn toàn. Sẽ nói là Cảnh làm thành Thực Nghiệp Tướng đấy, thì đã diệt mất đi rồi, có thể chỉ là Cảnh có cùng một thể loại với Cảnh đã làm thành Thực Nghiệp Tướng đấy thì vẫn đang còn hiện hữu. Do đó, Đồng Lực Cận Tử, Tâm Tái Tục, và Tâm Hữu Phần mới có Cảnh Hiện Tại, và đích thị chính cái Cảnh này được gọi tên là Nghiệp Tướng Hiện Tại, mà hiện hành ở trong khía cạnh *Hiện Tại Thừa Kế (Santatipaccuppanna)* (vẫn còn hiện hữu bởi theo việc nối tiếp), và chẳng phải hiện hành ở trong khía cạnh *Sát Na Thừa Kế (Khaṇa paccuppanna)*.

Như sẽ đề cập để cho được thấy như vậy:

Người có niềm tin ở trong việc sinh rời tử, luôn cả có việc liễu tri ở trong phương thức giúp đỡ cho người sẽ tử vong không phải đi đến nơi Khổ Thú; một khi đã được trông thấy rồi, thì người giúp đỡ chẳng có hy vọng là sẽ được qua khỏi, mới sắm sửa vật lễ cúng dường, đi đến đặt ngay trước mặt rồi bảo cho người ốm đau xem thấy, cùng với dẫn dắt cho thốt ra lời bày tỏ cúng dường đến Tam Bảo. Người giúp đỡ cũng trông coi lễ vật cúng dường theo như điều mà họ đã chỉ bảo rồi đấy, thì cũng đưa tay lên chấp kính lễ cùng với việc chú tâm cúng dường Tam Bảo với những lễ vật cúng dường. Với sự kính tin ở trong nhiều phút giây, hoặc với thời gian đưa tay lên chấp kính lễ, hoặc việc hướng tâm để cúng dường với những vật lễ cúng dường, đã là những Tâm Thiện được gọi là *Lũy Tích Thiện Hạnh (Kataupacitakusala)* nghĩa là Thiện Sự đã làm cho khởi sinh lúc ban đầu rồi lại phát sinh nối tiếp nhau cho được thành tựu viên mãn; lại có sự hoan hỷ đối với việc mình đã làm rồi đó, và dòng tâm thức của mình khởi sinh hiện hành theo lẽ thường nhiên của người có niềm tin đối với Phước – Tội. *Lũy Tích Thiện Hạnh (Kataupacitakusala)* đích thị chính là những Thiện Sự phát sinh từ ở nơi việc trí kính lễ cúng dường Tam Bảo với những bông hoa, nhang đèn, và đã làm thành Thiện Nghiệp Lực có thể sắp bày cho Tâm Tái Tục của người mệnh chung đi tục sinh ở trong kiếp sống mới, bởi vì Thiện Nghiệp Lực này an trú ở trong vị trí làm thành *Cận Tử Nghiệp (Āsannakamma)*. Còn bông hoa, nhang đèn ở nơi Lộ Nhãn Môn, Lộ Tỷ Môn, và Lộ Ý Môn của người sẽ mạng vong tiếp thâu ở trong sát na thực hiện việc cúng dường, làm thành Thực Nghiệp Tướng Hiện Tại ấy, thì sau đó đã đi đến trạng thái ốm đau cũng nặng xuống, các sự cảm giác ở trong cơ thể cũng tuần tự giảm dần xuống; tuy nhiên chỉ còn mắt, mũi, và tâm thức vẫn còn có

thể tiếp thu các Cảnh bông hoa, nhang đèn này, rồi cũng diệt mất. Tâm Tái Tục ở trong kiếp sống mới cũng tiếp thu bất luận một thể loại nào về Cảnh Sắc Hiện Tại, hoặc Cảnh Khí Hiện Tại mà Đồng Lực Cận Tử đã tiếp thu và đã truyền tới. Tiếp đến, đích thị chính Cảnh Sắc hoặc Cảnh Khí đây, làm thành Ngụy Nghiệp Tướng Hiện Tại. Sẽ nói là việc làm thành Hiện Tại của Cảnh Thực đây, nhưng chỗ gọi tên là Ngụy Nghiệp Tướng, là việc gọi thể theo *Phần Tương Đồng (Sadisūpacāra)*, tức là việc nói nương theo sự hiện hành tương tự với Thực Nghiệp Tướng. Nếu người cận tử lâm chung có được lắng nghe việc Thuyết Pháp, tụng đọc Kinh; hoặc thăm sát sự căng, sự nóng đang hiện hành ở trong bản thân mình; hoặc thăm sát các bộ phận lớn nhỏ, có các việc thay đổi chuyển di đang cạn kiệt xuống dần trong việc hình thành Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã. Tiếp nối nơi đó, thì Đồng Lực Cận Tử, và Tâm Tái Tục, Tâm Hữu Phần cũng tiếp thu Cảnh Thinh Hiện Tại, ấy là những âm thanh thuyết giảng và tụng đọc Kinh; tiếp thu Cảnh Xúc Hiện Tại, ấy là sự căng và sự nóng; tiếp thu Cảnh Pháp Hiện Tại, ấy là các bộ phận lớn nhỏ. Các việc thay đổi chuyển động, rồi sự hiện hành của các Cảnh, với những thể loại này cũng có thể hiện hành ở trong cùng một phương thức tương tự như nhau, như đã đề cập rồi đây.

Còn sự hiện hành của Bất Thiện Cận Tử Nghiệp Lực và Hiện Tại Nghiệp Tướng đây, là như vậy:

Người đang hân hoan vui vẻ ở trong việc trông thấy, việc lắng nghe, việc ngửi mùi hơi; thì ngay trong sát na ấy, đã phát sinh lên *Tác Nhân Bất Tường (Upaddavahetu)* và dẫn đến sự tử vong; hoặc người có sự kinh cãi, đánh đấm đâm chém, bắn lẫn nhau, và dẫn đến sự tử vong. Sự hân hoan vui vẻ, hoặc sự sầu khổ ưu não, những thể loại này đều là Cận Tử Nghiệp Lực đã làm cho người ấy phải tục sinh ở trong kiếp sống thứ hai. Đối với 6 Cảnh, tức là màu sắc của con người, chỗ ở trú xứ, vật trang sức, vật tiêu dùng, âm thanh nhạc cụ, ca hát, các mùi hơi, vị vật thực chua ngọt, sự nóng lạnh, và các cử chỉ hành động hoạt động trong sát na đang vui vẻ hân hoan; hoặc hai người cãi cọ tay đôi, dao, cây, súng, âm thanh mắng nhiếc thách đố, tranh cãi to tiếng với nhau, v.v. và các cử chỉ hành động hoạt động đi đến có việc đánh đấm, đan liếp, hoặc những thể loại này cũng làm thành Thực Nghiệp Tướng Hiện Tại. Tâm Đồng Lực Cận Tử cũng sinh khởi tiếp thu bất luận một trong 6 Cảnh như đã vừa đề cập tại đây. Tâm Tái Tục, Tâm Hữu Phần ở trong kiếp sống mới cũng tiếp thu bất luận một trong 6 Cảnh Hiện Tại mà Đồng Lực Cận Tử đã tiếp thu và đã truyền tới. Như thế, mới nói rằng Tâm Tái Tục, Tâm Hữu Phần có Nghiệp Tướng Hiện Tại làm thành Cảnh. Sự làm thành Cảnh Hiện Tại ấy một cách xác thực, tuy nhiên khi gọi tên Nghiệp Tướng, lại là giả tạo. Chỗ gọi tên là Ngụy Nghiệp Tướng ấy, là việc gọi thể theo *Phần Tương Đồng (Sadisūpacāra)*, tức là việc nói nương theo sự hiện hành tương tự với Thực Nghiệp Tướng.

Tâm Tái Tục, Tâm Hữu Phần Có Nghiệp Tướng Làm Thành Cảnh
Hữu Quan Duy Nhất Bên Phía Cận Tử Nghiệp Lực

Theo như đã được đề cập đến rồi, trong sự việc *Tâm Đồng Lực Cận Tử Lực Môn (Chadvārikamaranāsannajavana)* có Nghiệp Tướng Hiện Tại làm thành Cảnh, hoặc Tâm Tái Tục ở trong kiếp sống mới và Tâm Hữu Phần tối đa 6 cái mà có Nghiệp Tướng Hiện Tại làm thành Cảnh; những thể loại này hữu quan duy nhất một phía từ nơi *Cận Tử Nghiệp Lực (Āsannakamma)*, và chẳng có liên hệ với bất luận một trong các Nghiệp Lực từ ở nơi *Cực Trọng Nghiệp Lực (Garukakamma)*, *Tập Quán Nghiệp Lực (Āciñnakamma)*, *Tích Lũy Nghiệp Lực (Kaṭattākamma)*. Có nghĩa là Tâm Tái Tục sinh khởi ở trong kiếp sống mới, nếu đã là quả báo của Thiện – Bất Thiện Cận Tử Nghiệp Lực rồi, thì mới sẽ có Nghiệp Tướng Hiện Tại làm thành Cảnh được. Nếu đã là quả báo từ ở nơi bất luận một trong các Nghiệp Lực từ ở nơi Cực Trọng Nghiệp Lực, Tập Quán Nghiệp Lực, và Tích Lũy Nghiệp Lực, thì Tâm Tái Tục sẽ không có Nghiệp Tướng Hiện Tại được. Đối với Tâm Tái Tục ở trong kiếp sống mới mà có Nghiệp Tướng Quá Khứ làm thành Cảnh đấy, thì Tâm Tái Tục là quả báo của cả bốn loại Nghiệp Lực ấy vậy. Như Ngài Trưởng Lão Giáo Thọ *Ananda* đã có trình bày ở trong bộ *Liên Quan Tương Sinh Phân Tích (Paṭiccasamuppādavibhaṅga)* thuộc *Căn Phụ Chú Giải (Mūlaṭīkā)* nói rằng: “*Pañcadvāre ca āpātamaḡacchantam paccuppannakammanimittam āsanna kammārammaṇasantatiyaṃ uppannam taṃsadisaṃ ca datṭhabbam*”- dịch nghĩa là “*Nên được thấu hiểu Nghiệp Tướng Hiện Tại mà đi đến hiện bày ngay trước mắt ở trong Lộ Ngũ Môn là hiện hành ở trong việc nối tiếp từ ở nơi Cảnh của Nghiệp Lực đã tạo tác trong Lộ Trình Cận Tử, tức là việc nối tiếp từ ở nơi Cảnh của Cận Tử Nghiệp Lực và hiện hành tương tự với Thực Nghiệp Tướng.*”

Ghi chú: Trong chỗ này, cho dù Ngài Giáo Thọ Căn Phụ Chú Giải đã có trình bày sự hiện hành chỉ là ở trong Lộ Ngũ Môn đi nữa; thế nhưng, còn tất cả các Ngài Giáo Thọ khác cũng có đồng nhất quan điểm với nhau rằng hiện hành ở trong Lộ Ý Môn cũng được nữa. Tuy nhiên, Ngài Giáo Thọ Căn Phụ Chú Giải chỉ đề cập duy nhất về Lộ Ngũ Môn đấy, cũng bởi vì sự hiện hành của Nghiệp Tướng Hiện Tại ở Lộ Ngũ Môn đấy, vì thường có được sự hiểu biết rõ ràng hơn là ở Lộ Ý Môn vậy.

Tư Tác Ý Hiện Hữu Ở Trong Đồng Lực Cận Tử Lực Môn
Chẳng Phải Là Xuất Sinh Nghiệp Lực ?

Thiện – Bất Thiện tác hành cho thành tựu Xuất Sinh Nghiệp Lực; là làm cho phải đi tục sinh thành Hữu Tình Thống Khổ, cho làm thành Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên, suốt cho đến cả các bộ phận lớn nhỏ, của việc trông thấy, việc hoan hỷ và bất hoan hỷ, v.v. Đức Phật Ngài lập ý khái thuyết nguyên nhân của những thể loại Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực này là: “*Katattā upacittā*” (*Tác Hành Lũy Tích*) thường được dịch là “*vì đã tác hành Thiện – Bất Thiện cho sinh khởi và cho phát triển*”, tức là Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực đây sinh khởi nối tiếp với nhau, có nghĩa là Thiện – Bất Thiện sinh khởi lần đầu tiên, thì gọi tên là “*Thiện – Bất Thiện Hoàn Bị Nghiệp Lực*” (*Katakamma*). Thiện – Bất Thiện sinh khởi nối tiếp với nhau, thì gọi tên là “*Thiện – Bất Thiện Lũy Tích Nghiệp Lực*” (*Upacita kamma*). Thông thường, Thiện – Bất Thiện đã là *Hoàn Bị Nghiệp Lực* đây, loại trừ Đáo Đại Nghiệp Lực ra, thì Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực ngoài ra đây, không có đủ năng lực để sẽ trở sinh quả báo cho đi thọ sinh ở trong Thời Tái Tục và Thời Chuyển Khởi được. Duy nhất chỉ có Thiện – Bất Thiện đạt đến *Lũy Tích Nghiệp Lực*, thì mới sẽ có đủ năng lực để sẽ trở sinh quả báo cho thọ sinh ở trong Thời Tái Tục và Thời Chuyển Khởi. Nếu như càng có sự hoan hỷ duyệt ý, đã hình thành cho Ái Dục được khởi sinh, thì đối với *Thiện – Bất Thiện Tác Hành Lũy Tích Nghiệp Lực* (*Kataupacitakamma*) này đây, đoạn chắc sẽ vượt trội hơn *Thiện – Bất Thiện Lũy Tích Nghiệp Lực* (*Upacitakamma*) ấy rồi, và sẽ có được cơ hội trở sinh quả báo ở trong Thời Tái Tục và Thời Chuyển Khởi một cách xác thực.

Còn Tư Tác Ý Thiện – Bất Thiện ở trong Đồng Lực Cận Tử Lục Môn đây, thì cho dù quả thật đã làm cho khởi sinh *Hoàn Bị Nghiệp Lực* đi nữa, thế nhưng cũng vẫn chưa đạt đến sự hình thành *Lũy Tích Nghiệp Lực*, và luôn cả thiếu vắng sự làm thành Cảnh của Ái Dục, tức là chẳng có khởi sinh sự hoan hỷ duyệt ý đối với Nghiệp Lực này. Sự việc là như vậy, cũng bởi vì khi vừa chấm dứt từ ở nơi Lộ Trình Cận Tử thì Tâm Tử cũng liền sinh; và như thế, Tư Tác Ý Thiện – Bất Thiện hiện hữu ở trong Đồng Lực Cận Tử Lục Môn mới chẳng thành Xuất Sinh Nghiệp Lực được.

Giải Thích Trong Phần Pāli Với Điều Thứ Mười:

Có “*Rūpāvacarapaṭisandhiyā pana*” v.v. Trình Bày Cảnh
Của Tâm Tái Tục Hữu Sắc Giới (*Rūpapaṭisandhicitta*)

Tâm Tái Tục Hữu Sắc Giới hiện hữu với nhau ở 6 thể loại; là 5 Tâm Tái Tục Danh Pháp tức là 5 Tâm Quả Dị Thục Hữu Sắc Giới, Tâm Sở phối hợp, và 1 Tái Tục Sắc Pháp tức là *Tổng Hợp Mạng Cứu* (*Jīvitānavakakalāpa*). Tâm Tái Tục Hữu Sắc Giới ở tại nơi đây lập ý chỉ lấy riêng phần Ngũ Tái Tục Danh Pháp ngàn ấy mà thôi. Những 5 Tâm Tái Tục Danh Pháp này thường sinh khởi cho ở trong 15 Cõi Hữu Sắc

Giới (trừ Cõi Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tướng) trong sát na Thời Tái Tục, và là quả báo sinh khởi từ ở nơi 5 Tâm Thiện Thiên Hữu Sắc Giới (trừ Tâm Thiện Thắng Trí). Như thế, sự việc 5 Tâm Tái Tục Hữu Sắc Giới sẽ có bất luận một loại điềm tướng nào cho làm thành Cảnh được đầy, thì cũng phải tùy thuộc vào chính ở nơi 5 Tâm Thiện Thiên Sắc Giới (trừ Thắng Trí) này.

Việc trở sinh quả báo của 5 Tâm Thiện Thiên Hữu Sắc Giới đây, là khác biệt với việc trở sinh quả báo của Bất Thiện Nghiệp Lực và Đại Thiện Nghiệp Lực. Sẽ đề cập đến là 5 Tâm Thiện Thiên Hữu Sắc Giới có việc trở sinh quả báo ở trong Cõi Hữu Sắc Giới một cách xác thực, và hiện hành theo thứ tự của các tầng Trời. Vì lý do ấy, mới không có Cảnh làm thành Thú Tướng cho đối với 5 Tâm Tái Tục Hữu Sắc Giới. Còn Bất Thiện Nghiệp Lực và Đại Thiện Nghiệp Lực đây; **rằng khi tính theo việc Tái Tục** thì Bất Thiện Nghiệp Lực trở sinh quả báo ở trong Cõi Thống Khô; Đại Thiện Nghiệp Lực thì trở sinh quả báo một cách xác thực ở trong Cõi Thiện Thú Dục Giới. Thế nhưng, sự việc ấy cũng chẳng có quả quyết trở sinh quả báo một cách xác định và hạn định Cõi Giới đi theo thứ tự giống với 5 Tâm Thiện Thiên Hữu Sắc Giới ấy được. Vì thế, Tâm Tái Tục Dục Giới mới có được Thú Tướng làm thành Cảnh vậy.

Lại nữa, trong sự việc 5 Tâm Thiện Thiên Hữu Sắc Giới trở sinh quả báo Tái Tục một cách xác thực ở trong Cõi Hữu Sắc Giới theo thứ tự các tầng Trời đây, cũng vì 5 Tâm Thiện Thiên Sắc Giới này là Cực Trọng Nghiệp Lực có *Nhập Định (Appanāsamādhī)* làm *Chủ Vị*; với cả làm thành Cảnh cho sinh khởi thì cũng phải là Cảnh một cách đặc biệt, tức là *Chế Định Nghiệp Xứ (Paññattikammaṭhāna)*, đối nghịch với việc sinh khởi của Bất Thiện – Thiện Nghiệp Lực thì có Cảnh bất định đối với chủ tâm tác ý, tức là *Như Lý (Yoniso – Khôn Khéo)* hoặc *Bất Như Lý (Ayoniso – Không Khôn Khéo)*. Như thế, với người không chứng đắc Thiên Định khi cận tử lâm chung, thì Bất Thiện Nghiệp Lực và Đại Thiện Nghiệp Lực mà đã từng có tạo tác ở trong những thời gian trước, thường đi đến hiện bày ở Lộ Ý Môn, và đã làm cho dòng tâm thức hiện hành với sự sầu khổ, ưu não, buồn phiền; hoặc thanh tịnh, vui mừng phấn khởi. Còn với người đã đắc chứng Thiên Định vào lúc cận tử lâm chung, thì Bất Thiện Nghiệp Lực và Đại Thiện Nghiệp Lực mà đã từng có tạo tác ở trong những thời gian trước không có khả năng để sẽ đi đến hiện bày được, và chỉ có *Chế Định Nghiệp Xứ* mà mình đã từng có được tiến tu, và lại *Chế Định Nghiệp Xứ* này chẳng phải là *Cảnh Nghiệp* với bất luận mọi trường hợp nào; mà chỉ có một thể loại duy nhất là *Cảnh Pháp Nghiệp Tướng* mà thôi. Vì thế, 5 Tâm Tái Tục Sắc Giới đây, mới không có Nghiệp Lực làm thành Cảnh, và chỉ có một thể loại duy nhất là *Cảnh Pháp Chế Định* làm thành *Nghiệp Tướng* mà thôi. Vì lý do này, Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* mới nói rằng: **“Paññattibhūtaṃ kammanitta mevērammaṇaṃ hoti”**- “Chỉ có một

thể loại duy nhất là Chế Định Nghiệp Xứ làm thành Nghiệp Tướng”. Chế Định Nghiệp Xứ làm thành Nghiệp Tướng, tức là Thập Hoàn Tịnh Chế Định (*Kasiṇapaññatti*), Thập Bất Tịnh Chế Định (*Asubha paññatti*), Bộ Phận Chế Định (*Koṭṭhāsaṇṇatti* = *Vavaṭṭhāna*: Phân Biệt Chế Định), Sở Tức Chế Định (*Ānāpānaṇṇatti*), Tứ Phạm Trú Hữu Tịnh Chế Định (*Brahmasattapaññatti*); kết hợp thành 26 đề mục. Trong những 26 đề mục Chế Định này, thì Chế Định nào sẽ được làm thành Cảnh của 5 Tâm Tái Tục Hữu Sắc Giới đây, cũng phải tùy thuộc vào 5 Tâm Thiện Thiên Hữu Sắc Giới.

Theo như đã được đề cập rồi đây, cũng nên được thấy rằng Lộ Trình Cận Tử của Nhân Loại và Chư Thiên sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Hữu Sắc Giới, hoặc là Lộ Trình Cận Tử của Phạm Thiên Hữu Sắc Giới sẽ tục sinh trở lại ở trong Cõi Hữu Sắc Giới, thì những trường hợp này sẽ không thể nào có nhiều thể loại Cảnh điềm tướng được, mà có thể chỉ có duy nhất một thể loại, đó là *Cảnh Pháp Chế Định* nhất định thường luôn làm Nghiệp Tướng. Còn nói về Thời Gian sẽ đi đến hiện bày một cách rõ ràng, thì ấy là *Ngoại Thời (Kālavimutti)*; đối nghịch với Lộ Trình Cận Tử của Người Dục Giới sẽ tục sinh ở trong Cõi Dục Giới, và Lộ Trình Cận Tử của Người Sắc Giới đi thọ sinh ở trong Cõi Dục Giới là sẽ có Cảnh điềm tướng không rõ ràng.

Giải Thích Trong Phần Pāli Với Điều Thứ Mười Một:
 Có “*Tathā arūpapaṭisandhiyā ca*” v.v. Trình Bày Cảnh
 Của Tâm Tái Tục Vô Sắc Giới (*Arūpapaṭisandhicitta*)

Tâm Tái Tục Vô Sắc Giới hiện hữu với nhau ở 4 thể loại, đó chính là 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới ấy vậy. Từ ngữ nói rằng “*Tathā*” ở trong chỗ này dịch nghĩa là “*tương tự, giống nhau*” là *Bất Phân Tử (Nipāta: tiền trí tử, trạng tử)* thể loại tỷ giáo. Từ ngữ trình bày đến sự việc tương tự giống nhau, có nghĩa là chẳng phải chỉ có Tâm Tái Tục Hữu Sắc Giới mới có Nghiệp Tướng làm thành Cảnh, mà ngay cả Tâm Tái Tục Vô Sắc Giới cũng có Nghiệp Tướng làm thành Cảnh tương tự như nhau; và chẳng có Nghiệp hoặc Thủ Tướng làm thành Cảnh được. Việc quán sát đến nguyên nhân hiện hành như vậy đây, cũng tương tự cùng một phương thức với việc quán sát ở trong Cảnh của Tâm Tái Tục Hữu Sắc Giới ấy vậy.

Nghiệp Tướng của Tâm Tái Tục Vô Sắc Giới đây, hiện hữu ở hai trường hợp; là:

1/. *Đáo Đại Nghiệp Tướng (Mahaggatakammanimitta)*, tức là Tâm Thiện Thiên Không Vô Biên Xứ, và Tâm Thiện Thiên Vô Sở Hữu Xứ đã có từng sinh khởi ở trong bốn tánh của mình trong kiếp sống trước kia;

2/. Chế Định Nghiệp Tướng, tức là Hư Không Chế Định cùng với việc hủy bỏ khỏi Cữu Hoàn Tịnh ra khỏi đề mục Hư Không Hoàn Tịnh (*Ākāśakaṣiṇa*), và Vô Sở Hữu Chế Định (*Natthibhāvapaññatti*) là sự chẳng có từ ở nơi Thiền Không Vô Biên Xứ làm thành Cảnh của Thiền Thức Vô Biên Xứ. Vì thế, Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* mới nói rằng: “*Mahaggatabhūtaṃ paññattibhūtaṅca.*”

Từ ngữ “*Yathārahaṃ*” (*Thuận hợp theo*) dịch là “*phù hợp theo với tầng Thiền Định*”. Chỗ nói rằng 4 Tâm Tái Tục Vô Sắc Giới có Nghiệp Tướng là Đáo Đại và Chế Định làm thành Cảnh đây; chẳng là cả 4 Tâm Tái Tục Vô Sắc Giới đây, đôi khi cũng có Pháp Đáo Đại làm thành Cảnh mà sinh khởi, đôi khi thì cũng có Pháp Chế Định làm thành Cảnh rồi sinh khởi, là như vậy cũng không thể được; tuy nhiên có thể lập ý lấy các sự hiện hành một cách riêng biệt của riêng từng mỗi người. Đề cập đến là Tâm Quả Dị Thục Không Vô Biên Xứ có Hư Không Chế Định làm thành Cảnh mà sinh khởi. Tâm Quả Dị Thục Thức Vô Biên Xứ có Tâm Thiện Thiền Không Vô Biên Xứ làm thành Cảnh mà sinh khởi. Tâm Quả Dị Thục Vô Sở Hữu Xứ có Vô Sở Hữu Chế Định làm thành Cảnh mà sinh khởi. Tâm Quả Dị Thục Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ có Tâm Thiện Thiền Vô Sở Hữu Xứ làm thành Cảnh mà sinh khởi. Như thế, Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* mới nói rằng “*Yathārahaṃ*” (*Thuận hợp theo*) “*phù hợp theo với tầng Thiền Định*”.

Giải Thích Trong Phần Pāli Với Điều Thứ Mười Hai:
 Có “*Aññasattānaṃ pana*” v.v. Trình Bày Đến Tâm Tái Tục
 Của Nhóm Phạm Thiên Vô Tướng (*Asaññasattabrahma*)

Cho dù bậc đã đắc chứng Ngũ Thiền Hữu Sắc Giới với việc tiến tu *Thập Hoàn Tịnh (Kasina)*, hoặc *Sổ Túc Niệm (Ānāpānasati)*, hoặc *Hành Xả Phạm Trú (Upekkhābrahmavihāra)* đi nữa, nếu nhớ như bên trong nội tâm của bậc đã tiến tu ấy chẳng có sự hoan hỷ duyệt ý ở trong việc nghĩ tưởng truy niệm đến, tức là Danh Pháp mà được gọi là Ngũ Thiền Định đây, đã được thành tựu với mãnh lực từ ở nơi *Tướng Ly Ái Tu Tập (Saññāvirāgabhāvanā)*. Lý do này, khi bậc *Phúc Lộc Thiền Giả* đây mạng chung thì sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Vô Tướng Hữu Tình Phạm Thiên, và duy nhất chỉ có Sắc Pháp Tái Tục; tức là *Tổng Hợp Mạng Cữu (Jīvitānavakakalāpa)*, và chẳng có Danh Pháp Tái Tục. Vì thế, Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* mới nói rằng: “*Jīvitānavakameva paṭisandhibhāvena patitṭhāti*”.

Lại nữa, trong Lộ Trình Cận Tử của vị sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Vô Tướng Hữu Tình Phạm Thiên đây, thì Cảnh Pháp Chế Định Nghiệp Tướng cũng có thể đang hiện bày; thế nhưng, khi đến giai đoạn sinh khởi ở trong Cõi Vô Tướng Hữu Tình

Phạm Thiên Giới rồi, thì Cảnh này đã không còn hiện bày nữa, bởi vì không có Danh Pháp Tái Tục.

Giải Thích Trong Phần Pāli Với Điều Thứ Mười Ba:

Có “*Tasmā te rūpapaṭisandhikā nāma*” v.v. Trình Bày Phân Tích Việc Tái Tục Theo Danh Pháp (Nāma) Và Sắc Pháp (Rūpa)

Từ ngữ “*Tasmā te rūpapaṭisandhikā nāma*” hoặc “*Āruppā arūpa paṭisandhikā*” và “*Sesū rūpapaṭisandhikā*” có ở trong phần Pāli điều thứ mười ba đây, là việc trình bày phân tích việc Tái Tục theo sự làm thành Sắc Pháp và Danh Pháp. Tức là tất cả vị Vô Tướng Hữu Tình Phạm Thiên thì có Sắc Pháp làm việc Tái Tục. Khi sắp bày theo Uẩn thì duy nhất chỉ là Sắc Uẩn, vì thế Cõi Vô Tướng Hữu Tình Phạm Thiên Giới mới gọi là *Cõi Nhất Uẩn (Ekavokārabhūmi)*. Tất cả các vị Phạm Thiên Vô Sắc Giới thì có Danh Pháp làm việc Tái Tục. Khi sắp bày theo Uẩn thì có được Tứ Danh Uẩn, vì thế Cõi Vô Sắc Giới mới gọi là *Cõi Tứ Danh Uẩn (Catuvokārabhūmi)*. Người sinh ở trong 26 Cõi Giới còn lại, có Sắc và Danh làm việc Tái Tục. Khi sắp bày theo Uẩn thì có được Ngũ Uẩn, vì thế 4 Cõi Thống Khổ, 7 Cõi Thiện Dục Giới, 15 Cõi Hữu Sắc Giới (trừ Cõi Vô Tướng Hữu Tình Phạm Thiên) mới gọi là *Cõi Ngũ Uẩn (Pañcavokārabhūmi)*.

Giải Thích Trong Phần Pāli Với Điều Thứ Mười Bốn:

Có “*Ārūpapacutiyā honti*” v.v. Trình Bày Đến Tâm Tái Tục Sinh Khởi Nói Tiếp Từ Ở Nơi Tử Vong

Kệ ngôn thứ nhất có “*Āruppacutiyā honti*” v.v. cho đến “*Tathā kāmatihetukā*” đây, có nghĩa là khi tất cả các vị Phạm Thiên Vô Sắc Giới mạng chung rồi, thì tục sinh trở lại làm thành vị Phạm Thiên Vô Sắc Giới ở trong Cõi Giới ấy cũng được, hoặc sẽ sinh ở trong Cõi Giới cao hơn cũng được. Tuy nhiên không có việc sinh ở trong các Cõi Giới thấp hơn, nếu chẳng là thế, hoặc sẽ đi thọ sinh làm thành Nhân Loại hoặc Chư Thiên có được việc Tái Tục với Tam Nhân. Tại đây là việc đề cập bởi theo *Dĩ Nhân Bản Nguyên (Puggalādhiṭṭhāna)* là dựa theo lời dịch ở phần *Dĩ Pháp Bản Nguyên (Dhammādhiṭṭhāna)* như đã có trình bày rồi đây. Chỗ nói rằng: “*Heṭṭhimāruppa vajjitā*”- “*Trừ Tâm Tái Tục Vô Sắc Giới bậc thấp hơn*” đây, là cũng vì thông thường người sẽ đi thọ sinh làm thành vị Phạm Thiên Vô Sắc Giới, thì cần phải nương vào Tâm Ngũ Thiền Hữu Sắc Giới Cơ Bản tiên khởi; thế nhưng khi đã thọ sinh làm thành vị Phạm Thiên Không Vô Biên Xứ rồi, thì tất cả các Tâm Thiền Hữu Sắc Giới cùng với Cảnh của các Tâm Thiền ấy cũng hoại diệt đi. Nếu sẽ phải thọ sinh làm thành vị Phạm Thiên Thức Vô Biên Xứ, thì cần phải nương vào Tâm Thiền

Không Vô Biên Xứ Cơ Bản tiên khởi. Khi đã được thọ sinh làm thành vị Phạm Thiên Thứ Vô Biên Xứ rồi, thì Tâm Thiên Không Vô Biên Xứ cùng với Cảnh của Tâm Thiên ấy cũng hoại diệt đi, và hiện hành cứ như vậy mãi cho đến làm thành vị Phạm Thiên Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ. Như thế, khi Tâm Thiên bậc thấp đã không còn hiện hữu ở bên trong nội tâm rồi, thì ắt hẳn không còn thọ sinh ở trong Cõi Giới bậc thấp được nữa; chẳng hạn như vị Phạm Thiên Không Vô Biên Xứ mạng chung rồi, thì sẽ tục sinh trở lại làm thành vị Phạm Thiên Không Vô Biên Xứ cũng được, hoặc sẽ thọ sinh làm thành vị Phạm Thiên ở ba tầng bậc cao hơn cũng được, tùy thuộc vào Tâm Thiên đang hiện hữu. Nếu không có bất luận một Tâm Thiên Vô Sắc Giới nào rồi, thì sẽ phải đi thọ sinh làm thành Nhân Loại hoặc Chư Thiên, và sẽ không được thọ sinh làm thành vị Phạm Thiên Hữu Sắc Giới được, bởi vì không có Tâm Thiên Hữu Sắc Giới và Cảnh của Tâm Thiên Hữu Sắc Giới. Vị Phạm Thiên Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ mạng chung rồi, thì tục sinh trở lại làm thành vị Phạm Thiên Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ cũng được nữa, một khi Tâm Thiên Định ấy vẫn đang còn hiện hữu. Nếu nhớ như không có Tâm Thiên Định ấy rồi, thì cũng sẽ phải đi thọ sinh làm thành Nhân Loại, hoặc Chư Thiên; và sẽ không được việc thọ sinh làm thành vị Phạm Thiên Vô Sắc Giới bậc thấp hơn, bởi vì không có Tâm Thiên Vô Sắc Giới bậc thấp và Cảnh của Tâm Thiên ấy. Vì thế, Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* mới nói rằng “*Heṭṭhimārappa vajjitā*”- “Trừ Tâm Tái Tục Vô Sắc Giới bậc thấp hơn.”

Lại nữa, chỗ nói rằng “*Kāmatihetukā honti*”- “Bốn cái Tâm Tái Tục Dục Giới Tam Nhân thường sinh khởi” đây, có nghĩa là nếu nhớ như sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Thiên Dục Giới, và sẽ không làm thành Người Vô Nhân hoặc Nhị Nhân, mà có thể duy nhất chỉ là nhóm Người Tam Nhân. Tất cả sự việc này, cũng bởi vì *Tâm Đại Thiện Cận Hành Tu Tập (Upacārabhāvanāmahākusala)* sinh trước Tâm Thiên Vô Sắc Giới ấy, là *Tâm Đại Thiện Hữu Nhân Thượng Phẩm (Hetu ukakaṭṭhamahākusala)* và ở trong bốn tánh của người ấy cũng không có Tâm Đại Thiện Hữu Nhân Thượng Phẩm nào khác sinh trước Tâm Thiên Vô Sắc Giới ấy. Và lại ở trong bốn tánh của người ấy cũng không có Tâm Đại Thiện nào khác sẽ tiến hóa tương đương với *Tâm Đại Thiện Cận Hành Tu Tập* này. Vì thế, Ngài Phụ Chú Giải mới nói rằng:

*Uparūparīaruppā Na āyūhanti heṭṭhimam
Balittācupacārassa Tihetukāva yoniyo*

Dịch nghĩa là “Tất cả Phạm Thiên Vô Sắc Giới thọ sinh ở những tầng bậc trên đây, thì chẳng cần nỗ lực tiến tu ở tầng Thiên Định bậc thấp (như thế mới không có việc thọ sinh ở trong Cõi Giới bậc thấp). Những Tâm Tái Tục Dục Giới Tam Nhân ấy

thường luôn sinh khởi (Tâm Tái Tục Vô Nhân và Nhị Nhân thì không có được sinh khởi) bởi vì Tâm Đại Thiện Cận Hành Tu Tập có nhiều năng lực.”

Kệ ngôn thứ hai có “**Rūpāvacaracutiya**” (Tử vong từ ở nơi Cõi Sắc Giới) v.v. đây, có ba phần nội dung với nhau; tức là:

1. “**Rūpāvacaracutiya aheturahitā siyūṃ**” (Tử vong từ ở nơi Cõi Sắc Giới, thì sẽ tục sinh làm thành Người Vô Nhân).
2. “**Sabbākāmatihetumhā siyūṃ**” (Hữu Tình với Tam Nhân có thể tục sinh ở mọi Cõi Giới).
3. “**Kāmesveva panetarā siyūṃ**” (Các Hữu Tình khác (Vô Nhân và Nhị Nhân) được tục sinh ở Cõi Dục Giới).

+ Ở phần nội dung thứ nhất nói rằng: “**Rūpāvacaracutiya aheturahitā siyūṃ**” (Tử vong từ ở nơi Cõi Sắc Giới, thì sẽ tục sinh làm thành Người Vô Nhân) đây, có nghĩa là tất cả các vị Phạm Thiên Hữu Sắc Giới mạng chung rồi, sẽ tục sinh trở lại Cõi Giới ấy cũng được, hoặc sẽ thọ sinh ở trong Cõi Hữu Sắc Giới tầng bậc thấp và bậc cao cũng được, hoặc ở trong Cõi Vô Sắc Giới cũng được, tùy thuộc Tâm Thiên Định đang hiện hữu. Nếu không có Tâm Thiên Hữu Sắc Giới, hoặc Tâm Thiên Vô Sắc Giới, thì sẽ thọ sinh làm thành Nhân Loại hoặc Chư Thiên ở hạng Nhị Nhân và Tam Nhân. Tuy nhiên sẽ không đi tục sinh làm thành Hữu Tình Thống Khổ; hoặc Nhân Loại và Chư Thiên với Tái Tục Vô Nhân. Tại đây, là việc đề cập bởi theo *Dĩ Nhân Bản Nguyên (Puggalādhiṭṭhāna)* dựa theo lời dịch ở phần *Dĩ Pháp Bản Nguyên (Dhammādhiṭṭhāna)* như đã có trình bày rồi đây. Việc loại trừ Tái Tục Vô Nhân ra đây, là cũng vì thông thường tất cả các vị Phạm Thiên Hữu Sắc Giới, cho dù sẽ không có được Tâm Thiên Hữu Sắc Giới, hoặc Tâm Thiên Vô Sắc Giới đi nữa, thế nhưng chẳng có việc sinh khởi từ ở nơi *Pháp Triền Cái (Nīvaraṇa)*, và chỉ đang có *Thân Hành Thiện Nghiệp Lực (Kusalakāyakkamma)*, *Ngũ Hành Thiện Nghiệp Lực (Vacīkkamma)*; thì chính vì lý do đó, Bất Thiện Nghiệp Lực và Thiện Nghiệp Lực trước trước sẽ dắt dẫn cho phát sinh làm thành Tái Tục Vô Nhân mới không có cơ hội để sẽ trở sinh quả báo được; và chỉ có thể là *Thiện Tam Nhân* và *Thiện Nghiệp Lực Nhị Nhân Thượng Phẩm* cũ và mới, có được cơ hội dắt dẫn cho phát sinh làm thành Tái Tục Tam Nhân và Nhị Nhân. Vì thế, Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* mới nói rằng “**Aheturahitā siyūṃ**”- “thì sẽ tục sinh làm thành Người Vô Nhân.”

Lại nữa, việc trình bày Tâm Tái Tục sinh nối tiếp từ ở nơi Tâm Tử Hữu Sắc Giới của bộ Chú Giải Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp đây, chẳng là việc trình bày đến Tâm Tái Tục sinh nối tiếp từ ở nơi Tâm Tử Vô Tướng Hữu Tình với bất luận trường hợp nào. Sự việc là như vậy, cũng bởi vì Phạm Thiên Vô Tướng Hữu Tình đây chỉ có Sắc Pháp, và không có Tâm Thiên Định; chính vì vậy, khi đến thời cận tử

lâm chung thì cũng sẽ phải nhất định đi thọ sinh ở trong Cõi Dục Giới. Như thế, việc sinh khởi từ ở nơi Tâm Tái Tục trong Cõi Dục Giới của vị Phạm Thiên Vô Tướng Hữu Tình đây cũng chẳng có chi khác biệt từ ở nơi các vị Phạm Thiên khác khác, là cũng đã được đi thọ sinh ở trong Cõi Dục Giới. Lý do này, Ngài Giáo Thọ **Anuruddha** mới không trình bày đến việc suy đoán được rằng Tâm Tái Tục sinh nối tiếp từ ở nơi Tâm Tử Vô Tướng Hữu Tình, tức là việc diệt mất lần cuối cùng của **Tổng Hợp Mạng Cứu**, và đó cũng chính là 8 Tâm Đại Quả ấy vậy.

Theo như chỗ đã nói rằng tất cả các vị Phạm Thiên Hữu Sắc Giới và Vô Sắc Giới một khi mạng chung rồi nếu như không có Tâm Thiên Định, thì cũng sẽ phải đi thọ sinh ở trong Cõi Dục Giới đấy, là có thể chỉ có riêng biệt đối với hạng Phạm Phạm Thiên mà thôi. Đối với tất cả các vị Thánh Phạm Thiên, thì cho dù là bậc Thất Lai đi nữa cũng không quay trở lại tục sinh ở trong Cõi Dục Giới, bởi vì nhất định sẽ phải chứng đắc được tầng Thiên Định gọi là tầng **Thiên Định Bất Lai (JhānaAnāgāmi)**. Và vị Thánh Phạm Thiên ở trong Cõi Hữu Sắc Giới này, một khi đã thọ sinh ở trong Cõi Giới tầng bậc cao rồi, thì cũng không có việc đi thọ sinh ở trong Cõi Hữu Sắc Giới tầng bậc thấp hơn. Tất cả sự việc này, là cũng vì vị Thánh Phạm Thiên ấy không có việc thối giảm tầng Thiên Định ở bậc cao với bất luận trường hợp nào, mà trái lại duy nhất chỉ có được việc chứng đắc với các tầng Thiên Định nối tiếp cao hơn. Sự hiện hành của bậc Thánh Nhân ở trong Cõi Phạm Thiên Giới như đã có được đề cập rồi đấy, thì sẽ nên hiểu biết từ ở nơi của cả hai câu kệ ngôn đã có trình bày nói rằng:

- | | |
|----------------------------------|-------------------------------|
| 1. <i>Vehapphale akaniṭṭhe</i> | <i>Bhavagge ca patitṭhitā</i> |
| <i>Na punāññattha jāyanti</i> | <i>Sabbe ariyapuggalā.</i> |
| 2. <i>Na puna tattha jāyanti</i> | <i>Sabbepi suddhavāsikā</i> |
| <i>Brahmalokagatā hetṭhā</i> | <i>Ariya nopapajjareti.</i> |

1. Hết cả thấy các bậc Thánh Nhân đã thọ sinh ở trong cả ba **Cõi Cùng Tột Hữu (Bhavaggabhūmi)**, ấy là những Cõi Quảng Quả Phạm Thiên Giới, Cõi Sắc Cứu Cánh Phạm Thiên Giới, hoặc Cõi Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ này rồi, thì thường không còn đi thọ sinh ở trong các Cõi Giới khác được nữa.
2. Hết tất cả các vị Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên cũng không tục sinh trở lại Cõi Giới của mình đã từng thọ sinh. Tất cả các bậc Thánh Nhân đã thọ sinh ở trong Cõi Phạm Thiên Giới rồi, thường không có thọ sinh ở trong Cõi Giới thấp hơn.

+ Ở phần nội dung thứ hai nói rằng: **“Sabbākāmatihetumhā siyumuṃ”** (**Hữu Tình với Tam Nhân có thể tục sinh ở mọi Cõi Giới**) đấy, chẳng là đề cập bởi theo **Dĩ Nhân Bản Nguyên** thì có nghĩa là một khi Nhân Loại và Chư Thiên có được Tái Tục Tam

Nhân và đã mạng chung rồi; nếu như có được Thiên Định, thì sẽ thọ sinh ở trong 20 Cõi Phạm Thiên Giới có Danh Pháp Tái Tục, Sắc Pháp Tái Tục, hoặc có cả Danh – Sắc Pháp Tái Tục, phù hợp theo tầng Thiên Định ấy, và tùy theo Phạm Phu hoặc Thánh Nhân. Nếu như không có Thiên Định, thì sẽ thọ sinh ở trong 11 Cõi Dục Giới, bởi theo sự việc làm thành Chư Thiên, Nhân Loại, hoặc làm thành Hữu Tình Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Atula, Bàn Sinh; làm thành Tái Tục Tam Nhân, Tái Tục Nhị Nhân, hoặc Tái Tục Vô Nhân; tùy thuộc vào Thiện Nghiệp Lực, Bất Thiện Nghiệp Lực mà mình đã từng tạo tác tích trữ lấy và có được cơ hội trở sinh quả báo. Khi tổng kết lại thì có thể có ý nghĩa là Nhân Loại, Chư Thiên có được Tái Tục Tam Nhân, và đến khi mạng chung thì có thể đi thọ sinh ở trong khắp mọi Cõi Giới mà chẳng có ngoại lệ, vì đã có được Tái Tục nối tiếp hiện hành phù hợp theo hết cả 20 Cõi Giới ấy. Có được sự hiện hành như vậy, là cũng do bởi hạng Người này nếu đã có thực hành *Minh Sát Tu Tập (Vipassanābhāvanā)* thì cũng sẽ được thành bậc Thánh Nhân; nếu đã có trau dồi *An Chí Tu Tập (Samatha bhāvanā)* thì cũng sẽ được thành bậc Phúc Lộc Thiên Giả, bậc Thắng Trí Hành Giả. Nếu chỉ có tác hành việc Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập một cách thông thường, thì sẽ được làm thành Nhân Loại và Chư Thiên ở bậc trung, bậc cao, hoặc là bậc thấp. Nếu đã có tạo tác Ác Hạnh, Ác Mạng, thì sẽ được làm thành Hữu Tình Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Atula, Bàn Sinh; tùy theo thích hợp với tâm thức của mình hiện hành nương theo việc tiếp xúc giao tế, vừa thể theo tộc tính, dòng giống, và chủng loại; hoặc đã có được giáo dục.

+ Ở phần nội dung thứ ba nói rằng: “*Kāmesveva panetarā siyum*” (Các Hữu Tình khác (Vô Nhân và Nhị Nhân) được tục sinh ở Cõi Dục Giới) đây, rằng khi đề cập theo *Dĩ Nhân Bản Nguyên* thì có được ý nghĩa là một khi Nhân Loại và Chư Thiên đã có Tái Tục Nhị Nhân với Vô Nhân; hoặc là Hữu Tình Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Atula, Bàn Sinh đã có Tái Tục Vô Nhân, và đã mạng chung, thì đặc biệt thường chỉ được thọ sinh ở trong 11 Cõi Dục Giới mà thôi; với sự làm thành Nhân Loại, Chư Thiên ở bậc cao, bậc trung, bậc thấp; hoặc làm thành Hữu Tình Thống Khổ. Sự việc Tái Tục Tam Nhân, Tái Tục Nhị Nhân, hoặc Tái Tục Vô Nhân đều tùy thuộc vào Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực mà mình đã từng có tạo tác và có được cơ hội trở sinh quả báo.

Về việc hạng Người này chỉ có được thọ sinh ở trong 11 Cõi Dục Giới đây, là cũng vì trong tất cả những hạng Người này, cho dù đã là Nhân Loại hoặc Chư Thiên và quả thật sẽ có được cơ hội để trau dồi *An Chí Tu Tập*, và *Minh Sát Tu Tập* đi nữa, thế nhưng cũng không có khả năng để sẽ hoàn thành Quả vị bậc Thánh Nhân, bậc Phúc Lộc Thiên Giả, hoặc là bậc Thắng Trí Hành Giả được; và có thể chỉ sẽ là hạng Phạm Phu từ thuở ban sơ cho đến lúc tử vong. Đối với Hữu Tình Thống Khổ thì nào có đủ Chánh Niệm và Trí Tuệ để sẽ trau dồi *An Chí Tu Tập*, và *Minh Sát Tu Tập*

được; và như thế một khi đã tử vong rồi, mới chỉ có thể đi tục sinh ở trong 11 Cõi Dục Giới ấy mà thôi. Lý do này, Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* mới sử dụng từ ngữ nói rằng “*Evaṃ*” kết hợp vào ở trong từ ngữ “*Kāmesu*” rồi đã trình bày là “*Kāmesveva*”.

Giải Thích Trong Phần Pāli Với Điều Thứ Mười Lăm:

Có “*Iccevaṃ gahitapaṭisandhikānaṃ pana*” v.v. Trình Bày Đến Việc Sinh Khởi Của Tâm Hữu Phần Và Tâm Tử Trong Khoảng Giữa Từng Mỗi Kiếp Sống Sau Khi Tâm Tái Tục Đã Sinh Khởi

Trong phần Pāli ở điều này, nội dung chánh yếu là ở ngay chỗ trình bày rằng: “*Tamevārammaṇamārabbha tadevacittam bhavaṅgasantatisaṅkhātam mānaṣam (hutvā) pavattati cuticittam hutvā nirujjhati*”- “Chính ngay cái Tâm Tái Tục ấy, tiếp thâu lấy Cảnh của Tâm Tái Tục liền sinh khởi ở trong kiếp sống mới, quay trở lại làm thành cái Tâm được gọi là dòng Tâm Hữu Phần (*Bhavaṅgacitta*) liền sinh khởi lên không có khoảnh khắc gián đoạn, như là một Chi Phần (*Aṅga – Bộ Phần*) của kiếp sống, và cũng quay trở lại làm thành Tâm Tử sinh khởi lên, rồi cũng diệt mất.”

Từ ngữ “*Tadevacittam*” ấy là “*Taṃ + Eva + Cittam*”- “Chính cái Tâm Tái Tục ấy”, là từ ngữ mà Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* đề cập thể theo Phần Tương Đồng (*Sadisūpacāra*), tức là việc nói thể theo phần nương vào sự hiện hành tương tự với nhau. Tất cả là như vậy, cũng vì cái Tâm sinh khởi sau khi Tâm Tái Tục đã diệt mất, là chỉ có Tâm Hữu Phần mà thôi, và thường luôn sinh khởi nối tiếp với nhau với số lượng là 15 hoặc 16 sát na. Tuy nhiên Tâm Hữu Phần sinh khởi đây, khi nói theo về Cõi Giới (*Bhūmi*), Chủng Loại (*Jāti*), Phối Hợp (*Sampayoga*), Thọ (*Vedanā*), Dẫn (*Saṅkhāra*) thì cũng tương tự giống với Tâm Tái Tục mọi trường hợp. Đề cập đến là Tâm Tái Tục là Dục Giới, thì Tâm Hữu Phần cũng là Dục Giới; là Quả Dị Thục Hữu Nhân, hoặc Quả Dị Thục Vô Nhân, thì Tâm Hữu Phần cũng là Quả Dị Thục Hữu Nhân, hoặc Quả Dị Thục Vô Nhân tương tự như nhau. Nếu là Bất Tương Ứng Trí, thì Tâm Hữu Phần cũng là Bất Tương Ứng Trí. Nếu câu sinh với Hỷ Thọ, hoặc Xả Thọ, thì tương tự Tâm Hữu Phần cũng câu sinh với Hỷ Thọ, hoặc Xả Thọ. Nếu là Vô Dẫn thì Tâm Hữu Phần cũng là Vô Dẫn.

Lý do này, mới nói rằng ở trong sát na Tâm Hữu Phần sinh khởi đây, thì cho dù thực sự là Tâm Tái Tục đã diệt mất đi rồi, tuy nhiên Tâm Hữu Phần này cũng có sự hiện hành tương tự giống với Tâm Tái Tục mọi trường hợp. Vì thế, Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* mới nói được rằng: “*Tadevacittam – Chính cái Tâm Tái Tục ấy*”.

Như sẽ nên nhận thấy được ý nghĩa từ ở nơi điều tỷ giáo khi nói rằng: “*Hãy dùng lấy thuốc bỏ đã cho ngày hôm qua đi*”; việc tỷ giáo ở điều này, là “*thuốc bỏ*”

ngày hôm qua đây, đã được thọ dụng rồi”; tuy nhiên “thuốc bỏ đã cho để dùng lấy” là lập ý chỉ lấy duy nhất loại thuốc bỏ mà đã được dùng vào ngày hôm qua mà thôi.

Từ ngữ “*Tamevārammaṇamārabbha*”- là “*Taṃ + Eva + Ārammaṇaṃ + Ārabbha*”- “*tiếp đầu lấy Cảnh của Tâm Tái Tục ấy*” có nghĩa nếu như Tâm Tái Tục có Thiện Nghiệp Lực, hoặc Bất Thiện Nghiệp Lực làm thành Cảnh, thì Tâm Hữu Phần sinh cho đến trọn kiếp sống và Tâm Tử cũng có Thiện Nghiệp Lực hoặc Bất Thiện Nghiệp Lực làm thành Cảnh tương tự như nhau. Nếu có Cảnh Sắc Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thinh Nghiệp Tướng làm thành Cảnh; thì Tâm Hữu Phần sinh cho đến trọn kiếp sống và Tâm Tử cũng có Cảnh Sắc Nghiệp Tướng, hoặc Cảnh Thinh Nghiệp Tướng làm thành Cảnh tương tự như nhau. Nếu có Cảnh Sắc Thú Tướng, hoặc Cảnh Thinh Thú Tướng làm thành Cảnh; thì Tâm Hữu Phần sinh cho đến trọn kiếp sống và Tâm Tử cũng có Cảnh Sắc Thú Tướng, hoặc Cảnh Thinh Thú Tướng tương tự như nhau. Sự hiện hành của Tâm Hữu Phần có Cảnh tương tự với Tâm Tái Tục đó, được tính kể từ Tâm Tái Tục đã diệt mất của người sinh ở trong kiếp sống mới cho đến Tâm Tử khởi sinh. Vì thế, Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* mới nói rằng: “*Gahitapatisandhikānaṃ paṭisandhinirodhānan tarato pabhuti yāva cuticittuppādā*”- “*Kể từ việc diệt mất của Tâm Tái Tục bởi không có khoảnh khắc gián đoạn của người đã được tiếp đầu lấy Cảnh của Tâm Tái Tục ở trong kiếp sống mới cho trọn suốt đến Tâm Tử khởi sinh.*”

Từ ngữ “*Bhavaṅgasantatisaṅkhātamaṃ mānaṣaṃ hutvā pavattati*”- “*Quay trở lại làm thành cái Tâm gọi là dòng tâm thức Hữu Phần sinh khởi*” có nghĩa là việc sinh khởi nối tiếp với nhau của Tâm Quả Dị Thục và Sắc Nghiệp cho đến trọn suốt từng mỗi kiếp sống, đích thị chính là tự tái tạo bản thân ở trong từng mỗi kiếp sống của tất cả Chúng Hữu Tình. Như thế, một khi Tâm Quả Dị Thục sinh khởi bởi sự làm thành Tâm Tái Tục ở trong từng mỗi kiếp sống, cũng chẳng phải là không chấm dứt, và lại sẽ phải khởi sinh tiếp nối qua việc chuyển đổi làm thành Tâm Hữu Phần. Việc chuyển đổi thành Tâm Hữu Phần, là cũng chỉ sinh khởi của Tâm Tái Tục này vẫn còn đang hiện hành khi mà Tâm Lộ Trình vẫn chưa có khởi sinh. Đến khi Tâm Lộ Trình khởi sinh rồi thì Tâm Hữu Phần cũng đình chỉ lại. Vì thế, Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* mới nói rằng: “*Asati vīthiccittuppāde bhavassa aṅgabhāvena*”- “*Khi sát na Tâm Lộ Trình chưa khởi sinh, sự làm thành Chi Phần (Aṅga – Bộ Phận) của kiếp sống (sinh khởi)*”.

Lại nữa, chỗ nói rằng việc sinh khởi của Tâm Hữu Phần ở trong sát na mà Tâm Lộ Trình vẫn chưa sinh đầy, cũng chẳng phải chỉ là 1 sát na, hoặc 2 sát na bấy nhiêu đây thôi, ngặt nỗi việc sinh khởi phải là hằng hà sa số sát na như thể một dòng sông.

Vì thế, Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* mới nói rằng: “*Abbocchinnam nadīsoto viyapavattati*”- “sinh khởi không gián đoạn tựa như dòng nước trong một con sông.”

Sự Hiện Hành Ở Trong Sát Na
Tâm Lộ Trình Sinh Khởi Và Tâm Hữu Phần Sinh Khởi

Theo lẽ thường nhiên tất cả mỗi con người có cảm giác là được thấy, được nghe, v.v. cho đến cả các việc đã được tư duy nghĩ ngợi; thì chính ngay trong sát na đó, là hoàn toàn Tâm Lộ Trình đã sinh khởi hết cả thấy. Đề cập là Tâm Lộ Trình đấy, đích thị chính là người được thấy, là người được nghe, suốt trọn cho đến là người tư duy nghĩ ngợi; chẳng phải Tâm Hữu Phần là người được thấy, là người được nghe, là người tư duy nghĩ ngợi với bất luận trường hợp nào. Cho dù sự việc ấy có thực là trong khi sát na đang thấy, đang đọc, đang nghe, đang tư duy nghĩ ngợi, đã là Tâm Lộ Trình đang sinh khởi; thế mà trong thời gian ấy, Tâm Hữu Phần cũng vẫn có thể sinh khởi xen kẽ đi trong khoảng giữa của Lộ Trình này với Lộ Trình kế tương tự như nhau, chẳng phải chỉ có duy nhất Tâm Lộ Trình sinh khởi không thôi. Tất cả sự việc này, là cũng vì Tâm Lộ Trình hữu quan với những việc được thấy, việc được nghe, việc tư duy nghĩ ngợi đây, làm thành Tâm Đồng Lực có định chuẩn sinh khởi chỉ từng mỗi trọn một sát na, rồi cũng phải có Tâm Hữu Phần hình thành ở Lộ Ý Môn sinh khởi đi xen kẽ với nhau; và sẽ không thể nào chỉ có đơn thuần Tâm Lộ Trình sinh nối tiếp với nhau một cách không gián đoạn như là ở *Lộ Trình Nhập Định (Samāpattivīthi)* được.

Lý do này, mới suy đoán được rằng Tâm Lộ Trình thì có Tâm Đồng Lực định chuẩn, và Tâm Hữu Phần thì xen kẽ, đã làm cho có sự cảm giác được khởi sinh lên làm thành nguyện vọng cá nhân (*Puggalādhiṭṭhāna - Dĩ Nhân Bản Nguyện*). Còn Lộ Trình Nhập Định là Lộ Trình có số lượng Tâm Đồng Lực bất định chuẩn, và không có những Tâm Hữu Phần này xen kẽ, thì ắt hẳn không làm cho khởi sinh lên sự cảm giác dạng làm thành *Dĩ Nhân Bản Nguyện* được. Việc suy đoán bởi do đưa nguyên nhân lên như đã vừa đề cập, ấy là một trường hợp *Hữu Nhân (Sāhetu - có nguyên nhân)*. Trong sự việc Lộ Trình Đồng Lực Dục Giới, thì đã có sự cảm giác làm thành được *Dĩ Nhân Bản Nguyện*, tuy nhiên ở Lộ Trình Nhập Định, thì chẳng có sự cảm giác để làm thành *Dĩ Nhân Bản Nguyện*.

Lại nữa, chỗ nói rằng sát na Tâm Hữu Phần chẳng có sinh khởi các sự cảm giác hữu quan với việc được thấy, việc được nghe, cho đến cả việc tư duy nghĩ ngợi đấy, thì cũng nên nhận thức một cách rõ ràng là chỉ ở trong sát na của giác ngủ say, vì lẽ thường người đang ngủ say thì Tâm Lộ Trình không sinh, và chỉ có duy nhất Tâm Hữu Phần là sinh khởi. Và lại Tâm Hữu Phần này cũng tiếp thu lấy Cảnh cũ ở trong kiếp

sống trước, và chẳng có tiếp thân lấy Cảnh mới ở trong kiếp sống hiện tại này. Như thế, một khi đã ngủ say rồi, nếu nhớ như chẳng có để ý đến hạn độ ghi nhớ trước khi đi ngủ hoặc sau khi thức dậy; thì cho dù sẽ ngủ chỉ độ chừng 5 phút thôi, thì lại hiểu rằng cả giờ đồng hồ; hoặc ngủ cả nhiều giờ đồng hồ, thì lại hiểu rằng chỉ trong một chốc lát thôi. Có sự việc này, là cũng vì chính cái Tâm Hữu Phần ấy đã tự biểu thị hiển lộ ra rằng “*chẳng có bao giờ tiếp thân bất luận một câu chuyện nào hữu quan với kiếp sống hiện tại này cả.*”

Từ ngữ “*Cuticittam hutvā nirujjhati* – là Tâm Tử đã diệt mất rồi”, đích thị chính là cái Tâm có thực tính tương tự với Tâm Tái Tục ấy vậy. Khi chấm dứt của kiếp sống hiện tại, thì quay trở lại làm thành Tâm Tử bởi qua việc chuyển di kiếp sống đang hiện sinh. Vì thế, Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* mới nói rằng: “*Pariyosāne ca vacanavasena*” “*Trong chỗ tối hậu của kiếp hiện sinh với mãnh lực của việc chuyển di khỏi kiếp sống cũ*” (là Tâm Tử đã diệt mất rồi) đây, là việc trình bày cho được biết rằng trong từng mỗi kiếp sống của tất cả Chúng Hữu Tình, thì Tâm Tái Tục sinh khởi ở trong đoạn đầu của kiếp sống, Tâm Hữu Phần thì sinh khởi ở đoạn giữa của kiếp sống, và Tâm Tử thì sinh khởi ở trong đoạn cuối của kiếp sống. Cả ba thể loại này có cùng một thực tính như nhau, hoặc sẽ nói rằng cùng một cái Tâm như nhau, và ý nghĩa này cũng tương tự với điều đã trình bày để ở trong *Tái Tục Tứ Phần (Paṭisandhicatukka)* là:

*Paṭisandhi bhavaṅgaṅca
Ekameva tatheveka -*

*Tathā vacanamānasam
Visayañcekajāṭiyam*

“*Có ba thể loại Tâm không chuyển đổi thành một thể loại khác, và luôn hiện hữu suốt trong kiếp sống của từng mỗi con người, ấy là: Tâm Tái Tục, Tâm Hữu Phần và Tâm Tử.*” [Xin xem lại Tập III – Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp – Chương V, quyển I, trang 303]

Giải Thích Trong Phần Pāli Với Điều Thứ Mười Sáu:

Có “*Tato paraṅca*” v.v. Trình Bày Đến

Việc Luân Chuyển Tuần Hoàn Ở Trong Vòng Luân Hồi

Trong phần Pāli ở điều này lập ý đến sự hiện hành từ ở nơi Danh Pháp của tất cả các hạng *Phàm Phu (Puthujjana)* và bậc *Thánh Hữu Học (Sekkhapuggala)*, là sau khi Tâm Tử đã diệt mất rồi, thì tất cả các Tâm có Tâm Tái Tục, v.v. sinh khởi nối tiếp với nhau, trình tự luân chuyển hết cả kiếp sống, làm nhiệm vụ Tái Tục, Hữu Phần, Tử, tựa như bánh xe luân chuyển ấy vậy. Còn tất cả các bậc Vô Sinh, là sau khi Tâm Tử đã diệt mất rồi, thì chẳng còn có sự hiện hành của Danh Pháp bởi theo sự làm thành Tái

Tục, Hữu Phần và Tử lại nữa, và chỉ là sự diệt mất tương tự như sự diệt tắt của ngọn đèn vậy.

Giải Thích Trong Phần Pāli Với Điều Thứ Mười Bảy:
 Có “**Paṭisandhibhavaṅgavāthiyo**” v.v. Ấy Là Kế Ngôn
 Trình Bày Tóm Lược Sự Luân Chuyển Ở Trong Vòng Luân Hồi

Trong phần Pāli ở điều thứ mười bảy này, là câu kế ngôn trình bày tóm lược nội dung của cả hai *Chương (Pariccheda)* là Chương IV và V, hoặc sẽ gọi là *Kế Tóm Tắt (Nigāmag)* là kế ngôn đề cập đến sự kết thúc của Chương IV và V cũng được, vì trong Chương IV ấy, đoạn văn cuối cùng đã có trình bày rằng: “**Icevaṃ chadvārikacittappavattati yathāsambhavaṃ bhavaṅgantaritā yāvātāyukamabbocchinnā pavattati**”- “Theo như phần đã được trình bày rồi đấy, thì sự hiện hành của Tâm Lộ Trình sinh khởi trong cả Lục Môn, do bởi có Tâm Hữu Phần sinh khởi xen kẽ một cách liên tục vào Tâm Lộ Trình, diễn tiến không gián đoạn đi suốt hết mạng sống vừa theo thích hợp của việc được sinh khởi trong từng mỗi Môn.” [Xin xem lại Tập II – Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp – Chương IV, trang 34] Trong Chương V ấy, đoạn văn cuối cùng đã có trình bày rằng: “**Tato parañca paṭisandhidhādayo rathacakkamiva yathākkamaṃ eva parivattantā pavattanti**”- “Sau khi Tâm Tử đã diệt mất rồi, thì tất cả các Tâm có Tâm Tái Tục, v.v. sinh khởi nối tiếp với nhau, trình tự luân chuyển hết cả kiếp sống, làm nhiệm vụ Tái Tục, Hữu Phần, Tử, tựa như bánh xe luân chuyển ấy vậy.” là việc tóm lược nội dung tối hậu một cách thông thường, được gọi là “**Cuṇṇiya – Đoạn Văn Chương**: đoạn văn có từng phần từng đoạn, và vẫn chưa được kết liên vào nhau.” Lý do này, Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* mới đem cả hai nội dung này kết liên vào nhau cho viết thành một kế ngôn, và đã đặt ở đoạn văn cuối cùng của Chương V thêm một lần nữa vậy.

Còn đoạn văn ở trong *Kế Tóm Tắt (Nigāmagāthā)* đây, cũng tương tự như ở phần Pāli điều thứ 16, chỉ lập ý đến tất cả các hạng Phạm Phu và các bậc Thánh Hữu Học vẫn còn phải luân chuyển ở trong cả 31 Cõi Giới, vì lẽ bậc đã Viên Tịch Níp Bàn thì chẳng còn Danh Pháp hiện hành bởi theo sự làm thành *Tâm Thoát Ly Lộ Trình (Vithīmuttacitta)* và luôn cả *Tâm Lộ Trình (Vithīcitta)* cũng không còn hiện hữu.

Giải Thích Trong Phần Pāli Với Điều Thứ Mười Tám:
 Có “**Paṭisaṅkhāya panetamaddhuvam**” v.v. Ấy Là Kế Ngôn
 Trình Bày Việc Chỉ Dẫn Phương Thức Làm Cho Tịch Diệt Vòng Luân Hồi

Kế ngôn này gọi là *Tối Hậu Kế Ngôn (Aparantikāgāthā)* là câu kế có nội dung bổ túc ngoài ra nội dung của Chương V. Khi quán sát xem xét nội dung ở trong câu

kệ này rồi, thì cũng nên được biết đến Trí Tuệ thù thắng và Tâm Trí của Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* đã câu hành một cách rõ ràng với Từ - Bi - Hỷ đối với tất cả mọi người, quả thật đáng tôn kính và quý ngưỡng vô cùng đến nơi Ngài, luôn cả việc phối hợp với lời Chú Giải một cách đầy đủ cùng với phụ âm một cách trau chuốt hoa mỹ, vì lẽ đã làm cho các độc giả phát sinh sự hiểu biết tương tự nhất một như thể Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* đã tự độc thoại cho mình vậy. Ngoài ra đây, tất cả cũng vẫn là những kệ ngôn yếu giảng đã làm cho phát khởi đức tin, trau dồi tiến tu Pháp Hành an trú ở trong *Tam Học (Sikkhā: Giới Học – Định Học – Tuệ Học)*, chẳng phải chỉ có đơn thuần sự ghi nhớ suông không thôi.

Trong *Tối Hậu Kệ Ngôn* này có ba từ ngữ quan trọng, ấy là “*Budhā, samam, essanti*”- bậc Trí Giả là bậc đã Tái Tục với tất cả Tam Nhân, sẽ được chứng ngộ đến Pháp vị Níp Bàn là Pháp an vui tuyệt đối, và đoạn lưu Pháp Hành. “*Budhā*” là “*Vuttakattupada*”, “*Samam*” là “*Avuttakammapada*”, “*Essanti*” là “*Ākhayātakiriyā kattuvācaka*”. Trong chỗ này, bậc có *Tuệ Tái Tục (Paṭisandhi paññā)* được gọi là bậc *Giác Giả (Budhā)*, còn bậc có *Tuệ Chuyển Khởi (Pavatti paṭisandhi)* cho dù thực sự cũng sẽ được gọi là bậc *Giác Giả* tuy nhiên chẳng phải đã ngụ ý đến.

Lại nữa, chỗ nói rằng bậc có *Tuệ Tái Tục* sẽ đạt đến Pháp vị Níp Bàn an vui tuyệt đối, và đoạn lưu Pháp Hành đây, là chẳng phải hiện hành hết cả thấy, mà chỉ có thể đặc biệt đối với vị có việc tiến tu Pháp Hành một cách tốt đẹp, cho đến cả phóng khí tiết diệt Ái Dục Triền Phục, thì mới sẽ đạt đến Quả vị Níp Bàn được. Vì thế, Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* mới nói rằng: “*Sabbatā susamucchinna sinehabandhanā*”- nghĩa là tất cả các bậc có *Tuệ Tái Tục* có sự hoan hỷ duyệt ý trau dồi tu tập; là thọ trì Giới Luật, thực hành *Điều Tiết Dục (Dhutaṅga – Hành Đầu Đà)*, tiến tu *An Chi (Samādhi)* và nhổ tiết gốc các Pháp Triền Phục, ấy là Ái Dục cho hoại diệt đi, thế rồi sẽ chứng ngộ đạt đến Pháp bất diệt là Níp Bàn tĩnh lặng, và chặt đứt tất cả mọi *Pháp Hành (Saṅkhāradhamma)* một cách kiên định.

Mới có câu vấn hỏi rằng: “*Tất cả các bậc có Tuệ Tái Tục có sự hoan hỷ duyệt ý trau dồi tu tập, là thọ trì Giới Luật, v.v. đây; nếu sẽ tu tập với cả hai Giới Học và Định Học đây một cách bình thường, và lại chỉ với thời gian một chút ít thôi, thì sẽ có đủ năng lực để sẽ làm cho Minh Sát Tuệ phát sinh lên được hay không?*” Giải đáp là “*Không được!*” Chính vì lý do như vậy, Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* mới trình bày *Tác Hành Phân Biệt Từ (Kiriyaṅvisesana)* lấy ở phía trước là “*Virāya* – việc tu tập cần phải một thời gian lâu dài”. Đối với bậc có *Tuệ Tái Tục* mà sẽ đạt đến Pháp vị Níp Bàn, thì cũng phải liên quan tới việc nhổ tiết gốc Pháp Triền Phục, ấy là Ái Dục đã làm thành hữu nhân. Sự việc bậc có *Tuệ Tái Tục* mà đã trau dồi tiến tu an trú ở trong

Giới Luật – Thiên Định với một thời gian lâu dài, và do bởi nương vào bất luận một tác nhân nào đó, mà đã làm cho nhỏ tiết được gốc Ái Dục, hoặc mới sẽ hiện hành được như vậy. Vì lý do này, Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* mới trình bày rằng “*Adhigantvā padamaccutam (Adhigantvā padam accutam)* – Vì đã chứng ngộ đạt đến Pháp bất diệt là Níp Bàn bởi do Tuệ Đạo – Tuệ Quả” có nghĩa là việc nhỏ tiết gốc Ái Dục được đây, là cũng vì hữu quan với việc đã được giác ngộ đạt đến Pháp vị Níp Bàn bởi do Tuệ Đạo – Tuệ Quả làm thành tác nhân.

Khi đã là như vậy thì có thêm một vấn đề tiếp nữa là tất cả các bậc có Tuệ Tái Tục đã an trú ở trong Giới Luật – Thiên Định với một thời gian lâu dài, chứng ngộ đạt đến Pháp bất diệt là Níp Bàn bởi do Tuệ Đạo – Tuệ Quả, thế rồi đã nhỏ tiết gốc Ái Dục được đây, là cũng phải do nương vào bất luận một tác nhân nào đó, mới chứng ngộ được Níp Bàn. Vì thế, Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* mới đến trình bày đến nguyên nhân của điều này là: “*Paṭisaṅkhāya panetamaddhuvam (Paṭisaṅkhāya pana etam addhuvam)*”- “*Quán sát thâm thấu đến sự hiện hành của Tâm và Tâm Sở chỉ là vật vô thường*” có nghĩa là việc chứng ngộ đạt đến Níp Bàn bởi do Tuệ Đạo – Tuệ Quả đây, đó là kết quả do nương vào việc thâm sát sự hiện hành của Tâm và Tâm Sở chỉ là vật vô thường, đã làm thành nguyên nhân.

Khi tóm lược lại ở trong *Tối Hậu Kế Ngôn (Aparantikāgāthā)* đây, có được ý nghĩa là tất cả các bậc có Tuệ Tái Tục và đã có trau dồi tiến tu một cách tốt đẹp, an trú ở trong Giới Luật, Thiên Định với một thời gian lâu dài; thực hiện việc tiến tu Minh Sát cho đạt đến *Giản Trạch Trí (Paṭisaṅkhārañāṇa – Quyết Ly Trí)* đã quán thấy được Tâm và Tâm Sở chỉ là vật vô thường; chứng ngộ đến Pháp bất diệt là Níp Bàn bởi do Tuệ Đạo – Tuệ Quả theo một cách tuần tự; và đã nhỏ tiết được Pháp Triền Phược là Ái Dục. Trong những phút giây cuối cùng của kiếp sống hiện tại, thì ắt hẳn sẽ chứng đạt được an vui Viên Tịch Níp Bàn, là Pháp tĩnh lặng và đoạn lưu tất cả mọi *Pháp Hành (Saṅkhāradhamma)* một cách kiên định.

Việc Miêu Tả Nội Dung Trong Phần “*Tứ Vong Khởi Sanh Tứ Phần*” Đã Được Kết Thúc Chỉ Là Bảy Nhiều Đây, Vào Ngày Thứ 29 Tháng 12 Phật Lịch 2506

PARAMATTHAJOTIKANĀMABHĀSĀṬĪKĀYAM

VĪTHIMUTTASAṄGAHASSAATTHAVANṆANĀ NIṬṬHITĀ

Việc Miêu Tả Nội Dung Của **Tổng Hợp Thoát Ly Lộ Trình** – Là Chương Thứ V

Trong Ngôn Từ Phụ Chú Giải Danh Xưng Chánh Pháp Quang Minh

Đã Được Kết Thúc Chỉ Là Bảy Nhiều Đây

KỆ TÓM TẮT (NIGAMAKATHĀ)

Ettāvatāca dhammācariyotiladdhalañchakena Saddhammajotikanāmena mayā Rakkhaṅghositāramakārāpīte Abhidhammahavidyālaye padhānācariya gaṇapāmokkha bhāvena sattavidhāni vācana racana muddana pañhābyākāpayana pakāsaniyapaṇṇadāna desantarābhidhammika Abhi dhammakathikapesana Vidyālayapapancanādisāsanakiccāni vinā rājūpatthambhanā katāni ceva vahitāni ca imasmim soḷasamavassike sampati chādhikapañcasatadvasahasse saṃvacchare pana māgasiramāsajūhapakkha cuddasamadivase suriyacāre imaṃ vīthimuttasaṅgahassa atthavaṇṇanaṃ ṭīkākāraṃ sabbākārena niṭṭhāpitaṃ.

Thê theo phần nội dung đã được tuần tự trình bày ở tại đây, Bản Đạo có danh xưng ở trong xã hội là Ngài Chánh Pháp Quang Minh (*Saddhammajotika*) chức vị là Pháp Sư (*Dhammācariya*), ở vị trí là Giáo Sư Hiệu Trưởng (*Padhānācariya*) kiêm Khoa Trưởng (*Gaṇapāmokkha*) Khoa Vô Tỷ Pháp tại Trường Đại Học Vô Tỷ Pháp, đang trú ngụ tại Chung Cáo Thị Tu Viện (*Rakkhaṅghositārama*), tỉnh lỵ Dhonpuri, và đã thực hiện với việc đảm trách 7 Giáo Vụ, có: 1/. Việc giảng dạy, 2/. Việc soạn tác Kinh điển, 3/. Việc sắp xếp in ấn, 4/. Việc coi thi cuối năm, 5/. Việc phát bằng tốt nghiệp (dưới Đại Học), 6/. Việc điều động thuyền chèo Giáo Thọ đi giảng dạy theo từng các Học Khu, 7/. Việc mở rộng Học Viện, và hoàn toàn chẳng có liên hệ với việc bảo trợ về phía nhà nước bất luận trường hợp nào, trên mọi lĩnh vực.

Vào năm Phật Lịch 2506, là năm thứ 16 mà Bản Đạo đã thực hiện việc miêu tả nội dung của “*Tổng Hợp Thoát Ly Lộ Trình*” ra thành Ngôn Từ Phụ Chú Giải (quyển thứ 21) đã được thành tựu một cách viên mãn, và kết thúc vào Chủ Nhật, ngày 14 Âm Lịch, tháng Hai Âm Lịch, năm Mão.

LỜI SỞ NGUYỆN (PARĀRATHANĀ)

Idaṃ me puññaṃ sabbaññutañāṇassa paccayo hotu

Nguyện tất cả các Thiện Phúc của Bản Đạo đã có được tác hành thành tựu viên mãn, xin cho được làm thành mãnh lực duyên Trí Hạnh (*Paññādhika*) của bậc Tuệ Toàn Giác (*Sabbaññutañāṇa*) (Ngài *Saddhammajotika Dhammācariya*).

-----00000-----

**TỬ VONG KHỞI SANH TỬ PHẦN
(MARANUPPATTICATUKKA)**

**VẤN VÀ ĐÁP VỀ TỬ VONG KHỞI SANH TỬ PHẦN
(CHƯƠNG THỨ NĂM – PHẦN III)**

1. Hỏi: a/. Từ ngữ *Maranuppatticatukka* chiết tự được bao nhiêu từ ngữ? Là những chi? Luôn cả trình bày ý nghĩa và câu Chú Giải.

b/. Hãy trình bày nguyên nhân đã làm cho sự tử vong hiện bày với 4 thể loại, luôn cả trình bày điều ví dụ so sánh cho được thấy với.

Đáp: a/. Từ ngữ “*Maranuppatticatukka* – Tử Vong Khởi Sinh Tử Phần” khi chiết tự ra thì có được ba từ ngữ, đó là: *Marana* + *Uppatti* + *Catukka*. *Marana* = sự tử vong, *Uppatti* = việc sinh khởi, *Catukka* = có bốn. Khi kết hợp lại thì thành “*Maranuppatticatukka*” dịch nghĩa là “Việc sinh khởi của sự tử vong có bốn thể loại”, chính là lập ý đến bốn nguyên nhân làm cho sự tử vong hiện khởi. Như trình bày câu Chú Giải nói rằng:

“*Maranassa uppatti = Maranuppatti*” - Việc hiện hành của sự tử vong, gọi là *Tử Vong Khởi Sinh*. “*Catunnam samāhāro = Catukkam*” - Việc kết hợp của bốn thể loại, gọi là *Tử Phần*. Nguyên nhân làm cho sự tử vong hiện khởi ở bốn thể loại, ấy là:

1. *Thọ Mạng Diệt Tử Vong (Āyukkhayamarāṇa)*: chết vì hết Tuổi Thọ
2. *Nghiệp Lực Diệt Tử Vong (Kammakkhayamarāṇa)*: chết vì hết Nghiệp Lực.
3. *Nhất Song Diệt Tử Vong (Ubhayakkhamarāṇa)*: chết vì hết Tuổi Thọ và hết Nghiệp Lực (cả hai).
4. *Tiệt Quan Hệ Tử Vong (Upacchedakamarāṇa – Bất Đắc Kỳ Tử)*: chết vì Nghiệp Lực xen vào cắt đứt mối quan hệ.

b/. Nếu sẽ nêu lên ví dụ để so sánh việc tử vong của tất cả Chúng Hữu Tình thì cũng tương tự như một ngọn đèn thấp sáng. Ngọn đèn này thường sẽ bị tắt đi do bởi một trong bốn nguyên nhân. Một là tắt đi do bởi tim đèn hết. Hai là tắt đi do bởi dầu nến hết. Ba là tắt đi do bởi cả hai tim và dầu nến hết. Bốn là tắt đi do bởi gió quạt hoặc thổi làm cho tắt đi.

Ngọn đèn ấy được ví như mạng sống của tất cả Chúng Hữu Tình. Sự diệt tắt của ngọn đèn ấy cũng ví như sự diệt tắt của mạng sống, sự chấm dứt từng mỗi kiếp sống. Do đó, người chấm dứt mạng sống do bởi Thọ Mạng diệt, thì cũng giống như ngọn đèn diệt tắt là do bởi ở nơi tim hết nhưng mà dầu nến vẫn còn. Người chấm dứt mạng sống do bởi hết Nghiệp Lực ấy, thì cũng giống như ngọn đèn diệt tắt là do bởi ở

nơi dầu nên hết nhưng mà tim vẫn còn. Người chấm dứt mạng sống do bởi cả hai, là hết Tuổi Thọ và Nghiệp Lực, thì cũng giống như ngọn đèn diệt tắt là do bởi ở nơi cả hai tim và dầu nên đều cùng hết. Người chấm dứt mạng sống do bởi tiếp xúc những Tác Nhân Bất Trường (*Upaddavahetu*) thì cũng giống như ngọn đèn diệt tắt là do bởi ở nơi bị gió quạt hoặc thổi làm tắt đi, mặc dù tim và dầu nên vẫn còn hiện hữu.

2. Hỏi: *Hãy dịch câu kệ trình bày điềm tướng hiện khởi lên khi sắp cận tử lâm chung.*

Đáp: Trình bày điềm tướng hiện khởi lên khi sắp cận tử lâm chung:

Tathā ca marantānaṃ pana maraṇakāle yathārahaṃ abhimukhī bhūtaṃ bhavantare paṭisandhikhanakaṃ kammaṃ vā, taṃkammakaraṇakāle rūpādikaṃ upaladdhapubbamupakaraṇabhūtaṃ kammanimittaṃ vā, anantaramuppajjamānabhava upalabhitabbamupabhogabhūtaṃ gatinimittaṃ và kammabalena channaṃ dvārānaṃ aññatarasmim paccupaṭṭhāti.

Đối với người sẽ phải tử vong, và chính ngay trong lúc cận tử lâm chung do bởi bất luận một trong bốn tác nhân như thế; thì:

1. Thiện Nghiệp Lực (*Kusalakamma*) hoặc Bất Thiện Nghiệp Lực (*Aksalakamma*) mà đã làm cho khởi sinh tái tục ở trong kiếp sống tới, hiện hành nổi lên như là việc tự biểu hiện rõ ràng trực tiếp, và đã đi đến hiện khởi tựa như ở ngay trước mắt; hoặc là,
2. *Nghiệp Tướng* (*Kammanimitta*) là Cảnh của Nghiệp Lực đã đi đến, có Cảnh Sắc, Cảnh Thinh v.v. đã từng được nhìn thấy, đã từng được nghe, v.v. mà hữu quan với hành động tạo tác của mình, và luôn cả công cụ hỗ trợ cho thành tựu ở trong hành động tạo tác của mình ngay ở trong sát na đã tạo tác ra Nghiệp Lực ấy; hoặc là,
3. *Thú Tướng* (*Gatinimitta*) đã làm thành Cảnh đáng sẽ phải thụ lãnh, và sẽ phải thụ lãnh an vui hoặc khổ đau ở ngay trong kiếp sống tới sẽ đi tục sinh; thì thường luôn hiện khởi lên ở bất luận một Môn (*Dvāra*) nào trong tất cả sáu Môn; với mãnh lực Nghiệp Lực thuận hợp với Cảnh; hoặc với mãnh lực Nghiệp Lực thuận hợp với loài Hữu Tình sẽ phải đi đến Thiệt Thú và Khổ Thú.

3. Hỏi: *Hãy trình bày câu kệ qua việc Tâm Tái Tục sinh khởi nối tiếp từ ở nơi Tâm Tử, luôn cả với lời dịch nghĩa.*

Đáp: Trình bày câu kệ qua việc Tâm Tử sinh khởi nối tiếp từ ở nơi Tâm Tử:

*Heṭṭhimāruppavajjitā Āruppacutiyā honti
Paramāruppasandhi ca Tathā kāmatihetukā*

Rūpāvacaracutiyā
Sabbā kāmatihetumhā

Aheturahitā siyaṃ
Kāmesveva panetarā.

Sau khi bốn cái Tâm Tử Vô Sắc Giới sinh thì bốn cái Tâm Tái Tục Vô Sắc Giới, loại trừ những Tâm Tái Tục Vô Sắc Giới bậc thấp và bốn cái Tâm Tái Tục Dục Giới Tam Nhân, thường được sinh khởi. Sau khi năm cái Tâm Tử Hữu Sắc Giới sinh thì 17 cái Tâm Tái Tục, ngoài ra hai cái Tâm Tái Tục Vô Nhân, thường được sinh khởi. Sau khi bốn cái Tâm Tử Dục Giới Tam Nhân sinh thì tất cả Tâm Tái Tục, tức là 19 Tâm Tái Tục Danh Pháp và 1 Tâm Tái Tục Sắc Pháp thường được sinh khởi. Còn đằng sau từ ở nơi các Tâm Tử còn lại, tức là 2 Tâm Tử Vô Nhân và 4 Tâm Tử Nhị Nhân sinh thì 10 Tâm Tái Tục Dục Giới thường sinh khởi ở trong 11 Cõi Dục Giới chỉ ngần ấy mà thôi.

4. Hỏi: *Hãy dịch nghĩa câu Pāli trình bày việc sinh khởi của Tâm Hữu Phần và Tâm Tử*:

Icevaṃ gahitapaṭisandhikānaṃ pana paṭisandhinirodhānantarato pabhuti tamevārammaṇamārabhatadeva cittaṃ yāva cuticittuppādā asati vīthiccittuppāde bhavassa aṅgabhāvena bhavaṅgasantatisaṅkhātaṃ mānaṃ abbochinnaṃ nadīsoto viya pavattati. Pariyosāne ca vacanavasena cuticittaṃ hutvā nirujjhati.

Đáp: Theo như phần đã vừa đề cập đến, thì kể từ việc diệt mất của Tâm Tử một cách không gián đoạn của người bám giữ lấy việc Tái Tục ở trong kiếp sống mới; vào sát na Tâm Lộ Trình không sinh, thì chính cái Tâm Tái Tục ấy, tiếp thu lấy Cảnh của Tâm Tái Tục liền sinh khởi ở trong kiếp sống mới, quay trở lại làm thành cái Tâm được gọi là dòng *Tâm Hữu Phần (Bhavaṅgacitta)* liền sinh khởi không có gián đoạn, như là một *Chi Phần (Aṅga – Bộ Phần)* của kiếp sống, trọn suốt cho đến Tâm Tử lại sinh khởi lên, như dòng nước ở trong một con sông. Và trong chỗ chấm dứt của kiếp sống hiện tại, thì đích thị chính cái Tâm Hữu Phần tiếp thu lấy Cảnh của Tâm Tái Tục sinh khởi ở trong kiếp sống mới, tự quay trở lại làm thành Tâm Tử, với mãnh lực của việc chuyển di khỏi kiếp sống cũ, và rồi cũng diệt mất.

5. Hỏi: *Hãy dịch nghĩa câu kệ trình bày việc chỉ dẫn phương thức làm cho tiệt diệt vòng luân hồi*.

Đáp: Dịch nghĩa câu kệ trình bày việc chỉ dẫn phương thức làm cho tiệt diệt vòng luân hồi, ấy là:

Paṭisaṅkhāya panetamaddhavaṃ Adhigantvā padamaccutaṃ budhā
Susamucchinnasinehabandhanā Samamessanti cirāya subbatā.

Phương thức tu tập làm cho diệt diệt vòng luân hồi hiện hữu như vậy:

Bậc hữu trí một cách thường luôn là bậc đã được tái tục với cả Tam Nhân, có sự hoan hỷ duyệt ý trau dồi tu tập; là thọ trì giới luật, thực hành *Điều Tiết Dục (Dhutanga – Hành Đầu Đà)*, tiến tu *An Chi (Samāhi)* với một thời gian lâu dài, quán sát thâm thấu được sự hiện hành của Tâm và Tâm Sở chỉ là vật không thường; thế rồi sẽ chứng ngộ đến Pháp bất diệt là Níp Bàn, do bởi Tuệ Đạo – Tuệ Quả, hoàn toàn diệt diệt sợi dây triền phược, ấy là *Ái Dục (Tanhā)*, sẽ chứng đạt được an vui Níp Bàn tĩnh lặng, và đoạn lưu tất cả mọi *Pháp Hành (Saṅkhāra dhamma)* một cách kiên định.

6. *Hỏi: a/. Hãy trình bày câu Chú Giải, luôn cả lời dịch nghĩa ở trong các từ ngữ tiếp theo đây: Āyukkhayamaṇa, Kammakkhayamaṇa, Ubhayakkhamaṇa, Upacchedakamaṇa.*

b/. Trong cả bốn thể loại tử vong này, thì sự tử vong ở thể loại nào được liệt vào hạng Hợp Thời Tử Vong, và sự tử vong ở thể loại nào thì sắp vào hạng Phi Thời Tử Vong.

Đáp: a/. 1. Thọ Mạng Diệt Tử Vong (Āyukkhayamaṇa): trình bày câu Chú Giải nói rằng: “*Āyuno khayam = Āyukkhayam*”- Sự chấm dứt của thọ mạng, gọi là *Thọ Mạng Diệt*. “*Āyukkhayena maṇam = Āyukkhayamaṇam*”- Sự tử vong do bởi chấm dứt thọ mạng, gọi là *Thọ Mạng Diệt Tử Vong*.

2. Nghiệp Lực Diệt Tử Vong (Kammakkhayamaṇa): trình bày câu Chú Giải nói rằng: “*Kamma khayam = Kammakkhayam*”- Sự chấm dứt của Nghiệp Lực, gọi là *Nghiệp Lực Diệt*. “*Kammakkhayena maṇam = Kammakkhaya maṇam*”- Việc tử vong do bởi chấm dứt của Nghiệp Lực, gọi là *Nghiệp Lực Diệt Tử Vong*.

3. Nhất Song Diệt Tử Vong (Ubhayakkhayamaṇa): trình bày câu Chú Giải nói rằng: “*Ubhayesam khayam = Ubhayakkhayam*”- Sự chấm dứt của cả hai, Tuổi Thọ và Nghiệp Lực, gọi là *Nhất Song Diệt*. “*Ubhayakkhayena maṇam = Ubhayakkhayamaṇam*”- Sự tử vong do bởi chấm dứt của cả hai, Tuổi Thọ và Nghiệp Lực, gọi là *Nhất Song Diệt Tử Vong*.

4. Tiệt Quan Hệ Tử Vong (Upacchedakamaṇa – Đình Chỉ Tử Vong): trình bày câu Chú Giải nói rằng: “*Upacchindati = Upacchedam*”- Nghiệp Lực nào thường hay xen vào cắt đứt Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp đã được thọ sinh từ ở nơi Xuất Sinh Nghiệp Lực, như thế, Nghiệp Lực ấy gọi là *Tiệt Quan Hệ*. Tức là 12 Bất Thiện Nghiệp Lực, 8 Đại Thiện Nghiệp Lực, 1 Đạo Vô Sinh Nghiệp Lực.

“*Upacchedakakammunā maṇam = Upacchedakamaṇam*”- Việc tử vong

do bởi Nghiệp Lực xen vào cắt đứt Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp, gọi là *Tiệt Quan Hệ Tử Vong (Bất Đắc Kỳ Tử)*.

b/. Cả bốn thể loại của sự tử vong như đã vừa đề cập đến ở tại đây, với người tử vong do bởi *Thọ Mạng Diệt Tử Vong*, *Nghiệp Lực Diệt Tử Vong*, và *Nhất Song Diệt Tử Vong*, với cả ba thể loại này thì gọi là *Hợp Thời Tử Vong (Kālamaraṇa)*, là vì việc tử vong ở thể loại này đã đến thời lúc. Còn người tử vong do bởi *Tiệt Quan Hệ Tử Vong*, gọi là *Phi Thời Tử Vong (Akālamaraṇa – Bất Đắc Kỳ Tử)*, là vì việc tử vong vẫn chưa phải đến thời lúc.

7. Hỏi: *Hãy trình bày câu kệ biểu thị sự tử vong ở thể loại Phi Thời Tử Vong cho được biết với.*

Đáp: Sự tử vong ở thể loại *Phi Thời Tử Vong* đây, hiện hữu với nhau có rất nhiều thể loại, đó là:

1. <i>Jighacchāya pipāsāya</i>	<i>Ahidaṭṭhā visena ca</i>
<i>Aggi uddhaka sattīhi</i>	<i>Akāle tattha mīyati.</i>
2. <i>Vāta pittehi semhena</i>	<i>Sannipāta utūhi ca</i>
<i>Visamopakkama kammehi</i>	<i>Akāle tattha mīyati.</i>

1. Thường tử vong ở trong thời kỳ vẫn chưa phải đến thời lúc, do bởi bị đói bụng, khát nước; bị rắn cắn, bị đầu độc, bị lửa đốt cháy, bị chìm dưới nước, bị vũ khí sát hại.
2. Thường tử vong ở trong thời kỳ vẫn chưa phải đến thời lúc, do bởi cảm gió, bệnh tật; bệnh liên quan đến đàm suyễn; bệnh sốt rét; bệnh tổng hợp với 2 hoặc 3 thể loại dị ứng hợp chung vào nhau liên quan với gió, mật, đàm; bệnh liên quan với khí hậu thời tiết hoặc *Tiệt Quan Hệ Nghiệp Lực (Upacchedakakamma)*; bởi do việc tái tục của mình bất quân bình, bất hợp vệ sinh, mất thể lực bởi do sự nỗ lực của tự bản thân hoặc của tha nhân.

8. Hỏi: *Trong từ ngữ thẩm định Yathārahaṃ này, hãy trình bày cả ba điềm tướng hiện khởi trong lúc cận tử lâm chung, rằng sẽ sinh khởi đồng câu hành cùng một thời điểm với nhau có được hay không ?*

Đáp: **Yathārahaṃ**: từ ngữ “**Yathārahaṃ**” dịch là “**Ứng Cai**” tùy theo thích hợp. Từ ngữ “**tùy theo thích hợp**” đây, gồm có hai ý nghĩa, đó là:

1. “**Yathārahaṃ kammaṃ vā, kammanimittaṃ vā, gatinimittaṃ vā, paccupaṭṭhāti**”- Có nghĩa là: “**Ở trong lúc cận tử lâm chung đấy, thì cả ba trường hợp điềm tướng này không thể bất câu hành hiện khởi trong cùng một**

thời điểm với nhau, và không thể có bất luận một điểm tương nào trong cả thể loại này sẽ không hiện khởi lên được.” Sẽ nói rằng, giả như Nghiệp Lực có được cơ hội, thể thì Cảnh Nghiệp sẽ hiện bày. Nếu giả như Nghiệp Tướng có được cơ hội, thể thì Cảnh Nghiệp Tướng sẽ hiện bày. Và nếu giả như Thú Tướng có được cơ hội, như thế, Cảnh Thú Tướng sẽ được hiện bày.

2. “*Yathārahanti sugatiduggati gāmīnaṃ arahānurūpaṃ paccupaṭṭhāti*”- Có nghĩa là: “Cả ba thể loại điểm tương đây, thì bất luận một thể loại nào cũng thường hay hiện bày tùy theo thích hợp đối với người sẽ đi thọ sinh đến các Cõi Thiện Thú và Khổ Thú.”

9. Hỏi: Từ ngữ Nghiệp Tướng (**Kammanimitta**) có nghĩa là chi ? Có bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Luôn cả nêu ví dụ so sánh cho được thấy rõ với (Bên phía Thiện hoặc Bất Thiện cũng được)

Đáp: Từ ngữ Nghiệp Tướng có nghĩa là Cảnh làm thành tác nhân của hành động tạo tác, hiện hữu với nhau ở hai thể loại, ấy là:

1. Tiếp Thu (**Upaladdhapubbaṃ**),
2. Phụ Trợ (**Upakaraṇabhūtaṃ**),

có nghĩa là những 6 Cảnh làm thành Nghiệp Tướng hiện hữu với nhau ở hai thể loại, đó là:

1. Tiếp Thu Nghiệp Tướng (**Upaladdhakammanimitta**) và
2. Phụ Trợ Nghiệp Tướng (**Upakaraṇa kammanimitta**).

Tiếp Thu Nghiệp Tướng tức là 6 Cảnh mà mình đã được xúc mục làm thành chủ vị ở trong sát na tạo tác.

Phụ Trợ Nghiệp Tướng tức là 6 Cảnh mà mình đã được xúc mục, nhưng bất thành chủ vị, mà chỉ làm thành vật phụ trợ câu hành ở trong sát na tạo tác.

Như thế, một khi phân tích 6 Cảnh mà mình đã được xúc mục ở trong sát na tạo tác bởi theo việc làm thành chủ vị, thì gọi là *Tiếp Thu Nghiệp Tướng*; và bởi theo việc bất thành chủ vị, thì gọi là *Phụ Trợ Nghiệp Tướng*; có được như sau:

I. Bên phía Thiện:

- *Xả Thí (Dāna)*: Cúng dường Đức Phật và Chư Tăng, bỏ vật thực vào bình bát, làm Lễ Thí Tăng Y **Kathina**, kiến tạo tu viện chùa chiền, thực phẩm thượng vị, Tỳ Khuru - Sa Di; đã làm thành *Tiếp Thu Nghiệp Tướng*. Ảnh tượng Đức Phật, bông hoa, hương đăng, mền chiếu, bệ đài, bàn ghế, cùng với cả người giúp đỡ, lu hũ, mâm khay; đã làm thành *Phụ Trợ Nghiệp Tướng*.

+ Vật thí cúng dường, và Tỳ Khuru – Sa Di là *Thụ Thí Xả Nhân (Paṭiggahaka)*;

đã làm thành *Tiếp Thu Nghiệp Tướng*. Việc trang hoàng tô điểm, nhạc cụ, khách khứa, người làm việc; đã làm thành *Phụ Trợ Nghiệp Tướng*.

+ Tu viện, chùa chiền, tự viện; đã làm thành *Tiếp Thu Nghiệp Tướng*. Vật liệu xây dựng, thợ mộc, thợ nề, cho đến tất cả những người có liên hệ ở trong việc phụ giúp các công việc này; đã làm thành *Phụ Trợ Nghiệp Tướng*.

- *Trì Giới (Sīla)*: Tỳ Khuru – Sa Di là vị truyền giới, việc phát ra lời truyền giới, việc thốt lên lời thọ trì giới của mình; đã làm thành *Tiếp Thu Nghiệp Tướng*. Vật lễ tôn kính cúng dường, cho đến cả con người và địa điểm trú xứ; đã làm thành *Phụ Trợ Nghiệp Tướng*.

+ Nếu giả như xuất gia thọ Giới Tử, *Bát Vật Dụng của vị Tỳ Khuru (Aṭṭhaparivāra = 1. Patta: bình bát, 2. Ticīvaraṃ: tam y (tính 3), 5. Kāyabandhanam: đai thắt lưng, 6. Vāsi: dao cạo, 7. Sūci: kim may, 8. Parissāvanam: vải lọc nước)*, Tỳ Khuru Tăng, Chánh Điện, việc tụng đọc kinh, việc tụng tuyên ngôn (*Kammavācā: đọc tuyên ngôn trong khi Tăng Sự*); đã làm thành *Tiếp Thu Nghiệp Tướng*. Các vật dụng ngoài ra *bát vật dụng của vị Tỳ Khuru*, và các lễ vật cúng dường, cho đến cả con người đi đến trong công việc lễ hội, việc đón rước, đi nhiều Phật hoặc bảo tháp, đội kèn; đã làm thành *Phụ Trợ Nghiệp Tướng*.

- *Tiến Tu (Bhāvanā)*: Nếu như tiến tu *Thiền An Chi (Samatha)* thì các Chi Nghiệp Xứ như có *đề mục Hoàn Tịnh (Kasīna)*, v.v. cho đến cả oai nghi ngồi (*Tọa Thiền*) và các việc *Chuẩn Bị Tướng (Parikammanimitta)*, *Cận Hành Tướng (Uggahanimitta)*, *Quang Tướng (Paṭibhāganimitta)*, *Nhập Thiền Định (Appanājhāna)*, các vị Thiền Sư đây; đã làm thành *Tiếp Thu Nghiệp Tướng*. Con người, trú xứ và các vấn đề khác, mà có liên quan với việc tiến tu *Thiền An Chi*; đã làm thành *Phụ Trợ Nghiệp Lực*.

+ Nếu như tiến tu *Thiền Minh Sát (Vipassanā)* thì Danh – Sắc, các Tiểu – Đại Oai Nghi, Chánh Niệm – Tỉnh Giác, các vị Thiền Sư; đã làm thành *Tiếp Thu Nghiệp Tướng*. Các địa điểm trú xứ, và các vật dụng khác khác, cho đến cả con người, mà có liên quan ở trong việc tiến tu *Thiền Minh Sát*; đã làm thành *Phụ Trợ Nghiệp Tướng*.

+ Việc nghiên cứu học hỏi Giáo Pháp, kinh điển, bậc Giáo Thọ, việc đọc đi đọc lại, cho đến luôn cả các lời giảng giải; đã làm thành *Tiếp Thu Nghiệp Tướng*. Trú xứ, giảng đường, các đồ dùng vật dụng khác khác, mà có liên quan với việc học hỏi; đã làm thành *Phụ Trợ Nghiệp Tướng*.

II. Bên phía Bất Thiện:

- *Sát Mạng (Pāṇātipāta)*: Loài Hữu Tình bị sát hại, bị đánh đập, cử chỉ hành động của mình; làm thành *Tiếp Thu Nghiệp Tướng*. Địa điểm trú xứ, các đồ dùng vật

dụng khác khác, mà có liên quan với việc sát hại, thịt, da, xương, v.v.; làm thành *Phụ Trợ Nghiệp Tướng*.

- *Thâu Đạo (Adinnādāna)*: Những tài sản của cải, cử chỉ hành động của mình; làm thành *Tiếp Thu Nghiệp Tướng*. Trú xứ địa điểm, dụng cụ đồ nghề; làm thành *Phụ Trợ Nghiệp Tướng*.

- *Tính Dục Tà Hành (Kāmesumicchācāra)*: Tự bản thân và với người mà ta chung chạ; làm thành *Tiếp Thu Nghiệp Tướng*. Địa điểm trú xứ, việc thốt ra lời, v.v.; làm thành *Phụ Trợ Nghiệp Tướng*.

- *Vọng Ngữ (Musāvāda)*: Lời nói không chân thật, và các sự vật cũng không xác thực; đã làm thành *Tiếp Thu Nghiệp Tướng*. Người lắng nghe; đã làm thành *Phụ Trợ Nghiệp Tướng*.

- *Ấm Tửu Trầm Túy (Surāmeraya)*: Tự ảm tửu cùng với việc say xỉn; đã làm thành *Tiếp Thu Nghiệp Tướng*. Chai rượu bia với các món ăn nhấm nháp, bầu bạn và bà con thân thích, địa điểm trú xứ, cho đến luôn cả các vật dụng khác khác nữa; đã làm thành *Phụ Trợ Nghiệp Tướng*.

Tóm lại, trong cả hai thể loại điềm tướng, *Tiếp Thu Nghiệp Tướng* và *Phụ Trợ Nghiệp Tướng* đây, thì tất cả các sự vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng hữu quan một cách trực tiếp với việc tác hành Thiện Sự hoặc Bất Thiện Sự; thì làm thành *Tiếp Thu Nghiệp Tướng*. Còn những sự vật khác khác, là các vật dụng phối hợp, hỗ trợ, và giúp đỡ đối với việc tác hành Thiện Sự hoặc Bất Thiện Sự, thì những thể loại này làm thành *Phụ Trợ Nghiệp Tướng*.

10. Hỏi: Từ ngữ *Thú Tướng (Gatinimitta)* có nghĩa là chi? Có bao nhiêu thể loại? Là những chi? Luôn cả nêu ví dụ so sánh cho được thấy rõ với (Bên phía Thiện hoặc Bất Thiện cũng được)

Đáp: Từ ngữ *Thú Tướng* có nghĩa là Cảnh của kiếp sống sẽ đi đến. Đề cập đến là Cảnh sẽ được tiếp xúc, sẽ được thụ lãnh ở trong kiếp sống thứ hai, gọi tên là *Thú Tướng* và hiện hữu ở hai thể loại:

- 1/. *Thu Dung Thú Tướng (Upalabhitabbagatinimitta)* và
- 2/. *Thụ Dụng Thú Tướng (Upabhogabhūtagatinimitta)*.

Thu Dung Thú Tướng có nghĩa là những 6 Cảnh của kiếp sống mà sẽ phải xúc mục. *Thụ Dụng Thú Tướng* có nghĩa là những 6 Cảnh của kiếp sống mà sẽ phải được thụ hưởng. Như thế, một khi sẽ phân tích những thể loại *Thú Tướng* này thể theo *Thu Dung Thú Tướng* và *Thụ Dụng Thú Tướng* thì sẽ có được như vậy: Nếu giả như sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới, thì sẽ được trông thấy chiếc long xa, tòa Thiên

Cung, Thiên Nam Tử, Thiên Nữ Tử, vật trang sức, hoa viên, ao hồ; và như thế, với những thể loại này đã làm thành *Thu Dung Thú Tướng*. Nếu như cảm thấy bản thân mình đang được ngồi ở trong chiếc long xa, hoặc đang được dạo chơi trong các địa điểm trú xứ cùng với sự vui mừng hớn hở ở trong lòng, hoặc đang được thọ Tiên Thực cùng chung với Thiên Nam Tử và Thiên Nữ Tử, hoặc đang mang những vật Thiên trang sức; và như thế, với những thể loại này đã làm thành *Thu Dung Thú Tướng*.

11. Hỏi: *Hãy trình bày câu kệ biểu thị sự hiện hành của dòng tâm thức khi sắp cận tử lâm chung, luôn cả lời dịch nghĩa.*

Đáp: Câu kệ trình bày sự hiện hành của dòng Tâm Thức khi cận tử lâm chung, cùng với lời dịch nghĩa:

Tato param tameva tathopattḥitaṃ ārammaṇaṃ ārabha vipacca mānakakammānūrūpaṃ parisuddhaṃ upakkilīṭṭhaṃ vā upalabhitabba bhavānurūpaṃ tatthoṇataṃva cittasantānaṃ abhinhaṃ pavattati bāhullena.

Tiếp đến, y cứ theo những thể loại Cảnh, có Nghiệp, Nghiệp Tướng, và Thú Tướng mà đã đến hiện bày tùy thuận theo chính các trạng thái đấy; thì dòng tâm thức thường luôn trôi chảy ấy, hoặc thanh tịnh hoặc ưu não, cũng tùy thuận theo với Nghiệp Lực mà sẽ trở sanh quả báo; và phần lớn có trạng thái hiện hành y như thể thiên hướng tâm phù hợp theo ở trong kiếp sống mà sẽ phải đi thọ sinh.

12. Hỏi: *Hãy trình bày sự khác biệt giữa Thu Dung Thú Tướng (Upalabhi abbagatinimitta) và Thu Dụng Thú Tướng (Upabhogabhūtagatinimitta) trong bộ Đại Phụ Chú Giải Siêu Lý Giải Minh mà Ngài Phụ Chú Giải đã đề cập đến.*

Đáp: *Thu Dung Thú Tướng* và *Thu Dụng Thú Tướng* đã được trình bày để ở trong bộ **Đại Phụ Chú Giải Siêu Lý Giải Minh (Paramatthadīpanīmahāṭīka)**:

Trong bộ Đại Phụ Chú Giải Siêu Lý Giải Minh đã có trình bày cả hai Thú Tướng đây làm thành hai phần, ấy là:

1/. Phần thứ nhất đề cập đến *Thu Dung Thú Tướng* đấy ở phần *Khổ Thú Tướng (Dugatinimitta)*, và *Thu Dụng Thú Tướng* ở phần *Thiện Thú Tướng (Sugatinimitta)*. Trong cả hai trường hợp này, những Cảnh có quan hệ với Tứ Cõi Thống Khổ, là thuộc *Khổ Thú Tướng*; và các Cảnh có quan hệ với Cõi Nhân Loại, Cõi Thiên Giới, Cõi Phạm Thiên Giới, là thuộc *Thiện Thú Tướng*.

2/. Phần thứ hai đề cập đến các Cảnh có quan hệ với xác thân, là thuộc *Thu Dung Thú Tướng*; và các Cảnh bất quan hệ với xác thân, mà chỉ sẽ làm cho phải thụ lãnh hạnh phúc – khổ đau, là thuộc *Thu Dụng Thú Tướng*.

13. Hỏi: *Người sắp cận tử lâm chung có tâm thức sâu khổ ưu não vì điềm tướng bất tường đã đi đến hiện bày; nếu nhớ như người ở sát cạnh bên hoặc người đã mục xúc rõ biết việc, sẽ có phương thức giải cứu được hay không? Nếu được, xin nêu ví dụ để dẫn chứng.*

Đáp: Người sắp cận tử lâm chung một khi đã có tâm thức sâu khổ ưu não do bởi Thú Tướng bất tường đã đi đến hiện bày rồi, và nếu như có người ở sát bên hoặc người kề cận có được nhìn thấy tỏ tường với cả sự hiểu biết ở trong phương thức cứu giải, thì cũng có khả năng sẽ chuyển đổi điềm tướng bất tường ấy cho được xoay trở lại thành hảo điềm tướng. Chẳng hạn như vị Tỳ Khuru là thân phụ của Ngài Trưởng Lão Vô Sinh *Soṇa* sinh sống ở trong Chùa *Soṇagiri* của Ngài. Đang khi vẫn còn khỏe mạnh thì thường chỉ ưa thích hành nghề ở trong lãnh vực của việc săn bắn, dù cho đã bị người con trai khuyên bảo và ngăn cấm biết là bao nhiêu, nhưng cũng vẫn không chịu từ bỏ; mãi cho đến khi đã già nua rồi, thì mới chịu đi xuất gia với vị Tỳ Khuru con trai của mình. Đến một lúc đã thọ bệnh trầm kha và tất sẽ phải mạng vong, thì Thú Tướng bất tường cũng đã đi đến hiện bày; tức là được trông thấy một con chó to lớn từ ở dưới chân núi nhảy vào cắn xé, mới liền cất tiếng khóc la ã ã xin được cứu giúp từ ở nơi vị Tỳ Khuru con trai của mình. Về phía vị Tỳ Khuru hiểu tử cũng đã liễu tri được rằng đây là Thú Tướng có liên quan với Cõi Địa Ngục đã đi đến hiện bày đối với người Cha rồi, mới cho vị Sa Di đi hái bông hoa đến sắp bày để ở ngay trước ảnh tượng của Đức Thế Tôn, rồi mới khiêng người Cha vào đến nơi đó, bảo cho được biết rằng bông hoa này là để cúng dường đến Đức Thế Tôn, xin nguyện cho người Cha có được sự chú tâm vào việc cúng dường, rồi hướng tâm nghĩ đến Cửu Hồng Ân của Đức Phật. Người Cha cũng chịu làm theo chẳng chút cưỡng lại, và trong phút giây đó thì Thú Tướng liên quan đến Cõi Địa Ngục cũng liền diệt mất, và thay vào đó, Thú Tướng liên quan với Cõi Thiên Giới là nàng Thiên Nữ đã đi đến hiện bày. Vị Tỳ Khuru là thân phụ đã có sự hoan hỷ duyệt ý, và đã cất tiếng bảo với vị Tỳ Khuru hiểu tử rằng: “*Cô ấy đi vào, hãy tránh ra cho họ đi vào với!*” Khi tâm thức đã có sự hoan tươi tỉnh với niềm hoan hỷ phi lạc (*Pītisomanassa*) khởi sinh lên như vậy rồi, đến phút giây tử vong thì đã được thọ sinh về Cõi Thiên Giới.

14. Hỏi: *Hãy trình bày khoảng thời gian khác biệt giữa Lộ Trình Cận Tử (*Marāṇasannavīthi*) với Lộ Trình Cùng Tận Tử (*Paccāsannamarāṇavīthi*); và hãy trình bày Lộ Trình Cùng Tận Tử này có được bao nhiêu Lộ Trình? Là nhưng chi?*

Đáp: Lộ Trình Cận Tử (thông thường) hoặc Người sẽ tử vong, lập ý lầy Người sẽ tử vong ở trong khoảng 1 – 2 phút, hoặc 1 – 2 giờ đồng hồ, v.v. đây, mới không được gọi là người Cùng Tận Tử, chỉ gọi là người Cận Tử, là người sắp sửa sẽ tử vong mà thôi. Vì thế, việc trình bày Lộ Trình Cận Tử ở trong đoạn văn Pāli này, chính là

lập ý lấy *Lộ Trình Cùng Tận Tử (Paccāsannamarāṇavīthi)* đó vậy, chẳng phải lập ý lấy *Lộ Trình sinh khởi* đối với người sắp sửa sẽ tử vong ở trong khoảng 1 – 2 phút, hoặc 1 – 2 giờ đồng hồ, v.v., đó chỉ là *Lộ Trình Cận Tử* thông thường sinh khởi đối với người sắp sửa sẽ tử vong ở trong khoảng 1 – 2 phút, hoặc 1 – 2 giờ đồng hồ, v.v., đã được trình bày ở trong sự kiện về việc hiện bày của cả ba điềm tướng. Trong hai trường hợp này, ấy là:

- + Có hai trường hợp *Tâm Tử* sinh khởi ở chỗ tận cuối của *Lộ Trình Tâm*, tức là:
 1. 5 chặp *Đồng Lục*, 2 chặp *Na Cảnh* rồi *Tâm Tử* sinh khởi,
 2. 5 chặp *Đồng Lục* rồi *Tâm Tử* sinh khởi.
- + Có hai trường hợp *Tâm Tử* sinh khởi khi *Tâm Hữu Phần* cuối cùng diệt mất, ấy là:
 1. 5 chặp *Đồng Lục*, 2 chặp *Na Cảnh*, 1 – 2 – 3 chặp *Hữu Phần* rồi *Tâm Tử* sinh khởi.
 2. 5 chặp *Đồng Lục*, 1 – 2 – 3 chặp *Hữu Phần* rồi *Tâm Tử* sinh khởi.

Như thế, *Lộ Trình Cận Tử (Marāṇasannavīthi)* thuộc thể loại *Lộ Trình Cùng Tận Tử (Paccāsannamarāṇavīthi)* mới có được 4 phân loại, đó là:

- 1. *Đồng Lục, Đồng Lục, Đồng Lục, Đồng Lục, Đồng Lục, Na Cảnh, Na Cảnh, Tử.*
- 2. *Đồng Lục, Đồng Lục, Đồng Lục, Đồng Lục, Đồng Lục, Tử.*
- 1. *Đồng Lục, Đồng Lục, Đồng Lục, Đồng Lục, Đồng Lục, Na Cảnh, Na Cảnh, Hữu Phần v.v. Tử.*
- 2. *Đồng Lục, Đồng Lục, Đồng Lục, Đồng Lục, Đồng Lục, Hữu Phần, v.v. Tử.*

15. Hỏi: *Tất cả mọi người thường hiểu biết sai trật ở trong câu chuyện về Tử Vong, câu chuyện về Sinh Khởi, Tà Kiến Giải (Micchādhimokkha – Mậu Chủng), là quyết định sai lầm rằng tất cả Chúng Hữu Tình đã tử vong rồi, và vẫn chưa có đi tục sinh. Tác nhân ở bên ngoài đã làm cho có sự hiểu biết sai trật thì có được bao nhiêu trường hợp? Là những chi?*

Đáp: *Tất cả mọi người hiểu biết sai trật rằng một khi tất cả Chúng Hữu Tình đã tử vong, thì vẫn chưa có đi tục sinh ở trong kiếp sống mới ngay lập tức, vẫn đang còn đi tìm kiếm kiếp sống, mà đó là sự hiểu biết sai trật với Sự Thật (Chân Lý). Sự hiện hành như vậy là cũng bởi vì những hạng người này chẳng có việc nghiên cứu học hỏi đến sự hiện hành ở trong các sự kiện Sinh – Trụ - Diệt của Ngũ Uẩn Danh Sắc một cách tốt đẹp. Một khi có được tiếp xúc với tác nhân ở bên ngoài thì sẽ dễ làm cho có sự hiểu biết sai lệch như thế ấy, đã thâm nhập quan kiến sai lầm về Tà Kiến Giải (Micchādhimokkha – Mậu Chủng), là sự quyết định sai lầm rằng tất cả Chúng Hữu*

Tình đã tử vong rồi, thì vẫn chưa có đi tục sinh. Sinh khởi quan kiến như vậy, là bởi do tác nhân ở bên ngoài đã làm cho có sự hiểu biết sai trật đây, hiện hữu với nhau ở hai trường hợp, ấy là:

- 1/. Một số người đã tử vong rồi, lại có thể đi đến tự biểu hiện cho người khác được trông thấy qua hình hài thân tướng, cử chỉ hành động, và cho đến cả vật trang sức sắc thân; cũng có thể hiện hành tương tự như khi vẫn còn hữu sinh mạng.
- 2/. Từ ngữ "**Sambhavesī**" ở trong bài Kinh Tụng Thất Kệ thuộc bốn của nhà nước dịch rằng: "*Loài Hữu Tình đang đi lang thang tìm kiếm sinh thú*". Khi từ ngữ đã được dịch như vậy, thì cho dù người hiểu biết về Pāli, hoặc không có hiểu biết về Pāli đi nữa, một khi đã đọc rồi thì ai ai cũng rủ nhau hiểu biết sai lệch rằng "*loài Hữu Tình đã tử vong đây vẫn đang còn tìm kiếm kiếp sống mới, vẫn chưa có được thọ sinh, loài Hữu Tình gọi là "Sambhavesī" (Đãi Xuất Sanh Hòn)*".

16. Hỏi: Hữu Tình được gọi là "**Sambhavesī**" (Đãi Xuất Sanh Hòn) đây, lập ý đến những hạng loại Hữu Tình nào ?

Đáp: Sự thật về hai trường hợp tác nhân này, cũng được hiện hữu ở hai trường hợp, ấy là:

- 1/. Người đã tử vong rồi, lại có thể đi đến tự biểu hiện cho người khác được trông thấy đó, là chẳng phải chưa có đi thọ sinh; mà tất cả đều đã đi tục sinh ở trong kiếp sống mới hết cả rồi. Tuy nhiên việc tục sinh của những chúng sanh này, là chẳng phải được tục sinh ở trong chủng loại thông thường, mà chỉ là việc tục sinh một cách to lớn tức thì, và được gọi là *Chủng Loại Hóa Sanh (Opapātika)*. Theo lẽ thường, chủng loại Hóa Sanh ấy có sự hiểu biết, sự ghi nhớ ở trong các câu chuyện của kiếp sống cũ mà chẳng có phai mờ, và vẫn hiện bày rõ ràng tốt đẹp. Như thế, khi tục sinh thành *Nga Quý (Peta)* ở trong thôn làng, hoặc thành *Thụ Khổ Nạn Giả Thiên (Vinipātikadevatā)* là hạng Chư Thiên ở tầng trời thấp, thì cả ba thể loại *Chấp Thủ (Upādāna)* có *Dục Thủ (Kāmuṇāda)*, *Kiến Thủ (Diṭṭhupādāna)* và *Ngã Luận Thủ (Attavādūpādāna)*, với sự nắm giữ chấp trước ở trong đời của kiếp sống cũ cũng tức thì được hiện bày, và thế rồi đã đi đến tự biểu hiện cho người khác được trông thấy. Nếu nhớ như thành Nga Quý, thì cũng biểu hiện cho được trông thấy thật đáng kinh sợ. Nếu nhớ như thành Thụ Khổ Nạn Giả Thiên, thì khi vẫn còn là Nhân Loại đã có đời sống ở thể loại nào, thì cũng sẽ biểu hiện cho được trông thấy ở dạng loại đó. Nếu nhớ như người ấy đi tục sinh thành Hữu Tình Địa Ngục, Atula, Nga Quý, và trú ngụ ở cách xa khỏi Cõi Nhân Loại, thì việc *Chấp Thủ (Upādāna)* nắm giữ chấp trước ở trong đời sống hữu quan với kiếp sống cũ cho dù sẽ có sinh khởi đi nữa, tuy nhiên cũng vẫn không có cơ hội để sẽ đi đến tự biểu hiện cho người khác được trông thấy. Nếu

đã là Chư Thiên ở tầng trời cao phối hợp với sự an lạc, thì việc *Chấp Thủ* nắm giữ chấp trước ở trong đời hữu quan với kiếp sống cũ, cũng vẫn không có cơ hội để sinh khởi lên được, và có thể chỉ có khởi sinh việc *Chấp Thủ* nắm giữ chấp trước ở trong đời sống hữu quan với kiếp sống mới tiếp nối theo.

2/. Loài Hữu Tình tên gọi là **“Sambhavesī”** (*Đãi Xuất Sanh Hôn*) đây, tức là 4 Phạm Phu, 3 Bậc Hữu Học. Là như vậy cũng bởi vì việc tục sinh của những hạng người này vẫn chưa chấm dứt, còn phải tìm kiếm các kiếp sống nối tiếp. Từ ngữ **“Sambhavesī”** (*Đãi Xuất Sanh Hôn*) là từ ngữ đi đôi với từ ngữ **“Bhūtā”** mà đã được Đức Phật Ngài lập ý khái thuyết và có sự giải thích để ở trong bài *Kinh Từ Ái (Mettāsutta)*.

17. Hỏi: a/. Nguyên nhân làm cho *Sắc Ý Vật* có năng lực yếu kém, và sinh khởi ở trong những thời điểm nào ?

b/. Hãy thẩm định *Nghiệp Tướng Hiện Tại* là xác thực hoặc nguy tạo cho được nhận thức với rằng là thể loại *Hiện Tại* nào ?

Đáp: a/. Nguyên nhân *Sắc Ý Vật* có năng lực yếu kém:

Ở trong *Thời Sinh Sản*, *Sắc Ý Vật* có năng lực yếu kém, cũng vì thời gian ấy chính là *Thời Sinh Sản*, có nghĩa là thai nhi đang ở trong thai bào khi mà các bộ phận vẫn chưa sinh khởi cho được tròn đủ. Vào thời gian ấy, cơ thể có thực tính rất yếu kém, và vì thế, *Sắc Ý Vật* mới có năng lực yếu kém. *Sắc Ý Vật* có năng lực yếu kém trong khi mắc chứng bệnh tim mạch dị tật trầm kha, hoặc bị cho thuốc mê, là cũng do hữu quan với dị chứng bệnh trầm kha và thuốc mê ấy, làm thành tác nhân. *Sắc Ý Vật* có năng lực yếu kém trong thời gian cận tử lâm chung, là cũng do thời gian cận tử lâm chung ấy, làm thành tác nhân. Có nghĩa là theo lẽ thông thường, thì *Sắc Nghiệp* thường sinh khởi vào từng mỗi sát na Tâm, tuy nhiên vào thời gian cận tử lâm chung đây, thì sẽ không thể đồng cùng câu sinh với từng mỗi sát na Tâm cho đến ngay cả lúc mạng chung được, là vì thường sẽ phải đồng cùng diệt mất với Tâm Tử, dù cho với bất kể hạng người nào. Như thế, việc sinh khởi của *Sắc Nghiệp* vào thời gian cận tử lâm chung mới có số lượng rất ít nhưng lại diệt đi nhiều. Vì lý do này, *Sắc Ý Vật* mới có năng lực yếu giảm xuống. Khi *Sắc Ý Vật* có năng lực yếu giảm xuống do bởi các tác nhân như đã vừa đề cập đến, thì Tâm và Tâm Sở nương vào *Sắc Ý Vật* sinh khởi cũng có năng lực yếu giảm xuống theo cùng tương tự như nhau. Sau khi có việc mở mắt xong, thì việc trông thấy thường không được rõ ràng lắm; sự việc như vậy là cũng vì vào thời gian ấy *Bốn Tổng Hợp Nhân Thập (Cakkhudasakakalāpa)* sinh khởi chưa được tròn đủ lắm, khác biệt với việc trông thấy của người có đôi mắt tốt đẹp một cách bình thường.

b/. Thâm định Nghiệp Tướng Hiện Tại là xác thực hay ngụy tạo:

Trong điều này làm cho được thấu hiểu với nhau là Đồng Lực Cận Tử và Tâm Tái Tục Dục Giới đây, thì đôi khi cũng có Nghiệp Tướng Quá Khứ làm thành Cảnh, và đôi khi cũng có Nghiệp Tướng Hiện Tại làm thành Cảnh. Trong cả hai trường hợp này, nếu như Đồng Lực Cận Tử và Tâm Tái Tục Dục Giới có Nghiệp Tướng Quá Khứ làm thành Cảnh rồi, thì dù cho như thế nào đi nữa cũng chẳng cần phải xem xét là xác thực hay ngụy tạo, bởi vì chỉ có một thể loại duy nhất là xác thực. Tiếp đến khi có Nghiệp Tướng Hiện Tại làm thành Cảnh rồi, thì mới phát sinh lên việc xem xét chỗ gọi là Nghiệp Tướng Hiện Tại này là thực hay giả. Sự việc như vậy cũng bởi vì từ ngữ nói rằng Nghiệp Tướng, dịch nghĩa là “*Cảnh của Nghiệp làm thành vị chủ nhân cho Tâm Tái Tục sinh khởi*”, tức là Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực sinh khởi trước thời gian sắp cận tử lâm chung; hoặc nhiều giờ đồng hồ, nhiều ngày trời, nhiều tháng dài, nhiều năm qua. Còn Thiện – Bất Thiện Nghiệp Lực ở trong Đồng Lực Cận Tử đây, thì không thể nào sẽ cho Tâm Tái Tục sinh khởi lên được. Như thế, chỗ nói rằng Tâm Tái Tục Dục Giới và tối đa là 6 cái Tâm Hữu Phần nữa, có Nghiệp Tướng Hiện Tại làm thành Cảnh đây, thì chỉ có một loại duy nhất là giả hoàn toàn. Sẽ nói là Cảnh làm thành Thực Nghiệp Tướng đây, thì đã diệt mất đi rồi, có thể chỉ là Cảnh có cùng một thể loại với Cảnh đã làm thành Thực Nghiệp Tướng đây thì vẫn đang còn hiện hữu. Do đó, Đồng Lực Cận Tử, Tâm Tái Tục, và Tâm Hữu Phần mới có Cảnh Hiện Tại, và đích thị chính cái Cảnh này được gọi tên là Nghiệp Tướng Hiện Tại, mà hiện hành ở trong khía cạnh *Hiện Tại Thừa Kế (Santatipaccuppanna)* (vẫn còn hiện hữu bởi theo việc nối tiếp), và chẳng phải hiện hành ở trong khía cạnh *Sát Na Thừa Kế (Khaṇa paccuppanna)*.

Kết thúc Tử Vong Khởi Sanh Tứ Phần

Kết thúc phần Vấn - Đáp về Tử Vong Khởi Sanh Tứ Phần

(thuộc Tập III – Chương V – Quyển III)

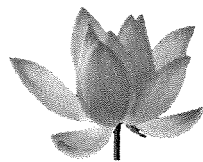
KẾT THÚC CHƯƠNG THỨ V – TỔNG HỢP THOÁT LY LỘ TRÌNH

-----00000-----

Thu vãng phù dung đoạt lợi tranh
Tinh thần dụng tận vạn thiên thiên
Hóa tài hao tán giai nhân mệnh
Cốt nhục oan cừ mạc oán thiên
Nhạn quá quan san dong dục quyền
Hoa khai hàn lĩnh nhất chi tiên
Đáo đầu phùng đắc dương sơ hữu
Ngã diệp lãng vân thượng bích thiên

Bình sinh từ thiện lạc thiên chân
Mao tiết lưu phương cập hậu côn
Thân hữu kỷ đa vinh hiển sự
Trùng trùng điệp điệp báo hoàng ân.
Long xà đảo xứ thị quy kỳ
Vạn lý giang sơn bất cái di
Thiên bạn chi lan hương ánh nhật
Phi phạm trực hướng cửu thiên thời

-----00000-----



PHỤ LỤC

BÀI CẦU NGUYỆN CHƯ THIÊN (I)
(Do Ngài Đại Trưởng Lão TỊNH SỰ Soạn Tác)

Chí thành miệng vái tâm cầu,
Chư Thiên lớn nhỏ bắt cầu bậc nào,
Bốn tầng Sắc Giới rộng cao,
Xin nghe hiểu biết hiện vào trợ duyên.
Đặng tâm sáng kiến phát liên,
Biết nơi đáng sắp bày tuyên vừa người,
Dầu ai cản sái luận dư,
Chuyển lòng tinh tấn ngăn trừ sự lui.
Chư Thiên Dục Giới hưởng vui,
Vừa nghe cầu khẩn, tạm ngừng xét qua,
Từ Trời Tha Hóa cao xa,
Đến Cung Đạo Lợi bao la năm tầng,
Giàu lòng bác ái thọ xung,
Thấy đều bố cáo chuyển luân sắp bày.
Vị nào hoan hỷ cầu đây,
Ra ân trợ giúp chẳng chầy mau xong.
Hiện nay con rất hết lòng,
Mong cho Thiên Tướng oai phong bốn Ngài,
Thường luôn an lạc vui thay,
Tránh xa khổ não hằng ngày tiến lên,
Đặng ngôi Nguyên Soái vững bền,
Lòng Từ ủng hộ các nền Giáo Chân,
Chẳng nài khó nhọc ra ân,
Chúng con hữu sự có nhân nên cầu.
Vì e công chuyện trễ lâu,
Làm cho nhiều kẻ hao sấu thân tâm.
Ngờ Ngài xuống lệnh quyền thâm,
Chư Thiên lòng tốt quang lâm giúp thành.
Rất là ân trọng cao thanh,
Chúng con hồi hướng Phước lành kính dâng,
Chư Thiên lớn nhỏ các tầng,

Tùy hỷ công đức đồng mừng trợ chuyên.

Nương theo căn bản Ba Li,
Hết lòng cúng vái trong khi hữu cầu,
Tâm thành tưởng đến như châu,
Trước sau chủ nguyện chẳng lâu ứng cùng.
Chúng con lễ vật phụng cung,
Khẩn cầu cho đặng theo trung thuật trần.
Mong nhờ Tứ Đại Thiên Vương,
Oai thần chuyển hóa tùy phương giúp thành.

Kính cầu Tứ Đại Thiên Vương,
Chúng con hữu sự nhờ nương Quý Ngài.
Cho bậc đủ sức giúp ngay,
Đặng mau thành tựu việc này đội ân.

-----00000-----

BÀI CẦU TẶNG TRƯỞNG THIÊN VƯƠNG

Nguyện cầu Tặng Trượng Thiên Vương,
Hoan tâm nhân loại Nam Phương Châu này.
Thời kỳ tai nạn lắm thay,
Nhiều điều khổ sở hiện nay thêm hoài.
Nhứt là giặc giã hằng ngày,
Làm cho dân chúng phải rày tử oan.
Những người còn lại nào an,
Nghèo khổ thiếu thốn đa đoan lắm bề.
Lại thêm chứng dịch đáng ghê,
Sau giây chết chóng khổ bề thuốc men.
Ngoài ra lại có bệnh soàn,
Hoặc do chất độc lắm phương nhiễm truyền.
Thất mùa, thất rẫy, thất vườn,
Bán buôn eo hẹp lắm thường hỏa tai.
Biết bao khổ sở khó bài,
Chỉ còn cầu nguyện đến Ngài Thiên Vương.
Hết lòng mong mỏi tứ phương,
Muốn Ngài trọn đặng thường thường an vui.
Xa lìa khổ não không sâu,
Hỷ xả oan trái còn đâu hại mà.
Chúng con có dạ thiết tha,

Nguyện cầu sớm đặng tránh xa nạn này.
Nhờ ân xuống đức cao dày,
Hộ trì tất cả từ đây hết nạn.

-----00000-----

BÀI CẦU NGUYỆN CHƯ THIÊN (II)

Thỉnh cầu tất cả Chư Thiên,
Tốt cùng Sắc Giới khắp miền nhân gian,
Chư Thiên lớn nhỏ các hàng,
Mỗi tầng Trời cả đến sang chúng này.
Chư Thiên ở chốn gần đây,
Hoặc nơi xa cách Đông, Tây các miền.
Ở nơi cung điện động tiên,
Núi dài núi nhọn đất liền hư không,
Ở theo nhà cửa hay đồng,
Nương cây bóng mát hoặc sông hoặc rừng,
Cù lao hòn biển mênh mông,
Cùng nơi rẫy bãi hư không giảng từng.
Bao nhiêu tất cả đã xung,
Từ bi đến chúng cúng dụng yêu cầu.
Giúp con các sự chẳng lâu,
Đặng như ý muốn sẽ hầu đội ân.

-----00000-----

THẬP CHÁNH KIẾN (SAMMÀDIṬṬHI 10)

Mười điều Chánh Kiến nên làm,
Nương theo tiến hóa Phước linh phát vào.
Một tin Phước Thí về sau,
Chắc rằng cho Quả hoặc mau hoặc chầy.
Hai tin Nghiệp Phước trước – nay,
Giới cùng Tịnh Huệ hành rày Quả cao.
Ba tin Tâm sạch lâu lâu,
Tâm tốt Quả tốt thế nào chẳng sai.
Bốn tin Thiện Ác cả hai,
Tạo chi gặp nấy không ai khỏi gì.
Năm tin hành động điều chi,
Tội Phước hai lẽ cũng thì do Ta.
Sáu tin hiếu thảo Mẹ Cha,

Cố nhiên Quả Phước phát ra cho mình.
Bảy tin Ngạ Quỷ Ngục Hình,
Chư Thiên, Phạm Chúng Hữu Tình tứ sanh.
Tám tin hiện thể phải đành,
Đời này do bởi Tư Hành hiện đây.
Chín tin hậu thế sau này,
Vị Lai còn Nghiệp thời thay nối đời.
Mười tin đủ bậc cao vời,
Người tu đắc Quả có lời Phật Ngôn.
Ai ai xin ráng bảo tồn,
Noi gương Chánh Kiến trí khôn lợi mình.

-----00000-----

THẬP PHÁP Y (NƯƠNG NHỜ)

Mười điều nương đỡ đặng nhờ,
Ai tu cũng phải bao giờ tìm luôn.
Một là Giữ Giới làm nguồn,
Trau giồi Thân Ngữ luôn luôn tốt hoài.
Hai là Nghe đặng nhiều thay,
Thành người thông thái biết rày cao xa.
Ba là có Bạn Tốt mà,
Giúp nhau lợi ích trợ qua tu hành.
Bốn là Dễ Dạy khéo lanh,
Nghe theo Giáo Hóa lòng đành trọn vâng.
Năm là Siêng Sắn rất cần,
Tương tế cùng bạn trong phần xuất gia.
Sáu là không thích Pháp Tà,
Rất ưa Pháp Chánh những mà đúng chân.
Bảy là Tinh Tấn cao hơn,
Tứ Cần thường giữ làm nhân Níp Bàn.
Tám là Tri Túc tự an,
Mặc, ăn, thuốc, ở, theo đàng có ra.
Chín là Chánh Niệm cho già,
Mỗi khi làm nói điều mà biết theo.
Mười là Trí Huệ chẳng nghèo,
Thấu đáo thực tướng rành theo Pháp Hành.
Muốn cho giải thoát Từ Sinh,
Phải nhờ mười Pháp trợ thành đến nơi.

-----00000-----

THẬP KHỔ NÃO (DUKKHA 10)

Trong đời khổ sở biết bao,
Cõi nào cũng có người nào cũng mang.
Mười điều khổ não chứa chan,
Tỏ bày thức tỉnh mở đàng xét suy.
Một là trạng thái bất kỳ,
Sanh già với chết chẳng vì một ai.
Hai là tom góp khổ thay,
Buồn rầu nhiều cảnh đêm ngày khóc than.
Ba là thường trực khổ tràng,
Nóng nực lạnh lẽo bởi mang thân này.
Bốn là khổ bệnh chẳng chầy,
Bất hòa tứ đại nổi gây tật nguyên.
Năm là nóng nảy khổ duyên,
Việc chi rắc rối chẳng yên như thường.
Sáu là khổ quả bất lương,
Bởi Nghiệp chẳng tốt vẫn vương chịu hoài.
Bảy là xen trộn cả hai,
Khổ Lạc nhị chủng đi hoài cận lân.
Tám là sự khổ vì ăn,
Tìm tòi nuôi miệng đa phần hơn chi.
Chín là khổ giặc nặng nguy,
Tìm đường chạy trốn có gì là hơn.
Mười là Khổ Uẩn hằng cơn,
Năm ấm sanh diệt các đon đổi đời.

-----00000-----

THẬP PHÚC HÀNH TÔNG (Puññākiriya vatthu 10)

Mười điều hạnh phúc tâm lành,
Nhân vui tiến hóa nên hành tốt thay.
Một là Bố Thí giúp rầy,
Cúng dường cho trợ cách bày rộng tâm.
Hai là Trì Giới thật nhằm,
Ngăn ngừa tội ác lỗi lầm ít sanh.
Ba là Tu Tiến chánh thanh,
Tịnh tuệ các Pháp lối hành rộng cao.
Bốn là Cung Kính cùng nhau,

Lễ phép khiêm nhượng hợp vào tục nghi.
Năm là lựa chọn điều gì,
Chánh Tà trúng trật biết thì mới xong.
Sáu là Hồi Hướng chư vong,
Hoặc cùng cho Phước người đồng hiện nay.
Bảy là Tùy Hỷ vui thay,
Thấy nghe công đức đặng hay như làm.
Tám là Thính Pháp càng ham,
Phát sinh tịnh tuệ hằng kham tỏ tường.
Chín là Thuyết Pháp chánh phương,
Như phun châu ngọc phô trương lợi người.
Mười là tạo Chánh Kiến như,
Rọi đèn khai sáng để trừ tối tăm.
Mấy điều gọi Phước chớ lầm,
Sự vật trợ giúp cho Tâm sạch thường.

-----00000-----

THẬP PHƯỚC LUÂN HỒI

Mười điều cần nhứt chúng sanh,
Ở trong ba Cõi vòng quanh Luân Hồi.
Một là Tình Mẹ thương ôi,
Nhớ ơn nhũ bộ đèn bồi sao xong !
Hai là Nghĩa Phụ mệnh mông,
Công lao cúc dục nhọc lòng gian nan.
Ba là Chồng Vợ đôi đàng,
Mặc dù y phục nghĩa mang nặng nề.
Bốn là Nhi Tử thường lễ,
Có ra thì phải lo bề dưỡng nuôi.
Năm là Dòng Họ tới lui,
Bà con cũng phải khổ vui cảm tình.
Sáu là thân thiết Bạn mình,
Sanh tử hoạn nạn giữ gìn tương giao.
Bảy là Cửa Cái đường bao,
Hoặc nhiều hay ít tâm nào rảnh đâu.
Tám là Lộc thiếu bất câu,
Có lòng thọ hưởng nhiều sâu trong đời.
Chín là Chức Phận cao nơi,
Ham theo quyền tước khó rời mê danh.
Mười là Dục Lạc sẵn dành,

Làm cho dễ nhiệm tu hành khó hơn.
Người đòi đâu khỏi các nhân,
Ai mà có trí tìm Nhân Níp Bàn.

-----00000-----

Đặng thân Nhân Loại rất là may,
Gặp Phật ra đời cũng mấy ai,
Thính Pháp văn kinh đâu phải dễ,
Hiểu lời Phật dạy mới người hay.

Thế gian bầy báu lợi thường đòi,
Chỉ giúp cho ta đến dứt hơi,
Pháp Phật hộ trì vô lượng kiếp,
Đến cùng tận khổ mới là thôi.

Đòi là Người Cõi với hành vi,
Rốt ráo Níp Bàn chẳng có chi.
Tính kẻ bao lâu hoài chớ hết,
Được mà tận thế đó toàn vui.

Tìm tòi học hỏi lợi cho ta,
Hiểu biết rồi, phân lẽ Chánh Tà,
Phật Ngữ nay còn lưu đủ Tạng,
Giáo truyền chính đốn chấp sai ngoa.

-----00000-----

THẬP ĐỨC TÀI THIỆN TÍN

Mười điều công đức gia tài,
Của người thiện tín hằng ngày quý trau.
Một là đồng chịu cùng nhau,
Khổ vui chẳng bỏ việc nào với Tăng.
Hai là Thân Ngữ nói năng,
Các điều hành động ở ăn đàn tràng hoàng.
Ba là trọng Pháp như vàng,
Làm chi thời cũng nương đàn y Kinh.
Bốn là vui dạ sẵn gìn,
Tùy theo sức có lòng tin cúng dường.
Năm là cần mẫn cho thường,
Học trong Phật Giáo theo đường Pháp cao.

Sáu là Chánh Kiến hằng trau,
 Xét theo lý Pháp nâng cao tinh thần.
 Bảy là xa lánh tín xằng,
 Điềm cho hay trước với phần hên xui.
 Tám là dầu thác vẫn vui,
 Không đành tín ngưỡng tới lui đạo ngoài.
 Chín là đoàn kết chớ phai,
 Xả giao bạn Pháp thường hoà hoà nhau.
 Mười là chẳng dối chút nào,
 Quy y Tam Bảo Phước cao quý mầu.
 Khuyên cùng thiện tín đâu đâu,
 Thấy đều học biết sẽ hầu lợi chung.

-----00000-----

LỜI PHỤC NGUYỆN CỦA DỊCH GIẢ

Với tài trí bất khả tỷ giáo của Ngài Đại Trưởng Lão **SADDHAMMA JOTIKA** đã hình thành trí tuệ sắc bén, soạn tác bộ sách Chú Giải này, luôn cả toàn bộ Tạng Vô Tỷ Pháp vô cùng quý báu. Tất cả Nhân Thiên kính cung trí kính lễ ân đức sâu dày của Ngài Đại Trưởng Lão.

Ngưỡng mong trí tuệ đặc thù mà Ngài có được, xin được thâm nhập và khái trí vào sở học sở cầu Kỳ Hạ, và vun bồi Tam Thập Pháp Ba La Mật hạnh Trí Tuệ xuyên suốt cho đến ngày chứng đắc Quả vị Chánh Đẳng Giác.

Ngưỡng mong công đức phiên dịch bộ sách Chú Giải **Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp** (Tập III – Chương Thứ Năm / Quyển III), hội túc duyên Phước Báu to lớn, xin thành tâm chấp thủ trí kính lễ và kính dâng Quả Phước Báu thanh cao này hướng đến hai bậc Ân Sư, Ngài Đại Trưởng Lão TỊNH SỰ (**SANTAKICCO MAHĀ THERA**), và Ngài Đại Trưởng Lão SIÊU VIỆT (**ULĀRO MAHĀ THERA**) với tất cả lòng thành kính của con.

Ngưỡng mong công đức phiên dịch bộ sách Chú Giải **Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp** (Tập III – Chương Thứ Năm / Quyển III), hội đủ túc duyên Phước Báu to lớn, xin thành kính dâng Quả Phước thanh cao này hướng đến Song Thân trí kính của con (Cha: Lê Văn Bé / Mẹ: Võ Thị Lý), Cô Tư Tu Nữ Phạm Thị Yên kính thương (Chùa Siêu Lý – Phú Định – Quận 6), Cô Diệu Pháp (thế danh là Vũ Thị Phương, Annapolis – Maryland), đến tất cả Chư Thiên hoan hỷ thù từ hộ trì Chánh Pháp, đến tất cả những bậc Hữu Ân Phật Tử đã ủng hộ cho việc đánh máy, điều chỉnh, bổ túc với tất cả những kỹ năng kỳ công và phát hành bộ sách Chú Giải **Tổng Hợp Nội Dung Vô**

Tỳ Pháp (Tập III – Chương Thứ Năm / Quyển III), và chí đến toàn thể quý Phật Tử hữu duyên trong Chánh Pháp luôn được an vui trong Cảnh Quả Phước như ý nguyện mong cầu, đồng nhau cả thấy.

Ngưỡng mong **ÂN ĐỨC PHÁP BẢO** luôn mãi được tồn tại lâu dài cho đến năm ngàn năm, đem lợi lạc thù thắng vi diệu đến tất cả Chư Thiên, Chư Phạm Thiên, Nhân Loại và tất cả chúng sanh.

(Anumodanā, Anumodanā, Anumodanā).

Với tấm lòng Từ Ái,
Mettāparamatthapāramī

Hết lòng kính,
Bhikkhu PASĀDO

Sādhu, Sādhu, Sādhu

-----00000-----

*Bồ Thí, Pháp Thí vô song
Hương thơm thù thắng chẳng đồng Pháp Hương.
Bậc Trí biết cách cúng dường
Kiên trì chân chánh, con đường phúc vinh.*

In this world, there are three things of value for one who gives...

Before giving, the mind of the giver is happy.

While giving, the mind of the giver is peaceful.

After giving, the mind of the giver is uplifted.

A 6.37

Gió Từ quét sạch rừng phiền não,

Mưa Pháp trôi đùa áng lợi danh.

-----00000-----

**SABBADĀNAM DHAMMĀNAM JINĀTI
PHÁP THÍ THÙ THẮNG HƠN MỌI THỂ GIAN THÍ**

-----00000-----

VÔ NHÂN KÍCH XÚC ĐẠO QUẢ NAN THÀNH

Không Người Công Kích - Đạo Quả Khó Thành



VIETNAMESE AMERICAN MAHASI MEDITATION CENTER
CATUDDISA SAṄGHA VIHĀRA - TÚ PHƯƠNG TĂNG TỰ
 5044 Old Shipp's Store Rd., Bealeton, VA 22712 – USA

PHƯƠNG DANH THÍ CHỦ CÚNG DƯỜNG
ẤN TỔNG KINH SÁCH
TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP (Tập III - CHƯƠNG V - Quyển III)

Huỳnh Ngọc Đỉnh	\$50.00
Gia đình Phạm Hữu Minh & Tường Vân	\$300.00
<i>Xin hồi hướng cho ông Phạm Hữu Nhơn, pháp danh Tâm Tịnh</i>	
Phạm Hữu Anh, Ngô Nguyễn Nghiêm Minh và Phạm Minh Tuệ Albert	\$200.00
Tâm Bảo & Gia Đình	\$100.00
Tịnh Nhân	\$100.00
Phương Trần	\$100.00
Bình Ngọc Brewster	\$100.00
Lý Thị Thủy Tiên	\$60.00
<i>Xin hồi hướng đến Cửu Huyền Thất Tổ, Ông Bà, Chưa Lý Chiêu Phong và Mẹ Lâm Đông Phi</i>	
Tu nữ Tịnh Nhẫn	\$100.00
Đức Huỳnh, Thảo Trần & Đan Huỳnh	\$200.00
<i>Xin hồi hướng cho Ông Huỳnh Anh Kiệt & Ông Huỳnh Anh Tài</i>	
Tu nữ Tịnh An	\$200.00
Tâm Lạc & Tâm Hỷ	\$200.00
Hoa Võ	\$100.00
Hương Võ & Gia Đình	\$100.00
Tiên Mã, Minh Mã, Uyên Mã, Quan Mã	\$100.00
Dũng Mã	\$100.00
Thiên-Hương Hoàng	\$100.00
Nguyệt Quang & Từ Mẫn	\$300.00
Chúc Nguyên	\$50.00
Niệm Tín Phúc	\$202.00
Lê Kim Dung	\$100.00
<i>Xin hồi hướng cho Ông Lê Văn Vốn, Bà Nguyễn Thị Anh, Lê Hiền Sĩ</i>	
Thuận Trần	\$20.00

-----0000-----

Sādhu! Sādhu! Sādhu!
Lành thay! Lành thay! Lành thay!



Kinh sách đã được in ấn và phát hành:

- 1) ÂN ĐỨC TAM BẢO (500 QUYỂN)
- 2) NHỮNG PHÁP THOẠI CỦA ĐẠI TRƯỞNG LÃO JATILA (1000 QUYỂN)
- 3) CHÚ GIẢI BỘ PHÁP TỤ - PHÂN TÍCH (1000 QUYỂN)
- 4) TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP -
 - TẬP I - CHƯƠNG I, II & III (1000 QUYỂN) - TỔNG HỢP TÂM, TÂM SỞ & LINH TINH
 - TẬP II - CHƯƠNG IV (200 QUYỂN) - LỘ TRÌNH TÂM
 - TẬP III - CHƯƠNG V (QUYỂN I - QUYỂN II - QUYỂN III (100 QUYỂN)) - TỔNG HỢP THOÁT LY LỘ TRÌNH
- 5) GIÁO ÁN TRƯỞNG BỘ KINH (1000 QUYỂN)
- 6) GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH - TẬP I (500 QUYỂN)
- 7) GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ - TẬP I (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (500 QUYỂN)
- 8) GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ - TẬP II (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (500 QUYỂN)
- 9) KINH KIẾT TƯỜNG (500 QUYỂN)
- 10) KINH KIẾT TƯỜNG - TÁI BẢN (200 QUYỂN)
- 11) KINH ĐẠI PHÁT THÚ (TRỌN BỘ: TẬP I - TẬP V, 200 QUYỂN)
- 12) AN TỊNH THÙ THẮNG ĐẠO (200 QUYỂN)
- 13) BIÊN NIÊN SỬ CỦA CHƯ PHẬT - TẬP I (300 QUYỂN)
- 14) BIÊN NIÊN SỬ CỦA CHƯ PHẬT - TẬP I • PHẦN I • CHÚ MINH I (200 QUYỂN)
- 15) BIÊN NIÊN SỬ CỦA CHƯ PHẬT - TẬP I • PHẦN I • CHÚ MINH II (200 QUYỂN)

Kinh sách sắp được in ấn và sẽ phát hành:

- * TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP -
 - TẬP IV - CHƯƠNG VI & VII - TỔNG TÍCH SẮC PHÁP (100 QUYỂN)
 - TẬP V - CHƯƠNG VIII - PHÁT THÚ (DUYÊN SINH-DUYÊN HỆ) (100 QUYỂN)
- * BIÊN NIÊN SỬ CỦA CHƯ PHẬT - TẬP I • PHẦN I • CHÚ MINH III (100 QUYỂN)
- * CHÚ GIẢI THANH TỊNH ĐẠO (100 QUYỂN)
- * CHÚ GIẢI TỨ NIỆM XỨ (100 QUYỂN)
- * TẶNG VÔ TỶ PHÁP (*Abhidhamma Pitaka*)
 - 1) PHÁP TỤ & CHÚ GIẢI (100 QUYỂN)
 - 2) PHÂN TÍCH & CHÚ GIẢI (100 QUYỂN)
- * GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH - TẬP II (500 QUYỂN)
- * GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH - TẬP III (500 QUYỂN)
- * GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ - TẬP III (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (500 QUYỂN)

